

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI



ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TỪ XA THEO MÔ HÌNH HỌC TẬP
KẾT HỢP TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC – HỆ VỪA LÀM VỪA HỌC
NGÀNH QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-TĐHHN, ngày tháng năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)*

Hà Nội, năm 2020

MỤC LỤC

1. Triết học Mác - Lênin.....	1
2. Kinh tế Chính trị Mác – Lê nin.....	11
3. Chủ nghĩa xã hội khoa học	18
4. Tư tưởng Hồ Chí Minh.....	28
5. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.....	41
6. Pháp luật đại cương	47
7. Kỹ năng mềm	56
8. Phong thủy trong quy hoạch đất đai	62
9. Xã hội học đại cương.....	68
10. Địa lý kinh tế Việt Nam.....	73
11. Tiếng anh 1	78
12. Tiếng anh 2	88
13. Tiếng Anh 3.....	95
14. Toán cao cấp 1	102
15. Toán cao cấp 2.....	106
16. Tin học đại cương	110
17. Hóa học đại cương.....	118
18. Xác suất thống kê	125
19. Trắc địa cơ sở	129
20. Đo đạc địa chính.....	139
21. Khoa học đất.....	148
22. Quản lý Tài nguyên Môi trường.....	155
23. Hệ thống thông tin địa lý	160
24. Quản lý Nhà nước về đất đai	167
25. Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội	175
26. Quản lý và sử dụng đất trong điều kiện biến đổi khí hậu.....	182
27. Sử dụng đất và kinh tế đất	187
28. Bản đồ học	193
29. Quy hoạch nông nghiệp và phát triển nông thôn.....	201
30. Lập và Quản lý dự án đầu tư trong lĩnh vực đất đai	207

31. Hóa học đất.....	212
32. Đánh giá đất.....	218
33. Quy hoạch đô thị	224
34. Cơ sở viễn thám.....	230
35. Quy hoạch cảnh quan	236
36. Đánh giá tác động môi trường.....	242
37. Chính sách đất đai	247
38. Tiếng anh chuyên ngành.....	254
39. Thống kê đất đai	258
40. Giao đất	265
41. Đăng ký đất đai.....	271
42. Cơ sở dữ liệu đất đai.....	277
43. Thanh tra đất đai và xây dựng	282
44. Tin học ứng dụng trong quản lý đất đai 1.....	290
45. Tin học ứng dụng trong quản lý đất đai 2.....	297
46. Thực tập Trắc địa cơ sở	306
47. Thực tập Đo đạc địa chính.....	312
48. Thực tập Đăng ký thống kê đất đai.....	317
49. Quy hoạch sử dụng đất	322
50. Định giá đất	327
51. Tài chính đất đai	332
52. Quản lý thị trường bất động sản	337
53. Dịch vụ công về đất đai	342
54. Kỹ năng nghề nghiệp trong quản lý đất đai.....	348
55. Thực tập Quy hoạch sử dụng đất.....	354
56. Thực tập tin học ứng dụng trong quản lý đất đai.....	358
57. Thực tập tốt nghiệp.....	362
58. Khóa luận tốt nghiệp	366
59. Chuyên đề Quản lý đất đai tổng hợp	369

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - * Tiếng Việt : **Triết học Mác - Lênin**
 - * Tiếng Anh : **Philosophy of Marxism Leninism**
- Mã học phần : LCML2101
- Số tín chỉ : 03
- Hình thức học : Học từ xa theo phương pháp trực tuyến
- Đối tượng học : Sinh viên ngành Quản lý đất đai trình độ đại học hệ vừa làm vừa học
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☑		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☐					Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☐			
Bắt buộc ☑	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐		

- Các học phần tiên quyết/học trước: không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động : 45 tiết
 - * Nghe giảng lý thuyết : 30 tiết
 - * Bài tập : 0 tiết
 - * Thảo luận, hoạt động nhóm : 14 tiết
 - * Kiểm tra : 1 tiết
- Thời gian tự học : 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Mác Lênin, Khoa Lý luận Chính trị

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức:
 - + Trình bày và phân tích được những kiến thức căn bản, hệ thống về triết học Mác – Lênin
 - + Nhận thức được thực chất giá trị, bản chất khoa học, cách mạng của triết học Mác – Lênin

- *Về kỹ năng*: Vận dụng được một số vấn đề lý luận vào thực tiễn học tập và cuộc sống.
- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*:

NL1: Có năng lực nhận thức vấn đề theo thế giới quan duy vật, phương pháp luận biện chứng và nhân sinh quan cách mạng, góp phần hình thành nhân cách người học theo chuyên ngành được đào tạo.

NL2: Có năng lực tự học, tích lũy kiến thức và kỹ năng; có năng lực lập kế hoạch, điều phối và phát huy trí tuệ tập thể

3. Tóm tắt nội dung học phần

Chương 1 trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác -Lênin, và vai trò của triết học Mác-Lênin trong đời sống xã hội. Chương 2 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm vấn đề vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng. Chương 3 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm vấn đề hình thái kinh tế xã hội; giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng xã hội; ý thức xã hội; triết học về con người.

4. Học liệu điện tử

4.1. Học liệu chính (HLC)

Bộ Giáo dục và Đào tạo (2019), *Giáo trình triết học Mác-Lênin* trình độ đại học khối các ngành ngoài lý luận chính trị (theo Quyết định số 4980 – QĐ/BGDĐT ngày 23/12/2019)

4.2. Học liệu bổ trợ (HLBT)

1. Bài giảng Triết học Mác-Lênin (năm 2020) - Bộ môn Mác - Lênin, Khoa Lý luận Chính trị, Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

2. Nguyễn Văn Sanh, *Hỏi đáp về thế giới quan, phương pháp luận triết học của chủ nghĩa Mác- Lênin: Dành cho sinh viên các trường đại học, cao đẳng, học viện*. Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2016.

3. Vũ Trọng Dung, *Giáo trình triết học Mác-Lênin – Tập 1*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2009.

4. Vũ Trọng Dung, *Giáo trình triết học Mác-Lênin – Tập 2*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2009.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☒	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☒	Tình huống	☐
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☐
Phân tích, xử lý số liệu	☐	Trình bày báo cáo khoa học	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuẩn bị các điều kiện học từ xa (máy tính, camera, micro có kết nối mạng Internet)
- Dự lớp: Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập
- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm
- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo chế độ hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1.

- Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☒ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Tổ chức kiểm tra, đánh giá theo hình thức trực tiếp tại Trường hoặc tại các cơ sở khác.
- Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thực hành ☐ Vấn đáp ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. TRIẾT HỌC VÀ VAI TRÒ CỦA TRIẾT HỌC TRONG ĐỜI SỐNG XÃ HỘI	07		03	10	20	- Đăng nhập hệ thống học trực tuyến - vào phòng học ảo đúng giờ
I. Triết học và vấn đề cơ bản của triết học	4		2	6	12	
1. Khái lược về triết học <i>a. Nguồn gốc triết học</i> <i>b. Khái niệm triết học</i> <i>c. Vấn đề đối tượng của triết học trong lịch sử</i>	1			1	2	Đọc HLC chương 1, Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>d. Triết học - hạt nhân lý luận của thế giới quan</i>						
2. Vấn đề cơ bản của triết học <i>a. Nội dung vấn đề cơ bản của triết học</i> <i>b. Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy tâm</i> <i>c. Thuyết có thể biết (Thuyết Khả tri) và thuyết không thể biết (Thuyết Bất khả tri)</i>	2		2	4	8	
3. Biện chứng và siêu hình <i>a. Khái niệm biện chứng và siêu hình trong lịch sử</i> <i>b. Các hình thức của phép biện chứng trong lịch sử</i>	1			1	2	
II. Triết học Mác-Lênin và vai trò của triết học Mác- Lênin trong đời sống xã hội	3		1	4	8	
1. Sự ra đời và phát triển của triết học Mác-Lênin <i>a. Những điều kiện lịch sử của sự ra đời triết học Mác</i> <i>b. Những thời kỳ chủ yếu trong sự hình thành và phát triển của Triết học Mác</i> <i>c. Thực chất và ý nghĩa cuộc cách mạng trong triết học do C.Mác và Ph.Ăngghen thực hiện</i> <i>d. Giai đoạn Lênin trong sự phát triển Triết học Mác</i>	1		1	2	4	
2. Đối tượng và chức năng của triết học Mác-Lênin <i>a. Khái niệm triết học Mác - Lênin</i>	1			1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>b. Đối tượng của triết học Mác – Lênin</i> <i>c. Chức năng của triết học Mác - Lênin</i>						
3. Vai trò của triết học Mác-Lênin trong đời sống xã hội và trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay <i>a. Triết học Mác - Lênin là thế giới quan, phương pháp luận khoa học và cách mạng cho con người trong nhận thức và thực tiễn</i> <i>b. Triết học Mác - Lênin là cơ sở thế giới quan và phương pháp luận khoa học và cách mạng để phân tích xu hướng phát triển của xã hội trong điều kiện cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại phát triển mạnh mẽ.</i> <i>c. Triết học Mác - Lênin là cơ sở lý luận khoa học của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội trên thế giới và sự nghiệp đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.</i>	1			1	2	
Chương 2. CHỦ NGHĨA DUY VẬT BIỆN CHỨNG	12		6	18	36	
I. Vật chất và ý thức	3		1	4	8	- Đăng nhập hệ thống học trực tuyến - vào phòng học ảo đúng giờ Đọc HLC chương 2, Chuẩn bị bài, tự học và
1. Vật chất và các hình thức tồn tại của vật chất <i>a. Quan niệm của chủ nghĩa duy tâm và chủ nghĩa duy vật trước C.Mác về phạm trù vật chất</i>	1			1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>b. Cuộc cách mạng trong khoa học tự nhiên cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX và sự phá sản của các quan điểm duy vật siêu hình về vật chất</i> <i>c. Quan niệm của triết học Mác - Lênin về vật chất</i> <i>d. Các hình thức tồn tại của vật chất</i> <i>e. Tính thống nhất vật chất của thế giới</i>						thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
2. Nguồn gốc, bản chất và kết cấu của ý thức <i>a. Nguồn gốc của ý thức</i> <i>b. Bản chất của ý thức</i> <i>c. Kết cấu của ý thức</i>	1			1	2	
3. Mối quan hệ giữa vật chất và ý thức <i>a. Quan điểm của chủ nghĩa duy tâm và chủ nghĩa duy vật siêu hình</i> <i>b. Quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng</i>	1		1	2	4	
II. Phép biện chứng duy vật	6		3	9	18	
1. Hai loại hình biện chứng và phép biện chứng duy vật <i>a. Biện chứng khách quan và biện chứng chủ quan</i> <i>b. Khái niệm phép biện chứng duy vật</i>	1			1	2	
2. Nội dung của phép biện chứng duy vật <i>a. Hai nguyên lý của phép biện chứng duy vật</i> <i>b. Các cặp phạm trù cơ bản của phép biện chứng duy vật</i>	5		3	8	16	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
c. Các quy luật cơ bản của phép biện chứng duy vật						
III. Lý luận nhận thức	3		2	5	10	
1. Các nguyên tắc của lý luận nhận thức duy vật biện chứng	0.5			0.5	1	
2. Nguồn gốc, bản chất của nhận thức	0.5		1	3.5	3	
3. Thực tiễn và vai trò của thực tiễn đối với nhận thức	1		1	2	4	
4. Các giai đoạn cơ bản của quá trình nhận thức	0.5			0.5	1	
5. Tính chất của chân lý	0.5			0.5	1	
Chương 3. CHỦ NGHĨA DUY VẬT LỊCH SỬ	11		5	16	32	- Đăng nhập hệ thống học trực tuyến - vào phòng học ảo đúng giờ
I. Học thuyết hình thái kinh tế-xã hội	3		2	5	10	
1. Sản xuất vật chất là cơ sở của sự tồn tại và phát triển xã hội	0.5			0.5	1	
2. Biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất a. Phương thức sản xuất b. Quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất	1		1	2	4	Đọc HLC chương 3, Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
3. Biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng của xã hội a. Khái niệm cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng của xã hội b. Quy luật về mối quan hệ biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng của xã hội	1			1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
4. Sự phát triển các hình thái kinh tế - xã hội là một quá trình lịch sử - tự nhiên <i>a. a. Phạm trù hình thái kinh tế - xã hội</i> <i>b. Tiến trình lịch sử - tự nhiên của xã hội loài người</i> <i>c. Giá trị khoa học bền vững và ý nghĩa cách mạng</i>	0.5		1	1.5	3	
II. Giai cấp và dân tộc	2			3	6	
1.Vấn đề giai cấp và đấu tranh giai cấp <i>a. Giai cấp</i> <i>b. Đấu tranh giai cấp</i> <i>c. Đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản</i>	1			1	2	
2. Dân tộc <i>a. Các hình thức cộng đồng người trước khi hình thành dân tộc</i> <i>b. Dân tộc - hình thức cộng đồng người phổ biến hiện nay</i>	0.5			0.5	1	
3. Mối quan hệ giai cấp - dân tộc - nhân loại <i>a. Quan hệ giai cấp- dân tộc</i> <i>b. Quan hệ giai cấp, dân tộc với nhân loại</i>	0.5			0.5	1	
III. Nhà nước và cách mạng xã hội	2			2	4	
1. Nhà nước <i>a. Nguồn gốc của nhà nước</i> <i>b. Bản chất của nhà nước</i> <i>c. Đặc trưng cơ bản của nhà nước</i> <i>d. Chức năng cơ bản của nhà nước</i> <i>e. Các kiểu và hình thức nhà nước</i>	1			1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2. Cách mạng xã hội <i>a. Nguồn gốc của cách mạng xã hội</i> <i>b. Bản chất của cách mạng xã hội</i> <i>c. Phương pháp cách mạng</i> <i>d. Vấn đề cách mạng xã hội trên thế giới hiện nay</i>	1			1	2	
IV. Ý thức xã hội	2		1	3	6	
1. Khái niệm tồn tại xã hội và các yếu tố cơ bản của tồn tại xã hội <i>a. Khái niệm tồn tại xã hội</i> <i>b. Các yếu tố cơ bản của tồn tại xã hội</i>	1			1	2	
2. Ý thức xã hội và kết cấu của ý thức xã hội <i>a. Khái niệm ý thức xã hội</i> <i>b. Kết cấu của ý thức xã hội</i> <i>c. Tính giai cấp của ý thức xã hội</i> <i>d. Quan hệ biện chứng giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội</i> <i>e. Các hình thái ý thức xã hội</i>	1		1	2	4	
V. Triết học về con người	2		2	4	8	
1. Khái niệm con người và bản chất con người <i>a. Con người là thực thể sinh học - xã hội</i> <i>b. Con người là sản phẩm củalịch sử và của chính bản thân con người</i> <i>c. Con người vừa là chủ thể của lịch sử, vừa là sản phẩm của lịch sử</i> <i>d. Bản chất con người là tổng hòa các quan hệ xã hội</i>	0.5			0.5	1	
2. Hiện tượng tha hóa con người và vấn đề giải phóng con người	0.5		1	1.5	3.0	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>a. Thực chất của hiện tượng tha hóa con người là lao động của con người bị tha hóa</i> <i>b. Vĩnh viễn giải phóng toàn thể xã hội khỏi ách bóc lột, ách áp bức</i> <i>c. Sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người</i>						
3. Quan hệ cá nhân và xã hội; vai trò của quần chúng nhân dân và lãnh tụ trong lịch sử. <i>a. Quan hệ giữa cá nhân và xã hội</i> <i>b. Vai trò của quần chúng nhân dân và lãnh tụ trong lịch sử</i>	0.5			0.5	1.0	
4. Vấn đề con người trong sự nghiệp cách mạng ở Việt Nam	0.5		1	1.5	3	
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	30		15	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:

* Tiếng Việt : **Kinh tế Chính trị Mác – Lê nin**

* Tiếng Anh : **Political Economy Marxist Leninism**

- Mã học phần : LCML2102

- Số tín chỉ : 02

- Hình thức học : Học từ xa theo phương pháp trực tuyến

- Đối tượng học : Sinh viên ngành Quản lý đất đai trình độ đại học hệ vừa làm vừa

học

- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☑		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☐				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☐		
Bắt buộc ☑	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	

- Các học phần tiên quyết/học trước : Triết học Mác - Lênin

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động : 30 tiết

* Nghe giảng lý thuyết : 20 tiết

* Bài tập : 0 tiết

* Thảo luận, hoạt động nhóm : 09 tiết

* Kiểm tra : 01 tiết

- Thời gian tự học : 60 giờ

- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Mác Lênin, Khoa Lý luận Chính trị

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức*: Trình bày và phân tích được lý luận cơ bản nhất của Kinh tế chính trị Mác – Lê nin.

- *Về kỹ năng*: Vận dụng được những kiến thức đã học vào thực tiễn học tập và công tác.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ NL1: Có năng lực hình thành tư duy phân tích và nhận diện bản chất của các quan hệ kinh tế góp phần hình thành niềm tin và lý tưởng cách mạng trong nền kinh tế thị trường, định hướng XHCN ở nước ta hiện nay.

+ NL2: Có năng lực tự học, tích lũy kiến thức, kỹ năng, lập kế hoạch, điều phối và phát huy trí tuệ tập thể.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Căn cứ vào mục tiêu môn học, nội dung chương trình môn học được cấu trúc thành 6 chương:

- Chương 1 trình bày về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác – Lê nin

- Chương 2,3,4 trình bày các nội dung về hàng hóa, thị trường, giá trị thặng dư, cạnh tranh, độc quyền và sự vận động của các vấn đề đó trong điều kiện kinh tế thị trường hiện nay.

- Chương 5, 6 trình bày những nội dung về nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, các quan hệ lợi ích kinh tế, công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam

4. Học liệu điện tử

4.1. Học liệu chính (HLC)

Bộ Giáo dục và Đào tạo (2019), *Giáo trình kinh tế chính trị Mác-Lênin*, dành cho bậc đại học – không chuyên lý luận chính trị. (theo Quyết định số 4980 – QĐ/BGDĐT ngày 23/12/2019)

4.2. Học liệu bổ trợ (HLBT)

1. Bài giảng Kinh tế chính trị (năm 2020) - Bộ môn Mác - Lênin, Khoa Lý luận Chính trị, Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2008), *Giáo trình Kinh tế chính trị Mác-Lênin: Dành cho các khối ngành không chuyên Kinh tế- Quản trị kinh doanh trong các trường đại học, cao đẳng*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.

3. Chu Văn Cấp, *Giáo trình Kinh tế chính trị Mác-Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa*. Nxb. Chính trị - Hành chính, Hà Nội, 2011

4. Chu Văn Cấp, *Giáo trình Kinh tế chính trị Mác-Lênin về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*. Nxb. Chính trị - Hành chính, Hà Nội, 2011

5. Đảng Cộng Sản Việt Nam (2016), Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình



Phát vấn



Đàm thoại



Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☒	Tình huống	☐
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☐
Phân tích, xử lý số liệu	☐	Trình bày báo cáo khoa học	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuẩn bị các điều kiện học từ xa (máy tính, camera, micro có kết nối mạng Internet)

- Dự lớp: Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập
- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm
- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên - Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1.

Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☒ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Tổ chức kiểm tra, đánh giá theo hình thức trực tiếp tại Trường hoặc tại các cơ sở khác.
- Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thực hành ☐ Vấn đáp ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP VÀ CHỨC NĂNG CỦA KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC LÊ NIN	2				2	-Đăng nhập hệ thống học trực tuyến - vào phòng học ảo đúng giờ
1.1. Khái quát sự hình thành và phát triển của kinh tế chính trị Mác Lênin.	0.5			0,5	1	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1.2. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu của kinh tế chính trị Mác Lên nin Hàng hoá 1.2.1. Đối tượng nghiên cứu của kinh tế chính trị Mác Lên nin 1.2.2. Phương pháp nghiên cứu của kinh tế chính trị Mác Lên nin	1			1	2	- Đọc HLC chương 1 - Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
1.3. Chức năng của kinh tế chính trị Mác Lê nin Tiền tệ 1.3.1. Chức năng nhận thức 1.3.2. Chức năng tư tưởng 1.3.3. Chức năng thực tiễn 1.3.4. Chức năng phương pháp luận	0,5			0,5	1	Đọc HLBT số 1
Chương 2. HÀNG HÓA, THỊ TRƯỜNG VÀ VAI TRÒ CỦA CÁC CHỦ THỂ THAM GIA THỊ TRƯỜNG	4		2	6	30	Đăng nhập hệ thống học trực tuyến - vào phòng học ảo đúng giờ
2.1. Lý luận của Các Mác về sản xuất hàng hóa và hàng hóa 2.1.1. Sản xuất hàng hóa 2.1.2. Hàng hóa 3.1.3. Tiền 3.1.4. Dịch vụ và một số loại hàng hóa đặc biệt	2		1	3	6	- Đọc HLC chương 2 - Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
2.2. Thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường 2.2.1. Thị trường 2.2.2. Vai trò của một số chủ thể chính tham gia thị trường	2		1.0	3	6	Đọc HLBT số 2
Chương 3. GIÁ TRỊ THẶNG DƯ TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG	5		2	7	14	Đăng nhập hệ thống học trực tuyến - vào

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
3.1. Lý luận của Mác về giá trị thặng dư 3.1.1. Nguồn gốc giá trị thặng dư 3.1.2. Bản chất giá trị thặng dư 3.1.3. Các phương pháp sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa	2,0		1.0	3.0	6	phòng học ảo đúng giờ - Đọc TLC chương 3 - Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
3.2. Tích lũy tư bản 3.2.1. Bản chất của tích lũy tư bản 3.2.2. Những nhân tố góp phần làm tăng quy mô tích lũy tư bản	1,5		0,5	2	4	Đọc HLBT số 2, số 3
3.3. Các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường 3.3.1. Lợi nhuận 3.3.2. Lợi tức 3.3.3. Địa tô tư bản chủ nghĩa	1,5		0,5	2	4	
Chương 4. CẠNH TRANH VÀ ĐỘC QUYỀN TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG	3		1	4	8	
4.1. Quan hệ giữa cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường	1			1	2	Đăng nhập hệ thống học trực tuyến - vào phòng học ảo đúng giờ - Đọc HLC chương 4
4.2. Độc quyền và độc quyền nhà nước trong nền kinh tế thị trường 4.2.1. Lý luận của Lê Nin về độc quyền trong nền kinh tế thị trường 4.2.2. Lý luận của Lê Nin về độc quyền nhà nước trong CNTB	2		1	3	6	- Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên Đọc HLBT số 3
Chương 5. KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XHCN VÀ CÁC QUAN HỆ LỢI ÍCH KINH TẾ Ở VIỆT NAM	3		2	5	10	Đăng nhập hệ thống học trực tuyến - vào phòng học ảo đúng giờ
5.1. Kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam 5.1.1. Khái niệm kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam	1		0.5	1.5	3	- Đọc HLC chương 5

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
5.1.2. Tính tất yếu khách quan của việc phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam 5.1.3. Đặc trưng của nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam						- Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
5.2. Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam 5.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam 5.2.2. Nội dung hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam	1		0.5	1.5	3	Đọc HLBT số 3
5.3. Các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam 5.3.1. Lợi ích kinh tế và quan hệ lợi ích kinh tế 5.3.2. Vai trò nhà nước trong đảm bảo hài hòa các quan hệ lợi ích	1		1.0	2	4	
Chương 6. CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA VÀ HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ Ở VIỆT NAM	3		2	5	10	Đăng nhập hệ thống học trực tuyến - vào phòng học ảo đúng giờ
6.1. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam 6.1.1. Khái quát cách mạng công nghiệp và công nghiệp hóa 6.1.2. Tính tất yếu khách quan và nội dung của công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam 6.1.3. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ 4	1,5		1	2,5	5	- Đọc HLC chương 6 - Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
6.2. Hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam 6.2.1. Khái niệm và các nội dung hội nhập kinh tế quốc tế 6.2.2. Tác động của hội nhập kinh tế quốc tế đến phát triển của Việt Nam	1.5		1	2.5	5	Đọc HLBT số 3

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
6.2.3. Phương hướng nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế trong phát triển của Việt Nam						
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	20		10	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - * Tiếng Việt : **Chủ nghĩa xã hội khoa học**
 - * Tiếng Anh : **Science socialism**
- Mã môn học : LCML2103
- Số tín chỉ : 02
- Hình thức học : Học từ xa theo phương pháp trực tuyến
- Đối tượng học: Sinh viên ngành Quản lý đất đai trình độ đại học hệ vừa làm vừa học
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☒		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☐					Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☐			
Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐		

- Các học phần tiên quyết /học trước: Triết học Mác – Lênin và Kinh tế chính trị Mác – Lênin.

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động : 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết : 20 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 09 tiết
 - Kiểm tra : 01 tiết
- Thời gian tự học : 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Mác - Lênin, Khoa Lý luận chính trị

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức*: Trình bày và phân tích được những tri thức cơ bản, cốt lõi nhất về Chủ nghĩa xã hội khoa học, một trong ba bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác - Lênin.

- *Về kỹ năng*: Vận dụng các tri thức cơ bản về Chủ nghĩa xã hội khoa học để phân tích và đánh giá một số vấn đề chính trị xã hội liên quan tới chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*:

NL1: Có năng lực hình thành tư duy phân tích, đánh giá và nhận diện bản chất các quan hệ chính trị - xã hội, góp phần hình thành niềm tin, lý tưởng cách mạng và xây dựng trách nhiệm xã hội phù hợp với vị trí việc làm và cuộc sống sau khi ra trường

NL2: Có năng lực tự học, tích lũy kiến thức và kỹ năng; có năng lực lập kế hoạch, điều phối và phát huy trí tuệ tập thể

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung môn học gồm 7 chương, ngoài khái quát sự ra đời và phát triển chủ nghĩa xã hội khoa học, nội dung cơ bản của chủ nghĩa xã hội khoa học bao gồm: sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa, cơ cấu xã hội giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

4. Học liệu điện tử

4.1. Học liệu chính (HLC)

Bộ Giáo dục và Đào tạo (2019), *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học*, dành cho bậc đại học – không chuyên lý luận chính trị. (theo Quyết định số 4980 – QĐ/BGDĐT ngày 23/12/2019)

4.2. Học liệu bổ trợ (HLBT)

1. Bài giảng Chủ nghĩa xã hội khoa học (năm 2020) - Bộ môn Mác - Lênin, Khoa Lý luận Chính trị, Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

2. Trịnh Quốc Tuấn, *Giáo trình Chủ nghĩa Xã Hội Khoa học*, Nxb Chính trị - Hành chính, Hà Nội, 2011

3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2008), *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☒	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☒	Tình huống	☐
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☐
Phân tích, xử lý số liệu	☐	Trình bày báo cáo khoa học	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuẩn bị các điều kiện học từ xa (máy tính, camera, micro có kết nối mạng Internet)
- Dự lớp: Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập
- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm
- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1.

Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☒ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Tổ chức kiểm tra, đánh giá theo hình thức trực tiếp tại Trường hoặc tại các cơ sở khác.
- Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thực hành ☐ Vấn đáp ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)				Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(2)	(3)	(4)	(5)		(7)	(8)
Chương mở đầu:NHẬP MÔN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC	2			2	4	Đăng nhập hệ thống học trực tuyến - vào phòng học ảo đúng giờ
1. Sự ra đời của Chủ nghĩa Xã hội khoa học <i>1.1 Hoàn cảnh lịch sử ra đời chủ nghĩa xã hội khoa học</i>	1			1	2	- Đọc HLC chương 1 - Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)				Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(2)	(3)	(4)	(5)		(7)	(8)
1.2 Vai trò của Các Mác và Phridrich Ănghen						hướng dẫn của giảng viên
2. Các giai đoạn phát triển của Chủ nghĩa xã hội khoa học 2.1 Các Mác và Anghen phát triển chủ nghĩa xã hội khoa học 2.2. V.I. Lênin vận dụng và phát triển Chủ nghĩa xã hội khoa học trong điều kiện mới 2.3. Sự vận dụng và phát triển sáng tạo của Chủ nghĩa xã hội khoa học khi Lênin qua đời đến nay	0.5			0.5	1	
3. Đối tượng, phương pháp ý nghĩa của việc nghiên cứu Chủ nghĩa xã hội khoa học 3.1 Đối tượng nghiên cứu của Chủ nghĩa xã hội khoa học 3.2 Phương pháp nghiên cứu của Chủ nghĩa xã hội khoa học 3.3. Ý nghĩa việc nghiên cứu Chủ nghĩa xã hội khoa học	0.5			0.5	1	
Chương 2: SỬ MỆNH LỊCH SỬ CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN	3		1	4	8	Đăng nhập hệ thống học trực tuyến - vào phòng học ảo đúng giờ
1.Quan niệm giai cấp công nhân và sứ mệnh lịch sử thế giới của giai cấp công nhân 1.1. Quan niệm và đặc điểm của giai cấp công nhân	1			1	2	- Đọc HLC chương 2 - Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)				Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(2)	(3)	(4)	(5)		(7)	(8)
<i>1.2 Nội dung và đặc điểm sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân</i> <i>1.3 Điều kiện khách quan và nhân tố chủ quan quy định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân</i>						
2. Giai cấp công nhân và thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân trong thời đại ngày nay <i>2.1 Giai cấp công nhân hiện nay</i> <i>2.2 Quan niệm về giai cấp công nhân trong thời đại ngày nay</i> <i>2.3 Thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân trong thời đại ngày nay</i>	1		1	2	4	
3. Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam <i>3.1 Đặc điểm của giai cấp công nhân Việt Nam</i> <i>3.2 Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam qua các thời kỳ cách mạng</i> <i>3.3 Định hướng xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay</i>	1			1	2	
Chương 3: CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI	3		1	4	8	Đăng nhập hệ thống học trực tuyến - vào phòng học ảo đúng giờ - Đọc HLC chương 3 - Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo
1. Chủ nghĩa xã hội <i>1.1 Chủ nghĩa xã hội – giai đoạn đầu của hình thái kinh tế xã hội cộng sản chủ nghĩa</i>	1			1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)				Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(2)	(3)	(4)	(5)		(7)	(8)
1.2 Điều kiện ra đời của Chủ nghĩa xã hội 1.3 Những đặc trưng cơ bản của chủ nghĩa xã hội						hướng dẫn của giảng viên
2. Thời kỳ quá độ lên Chủ nghĩa xã hội 2.1. Tính tất yếu khách quan của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội 2.1. Đặc điểm của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội	1			1	2	
3. Quá độ lên Chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam 3.1. Quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa 3.2. Những đặc trưng của chủ nghĩa xã hội và phương hướng xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay	1		1	2	4	
Chương 4. DÂN CHỦ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ NHÀ NƯỚC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA	3		1	4	8	Đăng nhập hệ thống học trực tuyến - vào phòng học ảo đúng giờ - Đọc HLC chương 4 - Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
1. Dân chủ và dân chủ xã hội chủ nghĩa 1.1 Dân chủ và sự ra đời phát triển của dân chủ 1.2. Dân chủ xã hội chủ nghĩa	1			1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)				Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(2)	(3)	(4)	(5)		(7)	(8)
2. Nhà Nước Xã hội chủ nghĩa <i>2.1. Sự ra đời, bản chất, chức năng của nhà nước xã hội chủ nghĩa</i> <i>2.2. Mối quan hệ giữa dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa</i>	1			1	2	
3. Xây dựng chế độ dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam <i>3.1. Dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam</i> <i>3.2. Nhà nước pháp quyền chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam</i>	1		1	2	4	
Chương 5: CƠ CẤU XÃ HỘI – GIAI CẤP VÀ LIÊN MINH GIAI CẤP, TẦNG LỚP TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI	2		2	4	8	T Đăng nhập hệ thống học trực tuyến - vào phòng học ảo đúng giờ - Đọc HLC chương 5 - Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
1. Cơ cấu xã hội – giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội <i>1.1. Khái niệm và vị trí của cơ cấu xã hội giai cấp trong cơ cấu xã hội</i> <i>1.2.Sự biến đổi có tính quy luật của cơ cấu xã hội – giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội</i>	1		1	2	4	
2. Liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội	0.5			0.5	1	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)				Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(2)	(3)	(4)	(5)		(7)	(8)
3. Cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam <i>3.1. Cơ cấu xã hội giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam</i> <i>3.2. Liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam</i>	0.5		1	1.5	3	Đăng nhập hệ thống học trực tuyến - vào phòng học ảo đúng giờ - Đọc HLC chương 6 - Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
Chương 6: VẤN ĐỀ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI	3		2	5	10	
1. Vấn đề dân tộc trong hời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam <i>1.1 Chủ nghĩa Mác – Lênin về vấn đề dân tộc</i> <i>1.2. Vấn đề dân tộc và quan hệ dân tộc ở Việt Nam</i>	1			1	2	
2. Vấn đề tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội <i>2.1. Chủ nghĩa Mác – Lênin về vấn đề tôn giáo</i> <i>2.2. Tôn giáo ở Việt Nam và chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước ta hiện nay</i>	1		1	2	4	
3. Quan hệ giữa dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam	1		1	2	4	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)				Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(2)	(3)	(4)	(5)		(7)	(8)
3.1. Đặc điểm quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam 3.2. Định hướng giải quyết mối quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam hiện nay						
Chương 7. VẤN ĐỀ GIA ĐÌNH TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI	4		2	6	12	Đăng nhập hệ thống học trực tuyến - vào phòng học ảo đúng giờ - Đọc HLC chương 1 - Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
1. Khái niệm, vị trí và chức năng của gia đình <i>1.1. Khái niệm gia đình</i> <i>1.2. Vị trí của gia đình trong xã hội</i> <i>1.3. Chức năng cơ bản của gia đình</i>	1			1	2	
2. Cơ sở xây dựng gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội <i>2.1. Cơ sở kinh tế xã hội</i> <i>2.2. Cơ sở chính trị - xã hội</i> <i>2.3. Cơ sở văn hóa</i> <i>2.4. Chế độ hôn nhân tiến bộ</i>	1		1	2	4	
3. Xây dựng gia đình Việt Nam trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội <i>3.1. Những yếu tố tác động đến gia đình Việt Na, trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội</i>	2		1	3	6	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)				Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(2)	(3)	(4)	(5)		(7)	(8)
3.2. Sự biến đổi của gia đình Việt Nam trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội						
3.3. Phương hướng cơ bản để xây dựng và phát triển gia đình Việt Nam trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam						
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	20		10	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần : Tư tưởng Hồ Chí Minh
 - Tiếng Việt : **Tư tưởng Hồ Chí Minh**
 - Tiếng Anh : **Ho Chi Minh's Ideology**
- Mã học phần : **LCTT2104**
- Hình thức học : Học từ xa theo phương pháp trực tuyến
- Đối tượng học : Sinh viên ngành Quản lý đất đai trình độ đại học hệ vừa làm vừa học
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☒		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☐				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☐		
Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	

- Các học phần tiên quyết / học trước: Triết học Mác – Lênin; Kinh tế Chính trị Mác – Lênin; Chủ nghĩa xã hội khoa học.

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động : 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết : 21 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 08 tiết
 - Kiểm tra : 01 tiết
- Thời gian tự học : 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Tư tưởng Hồ Chí Minh, Khoa Lý luận chính trị

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức*: Trình bày, phân tích hoặc giải thích được những nội dung cơ bản trong chương trình môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh; đánh giá được giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh đối với Đảng, dân tộc và nhân loại.

- *Về kỹ năng*: Vận dụng sáng tạo lí luận, phương pháp và phương pháp luận của Hồ Chí Minh để phân tích, đánh giá được một số vấn đề trong thực tiễn đời sống, học tập và công tác.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*:

NL1: Có lập trường chính trị vững vàng, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với CNXH. Có phẩm chất đạo đức tốt, lối sống lành mạnh theo tấm gương đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh.

NL2: Tích cực, chủ động đấu tranh phê phán những quan điểm sai trái, bảo vệ chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước.

NL3: Xác định trách nhiệm của bản thân đối với sự nghiệp xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc; Có năng lực vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh giải quyết vấn đề đặt ra trong lĩnh vực nghề nghiệp.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh gồm 6 chương cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh; Về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; Về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Về Đảng Cộng sản và nhà nước Việt Nam; Về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; Về văn hóa, đạo đức, con người.

4. Học liệu điện tử

4.1. Học liệu chính (HLC)

1. Bộ giáo dục và đào tạo (2019), *Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh*, dành cho bậc đại học, không chuyên lý luận chính trị (Theo Quyết định số 4980/ QĐ - BGDĐT, ngày 23/12/2019)

4.2. Học liệu bổ trợ (HLBT)

1. Bài giảng Tư tưởng Hồ Chí Minh (năm 2020) - Bộ môn Tư tưởng Hồ Chí Minh, Khoa Lý luận Chính trị, Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

2. GS. Song Thành (2016), *Hồ Chí Minh nhà tư tưởng lỗi lạc*, NXB Thế giới.

3. GS. Song Thành (2012), *Hồ Chí Minh tiểu sử*, NXB Chính trị quốc gia – Sự thật.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☒	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☒	Tình huống	☐
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☐
Phân tích, xử lý số liệu	☐	Trình bày báo cáo khoa học	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuẩn bị các điều kiện học từ xa (máy tính, camera, micro có kết nối mạng Internet)
- Dự lớp: Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập
- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm
- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị theo hướng dẫn của giảng viên
- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên và thi kết thúc học phần
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1.

- Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒

Trắc nghiệm ☐

Thảo luận nhóm ☒

Bài tập lớn ☐

Thực hành ☐

Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%.

- Tổ chức kiểm tra, đánh giá theo hình thức trực tiếp tại Trường hoặc tại các cơ sở khác.

- Hình thức thi:

Tự luận ☒

Trắc nghiệm ☐

Thực hành ☐

Vấn đáp ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)				Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Chương I: KHÁI NIỆM, ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU VÀ Ý NGHĨA HỌC TẬP MÔN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH	1			1	2	
I. KHÁI NIỆM TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH II. ĐỐI TƯỢNG NGHIÊN CỨU CỦA MÔN HỌC TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH	1			1	2	- Đăng nhập hệ thống học trực tuyến - vào phòng học ảo đúng giờ - Đọc TLC

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)				Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
III. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU 1. Phương pháp luận của việc nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh <i>a. Thống nhất tính đảng và tính khoa học</i> <i>b. Thống nhất lý luận và thực tiễn</i> <i>c. Quan điểm lịch sử- cụ thể</i> <i>d. Quan điểm toàn diện và hệ thống</i> <i>e. Quan điểm kế thừa và phát triển</i> 2. Một số phương pháp cụ thể IV. Ý NGHĨA CỦA VIỆC HỌC TẬP MÔN HỌC TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH. 1. Góp phần nâng cao năng lực tư duy lý luận. 2. Giáo dục và thực hành đạo đức cách mạng, củng cố niềm tin khoa học gắn liền với trau dồi tình cảm cách mạng, bồi dưỡng lòng yêu nước. 3. Xây dựng, rèn luyện phương pháp và phong cách công tác						- Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
Chương II. CƠ SỞ, QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH	3		1	4	8	
I. CƠ SỞ HÌNH THÀNH TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH 1. Cơ sở thực tiễn <i>a. Thực tiễn Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX</i> <i>b. Thực tiễn thế giới cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX</i> 2. Cơ sở lý luận	1	1		2	4	- Đăng nhập hệ thống học trực tuyến - vào phòng học ảo đúng giờ - Đọc TLC Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)				Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
<i>a. Giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam</i> <i>b. Tinh hoa văn hóa nhân loại</i> <i>c. Chủ nghĩa Mác-Lênin</i> 3. Nhân tố chủ quan Hồ Chí Minh <i>a. Phẩm chất Hồ Chí Minh</i> <i>b. Tài năng hoạt động, tổng kết thực tiễn phát triển lý luận.</i> II. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH 1. Thời kỳ từ ngày 5-6-1911 trở về trước: Hình thành tư tưởng yêu nước và chí hướng tìm con đường cứu nước mới. 2. Thời kỳ từ từ ngày 6-6-1911 đến ngày 30-12-1920: Hình thành tư tưởng cứu nước, giải phóng dân tộc Việt Nam theo con đường cách mạng vô sản. 3. Thời kỳ từ ngày 31-12-1920 đến ngày 3-2-1930: Hình thành những nội dung cơ bản tư tưởng về cách mạng Việt Nam 4. Thời kỳ từ ngày 4-2-1930 đến ngày 28-1-1941: Vượt qua thử thách, giữa vũng đường lối, phương pháp cách mạng Việt Nam đúng đắn, sáng tạo. 5. Thời kỳ từ ngày 29-1-1941 đến ngày 2-9-1969: Tư tưởng Hồ Chí Minh tiếp tục phát triển, soi đường cho sự nghiệp cách mạng của Đảng và nhân dân ta. III. GIÁ TRỊ TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH	1			1	2	
	1			1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)				Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1. Đối với cách mạng Việt Nam <i>a. Tư tưởng Hồ Chí Minh đưa cách mạng giải phóng dân tộc Việt Nam đến thắng lợi và bắt đầu xây dựng một xã hội mới trên đất nước ta.</i> <i>b. Tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho cách mạng Việt Nam trong thời đại hiện nay.</i> 2. Đối với sự phát triển tiên bộ của nhân loại. <i>a. Tư tưởng Hồ Chí Minh góp phần mở ra cho các dân tộc thuộc địa con đường giải phóng dân tộc gắn với sự tiến bộ xã hội.</i> <i>b. Tư tưởng Hồ Chí Minh góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh vì độc lập dân tộc, dân chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển trên thế giới.</i>						
Chương III. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐỘC LẬP DÂN TỘC VÀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI.	5		2	7	14	
I. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐỘC LẬP DÂN TỘC 1. Vấn đề độc lập dân tộc <i>a. Độc lập, tự do là quyền thiêng liêng, bất khả xâm phạm của tất cả các dân tộc.</i> <i>b. Độc lập dân tộc phải gắn liền tự do, cơm no, áo ấm và hạnh phúc của nhân dân</i> <i>c. Độc lập dân tộc phải là nền độc lập thật sự, hoàn toàn và triệt để.</i> <i>d. Độc lập dân tộc gắn liền với thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ.</i> 2. Về cách mạng giải phóng dân tộc. <i>a. Cách mạng giải phóng dân tộc muốn thắng lợi phải đi theo con đường cách mạng vô sản.</i>	2		1	3	6	- Đăng nhập hệ thống học trực tuyến - vào phòng học ảo đúng giờ - Đọc TLC Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)				Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
<i>b. Cách mạng giải phóng dân tộc, trong điều kiện của Việt Nam, muốn thắng lợi phải do đảng cộng sản lãnh đạo.</i> <i>c. Cách mạng giải phóng dân tộc phải dựa trên lực lượng đại đoàn kết toàn dân tộc, lấy liên minh công – nông làm nền tảng.</i> <i>d. Cách mạng giải phóng dân tộc cần chủ động, sáng tạo, có khả năng giành thắng lợi trước cách mạng vô sản ở chính quốc.</i> <i>e. Cách mạng giải phóng dân tộc phải được tiến hành bằng phương pháp bạo lực cách mạng.</i> II. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM 1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội <i>a. Quan niệm của Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội</i> <i>b. Tiến lên chủ nghĩa xã hội là một tất yếu khách quan.</i> <i>c. Một số đặc trưng cơ bản của xã hội chủ nghĩa.</i> 2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam <i>a. Mục tiêu chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam</i> <i>b. Động lực của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.</i> 3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam <i>a. Tính chất, đặc điểm và nhiệm vụ của thời kỳ quá độ.</i>	2		1	3	6	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)				Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
<i>b. Một số nguyên tắc xây dựng chủ nghĩa xã hội trong thời kỳ quá độ.</i> III. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ MỐI QUAN HỆ GIỮA ĐỘC LẬP DÂN TỘC VÀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI 1. Độc lập dân tộc là cơ sở, tiền đề để tiến lên chủ nghĩa xã hội. 2. Chủ nghĩa xã hội là điều kiện để bảo đảm nền độc lập dân tộc vững chắc. 3. Điều kiện để bảo đảm độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. IV. VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐỘC LẬP DÂN TỘC GẮN LIỀN VỚI CHỦ NGHĨA XÃ HỘI TRONG SỰ NGHIỆP CÁCH MẠNG VIỆT NAM GIAI ĐOẠN HIỆN NAY. 1. Kiên định mục tiêu và con đường cách mạng mà Hồ Chí Minh đã xác định 2. Phát huy sức mạnh dân chủ xã hội chủ nghĩa 3. Củng cố, kiện toàn, phát huy sức mạnh và hiệu quả hoạt động của toàn bộ hệ thống chính trị 4. Đấu tranh chống những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị; suy thoái về đạo đức, lối sống và “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ.	0.5			0.5	1	
	0.5			0.5	1	
Chương IV. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM VÀ NHÀ NƯỚC CỦA NHÂN DÂN, DO NHÂN DÂN, VÌ NHÂN DÂN	5		2	7	14	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)				Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
I. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM 1. Tính tất yếu và vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam 2. Đảng phải trong sạch, vững mạnh. <i>a. Đảng là đạo đức, là văn minh</i> <i>b. Những vấn đề nguyên tắc trong hoạt động của Đảng</i> <i>c. Xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên.</i>	2		1	3	6	- Đăng nhập hệ thống học trực tuyến - vào phòng học ảo đúng giờ - Đọc TLC Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
II. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ NHÀ NƯỚC VIỆT NAM 1. Nhà nước dân chủ <i>a. Bản chất giai cấp của nhà nước</i> <i>b. Nhà nước của dân, do dân, vì dân</i> 2. Nhà nước pháp quyền <i>a. Nhà nước hợp hiến, hợp pháp</i> <i>b. Nhà nước thượng tôn pháp luật</i> <i>c. Pháp quyền nhân nghĩa</i> 3. Nhà nước trong sạch, vững mạnh <i>a. Kiểm soát quyền lực nhà nước</i> <i>b. Phòng, chống tiêu cực trong Nhà nước.</i>	2		1	3	6	
III. VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VÀO CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC 1. Xây dựng Đảng thật sự trong sạch, vững mạnh 2. Xây dựng Nhà nước	1			1	2	
<i>Kiểm tra 1 tiết</i>			1	1	2	Ôn tập kiến thức từ chương 1 đến hết chương 4

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)				Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Chương V. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC VÀ ĐOÀN KẾT QUỐC TẾ	3		1	4	8	
I. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC 1. Vai trò của đại đoàn kết toàn dân tộc <i>a. Đại đoàn kết toàn dân tộc là vấn đề có ý nghĩa chiến lược, quyết định thành công của cách mạng.</i> <i>b. Đại đoàn kết toàn dân tộc là một mục tiêu, nhiệm vụ hàng đầu của cách mạng Việt Nam</i> 2. Lực lượng của khối đại đoàn kết toàn dân tộc <i>a. Chủ thể của khối đại đoàn kết toàn dân tộc</i> <i>b. Nền tảng của khối đại đoàn kết toàn dân tộc</i> 3. Điều kiện để xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc 4. Hình thức, nguyên tắc tổ chức của khối đại đoàn kết toàn dân tộc - Mặt trận dân tộc thống nhất <i>a. Mặt trận dân tộc thống nhất</i> <i>b. Nguyên tắc xây dựng và hoạt động của Mặt trận dân tộc thống nhất</i> <i>c. Phương thức xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc.</i>	1		1	2	4	- Đăng nhập hệ thống học trực tuyến - vào phòng học ảo đúng giờ - Đọc TLC - Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
II. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐOÀN KẾT QUỐC TẾ 1. Sự cần thiết phải đoàn kết quốc tế <i>a. Thực hiện đoàn kết quốc tế nhằm kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, tạo sức mạnh tổng hợp cho cách mạng</i>	1			1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)				Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
<i>b. Thực hiện đoàn kết quốc tế nhằm góp phần cùng nhân dân thế giới thực hiện thắng lợi các mục tiêu cách mạng của thời đại.</i> 2. Lực lượng đoàn kết quốc tế và hình thức tổ chức <i>a. Các lực lượng cần đoàn kết</i> <i>b. Hình thức tổ chức</i> 3. Nguyên tắc đoàn kết quốc tế <i>a. Đoàn kết trên cơ sở thống nhất mục tiêu và lợi ích; có lý, có tình</i> <i>b. Đoàn kết trên cơ sở độc lập, tự chủ.</i> III. VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC VÀ ĐOÀN KẾT QUỐC TẾ TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY. 1. Quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế trong hoạch định chủ trương, đường lối của Đảng. 2. Xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc trên nền tảng liên minh công – nông – trí dưới sự lãnh đạo của Đảng 3. Đại đoàn kết toàn dân tộc phải kết hợp với đoàn kết quốc tế	1			1	2	
Chương VI. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VĂN HÓA, ĐẠO ĐỨC, CON NGƯỜI	4		2	6	12	
I. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VĂN HÓA 1. Một số nhận thức chung về văn hóa và quan hệ giữa văn hóa với các lĩnh vực khác <i>a. Quan niệm của Hồ Chí Minh về văn hóa</i>	1		1	2	4	- Đăng nhập hệ thống học trực tuyến - vào phòng học ảo đúng giờ Đọc TLC

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)				Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
<i>b. Quan điểm của Hồ Chí Minh về quan hệ giữa văn hóa với các lĩnh vực khác</i> 2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò văn hóa <i>a. Văn hóa là mục tiêu, động lực của sự nghiệp cách mạng</i> <i>b. Văn hóa là một mặt trận</i> <i>c. Văn hóa phục vụ quần chúng nhân dân</i> 3. Quan điểm Hồ Chí Minh về xây dựng nền văn hóa mới II. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠO ĐỨC 1. Đạo đức là gốc, là nền tảng tinh thần của xã hội, của người cách mạng 2. Quan điểm về những chuẩn mực đạo đức cách mạng <i>a. Trung với nước, hiếu với dân</i> <i>b. Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư</i> <i>c. Thương yêu con người, sống có tình có nghĩa</i> <i>d. Tinh thần quốc tế trong sáng</i> 3. Quan điểm về những nguyên tắc xây dựng đạo đức cách mạng <i>a. Nói đi đôi với làm, nêu gương về đạo đức</i> <i>b. Xây đi đôi với chống</i> <i>c. Tu dưỡng đạo đức suốt đời</i> III. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CON NGƯỜI 1. Quan niệm của Hồ Chí Minh về con người 2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò của con người	1		1	2	4	Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
	1			1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)				Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
3.Quan điểm của Hồ Chí Minh về xây dựng con người IV. XÂY DỰNG VĂN HÓA, ĐẠO ĐỨC, CON NGƯỜI VIỆT NAM HIỆN NAY THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH 1. Xây dựng và phát triển văn hóa, con người 2. Xây dựng đạo đức cách mạng	1			1	2	
Cộng	21		9	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt : **Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam**
 - Tiếng Anh : **History of the Communist Party of Vietnam**
- Mã học phần : LCLS2105
- Số tín chỉ: 02
- Hình thức học : Học từ xa theo phương pháp trực tuyến
- Đối tượng học : Sinh viên ngành Quản lý đất đai trình độ đại học hệ vừa làm vừa học
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương ☒		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☐				
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☐		Thực tập và Khóa luận tốt nghệ ☐
Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Triết học Mác - Lênin, Kinh tế chính trị Mác - Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tư tưởng Hồ Chí Minh.

Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết

- Nghe giảng lý thuyết : 21 tiết
- Thảo luận, hoạt động nhóm : 08 tiết
- Kiểm tra : 01 tiết

- Thời gian tự học : 60 giờ

- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, Khoa Lý luận chính trị.

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức: Chứng minh được sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam là tất yếu khách quan; phân tích và đánh giá được sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam từ khi thành lập Đảng đến nay qua các thời kỳ: (1930 - 1945), (1945 - 1975) và (1975 đến nay).

- Về kỹ năng: Vận dụng được kiến thức đã học trong giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến lĩnh vực được đào tạo.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

NL1: Có lập trường tư tưởng vững vàng, có niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, kiên định với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước;

NL2: Xác định được trách nhiệm của bản thân đối với công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc dưới sự lãnh đạo của Đảng, quyết tâm thực hiện tốt đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước;

NL3: Có năng lực đánh giá và giải quyết một số vấn đề thực tiễn trong lĩnh vực tài nguyên, môi trường theo chủ trương, đường lối của Đảng.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Ngoài chương mở đầu, nội dung môn học gồm những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920 - 1930), quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930-1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 đến nay). Qua đó khẳng định các thành công, nêu lên các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng và việc vận dụng vào thực tiễn hiện nay.

4. Học liệu điện tử

4.1. Học liệu chính (HLC)

Bộ Giáo dục và Đào tạo (2019), *Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, dành cho bậc đại học, không chuyên lý luận chính trị (Theo Quyết định số 4980/QĐ-BGDĐT, ngày 23/12/2019).

4.2. Học liệu bổ trợ (HLBT)

1. Bài giảng Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (năm 2020) - Bộ môn Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, Khoa Lý luận Chính trị, Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

2. Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các môn khoa học Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh (2018), *Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam* (tái bản có sửa chữa, bổ sung), Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội (Website: www.tapchicongsan.org.vn; www.dangcongsan@cpv.org.vn).

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☒	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☒	Làm việc nhóm	☐	Tình huống	☒
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☐

Phân tích, xử lý số liệu ☐ Trình bày báo cáo khoa học ☐ Tự học ☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuẩn bị các điều kiện học từ xa (máy tính, camera, micro có kết nối mạng Internet)
- Dự lớp: Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập.
- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm.
- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo, chuẩn bị bài theo hướng dẫn của GV.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: Số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1.

- Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☒ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%.

- Tổ chức kiểm tra, đánh giá theo hình thức trực tiếp tại Trường hoặc tại các cơ sở khác.
- Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương nhập môn. ĐỐI TƯỢNG, CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU, HỌC TẬP LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM	1			1	2	- Đăng nhập hệ thống học trực tuyến - vào phòng học ảo đúng giờ. - Đọc HLC, Chương nhập môn - Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
I. Đối tượng nghiên cứu của môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam 1. Đối tượng nghiên cứu 2. Phạm vi nghiên cứu						
II. Chức năng, nhiệm vụ của môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam 1. Chức năng của khoa học Lịch sử Đảng						

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2. Nhiệm vụ của môn học						
III. Phương pháp nghiên cứu, học tập môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam 1. Phương pháp luận 2. Các phương pháp cụ thể						
Chương 1. ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM RA ĐỜI VÀ LÃNH ĐẠO ĐẤU TRANH GIÀNH CHÍNH QUYỀN (1930 - 1945)	4		2	6	12	- Đăng nhập hệ thống học trực tuyến - vào phòng học ảo đúng giờ. - Đọc HLC, Chương 1; -Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
I. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng 1. Bối cảnh lịch sử 2. Nguyễn Ái Quốc chuẩn bị các điều kiện để thành lập Đảng 3. Thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng 4. Ý nghĩa lịch sử của việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam	2		1	3	6	
II. Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930 -1945) 1. Phong trào cách mạng 1930 - 1935 và khôi phục phong trào 1932 - 1935 2. Phong trào dân chủ 1936 - 1939 3. Phong trào giải phóng dân tộc 1939-1945 4. Tính chất, ý nghĩa và kinh nghiệm của Cách mạng Tháng Tám năm 1945	2		1	3	6	
Chương 2. ĐẢNG LÃNH ĐẠO HAI CUỘC KHÁNG CHIẾN, HOÀN THÀNH GIẢI PHÓNG DÂN TỘC, THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC (1945-1975)	7		2	9	18	- Đăng nhập hệ thống học trực tuyến - vào phòng học ảo đúng giờ.
I. Đảng lãnh đạo xây dựng, bảo vệ chính quyền cách mạng và kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945 - 1954)	3		1	4	8	- Đọc HLC, Chương 2;

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1. Xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng 1945 - 1946 2. Đường lối kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp xâm lược và quá trình tổ chức thực hiện từ năm 1946 đến năm 1950 3. Đẩy mạnh cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược và can thiệp Mỹ đến thắng lợi 1951 - 1954 4. Ý nghĩa lịch sử và kinh nghiệm của Đảng trong lãnh đạo kháng chiến chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ						- Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
II. Lãnh đạo xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (1954 - 1975) 1. Lãnh đạo cách mạng hai miền giai đoạn 1954 - 1965 2. Lãnh đạo cách mạng cả nước giai đoạn 1965 - 1975 3. Ý nghĩa và kinh nghiệm lãnh đạo của Đảng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước 1954 - 1975	4		1	5	10	
Kiểm tra			1	1	2	Ôn tập kiến thức đã học ở chương 1 và 2
Chương 3. ĐẢNG LÃNH ĐẠO CẢ NƯỚC QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ TIẾN HÀNH CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI (1975 - 2018)	9		4	13	26	- Đăng nhập hệ thống học trực tuyến - vào phòng học ảo đúng giờ.
I. Đảng lãnh đạo cả nước xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc (1975-1986) 1. Xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc 1975 - 1981	3		1	4	8	- Đọc HLC, Chương 3;

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng và các bước đột phá tiếp tục đổi mới kinh tế 1982 - 1986						- Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
II. Lãnh đạo công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế (1986 - 2018)						
1. Đổi mới toàn diện, đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội 1986 - 1996 2. Tiếp tục công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế 1996 - 2018 3. Thành tựu, kinh nghiệm của công cuộc đổi mới	6		3	9	18	
Cộng	21		9	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt : **Pháp luật đại cương**
 - Tiếng Anh : **Basic Law**
- Mã học phần : LTPL2101
- Số tín chỉ : 02
- Hình thức học : Học từ xa theo phương pháp trực tuyến
- Đối tượng học : Sinh viên ngành Quản lý đất đai trình độ đại học hệ vừa làm vừa học
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☒		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☐				
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☐		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 20 tiết
 - Bài tập: 05 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 04 tiết
 - Kiểm tra: 01 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Pháp luật, Khoa Lý luận chính trị

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức:

+ Trình bày, phân tích được những kiến thức cơ bản nhất về nhà nước và pháp luật nói chung;

+ Trình bày, phân tích được những nội dung cơ bản nhất của một số ngành luật chủ yếu trong hệ thống pháp luật Việt Nam.

- *Về kỹ năng:*

+ So sánh được những vấn đề cơ bản về nhà nước và pháp luật nói chung; những nội dung cơ bản của một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam.

+ So sánh một số chế định pháp luật trong các ngành luật khác nhau.

+ Vận dụng những kiến thức đã học về các ngành luật để giải quyết những bài tập, tình huống trên lớp và trong thực tế.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:*

NL1: Có năng lực tìm kiếm, tra cứu văn bản, tra cứu các quy định của pháp luật liên quan đến nghề nghiệp và các lĩnh vực khác của đời sống.

NL2: Có khả năng xác định được quyền và nghĩa vụ của bản thân trong các quan hệ pháp luật cụ thể.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần Pháp luật đại cương bao gồm 03 chương trình bày về các vấn đề sau:

- Chương 1: Những vấn đề cơ bản về nhà nước và pháp luật;
- Chương 2: Quy phạm pháp luật, Quan hệ pháp luật, Vi phạm pháp luật và Trách nhiệm pháp lý;
- Chương 3: Một số ngành luật chủ yếu trong hệ thống pháp luật Việt Nam.

4. Học liệu điện tử

4.1. Học liệu chính (HLC)

1. Lê Minh Toàn (chủ biên) (2015), *Pháp luật đại cương*, NXB. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
2. Nguyễn Minh Đoan (2016), *Lý luận về Nhà nước và Pháp luật*; NXB. Công An Nhân Dân, Hà Nội
3. Vũ Quang (2018), *Giáo trình Pháp luật đại cương*, NXB. Bách Khoa Hà Nội, Hà Nội.

4.2. Học liệu bổ trợ (HLBT)

1. Bài giảng Pháp luật đại cương (2020) – Bộ môn Pháp luật, Khoa Lý luận Chính trị, trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.
2. Bộ Giáo dục và đào tạo (2014), Tài liệu giảng dạy về phòng, chống tham nhũng dùng cho các trường đại học, cao đẳng không chuyên về luật (*Phê duyệt kèm theo Quyết*

định số 3468/QĐ-BGDDT ngày 06 tháng 9 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

3. Quốc hội (2013), *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013*;
4. Quốc hội (2012), *Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012*;
5. Quốc hội (2015), *Bộ luật Dân sự năm 2015*;
6. Quốc hội (2015), *Bộ luật hình sự năm 2015*;
7. Quốc hội (2012), *Bộ luật lao động năm 2012*;
8. Quốc hội (2014), *Luật hôn nhân và gia đình năm 2014*;
9. Quốc hội (2014), *Luật doanh nghiệp năm 2014*;
10. Quốc hội (2018), *Luật phòng chống tham nhũng năm 2018*

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☒	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☒	Tình huống	☒
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☐
Phân tích, xử lý số liệu	☐	Trình bày báo cáo khoa học	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuẩn bị các điều kiện học từ xa (máy tính, camera, micro có kết nối mạng Internet)
- Dự lớp: Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập.
- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm.
- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên và thi kết thúc học phần.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. *Điểm đánh giá quá trình*: Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1.

- Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☒ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. *Điểm thi kết thúc học phần*: Trọng số 60%

- Tổ chức kiểm tra, đánh giá theo hình thức trực tiếp tại Trường hoặc tại các cơ sở khác.
- Hình thức thi:

Tự luận ☐Trắc nghiệm ☒Thực hành ☐**9. Nội dung chi tiết học phần**

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	trực tuyến					
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT	04		02	06	12	
1.1. Những vấn đề cơ bản về Nhà nước 1.1.1. Nguồn gốc 1.1.2. Khái niệm, đặc trưng 1.1.3. Bản chất 1.1.4. Hình thức 1.1.5. Chức năng	02		01	03	06	- Đăng nhập hệ thống học trực tuyến - vào phòng học ảo đúng giờ. - Đọc HLC 1, Chương I - Đọc HLC 2, Chương II, VI - Đọc HLBT 1, Chương 1. - Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên.
1.2. Những vấn đề cơ bản về pháp luật 1.2.1. Nguồn gốc 1.2.2. Khái niệm, bản chất 1.2.3. Thuộc tính 1.2.4. Hình thức	02		01	03	06	
Chương 2. QUY PHẠM PHÁP LUẬT, QUAN HỆ PHÁP LUẬT, VI PHẠM PHÁP LUẬT VÀ TRÁCH NHIỆM PHÁP LÝ	05	03		08	16	
2.1. Quy phạm pháp luật 2.1.1. Khái niệm, đặc điểm 2.1.2. Các thành phần cấu thành	01	01		1.5	03	- Đăng nhập hệ thống học trực tuyến - vào phòng học ảo đúng giờ. - Đọc HLC 1, Chương II - Đọc HLC 2, Chương VII - Đọc HLBT 1, Chương 2.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	trực tuyến				Tự học (Giờ)	
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
						- Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên.
2.2. Quan hệ pháp luật 2.2.1. Khái niệm, đặc điểm 2.2.2. Các thành phần cấu thành	01			1.5	03	- Đăng nhập hệ thống học trực tuyến - vào phòng học ảo đúng giờ. - Đọc HLC 1, Chương II - Đọc HLC 2, Chương VIII - Đọc HLBT 1, Chương 2. - Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên.
2.3. Vi phạm pháp luật 2.3.1. Khái niệm, dấu hiệu 2.3.2. Các thành phần cấu thành	02	02		04	08	- Đăng nhập hệ thống học trực tuyến - vào phòng học ảo đúng giờ.- - Đọc HLC 1, Chương III - Đọc HLC 2, Chương XI - Đọc HLBT 1, Chương 2. - Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên.
2.4. Trách nhiệm pháp lý 2.4.1. Khái niệm 2.4.2. Phân loại	01			01	02	- Đăng nhập hệ thống học trực tuyến - vào phòng học ảo đúng giờ. - Đọc HLC 1, Chương III - Đọc HLC 2, Chương XI

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
						- Đọc HLBT 1, Chương 2. - Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên.
Chương 3. MỘT SỐ NGÀNH LUẬT CHỦ YẾU TRONG HỆ THỐNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM	11	02	03	16	32	
3.1. Luật Hiến pháp 3.1.1. Khái niệm, đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh 3.1.2. Một số nội dung cơ bản của Hiến pháp năm 2013	01		01	02	04	- Đăng nhập hệ thống học trực tuyến - vào phòng học ảo đúng giờ. - Đọc HLC 1, Chương IV - Đọc HLC 3, Chương 6 - Đọc HLBT 1, Chương 3. - Đọc HLBT 3. - Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
3.2. Luật Hành chính 3.2.1. Khái niệm, đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh 3.2.2. Vi phạm pháp luật hành chính và xử lý vi phạm pháp luật hành chính	01			01	02	- Đăng nhập hệ thống học trực tuyến - vào phòng học ảo đúng giờ. - Đọc HLC 1, Chương V - Đọc HLC 3, Chương 6 - Đọc HLBT 1, Chương 3. - Đọc HLBT 4 - Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
3.3. Luật Dân sự 3.3.1. Khái niệm, đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh 3.3.2. Quyền sở hữu 3.3.3. Quyền thừa kế	01	02		03	06	- Đăng nhập hệ thống học trực tuyến - vào phòng học ảo đúng giờ. - Đọc HLC 1, Chương VII - Đọc HLC 3, Chương 6 - Đọc HLBT 1, Chương 3. - Đọc HLBT 5. - Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
3.4. Luật Hình sự 3.4.1. Khái niệm, đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh 3.4.2. Tội phạm 3.4.3. Hình phạt	01			01	02	- Đăng nhập hệ thống học trực tuyến - vào phòng học ảo đúng giờ. - Đọc HLC 1, Chương VI - Đọc HLC 3, Chương 6 - Đọc HLBT 1, Chương 3. - Đọc HLBT 6. - Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
3.5. Luật lao động 3.5.1. Khái niệm, đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh 3.5.2. Hợp đồng lao động 3.5.3. Bảo hiểm xã hội	01			01	02	- Đăng nhập hệ thống học trực tuyến - vào phòng học ảo đúng giờ. - Đọc HLC 1, Chương VIII - Đọc HLC 3, Chương 6 - Đọc HLBT 1, Chương 3. - Đọc HLBT 6.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	trực tuyến				Tự học (Giờ)	
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
						- Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
3.6. Luật hôn nhân và gia đình 3.6.1. Khái niệm, đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh 3.6.2. Chế định kết hôn	01			01	02	- Đăng nhập hệ thống học trực tuyến - vào phòng học ảo đúng giờ. - Đọc HLBT 1, Chương 3. - Đọc HLBT 8. - Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
3.7. Luật kinh tế 3.7.1. Khái niệm, đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh 3.7.2. Các loại hình doanh nghiệp	01			01	02	- Đăng nhập hệ thống học trực tuyến - vào phòng học ảo đúng giờ. - Đọc HLC 1, Chương IX - Đọc HLC 3, Chương 6 - Đọc HLBT 1, Chương 3. - Đọc HLBT 9. - Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
3.8. Pháp luật phòng chống tham nhũng 3.8.1. Khái niệm, đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh 3.8.2. Nguyên nhân, điều kiện, tác hại của tham nhũng 3.8.3. Giải pháp phòng chống tham nhũng	04		01	05	10	- Đăng nhập hệ thống học trực tuyến - vào phòng học ảo đúng giờ. - Đọc HLBT 1, Chương 3. - Đọc HLBT 2,10. - Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Kiểm tra			01	01	02	
Tổng	20	05	05	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt : **Kỹ năng mềm**
 - Tiếng Anh : **Soft Skills**
- Mã học phần : KTQU2151
- Hình thức học : Học từ xa theo phương pháp trực tuyến
- Đối tượng học : Sinh viên ngành Quản lý đất đai trình độ đại học hệ vừa làm vừa học
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☑		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☐					Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☐			
Bắt buộc ☑	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐		

- Các học phần tiên quyết/học trước: Không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 20 tiết
 - Bài tập: 08 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 0 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản trị kinh doanh, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức:

Học phần Kỹ năng mềm cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về Kỹ năng giao tiếp, Kỹ năng làm việc nhóm, Kỹ năng tìm kiếm việc làm áp dụng phục vụ cho cuộc sống và thực tiễn. Bên cạnh đó, người học sẽ được trang bị các Kỹ năng cần thiết để có thể phát triển và duy trì các mối quan hệ, hoàn thiện về năng lực với các sự kiện phát sinh trong cuộc sống bằng thái độ tích cực. Ngoài ra, học phần Kỹ năng mềm còn giúp cho

người học gia tăng khả năng cạnh tranh trong công việc và tạo điều kiện phát triển nghề nghiệp trong tương lai.

- *Về kỹ năng:*

Biết vận dụng sáng tạo các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn công việc và trong cuộc sống như: quá trình giao tiếp, quá trình giải quyết vấn đề, giải quyết xung đột tại nơi làm việc, kỹ năng lãnh đạo, thực tiễn đi xin việc và hòa nhập với công việc mới.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:*

Có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ để có thể tự chủ được công việc được giao trong lĩnh vực kế toán; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần Kỹ năng mềm bao gồm các vấn đề thiết thực và gần gũi, cung cấp cho người học những Kỹ năng cơ bản như: Kỹ năng giao tiếp, Kỹ năng làm việc nhóm, Kỹ năng tìm kiếm việc làm.

4. Học liệu điện tử

4.1. Học liệu chính (HLC)

1. ThS. Hoàng Thị Thu Hiền - ThS. Bùi Thị Bích - ThS. Nguyễn Như Khương - ThS. Nguyễn Thanh Thủy (2014), *Giáo trình kỹ năng mềm- tiếp cận theo hướng sư phạm tương tác*, NXB Đại học quốc gia TP.Hồ Chí Minh.

2. Lại Thế Luyện (2014), *Kỹ năng tìm việc làm*, NXB Thời đại.

3. Dương Thị Liễu (2013), *Kỹ năng thuyết trình*, NXB Kinh tế quốc dân.

4.2. Học liệu bổ trợ (HLBT)

1. Bài giảng Kỹ năng mềm (năm 2020) – Bộ môn Quản trị kinh doanh, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường, Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

2. Nguyễn Thị Oanh (2007), *Làm việc theo nhóm*, Nhà xuất bản Trẻ.

3. Dale Carnegie (2008), *Đắc nhân tâm*, Nhà xuất bản Trẻ.

4. Huỳnh Văn Sơn, Nguyễn Hoàng Khắc Hiếu (2011), *Giáo trình Kỹ năng làm việc nhóm*, Nhà xuất bản Trẻ.

5. Huỳnh Phú Thịnh (2009), *Giáo trình Kỹ năng tìm việc làm*, Trường Đại học An Giang.

6. Nguyễn Thanh Bình (2011), *Giáo trình chuyên đề giáo dục Kỹ năng sống*, Trường Đại học Sư Phạm.

7. M.S. Rao (2012), *Soft Skills for Students – Classroom to Corporate*, Bhawani Gali..

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☐	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☒	Tình huống	☒
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☐
Phân tích, xử lý số liệu	☐	Trình bày báo cáo khoa học	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuẩn bị các điều kiện học từ xa (máy tính, camera, micro có kết nối mạng Internet)
- Dự lớp: Nghe giảng và hướng dẫn học tập
- Bài tập: Làm bài tập và thảo luận nhóm
- Dụng cụ học tập: Máy tính và máy chiếu
- Tự học: Nghiên cứu, đọc tài liệu để nắm vững bài học.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: : Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1.

Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☒ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Tổ chức kiểm tra, đánh giá theo hình thức trực tiếp tại Trường hoặc tại các cơ sở khác.
- Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. TỔNG QUAN VỀ KỸ NĂNG MỀM	3			3	6	- Đăng nhập hệ thống học trực tuyến - vào phòng học ảo đúng giờ

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	FL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1.1.Khái niệm Kỹ năng mềm	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 1
1.2. Phân biệt Kỹ năng mềm với Kỹ năng sống, Kỹ năng cứng	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 1
1.3. Tầm quan trọng của các Kỹ năng mềm	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 1
1.4. Giới thiệu một số Kỹ năng mềm cơ bản	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 1
CHƯƠNG 2. KỸ NĂNG GIAO TIẾP	6	3	1	10	20	- Đăng nhập hệ thống học trực tuyến - vào phòng học ảo đúng giờ
2.1. Giao tiếp 2.1.1. Khái niệm và vai trò của giao tiếp 2.1.2. Cấu trúc của giao tiếp 2.1.3. Chức năng của giao tiếp 2.1.4. Phân loại giao tiếp	1			1	2	Đọc TLC 3, chương 1
2.2. Các phương tiện giao tiếp 2.2.1. Ngôn ngữ 2.2.2. Phi ngôn ngữ	2	1		4	8	Đọc TLC 3, chương 1
2.3. Các phong cách giao tiếp 2.3.1. Khái niệm phong cách giao tiếp 2.3.2. Các loại phong cách giao tiếp	1			1	2	Đọc TLC 3, chương 1
2.4. Các Kỹ năng giao tiếp cơ bản 2.4.1. Kỹ năng lắng nghe 2.4.2. Kỹ năng đặt câu hỏi 2.4.3. Kỹ năng thuyết phục 2.4.4. Kỹ năng thuyết trình 2.4.5. Kỹ năng đọc và tóm tắt văn bản 2.4.6. Kỹ năng viết	2	1		3	6	Đọc TLC 3, chương 2
2.5. Vận dụng các Kỹ năng giao tiếp cơ bản vào một số hình thức giao tiếp phổ biến		1		1	2	Đọc TLC 3, chương 2

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Kiểm tra			1	1	2	
CHƯƠNG 3. KỸ NĂNG LÀM VIỆC NHÓM	4	2		6	12	- Đăng nhập hệ thống học trực tuyến - vào phòng học ảo đúng giờ
3.1. Khái quát về làm việc nhóm	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 1
3.2. Xây dựng nhóm làm việc	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 1
3.3. Kỹ năng làm việc nhóm 3.3.1. Kỹ năng tư duy và giải quyết vấn đề theo nhóm 3.3.2. Kỹ năng giải quyết xung đột nhóm 3.3.3. Kỹ năng giao tiếp nhóm 3.3.4. Kỹ năng lãnh đạo nhóm	2	1		3	6	Đọc TLC 1, chương 2
3.4. Vận dụng các Kỹ năng làm việc nhóm vào các hoạt động của tổ chức		1		1	2	Đọc TLC 1, chương 2
CHƯƠNG 4. KỸ NĂNG TÌM KIẾM VIỆC LÀM	7	3	1	11	22	- Đăng nhập hệ thống học trực tuyến - vào phòng học ảo đúng giờ
4.1. Kỹ năng đánh giá năng lực bản thân và mục tiêu nghề nghiệp 4.1.1. Kỹ năng đánh giá năng lực bản thân 4.1.2. Kỹ năng xác định mục tiêu nghề nghiệp	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 2
4.2. Kỹ năng tìm kiếm cơ hội việc làm 4.2.1. Kỹ năng tìm kiếm cơ hội việc làm mới 4.2.2. Kỹ năng tìm kiếm cơ hội việc làm trong quá trình làm việc	1			1	2	Đọc TLC 2, chương 3

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
4.3. Kỹ năng chuẩn bị hồ sơ xin việc 4.3.1. Tiêu chuẩn bộ hồ sơ xin việc 4.3.2. Các bước chuẩn bị và gửi bộ hồ sơ xin việc 4.3.3. Nghệ thuật viết đơn xin việc 4.3.4. Nghệ thuật viết lý lịch cá nhân	1,5	1,5		3	6	Đọc TLC 2, chương 3
4.4. Kỹ năng phỏng vấn tuyển dụng 4.4.1. Chuẩn bị cho cuộc phỏng vấn 4.4.2. Các vòng phỏng vấn 4.4.3. Các hình thức phỏng vấn 4.4.4. Nghệ thuật trả lời phỏng vấn	2	1		3	6	Đọc TLC 2, chương 3
4.5. Kỹ năng thương lượng về chế độ đãi ngộ 4.5.1. Thương lượng về tiền lương 4.5.2. Phụ cấp và các khoản phúc lợi khác	0,5			0,5	1	Đọc TLC 2, chương 3
4.6. Kỹ năng chuẩn bị cho công việc mới	0,5			0,5	1	Đọc TLC 2, chương 3
4.7. Vận dụng các Kỹ năng tìm kiếm việc làm trong thực tế	0,5	0,5		2		Đọc TLC 2, chương 3
Kiểm tra			1	1	2	Đọc TLC 2, chương 3
Cộng	20	8	2	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt : **Phong thủy trong quy hoạch đất đai**
 - Tiếng Anh : ***Feng shui in planning***
- Mã học phần : QĐKĐ2201
- Số tín chỉ : 02
- Hình thức học : Học từ xa theo phương pháp trực tuyến
- Đối tượng học: Sinh viên ngành Quản lý đất đai trình độ đại học hệ vừa làm vừa học
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương ☒		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☐				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☐		
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☒	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	

- Các học phần tiên quyết/học trước:
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động : 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết : 22 tiết
 - Bài tập : 04 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm : 02 tiết
 - Kiểm tra : 02 tiết
- Thời gian tự học : 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Khoa học đất và Quy hoạch đất đai, Khoa Quản Lý Đất Đai

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:*

+ Trình bày được một số kiến thức cơ bản về phong thủy, cơ sở khoa học của phong thủy, các nguyên tắc trong phong thủy hiện đại; cảnh quan môi trường theo quan niệm phong thủy; đặc biệt là phong thủy với đất đai và nhà ở

+ Giải thích được cách bố trí của một số vật phẩm phong thủy tại các vị trí khác nhau trong nhà, chọn vị trí quy hoạch đất đai trong quy hoạch sử dụng đất.

- *Về kỹ năng:*

+ Vận dụng các kiến thức đã học phân tích các vấn đề về đất đai và nhà ở phù hợp với khoa học phong thủy

+ Ứng dụng khoa học phong thủy để quy hoạch kiến trúc nhà ở, quy hoạch đất đai.

+ Đánh giá được cảnh quan môi trường tốt theo quan niệm phong thủy hiện đại, phù hợp với nguyên tắc khoa học phong thủy

- *Năng lực tự chủ và trách nhiệm:*

Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ về ứng dụng phong thủy trong quy hoạch và quản lý đất đai.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần Phong thủy trong quy hoạch đất đai cung cấp cho sinh viên những kiến thức: Khái quát chung về phong thủy; phong thủy trong đất đai, nhà ở và cảnh quan môi trường; ứng dụng phong thủy trong quy hoạch đất đai, bố trí nhà ở và nội thất giúp sinh viên có cái nhìn toàn diện và có kỹ năng để nghiên cứu về Phong thủy trong quy hoạch đất đai.

4. Học liệu điện tử

4.1. Học liệu chính (HLC)

1. Hoàng Tú, 2007, *Phong thủy ứng dụng trong xây dựng và bài trí nhà cửa*, NXB Lao động xã hội.

2. Tống Thiệu Quang, 2002, *Phong thủy thực hành*, NXB Văn hóa Thông tin.

4.2. Học liệu bổ trợ (HLBT)

1. Bài giảng Phong thủy trong quy hoạch đất đai (năm 2020) - Bộ môn Khoa học đất và quy hoạch đất đai, Khoa Quản lý đất đai, Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

2. Lillian Too (Nguyễn Mạnh Thảo dịch), 2008, *Khoa học Phong thủy trong cuộc sống*, NXB Trẻ.

3. Lý Cư Minh, 2009, *Phong thủy để phát đạt*, NXB Văn hóa Thông tin.

4. Hoàng Gia Ngôn, Quý Long, 2007, *Phong thủy phòng ngủ*, NXB Hải Phòng.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình ☒ Phát vấn ☒ Đàm thoại ☒

Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☒	Tình huống	☐
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☐
Phân tích, xử lý số liệu	☐	Trình bày báo cáo khoa học	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuẩn bị các điều kiện học từ xa (máy tính, camera, micro có kết nối mạng Internet)
- Dự lớp
- Tham gia thảo luận nhóm, làm bài tập
- Tham gia kiểm tra, thi kết thúc học phần
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1.

Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☒ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Tổ chức kiểm tra, đánh giá theo hình thức trực tiếp tại Trường hoặc tại các cơ sở khác.
- Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ PHONG THỦY	8	1		9	18	- Đăng nhập hệ thống học trực tuyến - vào phòng học ảo đúng giờ
1.1. Khái niệm Phong thủy <i>1.1.1. Phong thủy học là gì?</i> <i>1.1.2. Lịch sử của học Phong thủy</i>	1			1	2	Đọc mục 1.1, TLC (1).
1.2. Cơ sở khoa học của Phong thủy <i>1.2.1 Các yếu tố của phong thủy</i>	3 2			3 2	6 4	Đọc mục 1.2, TLC (1).

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1.2.2. Tính khoa học của phong thủy	1			1	2	
1.3. Các nguyên tắc của Phong thủy hiện đại	3			3	6	Đọc mục 1.3, TLC (1).
1.3.1. Nguyên tắc một hệ thống chính thể	1			1	2	
1.3.2. Nguyên tắc nhân - địa phù hợp						
1.3.3. Nguyên tắc dựa vào sơn thủy						
1.3.4. Nguyên tắc quan sát hình thể						
1.3.5. Nguyên tắc thẩm định địa chất	1			1	2	
1.3.6. Nguyên tắc thẩm định nguồn nước						
1.3.7. Nguyên tắc tọa Bắc hướng Nam						
1.3.8. Nguyên tắc hài hoà trung tâm	1			1	2	
1.3.9. Nguyên tắc cải tạo						
1.3.10. Nguyên tắc tiên tích đức hậu tâm long						
1.3.11. Nguyên tắc mệnh và phong thủy						
1.4. Phong thủy một số nước trên thế giới	1			1	2	Đọc mục 1.2, TLC (1),.
Bài tập chương 1		1			2	Tổng hợp kiến thức chương 1
Bài kiểm tra số 1			1	1	2	
CHƯƠNG 2. PHONG THỦY TRONG ĐẤT ĐAI, NHÀ Ở VÀ CẢNH QUAN MÔI TRƯỜNG	7	1		8	16	- Đăng nhập hệ thống học trực tuyến - vào phòng học ảo đúng giờ
2.1. Phong thủy đối với vấn đề đất đai	2			2	4	
2.1.1. Cơ sở lựa chọn đất và thế đất	1			1	2	Đọc mục 2.1, TLC (1).
2.1.2. Chất và thế đất tốt	1			1	2	
2.1.3. Chất và thế đất xấu cần tránh						
2.2. Phong thủy đối với vấn đề nhà ở	2			2	4	Đọc mục 2.2, TLC (1).
2.2.1. Chọn hướng nhà	1			1	2	
2.2.2. Lựa chọn vị trí nhà	1			1	2	
2.3. Phong thủy trong nguyên tắc bố trí nội ngoại thất	1			1	2	Đọc mục 2.3, TLC (1).

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2.3.1. Bố trí cổng và cửa nhà 2.3.2. Bố trí nội thất và trang trí						
2.4. Phong thủy trong cảnh quan môi trường 2.4.1. Ánh sáng 2.4.2. Sinh vật trong vùng 2.4.3. Cảnh quan nhân tạo	2 1 1			2 1 1	4 2 2	Đọc mục 2.4, TLC (1).
Bài tập chương 2		1		1	2	Tổng hợp kiến thức chương 2
CHƯƠNG 3. ỨNG DỤNG PHONG THỦY TRONG QUY HOẠCH ĐẤT ĐAI, BỐ TRÍ NHÀ Ở VÀ NỘI THẤT	7	2		9	18	- Đăng nhập hệ thống học trực tuyến - vào phòng học ảo đúng giờ
3.1. Ứng dụng phong thủy trong quy hoạch đất đai 3.1.1. Lựa chọn địa điểm xây dựng khu đô thị, khu dân cư nông thôn và các mục đích phi nông nghiệp khác 3.1.2. Bố trí phân khu chức năng đất đai và cảnh quan môi trường	2 1 1			2 2 2	4 4 4	Đọc mục 3.1, TLC (1).
3.2. Tinh bản và nhận định tốt xấu cho ngôi nhà 3.2.1. Phương pháp lập Tinh bản 3.2.2. Nhận định tốt xấu cho ngôi nhà 3.2.3. Một số cách hóa giải	1			1	2	Đọc mục 3.2, TLC (1).
3.3. Ứng dụng phong thủy trong lựa chọn hướng nhà tốt 3.3.1. Cách xác định tâm nhà 3.3.2. Cung mệnh và các hướng cát hung 3.3.3. Ứng dụng lựa chọn bố trí hướng nhà tốt	2 1 1			2 1 1	4 2 2	Đọc mục 3.3, TLC (1).
3.4. Ứng dụng phong thủy trong bố trí nội thất	2			2	4	Đọc mục 3.4, TLC (1).

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
3.4.1. Bố trí phòng khách	1			1	2	
3.4.2. Bố trí bàn thờ						
3.4.3. Bố trí bếp	1			1	2	
3.4.4. Bố trí giường ngủ						
3.4.5. Bố trí nhà vệ sinh						
Bài tập chương 3		2		2	4	Tổng hợp kiến thức chương 3
Thảo luận theo chủ đề			2	2	4	Chuẩn bị các bài thảo luận theo chủ đề, theo nhóm trước khi lên lớp, thuyết trình và trả lời câu hỏi
Bài kiểm tra số 2			1	1	2	
Tổng	22	4	4	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt : **Xã hội học đại cương**
 - Tiếng Anh : **General sociology**
- Mã học phần : QĐĐC2201
- Số tín chỉ : 02
- Hình thức học : Học từ xa theo phương pháp trực tuyến
- Đối tượng học : Sinh viên ngành Quản lý đất đai trình độ đại học hệ vừa làm vừa học
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương ☒		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☐				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☐		
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☒	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	

- Các học phần tiên quyết/học trước:
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động : 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết : 20 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm : 04 tiết
 - Bài tập : 04 tiết
 - Kiểm tra : 02 tiết
- Thời gian tự học : 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Công nghệ thông tin trong quản lý đất đai,

Khoa Quản lý Đất đai.

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức*: Phát biểu được hệ thống các khái niệm cơ bản của xã hội học; giải thích được lịch sử hình thành và phát triển của xã hội học.
- *Về kỹ năng*: Hiểu và có thể vận dụng được một số kiến thức xã hội học vào phân tích thực tiễn xã hội.

- *Năng lực tự chủ và trách nhiệm*: Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ nhận thức các vấn đề xã hội nói chung và vấn đề xã hội liên quan đến đất đai nói riêng.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần Xã hội học đại cương cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quá trình hình thành và phát triển môn Xã hội học với tư cách là một môn khoa học; cung cấp những khái niệm, những luận điểm cơ bản của cách tiếp cận xã hội học đối với các vấn đề xã hội; những phương pháp nghiên cứu cơ bản của xã hội học. Đồng thời cung cấp các kiến thức thực tiễn về các vấn đề xã hội ở Việt Nam; giúp sinh viên có cái nhìn toàn diện về các vấn đề xã hội và có kỹ năng cần thiết để nghiên cứu về một vấn đề xã hội.

4. Học liệu điện tử

4.1. Học liệu chính (HLC)

1. Phạm Tất Dong và Lê Ngọc Hùng (Đồng chủ biên), 2001, *Giáo trình Xã hội học*, NXB Thế giới.
2. Đào Hữu Hồ, 2007, *Thống kê xã hội học*, NXB Đại học Quốc Gia Hà Nội.

4.2. Học liệu bổ trợ (HLBT)

1. Bài giảng Xã hội học đại cương (năm 2020) - Bộ môn Công nghệ thông tin trong quản lý đất đai, Khoa Quản lý đất đai, Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.
2. Lê Ngọc Hùng, 2002, *Lịch sử và lý thuyết xã hội học*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội
3. Nguyễn Sinh Huy, 2006, *Xã hội học đại cương*, NXB Đại học Quốc Gia Hà Nội
4. Phạm Văn Quyết, Nguyễn Quý Thanh, 2001, *Phương pháp nghiên cứu xã hội học*, NXB Đại học Quốc Gia Hà Nội

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☒	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☒	Tình huống	☒
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☐
Phân tích, xử lý số liệu	☐	Trình bày báo cáo khoa học	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuẩn bị các điều kiện học từ xa (máy tính, camera, micro có kết nối mạng Internet)
- Dự lớp
- Tham gia thảo luận nhóm, làm bài tập
- Tham gia kiểm tra, thi kết thúc học phần
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Kiểm tra – đánh giá điểm quá trình Trọng số 40%

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

- Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐
 Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Kiểm tra – đánh giá cuối kỳ: trọng số 60%.

- Tổ chức kiểm tra, đánh giá theo hình thức trực tiếp tại Trường hoặc tại các cơ sở khác.

- Hình thức thi

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

- Thời lượng thi: 60 phút

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ XÃ HỘI HỌC	4			4	8	- Đăng nhập hệ thống học trực tuyến - vào phòng học ảo đúng giờ
1.1. Sự hình thành và phát triển của xã hội học <i>1.1.1. Khái niệm</i> <i>1.1.2. Tiền đề ra đời của môn xã hội học</i> <i>1.1.3. Sự hình thành và phát triển của xã hội học thế giới.</i>	2			2		Đọc TLC (1) , trang 10 – 42. Trả lời câu hỏi
1.2. Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ của xã hội học	2			2		
CHƯƠNG 2. HÀNH ĐỘNG XÃ HỘI, TỔ CHỨC XÃ HỘI, THIẾT CHẾ XÃ HỘI VÀ XÃ HỘI HÓA	8			8	16	- Đăng nhập hệ thống học trực tuyến - vào phòng học ảo đúng giờ
2.1. Hành động xã hội <i>2.1.1. Khái niệm hành động xã hội</i>	2			2		Đọc TLC (1), trang 128 -278.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2.1.2. Những yếu tố quyết định hành động xã hội 2.1.3. Phân loại hành động xã hội						tự học, làm việc nhómz
2.2. Tổ chức xã hội 2.2.1. Nhóm xã hội 2.2.2. Tổ chức xã hội	2			2		
2.3. Thiết chế xã hội 2.3.1. Khái niệm 2.3.2. Đặc điểm của thiết chế xã hội. 2.3.3. Chức năng của thiết chế xã hội. 2.3.4. Các loại thiết chế cơ bản	2			2		Trả lời câu hỏi, làm việc nhóm
2.4. Xã hội hóa 2.4.1.Khái niệm xã hội hóa 2.4.2.Môi trường xã hội hóa 2.4.3.Phân đoạn quá trình xã hội hóa 2.4.4.Vai trò của xã hội hóa đối với cá nhân	2			2		Trả lời câu hỏi, làm việc nhóm
Kiểm tra số 1			1	1	2	Giờ tự học: Ôn tập kiểm tra.
CHƯƠNG 3. BẤT BÌNH ĐẲNG, PHÂN TẦNG XÃ HỘI VÀ SỰ BIẾN ĐỔI XÃ HỘI	8	4	4	16	32	- Đăng nhập hệ thống học trực tuyến - vào phòng học ảo đúng giờ
3.1. Bất bình đẳng xã hội	2		2	4	8	Đọc TLC (1), trang 223 – 303 làm việc nhóm, thuyết trình, trả lời câu hỏi

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
3.1.1. Khái niệm bất bình đẳng xã hội 3.1.2. Cơ sở tạo nên sự bất bình đẳng						
3.2. Phân tầng xã hội 3.2.1. Khái niệm về phân tầng xã hội 3.2.2. Nguyên nhân của hiện tượng phân tầng. 3.2.3. Hệ thống phân tầng xã hội	3			3	6	Trả lời câu hỏi, làm việc nhóm
3.3. Sự biến đổi xã hội 3.3.1. Khái niệm biến đổi xã hội 3.3.2. Đặc điểm biến đổi xã hội 3.3.3. Những nhân tố của sự biến đổi xã hội 3.3.4. Những biến đổi xã hội Việt Nam trong giai đoạn mới	3		2	5	10	Tự học, làm việc nhóm
Bài tập chương 3: Tìm hiểu một số vấn đề xã hội học ở Việt Nam		4		4	8	Tổng hợp kiến thức chương 3
Kiểm tra số 2			1	1	2	Giờ tự học: Ôn tập kiểm tra.
Tổng	20	4	6	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt : **Địa lý kinh tế Việt Nam**
 - Tiếng Anh : **Vietnam,s Economic Geography**
- Mã học phần : KĐHO2202
- Số tính chỉ : 02
- Hình thức học : Học từ xa theo phương pháp trực tuyến
- Đối tượng học : Sinh viên ngành Quản lý đất đai trình độ đại học hệ vừa làm vừa học
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương ☒		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☐				
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☐		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☒	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Xã hội học
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động : tiết
 - Nghe giảng lý thuyết : 20 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm : 05 tiết
 - Bài tập : 04 tiết
 - Kiểm tra : 01 tiết
- Thời gian tự học : 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Hóa, Khoa Khoa học Đại Cương

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức:
 - + Sinh viên trình bày được những kiến thức cơ bản về sản xuất công nghiệp, nông nghiệp và dịch vụ, tổ chức lãnh thổ và các vùng kinh tế - xã hội ở Việt Nam.
- Về kỹ năng:

+ Sinh viên phân tích được các nguồn lực phát triển kinh tế - xã hội, tổ chức lãnh thổ các ngành, vùng trong cả nước.

+ Sinh viên vận dụng được những kiến thức vào quản lý quy hoạch phát triển kinh tế xã hội, ngành, lĩnh vực và lãnh thổ.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:*

+ Sinh viên xác định được mục tiêu học tập, có khả năng vận dụng kiến thức của các môn học, có khả năng tự học tập tích lũy kiến thức kinh nghiệm để nâng cao trình độ.

+ Sinh viên có nhiều sáng kiến và ý tưởng để tiếp thu kiến thức của các học phần khác, các em biết lập kế hoạch và hoàn thành kế hoạch học tập chủ động.

+ Rèn luyện ý thức tự học, tự nghiên cứu cho sinh viên. Giúp các em có thêm động lực tự phấn đấu và rèn luyện để trở thành công dân có ích cho đất nước.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

- Vị trí, đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu địa lý kinh tế.
- Các nguồn lực chủ yếu để phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam.
- Tổ chức lãnh thổ nông - lâm - ngư nghiệp; công nghiệp - dịch vụ;
- Tổ chức lãnh thổ các vùng kinh tế của Việt Nam.

Các kiến thức của bộ môn này giúp sinh viên vận dụng để học tiếp các môn học như quản lý quy hoạch phát triển kinh tế xã hội, Quy hoạch đất, Định giá đất... Đây cũng là tài liệu tham khảo bổ ích đối với sinh viên các khoa Kinh tế môi trường, Khí tượng thủy văn... và nhiều chuyên ngành khác.

4. Học liệu điện tử

4.1. Học liệu chính (HLC)

1. Lê Thị Lan Hương – Đặng Trần Chiền, 2019, *Giáo trình Địa lý Kinh tế - Xã hội Việt Nam*, NXB Đại học Quốc Gia Hà Nội.

4.2. Học liệu bổ trợ (HLBT)

1. Bài giảng Địa lý kinh tế Việt Nam (năm 2020) - Bộ môn Hóa, Khoa Khoa học đại cương, Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

2. Nguyễn Văn Phú, 2004, *Đề cương chương trình môn học Quy hoạch vùng và tổ chức lãnh thổ kinh tế - xã hội*, Tập bài giảng ĐHKHTN, Hà Nội.

3. Nguyễn Đức Tuấn, *Địa lý kinh tế học*, NXB Thống kê, Hà Nội.

4. Bùi Văn Quyết, 2005, *Giáo trình Địa lý kinh tế*, NXB Tài Chính.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Sử dụng kết hợp các phương pháp giảng dạy sau đây:

- Phương pháp thuyết trình
- Phương pháp học dựa trên các vấn đề
- Phương pháp thảo luận nhóm

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuẩn bị các điều kiện học từ xa (máy tính, camera, micro có kết nối mạng Internet)
- Sinh viên chuẩn bị bài học ở nhà theo hướng dẫn của giảng viên.
- Tại lớp, giảng viên cùng sinh viên trao đổi và giải đáp những vấn đề mà sinh viên đã chuẩn bị ở nhà.
- Sinh viên biết vận dụng các kiến thức để phân tích các vấn đề kinh tế xã hội của một tỉnh, một vùng, hay quốc gia
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: Số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm 2 đầu điểm hệ số 1

- Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Tổ chức kiểm tra, đánh giá theo hình thức trực tiếp tại Trường hoặc tại các cơ sở khác.
- Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
1	2	3	4	5	6	7
Chương 1 ĐỐI TƯỢNG, NHIỆM VỤ VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU ĐỊA LÝ KINH TẾ	2	0	0	2	4	Đăng nhập hệ thống học trực tuyến, vào phòng học ảo đúng giờ. Đọc giáo trình địa lý KTXH Việt Nam từ trang 12-20
1.1. Vị trí của địa lý kinh tế trong hệ thống khoa học địa lý.	1					Đọc giáo trình địa lý KTXH Việt Nam từ trang 12-20

1.2. Đối tượng nghiên cứu của địa lý kinh tế						
1.3. Nhiệm vụ của địa lý kinh tế	1					
1.4. Phương pháp nghiên cứu địa lý kinh tế						
Chương 2 CÁC NGUỒN LỰC CHỦ YẾU ĐỂ PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI VIỆT NAM	5	1	2	8	16	Đọc giáo trình địa lý KTXH Việt Nam từ trang 20-45
2.1. Các nguồn lực tự nhiên 2.1.1. Vị trí địa lý và các đặc điểm cơ bản của vị trí địa lý 2.1.2. Tài nguyên thiên nhiên	1 2					Đọc giáo trình địa lý KTXH Việt Nam từ trang 20-25
2.2. Nguồn lực kinh tế - xã hội 2.2.1. Dân cư và nguồn lao động 2.2.2. Đường lối chính sách phát triển kinh tế xã hội 2.2.3. Cơ sở vật chất, cơ sở hạ tầng KT- XH	1 1					Đọc giáo trình địa lý KTXH Việt Nam từ trang 25-45 Đọc tài liệu bổ trợ 1
Thảo luận về các nguồn lực chủ yếu để phát triển KTXH ở địa phương			2			Đọc Tài liệu chính và bổ trợ 1,2
Chương 3 TỔ CHỨC LÃNH THỔ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP, NÔNG NGHIỆP, DỊCH VỤ	6	2		8	16	Đọc giáo trình từ trang 46 - 88
3.1. Tổ chức lãnh thổ sản xuất công nghiệp. 3.1.1 Vị trí vai trò của công nghiệp trong nền kinh tế quốc dân 3.1.2 Thực trạng phát triển và phân bố các ngành công nghiệp Việt Nam 3.1.3 Tổ chức lãnh thổ công nghiệp Việt Nam	1 1					Đọc giáo trình từ trang 46 -62 Sinh viên chuẩn bị máy tính cá nhân để làm bài tập
3.2. Tổ chức lãnh thổ sản xuất nông nghiệp 3.2.1 Vị trí, vai trò của nông nghiệp trong nền kinh tế quốc dân	1					Đọc giáo trình từ trang 62 - 86

3.2.2 Thực trạng, phát triển và phân bố nông nghiệp Việt Nam 3.2.3. Tổ chức lãnh thổ nông nghiệp Việt Nam	1					
3.3 Tổ chức lãnh thổ dịch vụ Việt Nam 3.3.1. Vai trò của ngành dịch vụ trong đời sống xã hội 3.3.2. Hiện trạng phát triển và phân bố một số ngành dịch vụ	1 1					Tham khảo thêm giáo trình bổ trợ 2,3
Kiểm tra giữa học phần	1			1		1
Chương 4 TỔ CHỨC LÃNH THỔ CÁC VÙNG KINH TẾ VIỆT NAM	6	2	3	11	22	Đọc giáo trình Địa lý KTXH Việt Nam từ trang 111-145
4.Lý luận cơ bản về tổ chức lãnh thổ 41. Vùng Trung du và miền núi phía Bắc 4.2. Vùng đồng bằng sông Hồng 4.3. Vùng Bắc Trung Bộ 4.4. Vùng duyên hải Nam Trung Bộ 4.5. Vùng Tây Nguyên 4.6.Vùng Đông Nam Bộ 4.7. Vùng đồng bằng sông Cửu Long	1 1 1 1 1 1 1					Đọc giáo trình Địa lý KTXH Việt Nam từ trang 111-145
Thảo luận về ý nghĩa của việc phân vùng kinh tế nước ta.			3			Sv tham khảo tài liệu trên mạng và các tài liệu GV đã giới thiệu
Tổng số	20	5	5	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT

1. Thông tin chung về môn học

- Tên học phần

▪ Tiếng Việt : **Tiếng anh 1**

▪ Tiếng Anh : **English 1**

- Mã học phần : NNTA2101

- Số tín chỉ : 03

- Hình thức học : Học từ xa theo phương pháp trực tuyến

- Đối tượng học : Sinh viên ngành Quản lý đất đai trình độ đại học hệ vừa làm vừa học

- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương ☒		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☐				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☐		
Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động : 45 tiết

▪ Nghe giảng lý thuyết : 8 tiết

▪ Bài tập : 14 tiết

▪ Thảo luận, hoạt động nhóm: 21 tiết

▪ Kiểm tra : 2 tiết

- Thời gian tự học : 90 giờ

- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Ngoại ngữ.

2. Mục tiêu của học phần:

- Về kiến thức:

+ Ngữ âm: Sinh viên có thể phát âm được rõ ràng dù vẫn còn nhiều ảnh hưởng của tiếng mẹ đẻ và thường cần thương lượng để người tham gia hội thoại có thể hiểu.

+ Ngữ pháp: Có vốn kiến thức cơ bản về cách diễn đạt cho những tình huống giao tiếp hàng ngày như thông tin cá nhân, thói quen, nhu cầu, sở thích, hỏi đáp về những thông tin đơn giản. Đồng thời sử dụng các cấu trúc cơ bản trong đó có các cụm từ cố định, các cách diễn đạt theo công thức.

+ Từ vựng: Có vốn từ đủ để tiến hành những giao tiếp đơn giản hàng ngày với các tình huống và chủ đề quen thuộc.

- *Về kĩ năng:*

* Kĩ năng đọc:

+ Hiểu được những đoạn văn ngắn, đơn giản về các chủ đề quen thuộc được diễn đạt bằng ngôn ngữ hàng ngày.

+ Hiểu được các bài đọc ngắn đơn giản gồm những từ vựng được sử dụng với tần suất cao.

* Kĩ năng nghe:

+ Nghe những cụm từ, những cách diễn đạt liên quan đến cuộc sống hàng ngày khi chúng được nói một cách rõ ràng chậm rãi.

+ Hiểu được chủ đề mà người khác đang thảo luận khi họ nói một cách rõ ràng chậm rãi.

+ Hiểu được nội dung chính trong các thông báo hay chỉ dẫn đơn giản.

* Kĩ năng nói:

+ Giao tiếp được trong những tình huống cố định và hiểu được những hội thoại ngắn về những chủ đề gần gũi với sự giúp đỡ của người khác khi cần thiết.

+ Hỏi và trả lời câu hỏi cũng như trao đổi ý kiến và thông tin về những chủ đề quen thuộc trong tình huống giao tiếp hàng ngày.

+ Thực hiện các chức năng ngôn ngữ hội thoại để thiết lập các mối quan hệ xã hội như chào hỏi, giới thiệu cảm ơn, xin lỗi.

+ Làm việc theo nhóm để thực hiện những nhiệm vụ đơn giản như bàn về một chủ đề quen thuộc, hay thảo luận một tài liệu với cách diễn đạt và ngôn ngữ đơn giản.

+ Miêu tả người, sự vật, nơi chốn, công việc, việc học tập, thói quen hàng ngày, kinh nghiệm, thông tin và sở thích cá nhân.

+ Trình bày một chủ đề ngắn về những vấn đề liên quan đến cuộc sống hàng ngày, đưa ra lý do và có thể trả lời một số câu hỏi đơn giản.

* Kĩ năng viết:

+ Viết các tin nhắn đơn giản, một bức thư ngắn....

+ Viết các cụm từ, các câu đơn giản sử dụng từ nối

+ Viết về những chủ đề quen thuộc, gần gũi như tả người, nơi chốn.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:*

+ Nhận thức được tầm quan trọng của môn học.

+ Xây dựng và phát huy tinh thần tự chủ trong học tập thông qua nghiên cứu sách ngữ pháp, đọc thêm các tài liệu trên mạng.

+ Thực hiện nghiêm túc thời gian biểu, làm việc nhóm/cặp và nộp bài đúng hạn.

+ Tự giác trong học tập và trung thực trong thi cử.

- + Phát huy khả năng sáng tạo khi thực hiện các hoạt động trên lớp cũng như ở nhà.
- + Tham gia tích cực và có tinh thần xây dựng các hoạt động trên lớp.
- + Chia sẻ thông tin với bạn bè và giảng viên.
- + Chủ động đặt câu hỏi về những thắc mắc của mình.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

Module 1: People and places

Module 2: Everyday Life

Module 3: Loves and Hates

Module 4: Eating and Drinking

Module 5: Extraordinary Lives

Module 6: Buying and Selling

Module 7: The world around us

Module 8: Going Places

4. Học liệu điện tử

4.1. Học liệu chính (HLC)

1. Giáo trình: *New Cutting Edge, Elementary*. Comyns Carr, J., Cunningham, S., & Moor, P. (2005). Harlow: Pearson Longman.

4.2. Học liệu bổ trợ (HLBT)

1. Bài giảng điện tử Tiếng Anh 1 (năm 2020) – Bộ môn Ngoại ngữ, Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội

2. Hughes, J., Stephenson, H., & Dummett, P. (2015). *Life (Vietnam Edition)*. National Geographic Learning. Cengage Learning. A1/A1-A2

3. Thomson, A.J., & Martinet, A.V. (1992). *A practical English Grammar*. Oxford University Press.

4. Memarzadeh, A. (2007). *IELTS maximiser speaking*. Oxford University Press.

5. Esol examinations. (2013). *Preliminary English Test*. Cambridge University Press.

6. Department of Foreign Language. (2014). *Practice Exercise 1*. Internal circulation. Hanoi University of Natural Resources and Environment.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Các phương pháp được tổ chức dạy dưới các hình thức chủ yếu như: Thuyết trình, phát vấn, làm việc nhóm, dạy học thực hành, đàm thoại, tình huống, tự học

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuẩn bị các điều kiện học từ xa (máy tính, camera, micro có kết nối mạng Internet)
- Tham dự đầy đủ các buổi học, tích cực tham gia vào bài giảng.

- Chuẩn bị bài trước khi đến lớp theo hướng dẫn trong đề cương môn học.
- Hoàn thành các bài tập được giao và nộp bài đúng hạn.
- Tham dự đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên và định kỳ.

Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

- Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%/

Bao gồm 2 đầu điểm hệ số 1

- Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☒ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Tổ chức kiểm tra, đánh giá theo hình thức trực tiếp tại Trường hoặc tại các cơ sở khác.

- Hình thức thi:

Tự luận ☐ Trắc nghiệm ☒ Vấn đáp ☒ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết và phân phối thời gian:

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học	
	LT	BT	TL, KT	Tổng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Module 1: People and places	1	1	2	4	8	• Đăng nhập hệ thống học trực tuyến – vào phòng học ảo đúng giờ • Cách sử dụng của động từ To Be • Từ vựng về các thông tin cá nhân (nghề nghiệp, quốc tịch...) • Số đếm trong TA Tự học: Module 2: You and Yours (p20-25)
• Nghe 1: Thông tin cá nhân (p.11) • Nói 1: Hỏi và trả lời về thông tin cá nhân của 4 nhân vật trong bài nghe (p.11) • Viết: Viết một đoạn văn ngắn giới thiệu về bản thân (p. 12, 13) - Tham khảo cho sinh viên trình độ A1-A2: Unit 1 - Life A1-A2-1e. Viết về thông tin cá nhân (p.17)						

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học	
	LT	BT	TL, KT	Tổng		
- Nói 2: Giới thiệu ngắn gọn về bản thân mình theo nhóm hoặc cá nhân trước lớp (p. 12,13) - Đọc: Đọc các loại giấy tờ tùy thân để tìm thông tin cá nhân điền vào bảng. (p.14, 15) - Tham khảo cho sinh viên trình độ A1-A2: Unit 1 - Life A1-A2-1c. Đọc thông tin về con người trên thế giới (p.14,15) - Nghe 2: Nghe và điền thông tin còn thiếu vào bảng tóm tắt thông tin (p.16)						
Module 2: Everyday Life	1	1	2	4	8	
- Đọc: Đọc và làm bài tập theo hướng dẫn (p.28) - Nghe: Nghe và làm các nhiệm vụ nghe theo hướng dẫn (p.29) Tham khảo: Unit 8 - Life A1-8a. Đọc và nghe thông tin về cuộc sống hàng ngày của 1 nhà văn ở Trung Quốc (p.94,95) - Nói 1: Thảo luận về cuộc sống hàng ngày của người Úc và so sánh với người Việt Nam (p.29) - Nói 2: Hỏi và trả lời theo cặp về hoạt động hàng ngày (p.31) - Viết: Viết về một ngày điển hình của bản thân (p.31)						- Cách sử dụng và dấu hiệu nhận biết của thì Hiện tại đơn - Cách nói thời gian trong TA (p.30) - Nói về các hoạt động thường làm vào ngày nghỉ cuối tuần của bản thân
Module 3: Loves and Hates	1	1	2	4	8	
Nghe: nghe về sở thích của các nhân vật nổi tiếng và làm các						Từ vựng về các hoạt động/môn thể thao ưa thích

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học	
	LT	BT	TL, KT	Tổng		
hoạt động nghe theo hướng dẫn (p.34) • Đọc: Đọc về cuộc sống của hai ngôi sao và làm các nhiệm vụ đọc theo hướng dẫn (p.36) • Tham khảo: Unit 6 - Life A1-6b. Từ vựng và bài đọc về sở thích (p.72,73) • Viết: Viết về sở thích của bản thân: thức ăn/đồ uống; môn thể thao/hoạt động, con vật, đồ vật, hoạt động ưa thích... (p. 35) • Nói 1: Hỏi và trả lời theo cặp về sở thích cá nhân sử dụng trạng từ chỉ tần suất (p.38) • Nói 2: Cách đưa ra lời yêu cầu và đề nghị lịch sự cũng như các cách đáp lại (p.40)						• Vị trí, ý nghĩa và cách dùng của trạng từ chỉ tần suất trong thì hiện tại đơn • Nói về sở thích cá nhân
Module 4: Eating and Drinking	1	1	2	4	8	
• Nghe 1: Nghe một số nhân vật đến từ các quốc gia khác nhau nói về bữa sáng của họ (thói quen, thời điểm, thức ăn...) và làm các nhiệm vụ nghe theo hướng dẫn (p.53) • Đọc: Đọc 6 đoạn văn ngắn về các quan niệm và các lời khuyên về ăn uống; làm các nhiệm vụ theo yêu cầu (p.54) • Tham khảo cho sinh viên trình độ A1-A2: Unit 5 - Life						• Từ vựng về chủ đề ăn uống; tên các loại thực phẩm, đồ ăn • Cách sử dụng các từ chỉ định lượng; phân biệt some và any • Cấu trúc How much / How many • Nói về thói quen ăn uống của bản thân.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học	
	LT	BT	TL, KT	Tổng		
A1-A2- 5b. Đọc về top 5 chợ ẩm thực trên thế giới (p.60) - Nói: Làm việc theo cặp, sử dụng các câu hỏi trang 56 để hỏi và trả lời về các chủ đề được nêu (p. 56) - Nghe 2: Nghe 3 bài hội thoại về cách gọi món ăn trong nhà hàng và làm các nhiệm vụ nghe theo hướng dẫn (p.58)						Tự học: <i>Module 5: Getting from A to B</i> (p.42-49)
Module 5: Extraordinary Lives	1	1	2	4	8	
- Nói 1: Làm việc theo cặp. Hỏi và trả lời về bản thân hoặc người thân trong gia đình, sử dụng các câu hỏi cho trước (p.61) - Đọc: Đọc về Tim Berners Lee – nhà sáng lập ra trang web và làm các nhiệm vụ đọc theo hướng dẫn (p.62) - Nghe : Nghe Mariene kể về cuộc đời của mình và làm các nhiệm vụ nghe theo hướng dẫn (p.66) Tham khảo: Unit 11 - Life A1-11b. Đọc và nghe một đoạn phỏng vấn người phiêu lưu mạo hiểm (p.132,133) - Nói 2: Làm việc theo nhóm. Nói về lần cuối làm một việc gì đó là khi nào (p.65)						- Cách sử dụng và dấu hiệu nhận biết của thì Quá khứ đơn - Động từ có quy tắc và bất quy tắc sử dụng trong thì Quá khứ đơn - Từ vựng về các mốc thời gian (năm, thập niên, thế kỷ) - Chia động từ trong ngoặc để hoàn thành đoạn văn và nghe lại để kiểm tra đáp án (p.63) - Nói về một sự kiện đáng nhớ nào đó đã xảy ra với bản thân

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học	
	LT	BT	TL, KT	Tổng		
Viết: Kể vắn tắt về cuộc đời của bản thân tính tới thời điểm hiện tại (p.66)						
Consolidation Modules 1-6 Revision 1			2	2	8	
Progress Test 1		1	1	2		
Module 6: Buying and Selling	1	1	2	4	8	
- Nói 1: So sánh các cặp đồ vật trong tranh sử dụng tính từ cho trước (p.79) - Đọc: Đọc về các khu chợ nổi tiếng nhất thế giới và làm các nhiệm vụ đọc theo hướng dẫn (p.80-81) - Nghe : Nghe 4 tình huống về mua sắm và làm các nhiệm vụ nghe theo hướng dẫn (p.83) - Nói 2: Trình bày ý kiến cá nhân hoặc thảo luận theo cặp/nhóm về các món quà lưu niệm du khách nên mua khi đến Việt Nam. Chú ý các mẫu câu được sử dụng khi đưa ra ý kiến cá nhân về một vấn đề nào đó và các cách đáp lại khi người nghe đồng tình hoặc phản đối. (p. 84) - Tham khảo: Unit 5- Life A1-5b. Từ vựng và nghe nói về giá cả (p.64)						- Từ vựng về chủ đề mua sắm - Cấu trúc câu so sánh; các tính từ và trạng từ so sánh bất quy tắc - Cách hỏi và nói giá tiền trong mua sắm - Nghe 6 đoạn hội thoại và hoàn thành nhiệm vụ nghe theo hướng dẫn (p.84) - Nói về thói quen mua sắm của bản thân hoặc một khu chợ nổi tiếng ở Việt Nam Tự học: Module 10: Street life (p.86-93)

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học	
	LT	BT	TL, KT	Tổng		
Module 7: The world around us	1	1	2	4	8	
• Đọc: Đọc các thông tin về thế giới tự nhiên và làm các nhiệm vụ đọc theo hướng dẫn (p.96-97) • Tham khảo: Unit 8- Life A1-8c. Đọc bài về loài hổ (p.98,99) • Nói: Hoạt động theo cặp, hỏi và trả lời các thông tin về thế giới tự nhiên, sử dụng dạng câu hỏi WH (p.98-99 +102) • Nghe: Nghe về 2 loài vật thân thiết với con người và làm các nhiệm vụ nghe theo hướng dẫn (p. 100) • Viết : Tìm hiểu các thông tin khoa học về một loài vật yêu thích và viết một đoạn văn ngắn (100–120 từ) để miêu tả loài vật đó						• Từ vựng về động vật và thế giới tự nhiên • Động từ khuyết thiếu CAN để nói về khả năng • Các dạng câu hỏi thu thập thông tin (Wh- questions) • Cách sử dụng các mạo từ A/AN/THE • Nói về một loài vật yêu thích <u>Tự học:</u> <i>Module 13: Learning for the future</i> (p.86-93)
Unit 8: Going Places	1	1	2	4	8	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học	
	LT	BT	TL, KT	Tổng		
Nghe : Nghe bài giới thiệu về thành phố Edinburgh và làm các nhiệm vụ nghe theo hướng dẫn (p.129) - Nói : Làm việc theo cặp / nhóm, lập các bài hội thoại về hỏi và chỉ đường (p.132-133) - Đọc: Đọc các biển báo giao thông và hoàn thành các nhiệm vụ theo yêu cầu (p. 132) - Viết: miêu tả một địa danh nổi tiếng Tham khảo: Unit 3- Life A1-A2- 3e. Viết về 1 địa danh (p.41)						- Từ vựng về các địa danh và các địa điểm trong thành phố - Cấu trúc và cách dùng của các động từ khuyết thiếu <i>Have to/don't have to và Can/can't</i> - Các giới từ chỉ phương hướng, sự chuyển động (p.130-131) - Các cách hỏi và chỉ đường - Nói về một thành phố/quốc gia yêu thích <u>Tự học:</u> <i>Module 12: A weekend away</i> (p.104-110)
Consolidation Modules 7 -15 Revision 2			2	2	8	
Progress Test 2		1	1	2		
Guidelines and Suggestions for doing the Practice exercise 1		4	1	5	10	
Tổng	8	14	23	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần

• Tiếng Việt : **Tiếng anh 2**

• Tiếng Anh : **English 2**

- Mã học phần : NNTA2102

- Số tín chỉ : 03

- Hình thức học : Học từ xa theo phương pháp trực tuyến

- Đối tượng học : Sinh viên ngành Quản lý đất đai trình độ đại học hệ vừa làm vừa học

- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương ☑		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☐				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☐		
Bắt buộc ☑	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	

- Các học phần tiên quyết/ học trước: Tiếng Anh 1

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động : 45 tiết

▪ Nghe giảng lý thuyết : 5 tiết

▪ Làm bài tập trên lớp : 20 tiết

▪ Thảo luận : 20 tiết

- Thời gian Tự học : 90 giờ

- Bộ môn phụ trách môn học: Bộ môn Ngoại ngữ.

2. Mục tiêu của môn học

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức:

Sau khi học xong môn học sinh viên có kiến thức cơ bản về các thời, thể ngữ pháp tiếng Anh trình độ tiền trung cấp; các từ vựng cơ bản về các chủ điểm quen thuộc như gia đình, sở thích, công việc.

- *Về kỹ năng:*

* Kỹ năng đọc:

+ Hiểu được những đoạn văn ngắn, đơn giản về các chủ đề quen thuộc được diễn đạt bằng ngôn ngữ hàng ngày.

+ Hiểu được các bài đọc ngắn đơn giản gồm những từ vựng được sử dụng với tần suất cao.

* Kỹ năng nghe:

+ Nghe những cụm từ, những cách diễn đạt liên quan đến cuộc sống hàng ngày khi chúng được nói một cách rõ ràng chậm rãi.

Hiểu được chủ đề mà người khác đang thảo luận khi họ nói một cách rõ ràng chậm rãi.

+ Hiểu được nội dung chính trong các thông báo hay chỉ dẫn đơn giản.

* Kỹ năng nói:

+ Giao tiếp được trong những tình huống cố định và hiểu được những hội thoại ngắn về những chủ đề gần gũi với sự giúp đỡ của người khác khi cần thiết.

+ Hỏi và trả lời câu hỏi cũng như trao đổi ý kiến và thông tin về những chủ đề quen thuộc trong tình huống giao tiếp hàng ngày.

+ Thực hiện các chức năng ngôn ngữ hội thoại để thiết lập các mối quan hệ xã hội như chào hỏi, giới thiệu cảm ơn, xin lỗi.

+ Làm việc theo nhóm để thực hiện những nhiệm vụ đơn giản như bàn về một chủ đề quen thuộc, hay thảo luận một tài liệu với những cách diễn đạt và ngôn ngữ đơn giản.

+ Miêu tả người sự vật, nơi chốn, công việc, việc học tập, thói quen hàng ngày, kinh nghiệm, thông tin và sở thích cá nhân.

+ Trình bày một chủ đề ngắn về những vấn đề liên quan đến cuộc sống hàng ngày, đưa ra lý do và có thể trả lời một số câu hỏi đơn giản.

* Kỹ năng viết:

+ Viết các tin nhắn đơn giản, một bức thư ngắn....

+ Viết các cụm từ, các câu đơn giản sử dụng từ nối

+ Viết về những chủ đề quen thuộc, gần gũi như tả người, nơi chốn.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:*

Nhận thức được tầm quan trọng của môn học. Xây dựng và phát huy tinh thần tự chủ trong học tập thông qua nghiên cứu sách ngữ pháp, đọc thêm các tài liệu trên mạng. Thực hiện nghiêm túc thời gian biểu, làm việc nhóm/cặp và nộp bài đúng hạn.

3. Tóm tắt nội dung môn học

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

Module 1: Leisure and Lifestyle

Module 2: Important Firsts

Module 3: At rest, at work

Module 4: Special Occasions

Module 5: Appearances

Module 6: Ambitions and Dreams

Module 7: Countries and cultures

4. Học liệu điện tử

4.1. Học liệu chính (HLC)

1. Giáo trình New cutting Edge (Pre- Intermediate) . Comyns Carr, J., Cunningham, S., & Moor, P. (2005). Harlow: Pearson Longman.

4.2. Học liệu bổ trợ (HLBT)

1. Bài giảng điện tử Tiếng Anh 2, 2020, Bộ môn Ngoại ngữ, Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội

2. A.J.Thomson & A.V. Martinet. 1992. *A practical English grammar*. Oxford University Press.

3. Alireza Memarzadeh. 2007. *IELTS maximiser speaking*. Oxford University Press.

4. Esol examinations. 2013. *Preliminary English test*. Cambridge University Press.

5. Department of Foreign Language. 2015. *Practice exercise 1*. Internal circulation. University of Natural Resources and Environment.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập của môn học

Các phương pháp được tổ chức dạy dưới các hình thức chủ yếu như: Thuyết trình, phát vấn, làm việc nhóm, dạy học thực hành, đàm thoại, tình huống, tự học

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuẩn bị các điều kiện học từ xa (máy tính, camera, micro có kết nối mạng Internet)
- Tham dự đầy đủ các buổi học, tích cực tham gia vào bài giảng.
- Chuẩn bị bài trước khi đến lớp theo hướng dẫn trong đề cương môn học.
- Hoàn thành các bài tập được giao và nộp bài đúng hạn.
- Tham dự đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên và định kỳ.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Giảng viên đánh giá theo thang điểm 10, Phòng Đào tạo sẽ quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 để phục vụ cho việc xếp loại trung bình học kỳ, trung bình tích lũy.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập môn học

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm: 02 đầu điểm hệ số 1

Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☒ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Tổ chức kiểm tra, đánh giá theo hình thức trực tiếp tại Trường hoặc tại các cơ sở khác.

- Hình thức thi:

Tự luận ☐ Trắc nghiệm ☒ Vấn đáp ☒

9. Nội dung chi tiết môn học và phân bổ thời gian

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến					Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)						
	LT	BT	TL, KT	TH	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Module 1: Leisure and Lifestyle	1	1	2		4	8	Đăng nhập hệ thống học trực tuyến – vào phòng học ảo đúng giờ
- Nói: Nói về cách luyện tập để giữ gìn sức khỏe (p.7,8,9) - Đọc: Đọc để lấy thông tin trả lời câu hỏi (p.10) - Từ vựng: Liên quan đến các hoạt động giải trí. - Nghe: Nghe thông tin và trả lời câu hỏi (p.11) - Viết: Viết về thông tin cá nhân dựa theo mẫu (p.13)							- Củng cố lại cách sử dụng thì Hiện tại đơn giản, các câu hỏi có từ để hỏi, cách phát âm và trọng âm trong câu. - Từ vựng về các môn thể thao; các hoạt động hàng ngày - Từ vựng về thông tin cá nhân
Module 2: Important Firsts	1	1	2		4	8	
- Nói 1: Trao đổi ngắn về một số hoạt động đã làm trong quá khứ (p.18) - Nghe 1: Nghe thông tin chi tiết về một sự kiện ấn tượng đã xảy ra trong quá khứ, trả							- Thì quá khứ đơn - Trạng từ chỉ thời gian sử dụng với thì quá khứ đơn - Từ vựng diễn tả cảm xúc

lời câu hỏi liên quan (p.10,21) - Nói 2: Kể về những dấu ấn trong quá khứ. - Viết: Viết một đoạn văn kể về những kỷ niệm thời thơ ấu (Có thể chuẩn bị bài viết ở nhà) - Nghe 2 (+ Nói 3): Diễn tả cảm xúc Từ vựng: Các tính từ miêu tả.							- Cách chia và phát âm các động từ sử dụng với thì quá khứ đơn - Các liên từ sử dụng trong văn trần thuật
Module 3: At rest, at work	1	2	1		4	8	
- Đọc: Đọc đoạn văn để lấy thông tin trả lời câu hỏi (p.24,25) - Nói 1: Thảo luận để đưa ra lời khuyên (p.26) - Nói 2: Nói về nhiệm vụ phải làm và khả năng (p.27) - Nghe: Nghe lấy thông tin để điền vào bảng (p.29) - Nói 3: Thảo luận để đưa ra lời khuyên về lựa chọn công việc phù hợp (p.28,29) - Từ vựng: Hoạt động thường nhật							- Cấu trúc và cách sử dụng của các động từ khuyết thiếu: SHOULD; CAN; HAVE TO - Từ vựng về chủ đề công việc hàng ngày và nghề nghiệp
Module 4: Special Occasions		2	2		4	8	
- Đọc: Đọc lướt để lấy thông tin về cách thức, truyền thống tổ chức sinh nhật ở một số nước trên thế giới (p.32,33) - Nghe: Nghe về cách đón năm mới và điền thông tin vào bảng (p.36, 37) - Nói (+ nghe 2): Về sắp xếp lịch cá nhân (p.38,39)							- Phân biệt cấu trúc và cách sử dụng thì Hiện tại đơn với thì Hiện tại tiếp diễn - Cách sử dụng thì hiện tại tiếp diễn cho một dự định đã được sắp xếp trong tương lai - Từ vựng về Ngày, tháng, năm

- Viết: Viết một bức thư mời (Có thể chuẩn bị ở nhà) - Từ vựng: Mốc các sự kiện và các lễ hội đặc biệt.							- Từ vựng về các ngày lễ tết và các hoạt động thường trong các lễ hội đặc biệt.
Consolidation Modules 1-4 Progress Test 1: Written test		3	1		4		
Module 5: Appearances	1	1	2		4	8	
- Đọc: Đọc để tìm thông tin chính về sự thay đổi về quan điểm về cái đẹp xưa và nay (p.42,43) - Nghe 1: Nghe mô tả và so sánh về ngoại hình (p.44,45) - Nghe 2: Nghe thông tin chi tiết về mô tả người (p.46,47) - Nói: Mô tả một người nào đó (ngoại hình + tính cách)							- Cấu trúc và cách sử dụng của các loại câu so sánh - Từ vựng về mô tả ngoại hình và tính cách
Module 6: Ambitions and Dreams	1	2	1		4	8	
- Nghe : Nghe thông tin về 8 nhân vật nổi tiếng - Vocabulary: Cung cấp một số từ vựng về tham vọng, ước mơ và thành quả - Nói: nói về những ước mơ những dự định của mình trong cuộc sống. - Viết : viết về ước mơ nghề nghiệp trong tương lai							Ôn lại cách sử dụng thì Hiện tại hoàn thành, thì quá khứ đơn. Phân biệt các trạng từ chỉ thời gian khi sử dụng với hai thì này. - Đặc biệt chú ý về động từ bất quy tắc và quá khứ phân từ.
Module 7: Countries and cultures		2	2		4	8	
- Đọc hiểu về các thông tin địa lý. Đọc đoạn văn để trả lời câu hỏi. - Nghe: Sắp xếp lại câu theo đúng thứ tự. Nghe đoạn hội							- Ôn lại cách sử dụng mạo từ. Từ chỉ số lượng với danh từ đếm được và không đếm được. - Tự học:

thoại về cuộc sống của Stuart ở thành thị. - Từ vựng: Liên quan đến đặc điểm địa lý. - Nói: Nói về cách chỉ đường. - Viết: Thiệp mời							Module 10+ 11: (p.90-98)
Consolidation Modules 5-8		3	1		4	8	
Progress test 2 – Oral Test			4		4	8	
Guidelines and Suggestions for doing the Practice exercises		3	2				Preparation for the final exam
Cộng	5	20	20		45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
- Tiếng Việt : **Tiếng Anh 3**
- Tiếng Anh : **English 3**
- Mã học phần : NNTA2103
- Số tín chỉ : 02
- Hình thức học : Học từ xa theo phương pháp trực tuyến
- Đối tượng học : Sinh viên ngành Quản lý đất đai trình độ đại học hệ vừa làm vừa học
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☒		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☐				
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☐		Thực tập và Khóa luận tốt nghiệp ☐
Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Tiếng Anh 2
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động : 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết : 05 tiết
 - Làm bài tập trên lớp: : 11 tiết
 - Thực hành, thực tập, thảo luận: : 14 tiết
- Tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Ngoại ngữ

2. Mục tiêu của học phần

- Về kiến thức

+ *Ngữ âm*: Sinh viên có thể phát âm rõ ràng theo hướng dẫn và tự tin hơn trong các hội thoại có hướng dẫn trong và ngoài lớp.

+ *Ngữ pháp*: Vận dụng vốn kiến thức cơ bản và nâng cao về cách diễn đạt cho những tình huống giao tiếp hàng ngày như cuộc sống truyền thống và hiện đại, các vấn đề về sức khỏe, các vật dụng cá nhân và trong gia đình, thông tin cá nhân, mô tả người quen và trao

đổi những trải nghiệm. Đồng thời sử dụng các cấu trúc cơ bản trong đó có các cụm từ cố định, các cách diễn đạt theo cấu trúc câu.

+ *Từ vựng*: Có vốn từ đủ để tiến hành những giao tiếp cơ bản và nâng cao hàng ngày với các tình huống và chủ đề quen thuộc.

- *Về kỹ năng*

+ *Kỹ năng đọc*:

Đọc hiểu các đoạn văn có độ dài trung bình.

Rèn luyện kỹ năng đọc lướt nhanh để lấy thông tin chính cho các bài tập đọc hiểu.

Đọc lướt các văn bản dài để xác định các thông tin cần tìm, thu thập thông tin từ nhiều phần của một văn bản, hay từ nhiều văn bản khác nhau nhằm hoàn thành các nhiệm vụ cụ thể trong bài đọc.

Xác định được các kết luận chính được chỉ rõ ra trong các bài báo hay đoạn văn.

+ *Kỹ năng nói*:

Giao tiếp được trong những tình huống cơ bản và hiểu được những hội thoại với những chủ đề trong giao tiếp cơ bản và nâng cao.

Hỏi và trả lời câu hỏi cũng như trao đổi ý kiến và thông tin về những chủ đề trong tình huống giao tiếp cơ bản và nâng cao.

Thực hiện các chức năng ngôn ngữ hội thoại để trao đổi, chia sẻ và thảo luận về những trải nghiệm trong cuộc sống.

Làm việc theo nhóm để thực hiện những nhiệm vụ cơ bản như thảo luận về một chủ đề quen thuộc, hay trao đổi và chia sẻ thông tin với những cách diễn đạt và ngôn ngữ cơ bản.

Miêu tả tính cách sự vật sự việc, những thay đổi giữa cuộc sống hiện đại và truyền thống, chia sẻ những trải nghiệm của bản thân.

Trình bày một chủ đề cơ bản về những vấn đề liên quan đến cuộc sống và các tình huống gặp phải, đưa ra lý do và có thể có thuyết phục người nghe đồng tình theo quan điểm cá nhân.

+ *Kỹ năng viết*

Viết về một chủ đề với những gợi ý

Viết các cụm từ, các câu cơ bản sử dụng câu điều kiện, câu trực tiếp gián tiếp, động danh từ

Cách viết lại câu giữa các thì hiện tại hoàn thành và quá khứ đơn giản.

+ *Kỹ năng nghe*

Nghe những cụm từ, những cách diễn đạt liên quan đến những hoạt động đã xảy ra khi chúng được nói một cách trôi chảy.

Xác định được chủ đề mà người khác đang thảo luận khi họ nói một cách trôi chảy.

Phân tích được nội dung chính trong các hội thoại hoặc các cuộc thảo luận.

+ *Các nhóm kỹ năng khác*

Nâng cao kỹ năng làm việc nhóm và kỹ năng thuyết trình bằng tiếng Anh (sử dụng từ ngữ đơn giản và ngôn từ rõ ràng).

Tìm kiếm và khai thác thông tin trên mạng internet, báo chí để phục vụ cho môn học chuyên ngành của mình.

Khích lệ sinh viên hỏi đáp và nhận xét đánh giá.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*

+ Xác định được tầm quan trọng của môn học và có ý thức cao độ trong việc học hỏi nắm bắt nội dung môn học.

+ Phát huy tối đa tinh thần tự học thông qua nghiên cứu tài liệu, tìm tòi sáng tạo các nguồn sách để đọc thêm và các tài liệu trên mạng internet ...

+ Thực hiện nghiêm túc thời gian biểu, làm việc và nộp bài đúng hạn.

+ Tự giác trong học tập và trung thực trong thi cử.

+ Phát huy tối đa khả năng sáng tạo khi thực hiện các hoạt động trên lớp cũng như ở nhà.

+ Sinh viên hăng hái, nhiệt tình tham gia vào các hoạt động thảo luận trên lớp.

+ Chia sẻ thông tin với bạn bè và giáo viên.

+ Chủ động đặt câu hỏi về những thắc mắc của mình.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

Module 1: Old and New

Module 2: Take care

Module 3: Got to have it

Module 4: Choosing the right person

Module 5: Money, money, money

4. Học liệu điện tử

4.1. Học liệu chính (HLC)

1. Giáo trình *New cutting Edge (Pre- Intermediate)*, Sarah Cunningham & Peter Moor with Jane Comyns Carr (2010), Pearson Longman

4.2. Học liệu bổ trợ (HLBT)

1. Bài giảng điện tử Tiếng Anh 3, 2020, Bộ môn Ngoại ngữ, Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội

2. A.J.Thomson & A.V. Martinet (1992), *A practical English grammar*, Oxford University Press.

3. Alireza Memarzadeh(2007),*IELTS maximiser speaking*, Oxford University Press.

4. Esol examinations (2013),*Preliminary English test*, Cambridge University Press.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Các phương pháp được tổ chức dạy dưới các hình thức chủ yếu như: Thuyết trình, phát vấn, làm việc nhóm, dạy học thực hành, đàm thoại, tình huống, tự học

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuẩn bị các điều kiện học từ xa (máy tính, camera, micro có kết nối mạng Internet)

- Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ của môn học được ghi trong đề cương môn học;
- Tham dự đầy đủ các buổi học, tích cực tham gia vào bài giảng;
- Tham dự đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên và định kì
- Chuẩn bị bài trước khi đến lớp theo hướng dẫn trong đề cương môn học
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☒ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Tổ chức kiểm tra, đánh giá theo hình thức trực tiếp tại Trường hoặc tại các cơ sở khác.
- Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
Module 1: Old and New	1	2	2	5	10	Đăng nhập hệ thống học trực tuyến – vào phòng học ảo đúng giờ
- Đọc: <i>The 1900 house</i> (p.80-81) - Nói: Facelift (p.85) - Viết: <i>Imagine your life without Internet and mobile phone</i>						-Ngữ pháp: May, might, will, definitely, etc...; - Sinh viên sử dụng các gợi ý trong phần useful language khi nói.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
- Ngữ âm: hướng dẫn cách nhấn âm trong các từ ghép						- Thời hiện tại sử dụng với if, when, before, etc... -Từ vựng: Hiện đại và truyền thống -Chủ điểm từ vựng: IF
Module 2: Take care	1	2	2	5	10	
-Từ vựng: Giới thiệu từ vựng của chủ đề trong bài. - Nghe: Health helpline (p.89) - Nói 1: Các cuộc hội thoại tư vấn về bệnh tật (p.89) + Đọc: Hazardous History (p.90-91) + Nói 2: Choose the Hero of the Year (p.94) + Viết: Sử dụng các liên từ trong lối văn tường thuật. Kể về một kỷ niệm đáng nhớ.						-Ngữ pháp: used to; thời quá khứ tiếp diễn -Từ vựng: Sức khỏe và tai nạn - Tìm hiểu thêm về các thông tin lịch sử liên quan đến nội dung bài đọc Hazardous History
Module 3: Got to have it	1	2	2	5	10	
-Đọc: The World’s Most Popular (p.106-107) và làm các nhiệm vụ liên quan đến bài đọc. -Nói 1: Một thương hiệu mà bạn ưa thích hoặc một sản phẩm mà bạn muốn sở hữu -Nói 2: Lập các bài hội thoại về đưa ra các gợi ý (trong những tình huốngnhất định) (p.112)						-Từ vựng: - danh từ chỉ các đồ vật hàng ngày -Ngữ pháp: Câu bị động (thì Hiện tại đơn; Quá khứ đơn) -Ngữ âm: Cách phát âm ED sau động từ
PROGRESS TEST 1		2	1	3	6	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
Module 4: Choosing the right person	1	1	3	5	10	
- Nói: Mô tả về các hoạt động thể thao (p.114) - Đọc: Đọc để lấy thông tin trả lời câu hỏi (p.117) - Từ vựng: Mô tả tính cách cá nhân. - Nghe: Nghe thông tin và điền từ vào chỗ trống (p.115) - Viết: Viết đơn xin việc theo mẫu (p.121)						- Cùng cố lại cách sử dụng thì Hiện tại hoàn thành và quá khứ đơn giản. Các câu hỏi có từ để hỏi, cách phát âm và trọng âm trong câu. - Từ vựng về các môn thể thao; các hoạt động hàng ngày - Từ vựng về thông tin cá nhân
Module 5: Money, money, money	1	1	2	4	8	
- Nói 1: Chia sẻ về những trải nghiệm đã qua thông qua hội thoại và kể chuyện (p.124, 129) - Nghe 1: Nghe ý chính và điền thông tin vào chỗ trống và trả lời câu hỏi (p.126, 130) - Đọc: các số liệu và ghép thông tin chính với từng đoạn văn (P. 125,127). - Viết: Viết câu sử dụng từ gợi ý.						- Thì quá khứ hoàn thành - Trạng từ chỉ thời gian sử dụng với thì quá khứ hoàn thành - Từ vựng về kinh tế và tiền tệ - Cách chia và phát âm các động từ sử dụng với thì quá khứ hoàn thành (PII)
Consolidation Modules 1-5			1	1	2	– Đọc và dịch lại bài. Hoàn thành các bài tập đi kèm
PROGRESS TEST 2			1	1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
Guidelines and Suggestions for doing the Practice exercises		1		1	2	– Ôn tập theo nội dung cho trước.
Cộng	5	11	14	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:

- Tiếng Việt : **Toán cao cấp 1**
- Tiếng Anh : **Advanced Mathematics 1**

- Mã học phần : KĐTO2101

- Số tín chỉ : 03

- Hình thức học : Học từ xa theo phương pháp trực tuyến

- Đối tượng học : Sinh viên ngành Quản lý đất đai trình độ đại học hệ vừa làm vừa học

- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương ☒		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☐					
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☐		Thực tập và Khóa luận tốt nghệp ☐	
Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐		

- Các học phần tiên quyết/học trước: Không

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động : 45 tiết

▪ Nghe giảng lý thuyết : 27 tiết

▪ Bài tập : 16 tiết

▪ Kiểm tra : 02 tiết

- Thời gian tự học : 90 giờ

- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Toán, Khoa Khoa học Đại cương

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức*: Sinh viên trình bày được những kiến thức cơ bản về đại số tuyến tính và giải tích toán học làm cơ sở cho việc học các môn chuyên ngành và lên trình độ cao hơn.

- *Về kỹ năng*: Sinh viên vận dụng được những kỹ năng cơ bản để giải quyết các bài tập tính toán, thực hành các bài toán trong chương trình toán cao cấp và tiếp cận học các môn chuyên ngành;

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:* Sinh viên xác định được nhiệm vụ học tập một cách tự giác, chủ động, thực hiện các phương pháp học hiệu quả; tự học tập, tích lũy kiến thức, nghiên cứu và áp dụng các kết quả đã học vào các lĩnh vực chuyên môn đồng thời rèn luyện cho sinh viên tác phong làm việc khoa học.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

- Phần đại số tuyến tính và hình học giải tích gồm các kiến thức cơ bản về Ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính, không gian véc tơ và dạng toàn phương, các mặt bậc hai.

- Phần giải tích toán học gồm các kiến thức cơ bản về hàm số một biến số.

4. Học liệu điện tử

4.1. Học liệu chính (HLC)

1. Toán học cao cấp (Tập 1, 2 – năm 2004) - Nguyễn Đình Trí (chủ biên), Tạ Văn Đĩnh, Nguyễn Hồ Quỳnh, Nhà xuất bản Giáo Dục.

4.2. Học liệu bổ trợ (HLBT)

1. Bài giảng Toán Cao cấp 1 (năm 2020) - Bộ môn Toán, Khoa Khoa học Đại cương, Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

2. Bài tập Toán cao cấp (năm 2018) - Lê Xuân Hùng, Lê Thị Hương, Nguyễn Ngọc Linh, Đàm Thanh Tuấn, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Các phương pháp được tổ chức dạy dưới các hình thức chủ yếu như: thuyết trình, thảo luận, hoạt động theo nhóm và tự học, tự nghiên cứu...

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuẩn bị các điều kiện học từ xa (máy tính, camera, micro có kết nối mạng Internet)

- Sinh viên phải có mặt trên lớp từ 70% tiết trở lên.

- Trong mỗi buổi học sinh viên phải chuẩn bị đầy đủ sách, vở.

- Sinh viên phải làm đầy đủ bài tập về nhà và chuẩn bị bài mới trước khi đến lớp theo yêu cầu của giảng viên trong mỗi buổi học.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Tổ chức kiểm tra, đánh giá theo hình thức trực tiếp tại Trường hoặc tại các cơ sở khác.
- Hình thức thi:

Tự luận ☒Trắc nghiệm ☐Vấn đáp ☐Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	trực tuyến				Tự học (Giờ)	
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
Chương 1:Ma trận và định thức	5	3		8	15	
1.1. Ma trận	2	1				- Đăng nhập hệ thống học trực tuyến - vào phòng học phải đúng giờ. - Đọc trước tài liệu, nghe giảng và làm bài tập về ma trận , định thức.
1.2. Định thức của ma trận vuông	2	1				
1.3. Ma trận nghịch đảo	1	1				
Chương 2: Hệ phương trình tuyến tính	5	3	1	9	15	
2.1.Định nghĩa	1					- Đăng nhập hệ thống học trực tuyến - vào phòng học phải đúng giờ - Đọc trước tài liệu, nghe giảng và làm bài tập về hệ phương trình.
2.2. Hệ Cramer	1	1				
2.3. Giải hệ phương trình tuyến tính trường hợp tổng quát	3	2	1			
-Kiểm tra						
Chương 3: Không gian véc tơ và dạng toàn phương	5	4		9	20	
3.1.Định nghĩa không gian véc tơ	1	1				- Đăng nhập hệ thống học trực tuyến - vào phòng học phải đúng giờ. - Đọc trước tài liệu, nghe giảng và làm bài tập về không gian véc tơ và dạng toàn phương.
3.2. Sự phụ thuộc tuyến tính và độc lập tuyến tính của một hệ véc tơ	1	1				
3.3.Hạng của một hệ véc tơ	1	1				
3.4.Dạng toàn phương	2	1				
Chương 4: Các mặt bậc hai	4	1		5	10	

4.1 Mặt cầu, mặt Elipxoit	1					- Đăng nhập hệ thống học trực tuyến - vào phòng học phải đúng giờ. - Đọc trước tài liệu, nghe giảng và làm bài tập về các mặt bậc hai.
4.2 Mặt hypecboloit một tầng và hai tầng	1					
4.3 Mặt parabolit elliptic.Mặt Prabolit hypebolic	1					
4.4 Mặt trụ bậc hai và mặt nón bậc hai	1	1				
Chương 5: Hàm số một biến số	8	5	1	14	20	
5.1. Các hàm lượng giác ngược	1					- Đăng nhập hệ thống học trực tuyến - vào phòng học phải đúng giờ. - Đọc trước tài liệu, nghe giảng và làm bài tập về Hàm số một biến số
5.2 Hàm số cho ở dạng tham số.Tọa độ cực	1	1				
5.3 Các định lý L'Hospital về giới hạn						
5.4. Tích phân suy rộng	1	1				
5.5.Chuỗi số	3	2				
Kiểm tra			1			
5.6 Chuỗi hàm	2	1				
Cộng	27	16	2	45	80	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt : **Toán cao cấp 2**
 - Tiếng Anh : **Advanced Mathematics 2**
- Mã học phần : KĐTO2102
- Số tín chỉ : 02
- Hình thức học : Học từ xa theo phương pháp trực tuyến
- Đối tượng học : Sinh viên ngành Quản lý đất đai trình độ đại học hệ vừa làm vừa học
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương ☒		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☐					
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☐		Thực tập và Khóa luận tốt nghệ ☐	
Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐		

- Các học phần tiên quyết/học trước: *Toán cao cấp 1*
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động : 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết : 15 tiết
 - Bài tập : 13 tiết
 - Kiểm tra : 02 tiết
- Thời gian tự học : 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Toán, Khoa Khoa học Đại cương

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:*

Sinh viên trình bày được những kiến thức cơ bản về đại số tuyến tính và giải tích toán học như: Hàm số nhiều biến số, Cực trị của hàm nhiều biến. Tích phân của hàm nhiều biến, Phương trình vi phân làm cơ sở cho việc học các môn chuyên ngành và lên trình độ cao hơn.

- *Về kỹ năng:*

Sinh viên đạt được kỹ năng cơ bản về nhận dạng, phân loại, giải quyết các bài tập, tính toán và thực hành các bài toán trong chương trình toán cao cấp.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:* Sinh viên xác định được nhiệm vụ học tập một cách tự giác, chủ động, thực hiện các phương pháp học hiệu quả; tự học tập, tích lũy kiến thức, nghiên cứu và áp dụng các kết quả đã học vào các lĩnh vực chuyên môn đồng thời rèn luyện cho sinh viên tác phong làm việc khoa học.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

- Hàm số nhiều biến số, Cực trị của hàm nhiều biến.
- Tích phân của hàm nhiều biến: Tích phân 2 lớp, tích phân 3 lớp, tích phân đường loại 1 và tích phân đường loại 2.
- Phương trình vi phân: Phương trình vi phân cấp một, phương trình vi phân tuyến tính cấp một và phương trình vi phân cấp 2.

4. Học liệu điện tử

4.1. Học liệu chính (HLC)

1. Toán học cao cấp (Tập 2,3- năm 2004) - Nguyễn Đình Trí (chủ biên) – Tạ Văn Đĩnh – Nguyễn Hồ Quỳnh, Nhà xuất bản Giáo Dục.

4.2. Học liệu bổ trợ (HLBT)

1. Bài giảng Toán Cao cấp 2 (năm 2020) - Bộ môn Toán, Khoa Khoa học Đại cương, Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.
2. Bài tập Toán cao cấp (năm 2018) - Lê Xuân Hùng, Lê Thị Hương, Nguyễn Ngọc Linh- Đàm Thanh Tuấn, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Các phương pháp được tổ chức dạy dưới các hình thức chủ yếu như: thuyết trình, thảo luận, hoạt động theo nhóm và tự học, tự nghiên cứu...

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuẩn bị các điều kiện học từ xa (máy tính, camera, micro có kết nối mạng Internet)
- Sinh viên phải có mặt trên lớp từ 70% tổng số tiết trở lên.
- Trong mỗi buổi học sinh viên phải chuẩn bị đầy đủ sách, vở.
- Sinh viên phải làm đầy đủ bài tập về nhà và chuẩn bị bài mới trước khi đến lớp theo yêu cầu của giảng viên trong mỗi buổi học.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Tổ chức kiểm tra, đánh giá theo hình thức trực tiếp tại Trường hoặc tại các cơ sở khác.

- Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
Chương 1: Hàm số nhiều biến số	4	4		8	20	
1.1 Khái niệm hàm số nhiều biến số 1.2 Giới hạn và tính liên tục của hàm nhiều biến. 1.3 Đạo hàm riêng và vi phân toàn phần của hàm nhiều biến. 1.4 Cực trị của hàm nhiều biến 1.4.1 Cực trị không có điều kiện ràng buộc 1.4.2 Cực trị có điều kiện ràng buộc	1 1 1 1	 2 1 1				Đăng nhập hệ thống học trực tuyến - vào phòng học phải đúng giờ Đọc trước tài liệu, nghe giảng và làm bài tập về đạo hàm riêng, cực trị hàm nhiều biến
Chương 2: Tích phân của hàm nhiều biến	6	5	1	12	20	
2.1 Tích phân hai lớp (Tích phân kép) 2.1.1 Định nghĩa 2.1.2 Các tính chất của tích phân 2 lớp 2.1.3 Cách tính tích phân 2 lớp Kiểm tra	2	3				Đọc trước tài liệu, nghe giảng và làm bài tập về tích phân 2 lớp.
2.2 Tích phân ba lớp (Tích phân bội ba) 2.2.1 Định nghĩa	2	1				Đọc trước tài liệu, nghe giảng và làm bài tập về tích phân 3 lớp.

2.2.2 Các tính chất của tích phân 3 lớp 2.2.3 Cách tính tích phân 3 lớp						
2.3 Tích phân đường 2.3.1 Tích phân đường loại một 2.3.2 Tích phân đường loại hai	2	1				Đọc trước tài liệu, nghe giảng và làm bài tập về tích phân đường.
Chương 3: Phương trình vi phân	5	4	1	10	20	
3.1 Phương trình vi phân cấp một 3.2 Phương trình vi phân cấp hai Kiểm tra	3 2	2 2	 1			Đọc trước tài liệu, nghe giảng và làm bài tập về phương trình vi phân..
Tổng	15	13	2	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT KẾT HỢP THỰC HÀNH

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:

- Tiếng Việt : **Tin học đại cương**
- Tiếng Anh : **General Informatics**

- Mã học phần : **CTKH2151**

- Số tín chỉ : **02**

- Hình thức học : Học từ xa theo phương pháp trực tuyến

- Đối tượng học : Sinh viên ngành Quản lý đất đai trình độ đại học hệ vừa làm vừa học

- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương ☑		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☐				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☐		
Bắt buộc ☑	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	

- Các học phần tiên quyết: Toán cao cấp

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết

- Nghe giảng lý thuyết: 19 tiết
- Thực hành trên lớp: 9 tiết
- Kiểm tra : 2 tiết
- Tự học: 60 giờ

- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Khoa học máy tính và ứng dụng, Khoa Công nghệ Thông tin

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

– *Về kiến thức*: Trình bày các kiến thức cơ bản về thông tin, công cụ xử lý thông tin, áp dụng được các phần mềm thông dụng ứng dụng hỗ trợ trong công tác văn phòng, và khai thác Internet.

– *Về kỹ năng*: Vận dụng được các kỹ năng có thể sử dụng thành thạo máy tính và một số phần mềm văn phòng thông dụng để có thể: Soạn thảo tài liệu; Quản lý dữ liệu qua các bảng tính; Trình chiếu; Khai thác Internet để tìm kiếm thông tin và liên lạc qua thư điện tử; Tổ chức lưu trữ thông tin trên máy tính và sử dụng máy tính để giải quyết vấn đề thông dụng.

– *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*: Có khả năng tự học, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm, vận dụng được những kiến thức đã học một cách linh hoạt và sáng tạo, có ý thức ứng dụng công nghệ thông tin vào công việc hàng ngày, nâng cao chất lượng của công việc, phong cách làm việc trong xã hội hiện đại.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần cung cấp cho sinh viên các khái niệm cơ bản về công nghệ thông tin, cấu trúc máy tính, mạng máy tính, biết sử dụng các phần mềm ứng dụng văn phòng. Nội dung chính gồm:

- Khái niệm tin học, cấu trúc và hoạt động của hệ thống máy tính, mạng máy tính, Internet và tìm kiếm tài liệu học thuật trên Internet.
- Một số hệ điều hành thông dụng và sử dụng hệ điều hành.
- Các chương trình ứng dụng MS Word, Excel và Powerpoint.

4. Học liệu điện tử

4.1. Học liệu chính (HLC)

1. Đỗ Thị Mơ – Dương Xuân Thành, *Giáo trình nhập môn tin học*, NXB Nông nghiệp.
2. *Tự học Microsoft Excel 2010, Tự học PowerPoint 2010* (2012), NXB Văn hóa Thông tin.
3. *Tự học Word 2010* (2011), NXB Hồng Bàng.

4.2. Học liệu bổ trợ (HLBT)

1. Bài giảng Tin học đại cương (năm 2020) – Bộ môn Khoa học máy tính và ứng dụng, Khoa Công nghệ Thông tin, Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.
2. Lê Lan Anh, *Giáo trình Tin học đại cương*, Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.
3. Công Tuấn-Công Bình, *20 Bài thực hành MicroSoft Word 2010*, NXB Văn hóa Thông tin.
4. Công Tuấn-Công Bình, *20 Bài thực hành MicroSoft Excel 2010*, NXB Văn hóa Thông tin.
5. Bùi Thế Tâm, 2010, *Giáo trình Tin học đại cương*, NXB Giao thông Vận tải.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập của học phần

Các phương pháp được tổ chức dạy dưới các hình thức chủ yếu như: thuyết trình, phân tích, xử lý số liệu, đàm thoại, thu thập số liệu, tự học.

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuẩn bị các điều kiện học từ xa (máy tính, camera, micro có kết nối mạng Internet)
- Dự lớp: Sinh viên phải tham gia giờ trên lớp, tham gia thực hành theo số tiết qui định. Đảm bảo đầy đủ, đạt yêu cầu các bài kiểm tra giữa học kỳ.
- Bài tập: Hoàn thành tất cả các bài tập thực hành trên lớp, bài tập về nhà.
- Tự học: Nghiên cứu tài liệu để nắm vững lý thuyết, hoàn thiện các bài tập thực hành trên máy tính.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá kết quả học tập học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%. Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☒ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☒ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Tổ chức kiểm tra, đánh giá theo hình thức trực tiếp tại Trường hoặc tại các cơ sở khác.
- Hình thức thi:

Tự luận ☐ Trắc nghiệm ☐ Thực hành ☒

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến						Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					Tự học (Giờ)	
	LT	BT	KT	TH	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
CHƯƠNG 1. GIỚI THIỆU VỀ TIN HỌC	2			1	3	6	
1.1. Thông tin và xử lý thông tin	1				1	2	- Đăng nhập hệ thống học trực tuyến - vào phòng học ảo đúng giờ - Đọc TLC [1], TLĐT [1]
1.2. Kiến trúc chung của Máy tính điện tử							
1.3. Biểu diễn thông tin trong máy tính	0.5				0.5	1	
1.4. Virus tin học và cách phòng chống	0.5				1.5	3	
1.5. Mạng máy tính và Internet				1			

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến						Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					Tự học (Giờ)	
	LT	BT	KT	TH	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1.6. Ứng dụng của công nghệ thông tin							- SV chuẩn bị các kiến thức cơ bản để nhận biết các thiết bị của máy tính.
CHƯƠNG 2. HỆ ĐIỀU HÀNH WINDOWS	2			1	3	6	
2.1. Giới thiệu chung 2.1.1. Khái niệm Hệ điều hành 2.1.2. Chức năng của Hệ điều hành	1				1	2	- Đăng nhập hệ thống học trực tuyến - vào phòng học ảo đúng giờ - ĐọcTLC [1], TLĐT [1] - SV phải thao tác được với hệ điều hành Windows
2.1.3. Sự phát triển của Hệ điều hành 2.1.4. Giới thiệu một số Hệ điều hành phổ biến							
2.2. Hệ điều hành Windows 2.2.1. Giao diện của hệ điều hành Windows	1			1	2	4	
2.2.2. Quản lý tệp tin, thư mục							
2.2.3. Quản lý đĩa từ 2.5.4. Thay đổi cấu hình (Control Panel)							
CHƯƠNG 3. PHẦN MỀM SOẠN THẢO VĂN BẢN.	6		1	3	10	20	
3.1. Giới thiệu màn hình làm việc	0.5				0.5	1	- Đăng nhập hệ thống học trực tuyến - vào phòng học ảo đúng giờ - Đọc TLC [2], TLĐT [2] - SV thao tác trên máy theo hướng dẫn của GV
3.2. Các thao tác cơ bản							
3.3. Thực hiện định dạng văn bản 3.3.1. Định dạng ký tự (Font) 3.3.2. Định dạng đoạn văn bản (Paragraph) 3.3.3. Bao khung và tô nền cho đoạn văn	2			1	3	6	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến						Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					Tự học (Giờ)	
	LT	BT	KT	TH	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
3.3.4. Đánh chỉ mục tự động đầu đoạn văn bản (Bullets and Numbering) 3.3.5. Chia cột văn bản (Columns) 3.3.6. Định dạng chữ lớn đầu đoạn văn (Drop Cap) 3.3.7. Định dạng Tab							
3.4. Chèn các đối tượng vào văn bản 3.4.1. Chèn các kí tự đặc biệt (Symbol) 3.4.2. Chèn chữ nghệ thuật (Word Art) 3.4.3. Chèn ClipArt và hình ảnh 3.4.4. Chèn hộp văn bản (Text box) 3.4.5. Chèn và hiệu chỉnh hình vẽ (Shapes) 3.4.6. Chèn và hiệu chỉnh biểu đồ (Chart) 3.4.7. Chèn và hiệu chỉnh biểu thức toán học(Equantion)	1.5			1	2.5	5	- Đăng nhập hệ thống học trực tuyến - vào phòng học ảo đúng giờ - Đọc TLC [2], TLĐT [2] - SV thao tác trên máy theo hướng dẫn của GV
3.5. Bảng biểu 3.5.1. Tạo bảng 3.5.2. Các thao tác trên bảng 3.5.3. Định dạng trên bảng 3.5.3. Tính toán trên bảng	1			0.5	1.5	3	- Đọc TLC [2], TLĐT [2] - SV thao tác trên máy theo hướng dẫn của GV
3.6. Một số chức năng khác 3.6.1. Tìm kiếm và thay thế 3.6.2. Đặt chế độ tự động 3.6.3. Kiểm tra chính tả và văn phạm	0.5			0.5	1	2	- Đăng nhập hệ thống học trực tuyến - vào phòng học ảo đúng giờ

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến						Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					Tự học (Giờ)	
	LT	BT	KT	TH	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
3.6.4. Tạo bookmark 3.6.5. Tạo mục lục tự động 3.6.6.Trộn thư							- Đọc TLC [2], TLĐT [2] - SV thao tác trên máy theo hướng dẫn của GV
3.7. In ấn 3.7.1. Định dạng trang in 3.7.2. Tạo Header and Footer 3.7.3. Ngắt trang 3.7.4. Chèn số trang 3.7.5. Xem trước khi in 3.7.6. Thực hiện lệnh in	0.5				0.5	1	
Kiểm tra			1		1	2	
CHƯƠNG 4. XỬ LÝ BẢNG TÍNH VỚI MS EXCEL	6		1	3	10	20	
4.1. Giới thiệu chung về MS Excel 4.1.1. Giới thiệu 4.1.2. Màn hình làm việc 4.1.3. Cấu trúc một Workbook 4.1.4. Cấu trúc một Worksheet 4.1.5. Các kiểu dữ liệu và các toán tử	0.5				0.5	1	
4.2. Các thao tác cơ bản 4.2.1. Xử lý trên vùng 4.2.2. Thao tác trên cột và dòng 4.2.3. Các lệnh xử lý tập tin 4.2.4. Các loại địa chỉ sử dụng trong excel	0.5			0.5	1	2	
4.3. Các hàm cơ bản trong Excel 4.3.1.Cách sao chép công thức 4.3.2. Cú pháp chung của hàm 4.3.3. Cách sử dụng các hàm 4.3.4. Các hàm thông dụng	3			1.5	4.5	9	- Đăng nhập hệ thống học trực tuyến - vào phòng học ảo đúng giờ - Đọc TLC [3], TLĐT [3] - SV thao tác trên máy theo hướng dẫn của GV

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến						Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					Tự học (Giờ)	
	LT	BT	KT	TH	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
4.4. Cơ sở dữ liệu <i>4.4.1. Khái niệm</i> <i>4.4.2. Các thao tác trên cơ sở dữ liệu</i> <i>4.4.3. Các hàm thao tác trên cơ sở dữ liệu</i>	1			0.5	1.5	3	
4.5. Biểu đồ trong Excel <i>4.5.1. Các thành phần của biểu đồ</i> <i>4.5.2. Các bước dựng biểu đồ</i> <i>4.5.3. Điều chỉnh và định dạng biểu đồ</i>	0.5			0.5	1	2	
4.6. In ấn <i>4.6.1. Định dạng trang in</i> <i>4.6.2. Xem văn bản trước khi in</i> <i>4.6.3. In tài liệu</i>	0.5				0.5	1	
Kiểm tra			1		1	2	
CHƯƠNG 5. TRÌNH DIỄN VỚI MS POWERPOINT	3			1	4	8	- Đăng nhập hệ thống học trực tuyến - vào phòng học ảo đúng giờ - Đọc TLC [4] - SV thao tác trên máy theo hướng dẫn của GV
5.1. Giới thiệu về phần mềm trình diễn	0.5				0.5	1	
5.2. Các thành phần cơ bản của MS PowerPoint							
5.3. Tạo một bản trình bày cơ bản trong MS PowerPoint	0.5			0.5	1	2	
5.4. Cập nhật và định dạng <i>5.4.1. Cửa sổ trong các Slide</i>	1.5			0.5	2	4	
<i>5.4.2. Thao tác trên Slide</i> <i>5.4.3. Tạo hiệu ứng động và hoạt hình</i>							
5.5. Thực hiện một buổi trình diễn	0.5				0.5	1	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến					Yêu cầu đối với sinh viên	
	Lên lớp (Tiết)						Tự học (Giờ)
	LT	BT	KT	TH	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Cộng	19		2	9	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt : **Hóa học đại cương**
 - Tiếng Anh : **General chemistry**
- Mã học phần : KĐHO2101
- Số tín chỉ : 02
- Hình thức học : Học từ xa theo phương pháp trực tuyến
- Đối tượng học : Sinh viên ngành Quản lý đất đai trình độ đại học hệ vừa làm vừa học
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương ☒		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☐				
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☐		Thực tập và khóa luận tốt nghề nghiệp ☐
Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	

- Các học phần tiên quyết/học trước:
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động : 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết : 16 tiết
 - Bài tập : 11 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm : 02 tiết
 - Kiểm tra : 01 tiết
- Thời gian tự học: : 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Hóa học, Khoa Khoa học đại cương.

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức:

+ Sinh viên phát biểu được các khái niệm cơ bản về cơ sở lý thuyết các quá trình hóa học, đồng thời trình bày được các công thức, các đại lượng quan trọng trong nội dung kiến thức của từng chương.

+ Sinh viên vận dụng được các kiến thức lý thuyết về Hóa học đại cương vào lĩnh vực chuyên môn mà sinh viên sẽ được đào tạo.

- *Về kỹ năng:*

+ Vận dụng được những kiến thức lý thuyết đã học để giải quyết các dạng bài tập trong nội dung học phần.

+ Áp dụng kiến thức đã học để giải thích các hoạt động thực tiễn có liên quan đến hoá học.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:*

+ Hình thành ý thức tự học, tự nghiên cứu cho sinh viên.

+ Hình thành năng lực giao tiếp, hợp tác, giải quyết vấn đề, tính toán và sáng tạo cho sinh viên.

+ Trau dồi năng lực vận dụng kiến thức của các môn học có liên quan.

3. Tóm tắt nội dung môn học

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

- Nhiệt động học của một số quá trình hóa học.
- Động hóa học và xúc tác.
- Hiện tượng cân bằng hóa học và sự chuyển dịch cân bằng hóa học.
- Dung dịch và các kiến thức liên quan.
- Một số quá trình điện hóa học.
- Hiện tượng bề mặt – dung dịch keo.

Các kiến thức đại cương này giúp cho sinh viên học tiếp các kiến thức cơ sở của hóa học như hóa học vô cơ, hóa học hữu cơ, hóa học phân tích v.v, cũng như vận dụng sự hiểu biết này đối với việc nghiên cứu các chuyên ngành có liên quan đến hóa học như môi trường, quản lý đất đai, khí tượng thủy văn, khoa học biển, biến đổi khí hậu, địa chất và nhiều chuyên ngành khác.

4. Học liệu điện tử

4.1. Học liệu chính (HLC)

1. Lê Ngọc Anh (chủ biên) (2016), *Hóa học đại cương*, NXB ĐHQG Hà Nội.
2. Nguyễn Hạnh (2012), *Cơ sở lý thuyết Hóa học, Phần II*, NXB Giáo dục Việt Nam.

4.2. Học liệu bổ trợ (HLBT)

1. Bài giảng Hóa học đại cương (năm 2020) - Bộ môn Hóa học, Khoa Khoa học đại cương, Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.
2. Lâm Ngọc Thiềm (2002), *Bài tập Hóa học đại cương*, NXB ĐHQG Hà Nội.
3. Đào Đình Thúc (2011), *Hóa học đại cương*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Học phần này được coi là học phần cơ bản nhất của Hóa học, chính vì vậy sinh viên cần hiểu rõ các khái niệm, định luật cơ bản và biết vận dụng vào từng trường hợp cụ thể.

Do đó giảng viên sử dụng phương pháp thuyết trình, làm việc nhóm là chính. Giảng viên hướng dẫn các phần khó hiểu tại lớp, phần dễ hiểu hướng dẫn sinh viên tự học ở nhà. Ngoài ra có thể sử dụng phương pháp dạy học theo dự án, bản đồ tư duy trong giảng dạy học phần này.

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuẩn bị các điều kiện học từ xa (máy tính, camera, micro có kết nối mạng Internet)
- Sinh viên chuẩn bị bài học ở nhà theo hướng dẫn của giảng viên.
- Tại lớp, giảng viên cùng sinh viên trao đổi các vấn đề đã chuẩn bị ở nhà.
- Vận dụng các kiến thức để làm các dạng bài tập cơ bản tương ứng với từng nội dung chính của môn học.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Tổ chức kiểm tra, đánh giá theo hình thức trực tiếp tại Trường hoặc tại các cơ sở khác.
- Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. Đại cương về nhiệt động học	3	3	1	7	14	
1.1. Nguyên lý I của nhiệt động học và áp dụng vào Hóa học <i>1.1.1. Các khái niệm: Hệ nhiệt động học, trạng thái, quá trình, hàm trạng thái, nhiệt , công, qui ước dấu nhiệt động học</i>	1,5			1,5	3	- Đăng nhập hệ thống học trực tuyến, vào phòng học ảo đúng giờ.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1.1.2. Nội năng. Nguyên lý I của nhiệt động học 1.1.3. Áp dụng nguyên lý I của nhiệt động học vào Hóa học						- Đọc HLC 1 từ trang 13-43 - Làm bài tập trang 44-
1.2. Nguyên lý II của nhiệt động học và áp dụng vào Hóa học. 1.2.1. Khái niệm entropi. Nguyên lý II của nhiệt động học 1.2.2. Thế nhiệt động đẳng nhiệt, đẳng áp. Các yếu tố ảnh hưởng đến thế nhiệt động đẳng nhiệt, đẳng áp 1.2.3. Cách tính ΔG của phản ứng và xác định chiều diễn biến của quá trình hoá học	1,5			1,5	3	48 HLC 1. - Đọc HLBT 1 - Làm bài tập HLBT 2,3
1.3. Bài tập chương 1		3		3	6	
1.4. Thảo luận			1	1	2	Thảo luận các bài tập khó
Chương 2. Đại cương về động hóa học	1,5	2		3,5	7	
2.1. Một số khái niệm (Tốc độ phản ứng, phân tử số, bậc riêng phần, bậc toàn phần của phản ứng)	0,5			0,5	2	- Đọc và làm bài tập trong HLC 1 từ trang 49-62. - Làm bài tập HLBT 2,3.
2.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến tốc độ phản ứng.	0,5			0,5		- Đọc HLBT 3 mục VIII trang 216
2.3. Phương trình động học của các phản ứng có bậc đơn giản 2.3.1. Phương trình động học của phản ứng bậc 1 2.3.2. Phương trình động học của phản ứng bậc 2	0,5			0,5	1	- Đọc HLBT 1
2.4. Bài tập chương 2		2		2	4	
Chương 3. Cân bằng hóa học	1,5	2	2	5,5	11	
3.1. Các khái niệm	1			1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
3.1.1. Phản ứng thuận nghịch 3.1.2. Cân bằng hóa học 3.1.3. Phương trình đẳng nhiệt Van't Hoff và hằng số cân bằng						- Đọc và làm bài tập trong HLC 1 từ trang 63-78 - Làm bài tập HLBT 2,3 - Đọc HLBT 3 mục IV trang 99 - Đọc HLBT 1
3.2. Sự chuyển dịch cân bằng 3.2.1. Nguyên lý chuyển dịch cân bằng Le Châtelier 3.2.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến cân bằng hóa học	0,5			0,5	1	
3.3. Bài tập chương 3		2		2	4	
Kiểm tra			1	1	2	
Thảo luận			1	1	2	Chữa bài kiểm tra
Chương 4: Dung dịch	4	3		7	14	
4.1. Một số khái niệm 4.1.1. Một số định nghĩa: Dung dịch, dung dịch bão hòa, dung dịch lý tưởng, nhiệt hòa tan 4.1.2. Nồng độ của dung dịch 4.1.3. Quá trình hòa tan, độ hòa tan	0,5			0,5	1	- Đọc và làm bài tập trong HLC 1 từ trang 79-112. - Đọc HLBT 3 mục VI trang 160. - Đọc HLBT 1
4.2. Tính chất của dung dịch 4.2.1. Áp suất hơi bão hòa của dung dịch 4.2.2. Nhiệt độ sôi và nhiệt độ đông đặc của dung dịch 4.2.3. Áp suất thẩm thấu						
4.3. Dung dịch chất điện li 4.3.1. Khái niệm về chất điện li, Độ điện li. Hằng số điện li 4.3.2. Cân bằng trong dung dịch	3,5			3,5	7	
4.4. Bài tập chương 4		3		3	6	
Chương 5. Các quá trình điện hóa học	3	2		5	10	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
5.1.Pin điện hóa 5.1.1 Khái niệm về pin điện hóa và điện cực 5.1.2. Sức điện động của pin. 5.1.3. Thế điện cực và cách xác định thế điện cực. Phương trình Nernst	2			2	4	- Đọc và làm bài tập trong HLC 1 từ trang 113-137. - Đọc HLBT 3 mục IX trang 245.
5.1.4. Xác định hằng số cân bằng và chiều của phản ứng oxi – hóa khử dựa vào thế điện cực						- Đọc HLBT 1
5.2. Sự điện phân 5.2.1. Khái niệm về sự điện phân 5.2.2. Sự phân cực 5.2.3. Thế phân hủy và quá thế 5.2.4. Điện phân chất điện li 5.2.5. Định luật Faraday						Đọc HLC 2 trang 207-231
5.3. Bài tập chương 5		3		3	6	
Chương 6. Hiện tượng bề mặt và dung dịch keo	2			2	4	
6.1. Hiện tượng bề mặt và năng lượng bề mặt 6.1.1. Hiện tượng bề mặt 6.1.2. Năng lượng bề mặt 6.1.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến năng lượng bề mặt	0,5			0,5	1	- Đọc HLC 1 từ trang 138-144. - Đọc HLC 2 trang 163-182. - Đọc HLBT 1
6.2. Sự hấp phụ và hấp thụ 6.2.1. Định nghĩa 6.2.2. Hấp phụ vật lý và hóa học 6.2.3. Chất hoạt động bề mặt 6.2.4. Sự hấp phụ trên ranh giới rắn – khí và rắn – dung dịch	1			1	2	
6.3. Dung dịch keo	0,5			0,5	1	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
6.3.1.Điều chế và tính chất của dung dịch keo. 6.3.2.Cấu tạo của hạt keo và sự đông tụ keo.						
Cộng	14	13	3	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt : **Xác suất thống kê**
 - Tiếng Anh : **Probability theory and mathematical statistics**
- Mã học phần : KĐTO2106
- Số tín chỉ : 02
- Hình thức học : Học từ xa theo phương pháp trực tuyến
- Đối tượng học : Sinh viên ngành Quản lý đất đai trình độ đại học hệ vừa làm vừa học
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☐				
giáo dục đại cương ☐		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☐		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Toán cao cấp
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết : 15 tiết
 - Bài tập : 11 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm : 2 tiết
 - Kiểm tra : 2 tiết
- Thời gian tự học : 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Toán, Khoa Khoa học đại cương

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức: Sinh viên trình bày được các bài toán cơ bản của xác suất như biến cố ngẫu nhiên và xác suất, đại lượng ngẫu nhiên, các bài toán ước lượng mẫu.
- Về kỹ năng: Sinh viên vận dụng được những kỹ năng cơ bản để giải quyết các bài tập tính toán, thực hành các bài toán trong chương trình xác suất thống kê và tiếp cận học các môn chuyên ngành;
- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Sinh viên xác định được nhiệm vụ học tập một cách tự giác, chủ động, thực hiện các phương pháp học hiệu quả; tự học tập, tích lũy

kiến thức, nghiên cứu và áp dụng các kết quả đã học vào các lĩnh vực chuyên môn đồng thời rèn luyện cho sinh viên tác phong làm việc khoa học.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

Chương 1: Biến cố ngẫu nhiên và xác suất (Chương này trình bày các khái niệm cơ bản về xác suất, tính chất, công thức tính xác suất)

Chương 2: Đại lượng ngẫu nhiên (Chương này trình bày khái niệm đại lượng ngẫu nhiên, quy luật phân phối xác suất của đại lượng ngẫu nhiên, các tham số đặc trưng của đại lượng ngẫu nhiên và một số quy luật phân phối thông dụng)

Chương 3: Lý thuyết mẫu (Chương này trình bày khái niệm mẫu, các số đặc trưng mẫu và bài toán ước lượng tham số)

4. Học liệu điện tử

4.1. Học liệu chính (HLC)

1. Xác suất thống kê (năm 2015) - Nguyễn Ngọc Linh, Mai Ngọc Diệu, Nguyễn Tài Hoa, NXB ĐHQG HN [1].

4.2. Học liệu bổ trợ (HLBT)

1. Bài giảng Xác suất thống kê (năm 2020) - Bộ môn Toán, Khoa Khoa học Đại cương, Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

2. Giáo trình Xác suất và thống kê (năm 2000) - Phạm Văn Kiều, NXB Giáo dục.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Các phương pháp được tổ chức dạy dưới các hình thức chủ yếu như: thuyết trình, thảo luận, hoạt động theo nhóm và tự học, tự nghiên cứu...

6. Nhiệm vụ của sinh viên:

Chuẩn bị bài trước khi đến lớp, có mặt trên lớp tối thiểu: 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm Hai đầu điểm hệ số 1.

Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Chuẩn bị các điều kiện học từ xa (máy tính, camera, micro có kết nối mạng Internet)

- Hình thức thi:

Tự luận ☒Trắc nghiệm ☐Vấn đáp ☐Thực hành ☐**9. Nội dung chi tiết học phần**

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
CHƯƠNG 1. BIẾN CỐ NGẪU NHIÊN VÀ XÁC SUẤT	5	5	1	11	23	
1.1. Biến cố và phép thử ngẫu nhiên	1		1		3	Đăng nhập hệ thống học trực tuyến - vào phòng học phải đúng giờ Đọc[1] [2] phần biến cố, phép thử ngẫu nhiên, các định nghĩa về xác suất Đọc [1] phần các quy tắc tính xác suất Đọc [1] phần công thức xác suất toàn phần, Bayes Đọc [2] phần công thức xác suất nhị thức
1.2. Khái niệm và các định nghĩa về xác suất	1	1			2	
1.3. Các quy tắc tính xác suất	1	2			6	
1.4. Công thức xác suất toàn phần. Công thức Bayes	1	1			6	
1.5. Công thức xác suất nhị thức	1	1			6	
CHƯƠNG 2. ĐẠI LƯỢNG NGẪU NHIÊN	4	4	2	10	21	
a. Đại lượng ngẫu nhiên và phân phối xác suất	1	1			7	Đọc[1] [2] phần đại lượng ngẫu nhiên và phân phối Đọc [2] phần các tham số đặc trưng Đọc [1] phần đại lượng ngẫu nhiên hai chiều Đọc [1] phần một số quy luật phân phối thường gặp
b. Các tham số đặc trưng của đại lượng ngẫu nhiên	1	2			6	
c. Đại lượng ngẫu nhiên hai chiều	1					
d. Một số quy luật phân phối xác suất thông dụng	1	1			3	
<i>Kiểm tra</i>			2		5	
CHƯƠNG 3.	4	4	1	9	20	

LÝ THUYẾT MẪU						
3.1. Một số khái niệm	1	1			5	Đọc [2] phần mẫu ngẫu nhiên
3.2. Ước lượng một số tham số lý thuyết	1	1	1		7	Đọc[1] [2] phần ước lượng 1 số tham số lý thuyết
3.3. Ước lượng tham số lý thuyết bằng khoảng tin cậy	2	2			8	Đọc[1] [2] phần ước lượng khoảng tin cậy
Cộng	13	13	4	30	64	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt : Trắc địa cơ sở
 - Tiếng Anh : Elementary Surveying
- Mã học phần : TBTĐ2351
- Số tín chỉ : 03
- Hình thức học : Học từ xa theo phương pháp trực tuyến
- Đối tượng học : Sinh viên ngành Quản lý đất đai trình độ đại học hệ vừa làm vừa học
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				Thực tập và Khóa luận tốt nghệp □
		Kiến thức cơ sở ngành ☒		Kiến thức ngành □		
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc ☒	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Toán cao cấp
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động : 45 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết : 26.5 tiết
 - Bài tập, thảo luận, hoạt động nhóm : 16.5 tiết
 - Kiểm tra : 02 tiết
- Thời gian tự học : 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Trắc địa cơ sở, Khoa Trắc địa, Bản đồ và Thông tin địa lý.

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức:
 - + Trình bày được những khái niệm cơ bản về trắc địa như: Đơn vị đo, hình dạng và kích thước Trái đất, bản đồ, bình đồ và mặt cắt địa hình, định hướng đường thẳng.
 - + Phân loại được các hệ tọa độ trên mặt cầu, hệ tọa độ vuông góc trong trắc địa.
 - + Trình bày được khái niệm về sai số đo, sai số trung bình, sai số trung phương, sai số xác suất, sai số trung phương tương đối;

- + Tổng quát được bài toán xác định tọa độ vuông góc phẳng và độ cao.
- + Trình bày được nguyên lý cấu tạo, cách sử dụng một số loại máy móc đo đạc thông thường dùng trong đo góc, đo chênh cao và đo khoảng cách (máy kinh vĩ, máy thủy bình, máy toàn đạc, máy đo xa,...)
- + Hệ thống được nội dung các kiến thức về lưới không chế mặt bằng, lưới không chế độ cao và phương pháp đo vẽ bản đồ địa hình.
- *Về kỹ năng:*
 - + Xác định được các loại góc phương vị dùng trong trắc địa và xây dựng được công thức thể hiện mối quan hệ giữa các loại góc phương vị đó;
 - + Vận dụng các công thức để đánh giá độ chính xác của kết quả đo. (Công thức tính sai số trung bình, sai số trung phương, sai số xác suất, sai số trung phương tương đối);
 - + Sử dụng được máy đo vào công tác đo góc, đo khoảng cách, đo chênh cao;
 - + Ghi chép, tính toán và xử lý được kết quả đo;
 - + Thiết kế, tính toán được lưới không chế mặt bằng, lưới không chế độ cao hạng III, hạng IV và thủy chuẩn kỹ thuật;
 - + Tính toán được các bài toán giao hội xác định vị trí điểm;
 - + Thành lập và sử dụng được bản đồ địa hình bằng phương pháp toàn đạc, phương pháp GNSS.
- *Năng lực tự chủ và trách nhiệm:*
 - + Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn và nghiệp vụ trắc địa;
 - + Có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau;
 - + Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ về trắc địa;
 - + Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ trong công tác trắc địa, quản lý đất đai và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật;
 - + Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ về trắc địa.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần trình bày những kiến thức cơ bản trong trắc địa như:

- Các hệ tọa độ dùng trong trắc địa, các mặt thủy chuẩn, góc phương vị, bài toán trắc địa thuận, nghịch, sai số đo, tiêu chuẩn đánh giá độ chính xác;
- Các kiến thức về máy kinh vĩ, máy thủy chuẩn, máy toàn đạc;
- Phương pháp đo góc, đo khoảng cách và đo chênh cao;
- Các kiến thức cơ bản về lưới tam giác và lưới đường chuyền;
- Thiết kế và đo đạc lưới thủy chuẩn hạng III, hạng IV và kỹ thuật;
- Bình sai gần đúng lưới đường chuyền và lưới độ cao hạng III, hạng IV, kỹ thuật;

- Thành lập bản đồ địa bình bằng phương pháp toàn đạc;
- Phương pháp giao hội xác định điểm.

4. Học liệu điện tử

4.1. Học liệu chính (HLC)

1. Nguyễn Bá Dũng (2013), *Trắc địa cơ sở 1*, Trường ĐH Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.
2. Nguyễn Trọng San - Đào Quang Hiếu - Đinh Công Hòa (2009), *Trắc địa cơ sở 1*, NXB giao thông vận tải.
3. Nguyễn Trọng San - Đào Quang Hiếu - Đinh Công Hòa (2009), *Trắc địa cơ sở 2*, NXB giao thông vận tải.

4.2. Học liệu bổ trợ (HLBT)

1. Bài giảng Trắc địa cơ sở (năm 2020) - Bộ môn Trắc địa cơ sở, Khoa Trắc địa, Bản đồ và Thông tin địa lý, Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.
2. Phạm Thị Hoa, 2010, *Trắc địa cơ sở 2*, Trường đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.
3. PGS. TS Đặng Nam Chinh và nhóm tác giả, 2013, *Lý thuyết sai số*, Trường ĐH Tài nguyên và Môi trường Hà Nội
4. Tổng cục địa chính, 1999, *ký hiệu bản đồ địa hình tỷ lệ 1:500, 1: 1000, 1:2000, 1:5000, 1:10000 và 1:25000*.
5. Cục đo đạc bản đồ Nhà nước, 1975, *Quy phạm đo vẽ bản đồ địa hình tỷ lệ 1:500, 1: 1000, 1:2000 và 1:5000*.
6. Cục đo đạc bản đồ Nhà nước, 1977, *Quy phạm đo vẽ bản đồ địa hình tỷ lệ 1:10000 và 1:25000*.
7. Đinh Xuân Vinh và nnk, 2014, *Giáo trình Xây dựng lưới khống chế trắc địa*, Thư viện Trường đại học Tài nguyên và môi trường Hà nội.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập của học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☒	Đàm thoại	☒
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☒	Tình huống	☒
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☒	Thu thập số liệu	☒
Phân tích, xử lý số liệu	☒	Trình bày báo cáo khoa học	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuẩn bị các điều kiện học từ xa (máy tính, camera, micro có kết nối mạng Internet)
- Dự lớp: Nghe giảng và hướng dẫn học tập
- Bài tập: Làm bài tập và thảo luận nhóm
- Dụng cụ học tập: Máy tính và máy chiếu

- Tự học: Nghiên cứu, đọc tài liệu để nắm vững bài học
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá kết quả học tập học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

- Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1
- Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Tổ chức kiểm tra, đánh giá theo hình thức trực tiếp tại Trường hoặc tại các cơ sở khác.
- Hình thức thi

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần:

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1. NHỮNG KIẾN THỨC CƠ BẢN TRONG TRẮC ĐỊA	5	3		8	16	- Đăng nhập hệ thống học trực tuyến - vào phòng học ảo đúng giờ
1.1 Các đơn vị dùng trong trắc địa 1.1.1 Đơn vị đo chiều dài 1.1.2 Đơn vị đo góc	0.5			0.5	1	Đọc TLC(1) trang 5÷7
1.2 Hình dạng, kích thước trái đất và các mặt chuẩn quy chiếu 1.2.1 Hình dạng tự nhiên của trái đất 1.2.2 Các mặt chuẩn quy chiếu	0.5			0.5	1	Đọc TLC(1) trang 7÷11
1.3 Hệ tọa độ trên mặt cầu 1.3.1 Hệ tọa độ địa lý 1.3.2 Hệ tọa độ trắc địa	1			1	2	Đọc TLC(1) trang 11÷15
1.4 Ảnh hưởng của độ cong trái đất đến các kết quả đo trong trắc địa	0.5			0.5	1	Đọc TLC(1) trang 23÷26

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1.4.1 Ảnh hưởng của độ cong trái đất đến kết quả đo khoảng cách 1.4.2 Ảnh hưởng của độ cong trái đất đến kết quả đo cao 1.4.3 Ảnh hưởng của độ cong trái đất đến kết quả đo góc bằng						
1.5 Định hướng đường thẳng 1.5.1 Góc phương vị thực 1.5.2 Góc phương vị từ 1.5.3 Góc phương vị tọa độ	0.5	1		1.5	3	Đọc TLC(1) trang 42÷45
1.6 Hai bài toán cơ bản trong trắc địa 1.6.1 Bài toán xác định tọa độ vuông góc phẳng 1.6.2 Bài toán xác định góc phương vị tọa độ và chiều dài cạnh.	0.5	1		1.5	3	Đọc TLC(1) trang 45÷49
1.7 Khái niệm và phân loại sai số đo 1.7.1 Khái niệm. 1.7.2 Phân loại	0.5			0.5	1	Đọc TLC(1) trang 173÷176
1.8 Tiêu chuẩn đánh giá độ chính xác 1.8.1 Sai số trung bình 1.8.2 Sai số trung phương 1.8.3 Sai số xác suất 1.8.4 Sai số tương đối 1.8.5 Sai số giới hạn	1	1		2	4	Đọc TLC(1) trang 176÷180
CHƯƠNG 2. ĐO GÓC, ĐO KHOẢNG CÁCH	5	2		7	14	- Đăng nhập hệ thống học trực tuyến - vào phòng học ảo đúng giờ
2.1 Khái niệm về góc bằng, góc đứng	0.5			0.5	1	Đọc TLC(1)

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2.2 Máy kinh vĩ quang học <i>2.2.1 Nguyên lý cấu tạo và các bộ phận cơ bản</i> <i>2.2.2 Kiểm nghiệm máy kinh vĩ quang học</i>	1.5			1.5	3	Đọc TLC(1) trang 51÷77
2.3 Máy toàn đạc điện tử <i>2.3.1. Cấu tạo của máy toàn đạc</i> <i>2.3.2 Kiểm nghiệm máy toàn đạc</i> <i>2.3.2. Cách đo các chương trình ứng dụng cơ bản</i> <i>2.3.3. Trú số liệu</i>	1			1	2	Đọc TLC(1) trang 59÷63
2.4 Phương pháp đo góc <i>2.4.1 Phương pháp đo góc bằng</i> <i>2.4.2 Phương pháp đo góc đứng</i>	0.5	2		2.5	5	Đọc TLC(1) trang 77÷87
2.5 Các nguồn sai số và độ chính xác trong đo góc <i>2.5.1 Các nguồn sai số và độ chính xác đo góc bằng</i> <i>2.5.2 Các nguồn sai số và độ chính xác trong đo góc đứng</i>	0.5			0.5	1	Đọc TLC(1) trang 83÷86, 87÷89
2.6 Các phương pháp đo khoảng cách <i>2.6.1 Khái niệm đo khoảng cách</i> <i>2.6.2 Các phương pháp đo khoảng cách</i>	1			1	2	Đọc TLC(1) trang 89÷108
CHƯƠNG 3. ĐO CHÊNH CAO	3	2	1	6	12	- Đăng nhập hệ thống học trực tuyến - vào phòng học ảo đúng giờ
3.1 Giới thiệu chung về các phương pháp đo chênh cao <i>3.1.1. Khái niệm về độ cao và chênh cao</i>	0.5			0.5	1	Đọc TLC(1) trang 135÷158, thảo luận và trả lời các câu hỏi

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến					Yêu cầu đối với sinh viên	
	Lên lớp (tiết)				Tự học (Giờ)		
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	
3.1.2. Các phương pháp đo cao							
3.2 Phương pháp đo cao hình học 3.2.1 Nguyên lý đo cao hình học 3.2.2 Đo cao hình học 3.2.3 Máy và mia thủy chuẩn độ chính xác trung bình 3.2.4 Kiểm nghiệm máy và mia thủy chuẩn độ chính xác trung bình 3.2.5. Các loại sai số trong đo cao hình học.	1.5			1.5	3		
3.3 Đo thủy chuẩn hạng IV và thủy chuẩn kỹ thuật 3.3.1 Đo thủy chuẩn hạng IV 3.3.2 Đo thủy chuẩn kỹ thuật	0.5			0.5	1		Đọc TLC(1) trang 158÷172
3.4 Phương pháp đo cao lượng giác 3.4.1 Nguyên lý đo cao lượng giác 3.4.2 Đo cao lượng giác	0.5	2		2.5	5		
Kiểm tra chương 1, 2, 3			1		2		
Chương 4: LƯỚI KHÔNG CHẾ ĐỊA HÌNH A. LƯỚI KHÔNG CHẾ MẶT BẰNG	6.5	3.5		10	20	- Đăng nhập hệ thống học trực tuyến - vào phòng học ảo đúng giờ	
4.1 Khái niệm và phân loại 4.1.1 Khái niệm 4.1.2 Phân loại	0.5			0.5	1	Đọc TLĐT (1) trang 6÷14	
4.2 Mật độ điểm khống chế 4.2.1 Cơ sở lựa chọn mật độ điểm khống chế mặt bằng 4.2.2 Phương pháp xác định diện tích khống chế của một điểm 4.2.3 Mật độ điểm khống chế	1			1	2	Đọc TLC (2) trang 5÷7	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
4.3 Độ chính xác cần thiết của các cấp khống chế mặt bằng <i>4.3.1 Yêu cầu độ chính xác cấp khống chế cuối cùng</i> <i>4.3.2 Quan hệ hợp lý giữa độ chính xác của các cấp khống chế mặt bằng</i> <i>4.3.3 Phương pháp ước tính độ chính xác của từng cấp lưới.</i>	1	0.5		1.5	3	Đọc TLC (2) trang 9÷15
4.4 Thiết kế khảo sát xây dựng tiêu mốc.	0.5			0.5	1	Đọc TLC (2) trang 16÷19
4.5 Giới thiệu chung về lưới tam giác <i>4.5.1 Khái niệm</i> <i>4.5.2 Phân loại</i> <i>4.5.3 Ưu, nhược điểm của lưới tam giác</i>	0.5			0.5	1	Đọc TLC (2) trang 20÷22
4.6 Giới thiệu chung về lưới đường chuyền <i>4.6.1 Khái niệm</i> <i>4.6.2 Các dạng đồ hình</i> <i>4.6.3 Ưu, nhược điểm của lưới đường chuyền</i>	0.5			0.5	1	Đọc TLC (2) trang 81÷83
B. LƯỚI KHÔNG CHẾ ĐỘ CAO 4.7 Khái quát về lưới khống chế độ cao	0.5			0.5	1	Đọc TLC (2) trang 149÷150
4.8 Lưới thủy chuẩn hạng III, hạng IV và thủy chuẩn kỹ thuật <i>4.8.1 Lưới thủy chuẩn hạng III, hạng IV</i> <i>4.8.2 Lưới thủy chuẩn kỹ thuật</i>	2	3		5	10	Đọc TLC (2) trang 151÷170

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
4.8.3 Tính toán bình sai lưới thủy chuẩn						
CHƯƠNG 5: LƯỚI KHÔNG CHẾ ĐO VẼ	3.5	5		8.5	17	- Đăng nhập hệ thống học trực tuyến - vào phòng học ảo đúng giờ
5.1 Các phương pháp xây dựng lưới 5.1.1 Xây dựng lưới theo công nghệ truyền thống 5.1.2 Xây dựng lưới theo công nghệ GNSS	1			1	2	Đọc TLĐT (6), tìm hiểu về lưới được xây dựng theo GPS và truyền thống
5.2 Đường chuyền kinh vĩ 5.2.1 Các dạng đồ hình 5.2.2 Yêu cầu kỹ thuật khi xây dựng lưới đường chuyền 5.2.3 Đo đạc đường chuyền kinh vĩ 5.2.4 Tính toán đường chuyền kinh vĩ	1	3		4	8	Đọc TLĐT (1) trang 125÷150
5.3 Các phương pháp giao hội xác định vị trí điểm 5.3.1 Giao hội góc thuận 5.3.2 Giao hội nghịch 5.3.3 Giao hội cạnh	1.5	2		3.5	7	Đọc TLĐT (1) trang 170÷178
CHƯƠNG 6: THÀNH LẬP BẢN ĐỒ ĐỊA HÌNH	3.5	1	1	5.5	11	- Đăng nhập hệ thống học trực tuyến - vào phòng học ảo đúng giờ
6.1 Khái quát các phương pháp thành lập bản đồ địa hình	0.5			0.5	1	Đọc TLĐT (1) trang 190÷192

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
						Đọc TLĐT (1) trang 184÷227
6.2 Đo chi tiết 6.2.1 Đo chi tiết bằng phương pháp toàn đạc 6.2.2 Đo vẽ chi tiết bằng công nghệ GNSS	1	1		2	4	Đọc TLĐT (1) trang 192÷198
6.3 Biên tập bản đồ địa hình 6.3.1 Biên tập bản đồ địa hình theo phương pháp thủ công 6.3.2 Biên tập bản đồ địa hình bằng các phần mềm	1			1	2	Đọc TLĐT (1) trang 199÷203
6.4 Kiểm tra, tu chỉnh, nghiệm thu 6.4.1 Tu chỉnh, nghiệm thu bản đồ 6.4.2 Kiểm tra thành quả 6.4.3 Nghiệm thu bản đồ	1			1	2	Đọc TLĐT (1) trang 203÷205
Kiểm tra chương 4, 5, 6			1	1	2	
Tổng	26.5	16.5	2	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt : **Đo đạc địa chính**
 - Tiếng Anh : **Cadastral Surveying**
- Mã học phần : TBTĐ2352
- Số tín chỉ : 03
- Hình thức học : Học từ xa theo phương pháp trực tuyến
- Đối tượng học : Sinh viên ngành Quản lý đất đai trình độ đại học hệ vừa làm vừa học
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒					
		Kiến thức cơ sở ngành ☑		Kiến thức ngành □		Thực tập và Khóa luận tốt nghiệp □	
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc ☑	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □		

- Các học phần tiên quyết/ học trước: Trắc địa cơ sở, Bản đồ, Pháp luật đại cương, Tin đại cương
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động : 45 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết : 37 tiết
 - Bài tập thực hành : 05 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm : 01 tiết
 - Kiểm tra : 02 tiết
- Thời gian tự học : 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Trắc địa cơ sở, Khoa Trắc địa, Bản đồ và Thông tin địa lý.

2. Mục tiêu của học phần:

Sau khi kết thúc học phần sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

-Về kiến thức:

+ Trình bày được những kiến thức cơ bản về địa chính, các chức năng nhiệm vụ của địa chính; hệ thống địa chính Việt Nam và các khái niệm về bản đồ địa chính;

+ Phân biệt được quy trình thành lập bản đồ địa chính bằng phương pháp toàn đạc và thành lập bản đồ địa chính từ ảnh hàng không;

+ Tổng quát được nội dung cần thể hiện trên bản đồ địa chính.

- *Về kỹ năng:*

+ Xác định được mật độ điểm khống chế đo vẽ, thiết kế được lưới khống chế đo vẽ theo quy phạm hiện hành;

+ Vận dụng lý thuyết vào việc thành lập bản đồ địa chính theo các phương pháp khác nhau;

+ Biên tập được bản đồ địa chính bằng phần mềm theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- *Năng lực tự chủ và trách nhiệm*

+ Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn địa chính phục vụ nghiệp vụ về quản lý đất đai;

+ Có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau;

+ Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ về đo đạc địa chính phục vụ quản lý đất đai;

+ Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ trong công tác địa chính, quản lý đất đai và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật;

+ Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ về quản lý đất đai.

3. Tóm tắt nội dung môn học:

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Những kiến thức về địa chính và công tác quản lý địa chính; Nhiệm vụ của công tác đo đạc địa chính; Khái niệm đường địa giới và công tác xác định đường địa giới, cắm mốc và lập hồ sơ địa giới; Khái niệm và mục đích của bản đồ địa chính, của mảnh trích đo địa chính; Nội dung của bản đồ địa chính; Phép chiếu và hệ tọa độ địa chính; Các yêu cầu độ chính xác về bản đồ địa chính; Hệ thống chia mảnh bản đồ địa chính; Các ký hiệu sử dụng trong biên tập bản đồ địa chính; Hệ thống lưới, yêu cầu kỹ thuật trong công tác xây dựng lưới địa chính; Các phương pháp thành lập bản đồ địa chính; Cách đánh số thửa, tiếp biên, công tác biên tập bản đồ địa chính; Công tác lập hồ sơ thửa đất; Công tác đo đạc chỉnh lý, bổ sung, đo vẽ lại bản đồ địa chính; Công tác quản lý và sử dụng bản đồ địa chính; Và một số ứng dụng trắc địa trong công tác địa chính.

4. Học liệu điện tử

4.1. Học liệu chính (HLC)

1. Nguyễn Bá Dũng và nhóm tác giả, 2014, *Địa chính đại cương*, NXB Lao động.
2. Nguyễn Trọng San, 2005, Giáo trình: *Đo đạc địa chính*, Đại học Mỏ - Địa chất.

4.2. Học liệu bổ trợ (HLBT)

1. Bài giảng Đo đạc địa chính (năm 2020) - Bộ môn Trắc địa cơ sở, Khoa Trắc địa, Bản đồ và Thông tin địa lý, Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

2. Thông tư 25/2014/TT-BTNMT.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập của học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☒	Đàm thoại	☒
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☒	Tình huống	☒
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☒	Thu thập số liệu	☒
Phân tích, xử lý số liệu	☒	Trình bày báo cáo khoa học	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuẩn bị các điều kiện học từ xa (máy tính, camera, micro có kết nối mạng Internet)
- Tích cực tham gia các hoạt động trên lớp, chuẩn bị bài trước khi lên lớp, làm bài tập và thảo luận.
- Phối hợp khi làm việc nhóm;
- Tìm kiếm các tài liệu, các thông tin tự liên quan đến nội dung của môn học;
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá kết quả học tập học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số là 40%

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số là 60%

- Tổ chức kiểm tra, đánh giá theo hình thức trực tiếp tại Trường hoặc tại các cơ sở khác.
- Hình thức thi

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết môn học và phân bổ thời gian

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1. ĐỊA CHÍNH VÀ ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH	4			4	8	- Tổ chức kiểm tra, đánh giá theo hình thức trực tiếp tại Trường hoặc tại các cơ sở khác.
1.1 Địa chính và quản lý địa chính 1.1.1 Địa chính 1.1.2 Quản lý địa chính	1			1	2	Đọc TLC 1 từ trang 2 - 9 Đọc TLC 2 từ trang 2 - 5
1.2 Đo đạc địa chính 1.2.1 Tổng quan về đo đạc địa chính 1.2.2 Nhiệm vụ của đo đạc địa chính	1			1	2	Đọc TLC 2 từ trang 5 - 7
1.3 Địa giới hành chính(ĐGHC) 1.3.1 Khái niệm đường địa giới hành chính 1.3.2 Nội dung công việc xác định ĐGHC, cắm mốc địa giới và lập hồ sơ ĐGHC các cấp	2			2	4	Đọc TLC 2 từ trang 9 - 16
CHƯƠNG 2. BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH	9,5	0,5	1	11	20	- Tổ chức kiểm tra, đánh giá theo hình thức trực tiếp tại Trường hoặc tại các cơ sở khác.
2.1 Bản đồ địa chính (BĐĐC) 2.1.1 Khái niệm bản đồ địa chính 2.1.2 Mục đích của bản đồ địa chính 2.1.3 Phân loại bản đồ địa chính	1,5			1,5	3	Đọc TLC 1 từ trang 86 - 88 Đọc TLC 2 từ trang 27 - 29

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2.2 Mảnh trích đồ địa chính 2.2.1 Khái niệm mảnh trích đồ địa chính 2.2.2 Mục đích của trích đồ địa chính 2.2.3 Quy định về công tác trích đồ địa chính	0,5			0,5	1	Đọc TLC 2 từ trang 28 - 29 Đọc TLĐT 1 từ trang 29 - 30
2.3 Nội dung bản đồ địa chính 2.3.1 Các yếu tố chính trên bản đồ địa chính 2.3.2 Nội dung của bản đồ địa chính	1,5			1,5	3	Đọc TLC 1 từ trang 89 - 91 Đọc TLC 2 từ trang 29 - 32
2.4 Phép chiếu và hệ tọa độ địa chính 2.4.1 Phép chiếu trong thành lập bản đồ địa chính 2.4.2 Hệ tọa độ địa chính	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1 từ trang 93 - 97 Đọc TLC 2 từ trang 32 - 36
2.5 Yêu cầu độ chính xác bản đồ địa chính	1			1	2	Đọc TLC 1 từ trang 102 - 103 Đọc TLC 2 từ trang 40 - 42
2.6 Chia mảnh và đánh số bản đồ địa chính 2.6.1 Cơ sở toán học 2.6.2 Lựa chọn tỷ lệ thành lập bản đồ địa chính 2.6.3 Chia mảnh và đánh số bản đồ địa chính	2,5	0,5	1	4	8	Đọc TLC 1 từ trang 98 - 101 Đọc TLC 2 từ trang 37 - 40
2.7 Ký hiệu bản đồ địa chính 2.7.1 Phân loại ký hiệu 2.7.2 Vị trí tâm ký hiệu 2.7.3 Màu của đối tượng trên bản đồ	1			1	2	Đọc TLC 2 từ trang 43 - 45

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2.8 Khái quát quy trình công nghệ thành lập bản đồ địa chính 2.8.1 Tổng quan về công tác thành lập BĐDC 2.8.2 Quy trình công nghệ thành lập BĐDC	1			1	2	Đọc TLC 2 từ trang 45 - 48 Đọc TLĐT 2 từ trang 6 - 7
CHƯƠNG 3. LƯỚI ĐỊA CHÍNH	6		1	7	14	- Tổ chức kiểm tra, đánh giá theo hình thức trực tiếp tại Trường hoặc tại các cơ sở khác.
3.1 Lưới địa chính 3.1.1 Mục đích thành lập lưới địa chính 3.1.2 Đặc điểm lưới địa chính 3.1.3 Sơ đồ phát triển lưới địa chính	2			2	4	Đọc TLC 2 từ trang 49 - 52 Đọc TLĐT 1 từ trang 11 - 17
3.2 Mật độ điểm địa chính	0,5			0,5	1	Đọc TLC 2 từ trang 53 - 56 Đọc TLĐT 1 từ trang 11 - 17
3.3 Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của lưới địa chính 3.3.1 Chỉ tiêu kỹ thuật cơ bản chung của lưới địa chính 3.3.2 Yêu cầu kỹ thuật cơ bản khi lập lưới địa chính bằng công nghệ GNSS. 3.3.3 Yêu cầu kỹ thuật cơ bản khi lập lưới địa chính bằng phương pháp đường chuyền.	1,5			1,5	3	Đọc TLC 2 từ trang 56 - 62 Đọc TLĐT 1 từ trang 11 - 17

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
3.4 Lưới độ cao kỹ thuật 3.4.1 Mục đích xây dựng lưới độ cao 3.4.2 Yêu cầu độ chính xác lưới khống chế độ cao địa chính 3.4.3 Đo đạc lưới độ cao	2			2	4	Đọc TLC 2 từ trang 92 - 95
Kiểm tra chương 1+2+3			1	1	2	
CHƯƠNG 4. THÀNH LẬP, QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH	16	2		18	36	- Tổ chức kiểm tra, đánh giá theo hình thức trực tiếp tại Trường hoặc tại các cơ sở khác.
4.1 Thành lập bản đồ địa chính bằng phương pháp đo trực tiếp 4.1.1 Quy trình công nghệ 4.1.2 Nội dung và các yêu cầu kỹ thuật	2			2	4	Đọc TLC 2 từ trang 97 - 101
4.2 Thành lập bản đồ địa chính bằng ảnh hàng không 4.2.1 Quy trình công nghệ 4.2.2 Nội dung và các yêu cầu kỹ thuật	2			2	4	Đọc TLC 2 từ trang 112 - 122
4.3 Đánh số thửa, tính diện tích trên bản đồ địa chính 4.3.1 Đánh số thửa 4.3.2 Tính diện tích thửa đất	2			2	4	Đọc TLC 2 từ trang 122 - 124
4.4 Tiếp biên và xử lý tiếp biên	1			1	2	Đọc TLĐT 2 Trang 23
4.5 Biên tập bản đồ địa chính	1			1	2	Đọc TLC 2 từ trang 126 - 128 Đọc TLĐT 1 từ trang 23 - 27

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
4.6 Lập hồ sơ thửa đất	1			1	2	Đọc TLĐT 1 và Phụ lục 11 đến 15 kèm theo
4.7 Công nghệ biên tập bản đồ địa chính <i>4.7.1. Giới thiệu chung về các phần mềm thành lập bản đồ địa chính.</i> <i>4.7.2. Các bước trong quá trình biên tập BĐDC</i>	3			3	6	Đọc TLC 1 từ Trang 109 - 122
4.8 Đo đạc chỉnh lý, bổ sung, đo vẽ lại bản đồ địa chính <i>4.8.1. Chỉnh lý bản đồ địa chính</i> <i>4.8.2. Đo vẽ bổ sung bản đồ địa chính</i> <i>4.8.3. Đo vẽ lại bản đồ địa chính</i>	1			1	2	Đọc TLC 1 từ Trang 27 - 29
4.9 Thực hành thành lập bản đồ địa chính		2		2	4	Đọc TLC 1 từ trang 109 - 122
4.10 Quản lý và sử dụng bản đồ địa chính <i>4.10.1 Lập thiết kế kỹ thuật-dự toán công trình đo đạc BĐDC</i> <i>4.10.2 Quy định giám sát, kiểm tra, nghiệm thu, xác nhận sản phẩm</i> <i>4.10.3 Đóng gói, giao nộp sản phẩm</i>	3			3	6	Đọc TLĐT 1 từ trang 31 - 36
CHƯƠNG 5. MỘT SỐ ỨNG DỤNG TRẮC ĐỊA TRONG CÔNG TÁC ĐỊA CHÍNH	1,5	2,5	1	5	10	- Tổ chức kiểm tra, đánh giá theo hình thức trực tiếp tại Trường hoặc tại các cơ sở khác.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
5.1 Xác định tọa độ điểm trên đoạn thẳng <i>5.1.1. Xác định một điểm trên đoạn thẳng</i> <i>5.1.2. Xác định một loạt điểm trên đường thẳng</i>	0,5	0,5		1	2	Đọc TLC 2 Trang 171
5.2 Chia thửa đất dạng đa giác theo diện tích định trước	0,5	1,5		2	4	Đọc TLC 2 từ trang 177 - 185
5.3 Hoạch định lại ranh giới với điều kiện diện tích không đổi	0,5	0,5		1,0	2	Đọc TLC 2 từ trang 185 - 187
Kiểm tra chương 4+5			1	1	2	
Tổng	37	5	3	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Khoa học đất**
 - Tiếng Anh: **Soil Science**
- Mã học phần: QĐKĐ2302
- Số tín chỉ : 03
- Hình thức học : Học từ xa theo phương pháp trực tuyến
- Đối tượng học : Sinh viên ngành Quản lý đất đai trình độ đại học hệ vừa làm vừa học
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương ☐		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒					Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
		Kiến thức cơ sở ngành ☒		Kiến thức ngành ☐			
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐		

- Các học phần tiên quyết/học trước:

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động : 45 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết : 31 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm : 04 tiết
 - Làm bài tập trên lớp : 01 tiết
 - Thực hành : 07 tiết
 - Kiểm tra : 02 tiết
 - Thời gian tự học : 90 giờ

- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Khoa học đất và Quy hoạch đất đai, Khoa Quản lý đất đai.

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức*: Trình bày được kiến thức khoa học đất cơ bản làm nền tảng cho một số môn như: đánh giá đất, quy hoạch sử dụng đất, định giá đất. Khái quát hóa được hệ

thông kiến thức về sự hình thành đất, thành phần và tính chất cơ bản của đất, phân loại đất, về độ phì nhiêu của đất.

- *Về kỹ năng*: Vận dụng được kiến thức khoa học đất xác định được các loại đất, thành phần cơ giới đất đai, so sánh được tính chất vật lý, tính chất hóa học của đất đai. Phân loại được các nhóm đất theo FAO – UNESCO

- *Năng lực tự chủ và trách nhiệm*: Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ về khoa học đất;

3. Tóm tắt nội dung học phần

Khoa học đất là môn khoa học nghiên cứu vỏ thổ quyển Trái đất như vật thể tự nhiên. Nội dung căn bản của môn học là nghiên cứu các quá trình hình thành đất như quá trình phong hóa, các quá trình thổ nhưỡng cơ bản; nghiên cứu tính chất vật lý, hóa học của đất; phân loại đất và một số vấn đề về môi trường đất như xói mòn đất, ô nhiễm, sa mạc hóa, mặn hóa và phèn hóa.

4. Học liệu điện tử

4.1. Học liệu chính (HLC)

1. Nguyễn Hữu Thành, Trần Văn Chính (Chủ biên), 2017, *Giáo trình thổ nhưỡng học*, NXB Đại học Nông nghiệp

2. Ray, R. Weil., Nyle, C. Brady, 2016. *The Nature and Properties of Soil*, 15th Edition, Pearson Education, Inc.

4.2. Học liệu bổ trợ (HLBT)

1. Bài giảng Khoa học đất (năm 2020) - Bộ môn Khoa học đất và quy hoạch đất đai, Khoa Quản lý đất đai, Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

2. Hội khoa học đất, 2000, Đất Việt Nam, NXB Nông Nghiệp.

3. Nguyễn Thế Đăng, 2008, *Giáo trình Đất trồng trọt*, Đại học Nông lâm Thái Nguyên, NXB Nông nghiệp.

4. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần:

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☒	Đàm thoại	☒
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☒	Tình huống	☐
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☐
Phân tích, xử lý số liệu	☐	Trình bày báo cáo khoa học	☐	Tự học	☒

5. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuẩn bị các điều kiện học từ xa (máy tính, camera, micro có kết nối mạng Internet)
- Dự lớp
- Tham gia thảo luận nhóm, làm bài tập
- Tham gia kiểm tra, thi kết thúc học phần
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến						Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	TH	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
BÀI MỞ ĐẦU	1				1	2	- Đăng nhập hệ thống học trực tuyến - vào phòng học ảo đúng giờ Đọc mục 1.1 và 1.2, TLC (1), trang 9-21
1. Khái niệm đất							
2. Lịch sử phát triển khoa học đất							
3.Đối tượng, nhiệm vụ môn học							
CHƯƠNG 1. SỰ HÌNH THÀNH ĐẤT	6				6	12	
1.1. Khoáng vật <i>1.1.1. Khái niệm</i> <i>1.1.2. Tính chất cơ bản của khoáng vật</i> <i>1.1.3. Phân loại khoáng vật</i>	1				1		
1.2.Đá <i>1.2.1. Khái niệm, phân loại</i> <i>1.2.2. Đá macma</i> <i>1.2.3. Đá trầm tích</i> <i>1.2.4. Đá biến chất</i>	1				1		

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học						Yêu cầu đối với sinh viên
	trực tuyến						
	Lên lớp (Tiết)					Tự học (Giờ)	
LT	BT	TL, KT	TH	Tổng cộng			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1.3.Phong hóa đá, khoáng vật <i>1.3.1. Khái niệm phong hóa</i> <i>1.3.2. Phong hóa lý học</i> <i>1.3.3. Phong hóa hóa học</i> <i>1.3.4. Phong hóa sinh học</i>	1				1		Đọc mục 1.3 và 1.4, TLC (1), trang 23-34
1.4.Yếu tố hình thành đất <i>1.4.1. Đá mẹ</i> <i>1.4.2. Sinh vật</i> <i>1.4.3. Địa hình</i> <i>1.4.4. Khí hậu</i> <i>1.4.5. Thời gian</i> <i>1.4.6. Con người</i>	1				1		
1.5. Quá trình thổ nhưỡng cơ bản	1				1		Đọc mục 1.5 và 1.6, TLC (1).
1.6.Hình thái đất <i>1.6.1. Cấu tạo phẫu diện</i> <i>1.6.2. Màu sắc và chất lẫn tạp</i>	1				1		
CHƯƠNG 2. TÍNH CHẤT CƠ BẢN CỦA ĐẤT	8	1			9	18	- Đăng nhập hệ thống học trực tuyến - vào phòng học ảo đúng giờ
2.1. Tính chất vật lý của đất <i>2.1.1. Thành phần cơ giới, kết cấu đất</i> <i>2.1.2. Nước, không khí, nhiệt trong đất</i> <i>2.1.3. Một số tính chất vật lý, cơ lý</i>	2 <i>1</i> <i>1</i>				2	4	- Đọc mục 2.1, TL (1), TLC (1), trang 140-149, 164-212

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến						Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	TH	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
2.2. Tính chất hóa học của đất	3	1			4	8	Đọc mục 2.2, TL (1), Tài liệu chính, trang 81-128
2.2.1. Keo đất và khả năng hấp thụ của đất							
2.2.2. Phản ứng của đất 2.2.3. Thành phần hóa học của đất							
2.3. Chất hữu cơ của đất 2.3.1. Khái niệm chất hữu cơ đất 2.3.2. Nguồn chất hữu cơ đất 2.3.3. Quá trình khoáng hóa 2.3.4. Quá trình mùn hóa 2.3.5. Thành phần mùn trong đất 2.3.6. Vai trò chất hữu cơ và mùn trong đất 2.3.7. Chất hữu cơ và mùn trong đất, biện pháp duy trì							Đọc mục 2.3 và 2.4, TL (1), Tài liệu chính, trang 62-80. Trả lời câu hỏi trang 80.
2.4. Độ phì nhiêu đất	1				1		
Bài kiểm tra số 1			1		1	2	
CHƯƠNG 3. PHÂN LOẠI ĐẤT	6			4	10	20	- Đăng nhập hệ thống học trực tuyến - vào phòng học ảo đúng giờ Đọc TLC (1), trang 260-355. Trả lời câu hỏi trang 355
3.1. Khái niệm và mục đích phân loại đất	1						
3.2. Các phương pháp phân loại đất	1						
3.3. Phân loại đất theo FAO-UNESCO tại Việt Nam	1						
3.4. Một số nhóm đất chính ở Việt Nam 3.4.1. Đất đồng bằng và ven biển 3.4.2. Đất vùng đồi núi	3				3	6	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến						Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	TH	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Bài tập 1: Quan sát và mô tả đất, đá, phẫu diện				2			
Bài tập 2: Tìm hiểu bản đồ đất.				2			
CHƯƠNG 4. THOÁI HÓA ĐẤT	8		4		12	24	Đăng nhập hệ thống học trực tuyến - vào phòng học ảo đúng giờ - Đọc TLC (1), trang 214-245. Hệ thống hóa lại kiến thức bằng sơ đồ Nghiên cứu xây dựng một số biện pháp chống thoái hóa đất dựa trên thực tế tại địa phương
4.1. Khái niệm, các dạng thoái hóa đất	1				1		
4.2. Xói mòn đất	2		1		3		
4.2.1. Khái niệm xói mòn đất	1				1		
4.2.2. Các loại xói mòn							
4.2.3. Các nhân tố ảnh hưởng xói mòn đất	1				1		
4.2.4. Các biện pháp chống xói mòn đất			1		1		
4.3. Ô nhiễm đất	2		1		3		
4.3.1. Khái niệm ô nhiễm đất	1				1		
4.3.2. Nguồn gây ô nhiễm đất							
4.3.3. Ô nhiễm đất ở Việt Nam	1		1		1		
4.3.4. Phương hướng phòng chống ô nhiễm							
4.4. Chua hóa, mặn hóa, phèn hóa, sa mạc hóa	1				1		
4.4.1. Chua hóa môi trường đất							
4.4.2. Mặn hóa, phèn hóa							
4.4.3. Sa mạc hóa							
4.4.4. Cải tạo đất chua, mặn, phèn							
4.5. Biện pháp phòng chống thoái hóa đất	1				1		

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến						Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	TH	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
4.5.1. Biện pháp kỹ thuật							
4.5.2. Biện pháp kinh tế							
4.5.3. Công cụ Luật, hành chính							
Tiểu luận, bài thu hoạch				3			
Bài kiểm tra số 2	1		1				
Tổng	31	1	6	7	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
- Tiếng Việt : **Quản lý Tài nguyên Môi trường**
- Tiếng Anh : **Environment and Natural Resources Management**
- Mã học phần : MTQM2351
- Số tín chỉ : 02
- Hình thức học : Học từ xa theo phương pháp trực tuyến
- Đối tượng học: Sinh viên ngành Quản lý đất đai trình độ đại học hệ vừa làm vừa học
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☐				
giáo dục đại cương ☐		Kiến thức cơ sở ngành ☒		Kiến thức ngành ☐		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	

- Các học phần tiên quyết/học trước:
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết : 17 tiết
 - Bài tập : 3 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm : 8 tiết
 - Kiểm tra : 2 tiết
 - Thời gian tự học : 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản lý Tài nguyên thiên nhiên, Khoa Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức*: Sinh viên trình bày được khái niệm cơ bản và phân loại tài nguyên và môi trường, hệ thống tổ chức quản lý từ cấp trung ương đến địa phương; Phân loại được các công cụ quản lý tài nguyên và môi trường.
- *Về kỹ năng*: Vận dụng được các công cụ quản lý tài nguyên và môi trường vào thực tế để quản lý các đối tượng tài nguyên và thành phần môi trường hiệu quả.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*: Sinh viên rèn luyện sự cần cù, sáng tạo và khả năng làm việc nhóm hiệu quả. Sinh viên có khả năng đánh giá, phân tích vấn đề thực tế trong công tác quản lý tài nguyên.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm 3 chương, giới thiệu các kiến thức cơ bản về tài nguyên và môi trường; Các nhóm công cụ quản lý tài nguyên và môi trường: Công cụ pháp lý, công cụ kinh tế, công cụ kỹ thuật và công cụ phụ trợ; Sử dụng các công cụ quản lý tài nguyên và môi trường trong quản lý các đối tượng tài nguyên và thành phần môi trường cụ thể.

4. Học liệu điện tử

4.1. Học liệu chính (HLC)

1. Nguyễn Ngọc Dung (2008), *Quản lý tài nguyên và môi trường*, Nhà Xuất bản Xây dựng.
2. Lưu Đức Hải (2010), *Cẩm nang quản lý môi trường*, Nhà Xuất bản Giáo dục.
3. Hoàng Anh Huy (2014), *Quản lý môi trường*, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội (Giáo trình nội bộ).

4.2. Học liệu bổ trợ (HLBT)

1. Bài giảng Quản lý tài nguyên môi trường (năm 2020) - Bộ môn Quản lý Tài nguyên thiên nhiên, Khoa Môi trường, Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.
2. Luật Bảo vệ môi trường số: 55/2014/QH13.
3. Luật đất đai số 45/2013/QH13
4. Nghị định 43/2014/NĐ – CP hướng dẫn thi hành Luật đất đai
5. Nghị định 154/2016/NĐ-CP quy định tính phí bảo vệ môi trường đối với nước thải
6. Thông tư 152/2015/TT-BTC hướng dẫn về thuế tài nguyên

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☐	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☒	Tình huống	☐
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☐
Phân tích, xử lý số liệu	☒	Trình bày báo cáo khoa học	☒	Tự học	☐

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuẩn bị các điều kiện học từ xa (máy tính, camera, micro có kết nối mạng Internet)
- Học tập trên lớp: nghe giảng, hoạt động nhóm dưới sự hướng dẫn của giảng viên
- Học tập ở nhà: Đọc tài liệu, làm bài tập cá nhân và bài tập nhóm
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

- Hình thức đánh giá

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☒ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Tổ chức kiểm tra, đánh giá theo hình thức trực tiếp tại Trường hoặc tại các cơ sở khác.

- Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	6			6	12	- Đăng nhập hệ thống học trực tuyến - vào phòng học ảo đúng giờ
1.1. Những vấn đề cơ bản về tài nguyên 1.1.1 Khái niệm và phân loại tài nguyên thiên nhiên 1.1.2 Tầm quan trọng của tài nguyên thiên nhiên. 1.1.3 Hiện trạng tài nguyên thiên nhiên Việt Nam	1			1	2	Đọc TL chính l
1.2. Những vấn đề cơ bản về môi trường 1.2.1 Khái niệm và phân loại môi trường 1.2.2 Mối quan hệ giữa môi trường và con người 1.2.3. Ảnh hưởng của ô nhiễm môi trường đến sức khỏe của con người	3			3	6	Đọc TL chính 1

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1.3. Phát triển bền vững 1.3.1. Mối quan hệ giữa môi trường và phát triển 1.3.2. Khái niệm và mô hình phát triển bền vững 1.3.3. Các nguyên tắc phát triển bền vững	1			1	2	Đọc TL chính 1
Chương 2. CÁC CÔNG CỤ QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN&MÔI TRƯỜNG	9	3	7	19	38	- Đăng nhập hệ thống học trực tuyến - vào phòng học ảo đúng giờ
2.1. Khái niệm và nguyên tắc quản lý tài nguyên và môi trường 2.1.1. Khái niệm 2.1.2. Nguyên tắc quản lý tài nguyên và môi trường	1		1	2	4	Đọc TL chính 2
2.2. Hệ thống tổ chức quản lý tài nguyên và môi trường ở Việt Nam 2.2.1. Hệ thống tổ chức quản lý tài nguyên và môi trường cấp trung ương 2.2.2. Hệ thống tổ chức quản lý tài nguyên và môi trường cấp địa phương	1			1	2	Đọc TL chính 1,2
2.3. Các công cụ pháp lý trong quản lý tài nguyên và môi trường 2.3.1. Pháp luật tài nguyên và môi trường 2.3.2. Thanh tra tài nguyên và môi trường	2		1	3	6	Đọc TL chính 1,2,3 Đọc TL đọc thêm 1,2,3
2.4. Các công cụ kinh tế trong quản lý tài nguyên và môi trường 2.4.1. Thuế tài nguyên 2.4.2. Thuế, phí và lệ phí môi trường	2	3		5	10	Đọc TL chính 1,2,3 Đọc TL 1,4,5

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2.4.3. Các công cụ tạo ra thị trường						
2.5. Các công cụ kỹ thuật trong quản lý tài nguyên và môi trường 2.5.1. Quan trắc môi trường 2.5.2. Đánh giá môi trường	2		3	5	10	Đọc TLC 1, 2,3
2.6. Công cụ phụ trợ (Truyền thông) trong quản lý tài nguyên và môi trường	1		1	2	4	Đọc TLC 1, 2,3
Kiểm tra			1	1	2	
Chương 3. ÁP DỤNG MỘT SỐ CÔNG CỤ ĐỂ QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	2		3	5	12	- Đăng nhập hệ thống học trực tuyến - vào phòng học ảo đúng giờ
3.1. Quản lý tài nguyên và môi trường nước	0,5		0,5	1	2	Thảo luận nhóm, Đọc TL chính 1,2,3
3.2. Quản lý tài nguyên và môi trường không khí	0,5		0,5	1	2	Thảo luận nhóm, Đọc TL chính 1,2,3
3.3. Quản lý tài nguyên và môi trường đất	0,5		0,5	1	2	Thảo luận nhóm, Đọc TL chính 1,2,3
3.4. Quản lý tài nguyên đa dạng sinh học	0,5		0,5	1	2	Thảo luận nhóm, Đọc TL chính 1,2,3
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	17	3	10	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt : **Hệ thống thông tin địa lý**
 - Tiếng Anh : **Geographic Information System (GIS)**
- Mã học phần : TBAB2351
- Số tín chỉ : 02
- Hình thức học : Học từ xa theo phương pháp trực tuyến
- Đối tượng học : Sinh viên ngành Quản lý đất đai trình độ đại học hệ vừa làm vừa học
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương ☐		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
		Kiến thức cơ sở ngành ☒		Kiến thức ngành ☐		
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Bản đồ học, Trắc địa cơ sở, Cơ sở viễn thám
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động : 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết : 20 tiết
 - Bài tập : 06 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm : 02 tiết
 - Kiểm tra : 02 tiết
- Thời gian tự học : 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Bản đồ, Viễn thám và GIS; Khoa Trắc địa, Bản đồ và Thông tin địa lý.

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức:
 - + Trình bày được khái niệm hệ thống thông tin địa lý, các thành phần và các chức năng cơ bản của GIS.

+ Nêu ra được các đối tượng địa lý và các thông tin được mô hình hóa trong GIS theo một ứng dụng cụ thể.

+ Trình bày được khái niệm, đặc điểm, ưu nhược điểm của các mô hình dữ liệu không gian, mô hình dữ liệu thuộc tính. So sánh, đánh giá được khả năng ứng dụng giữa các mô hình không gian và thuộc tính.

+ Liệt kê ra được các bước trong quá trình xây dựng CSDL trong GIS; Trình bày được các phương pháp, công nghệ nhập dữ liệu Vector, dữ liệu Raster vào trong GIS; Trình bày được yêu cầu và cách tổ chức, nhập dữ liệu thuộc tính trong GIS.

+ Trình bày được vai trò và ý nghĩa của kết nối cơ sở dữ liệu bản đồ với dữ liệu thuộc tính; Khái quát được các dạng phân tích dữ liệu không gian trong hệ thống thông tin địa lý.

+ Trình bày được nguyên lý chuyển cấu trúc dữ liệu dạng Raster sang Vector và ngược lại; nguyên lý của phương pháp chồng xếp các lớp dữ liệu Raster; phương pháp phân tích lân cận với dữ liệu Vector và Raster; Trình bày một số dạng phân tích dữ liệu thuộc tính cơ bản.

- *Về kỹ năng:*

+ Thực hành nhập dữ liệu vào trong GIS; Tạo được một cơ sở dữ liệu cho một ứng dụng cụ thể; Thiết lập được các câu lệnh truy vấn cho một yêu cầu cụ thể và đưa ra được kết quả tương ứng;

+ Vận dụng các bài toán phân tích không gian của hệ thống thông tin địa lý và các nguyên tắc thể hiện bản đồ vào nhiệm vụ cụ thể.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:*

+ Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn và nghiệp vụ về ứng dụng hệ thống tin địa lý trong công tác quản lý đất đai;

+ Có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau;

+ Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ về ứng dụng hệ thống tin địa lý trong quản lý đất đai;

+ Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ trong ứng dụng hệ thống tin địa lý trong quản lý đất đai và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật;

+ Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ về ứng dụng hệ thống tin địa lý trong công tác quản lý đất đai.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

- Tổng quan về GIS, khái niệm cơ bản về GIS, các thành phần của GIS, lịch sử phát triển GIS và một số ứng dụng của GIS.

- Nguyên lý cơ bản về các kiểu cấu trúc dữ liệu trong hệ thống thông tin địa lý.
- Quá trình nhập dữ liệu và biên tập dữ liệu, chuẩn hóa dữ liệu, hiển thị và xuất dữ liệu.
- Các phương pháp phân tích dữ liệu cơ bản GIS.

4. Học liệu điện tử

4.1. Học liệu chính (HLC)

1. Nguyễn Ngọc Thạch, 2013, *Địa thông tin (Nguyên lý cơ bản và ứng dụng)*, NXB Đại học Khoa học tài nguyên và công nghệ.
2. Nguyễn Ngọc Thạch, 2012, *Địa thông tin ứng dụng*, NXB Khoa học và kỹ thuật.

4.2. Học liệu bổ trợ (HLBT)

1. Bài giảng Hệ thống thông tin địa lý (năm 2020) - Bộ môn Bản đồ, Viễn thám và GIS; Khoa Trắc địa, Bản đồ và Thông tin địa lý, Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.
2. Lê Bảo Tuấn, *Hệ thống thông tin địa lý*, NXB đại học Huế,.
3. Francis Harvey, 2008, *A primer of GIS: fundamental geographic and cartographic concepts*, The Guilford Press

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☐	Phát vấn	☐	Đàm thoại	☒
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☒	Tình huống	☐
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☒	Thu thập số liệu	☒
Phân tích, xử lý số liệu	☒	Trình bày báo cáo khoa học	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuẩn bị các điều kiện học từ xa (máy tính, camera, micro có kết nối mạng Internet)
- Dự lớp đầy đủ; Chấp hành đầy đủ các nội quy trong lớp học;
- Tự nghiên cứu trước nội dung bài học ở nhà;
- Lắng nghe bài giảng của thầy cô giáo và tham gia xây dựng bài học;
- Làm đủ bài tập, bài kiểm tra điều kiện và các bài thu hoạch.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: 2 đầu điểm, hệ số 1.

- Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☒ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Tổ chức kiểm tra, đánh giá theo hình thức trực tiếp tại Trường hoặc tại các cơ sở khác.

- Hình thức thi:

Tự luận ☒

Trắc nghiệm ☐

Vấn đáp ☐

Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ HỆ THỐNG THÔNG TIN ĐỊA LÝ	3		1	4	8	- Đăng nhập hệ thống học trực tuyến - vào phòng học ảo đúng giờ
1.1. Khái niệm, Lịch sử phát triển của GIS và Mối quan hệ của GIS với các ngành khoa học khác <i>1.1.1. Khái niệm GIS</i> <i>1.1.2. Lịch sử phát triển của GIS</i> <i>1.1.3. Mối quan hệ của GIS với các ngành khoa học khác</i>	1			1	2	- Nghiên cứu TLC (1), (2). - Liên hệ với Bản đồ học
1.2. Thành phần và chức năng của GIS <i>1.2.1. Các thành phần cơ bản của GIS</i> <i>1.2.2. Chức năng của GIS</i>	1			1	2	- Nghiên cứu TLC (1), (2). - Trả lời câu hỏi đặt vấn đề cho bài học - Chuẩn bị cho thảo luận Ứng dụng của GIS.
1.3. Ứng dụng của GIS. <i>1.3.1. Ứng dụng của GIS trong quản lý tài nguyên môi trường</i> <i>1.3.2. Ứng dụng của GIS trong KTVHXXH</i>	1		1	2	4	- Nghiên cứu TLC (1), (2) và tìm hiểu trên Internet - Tìm hiểu mô hình hóa thế giới thực
CHƯƠNG 2. CÁC MÔ HÌNH CẤU TRÚC CỦA CƠ SỞ DỮ LIỆU GIS	7	1	1	9	20	- Đăng nhập hệ thống học trực tuyến

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
						- vào phòng học ảo đúng giờ
2.1. Khái quát chung mô hình và việc thể hiện thế giới thực 2.1.1. Khái quát mô hình và mô hình hoá 2.1.2. Đối tượng dữ liệu địa lý	1		1	2	4	- Nghiên cứu TLC (1), (2). - Chuẩn bị cho thảo luận về Đối tượng dữ liệu địa lý
2.2. Cấu trúc cơ sở dữ liệu trong GIS 2.2.1. Các khái niệm chung 2.2.2. Cấu trúc dữ liệu 2.2.3. Cấu trúc cơ sở dữ liệu 2.2.4. Mối quan hệ giữa dữ liệu không gian và dữ liệu phi không gian	4	1		5	10	- Nghiên cứu TLC (1). Tìm hiểu và cho ví dụ về thông tin, dữ liệu, dữ liệu không gian, dữ liệu thuộc tính, cơ sở dữ liệu; - Đưa ra sự nhận biết, phân biệt, so sánh cấu trúc dữ liệu Raster, Vector, cấu trúc dữ liệu Spagetti, Topology; - Làm bài tập mối quan hệ Topology.
2.3. Mô hình số độ cao 2.3.1. Khái niệm về mô hình số độ cao 2.3.2. Ứng dụng về mô hình số độ cao 2.3.3. Các phương pháp biểu diễn mô hình số độ cao 2.3.4. Các phương pháp thành lập mô hình số độ cao	2			2	4	- Nghiên cứu TLC (1) - Chuẩn bị phần mềm ArcGIS và dữ liệu cho việc nhập DL
Kiểm tra			1	1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 3. NHẬP, CHUẨN HÓA VÀ HIỂN THỊ DỮ LIỆU TRONG GIS	5	3		8	15	- Đăng nhập hệ thống học trực tuyến - vào phòng học ảo đúng giờ
3.1. Nhập dữ liệu 3.1.1. Quá trình xây dựng CSDL trong GIS 3.1.2. Nhập dữ liệu vector	2	2		4	8	- Nghiên cứu TLC (2). - Nhập dữ liệu vào trong GIS.
3.1.3. Nhập dữ liệu raster 3.1.4. Nhập dữ liệu thuộc tính						
3.2. Chất lượng dữ liệu và chuẩn hoá dữ liệu địa lý 3.2.1. Các nguồn sai số và các yếu tố đánh giá chất lượng dữ liệu	2			2	4	- Nghiên cứu TLC (2).
3.2.2. Chuẩn hóa dữ liệu địa lý quốc gia						
3.3. Hiển thị và Xuất dữ liệu 3.3.1. Các thiết bị hiển thị và xuất dữ liệu 3.3.2. Hiển thị dữ liệu 3.3.3. Xuất dữ liệu dưới dạng bản đồ	1	1		2	4	- Nghiên cứu TLC (2). - Chuẩn bị phần mềm ArcGIS và dữ liệu cho việc hiển thị DL
CHƯƠNG 4. PHÂN TÍCH DỮ LIỆU TRONG GIS	5	2		7	15	- Đăng nhập hệ thống học trực tuyến - vào phòng học ảo đúng giờ
4.1. Tổng quan về phân tích dữ liệu trong GIS.	1			1	2	- Nghiên cứu TLC (1), (2).
4.2. Các phép phân tích dữ liệu cơ bản	2	1		3	6	- Nghiên cứu TLC (1), (2).

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
4.2.1. Đo đạc, truy vấn, phân loại 4.2.2. Chuyển đổi dữ liệu 4.2.3. Chồng xếp dữ liệu (overlap)						- Chuẩn bị phần mềm ArcGIS và dữ liệu cho việc phân tích DL
4.3. Các phép phân tích dữ liệu nâng cao 4.3.1. Phân tích lân cận 4.3.2. Phân tích mạng 4.3.3. Phép nội suy	2	1		3	6	- Nghiên cứu TLC (1), (2). - Chuẩn bị phần mềm ArcGIS và dữ liệu cho việc phân tích DL
Kiểm tra			1	1	2	
Tổng số	20	6	4	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt : **Quản lý Nhà nước về đất đai**
 - Tiếng Anh : **State management of Land**
- Mã học phần : QĐQN2301
- Số tín chỉ : 02
- Hình thức học : Học từ xa theo phương pháp trực tuyến
- Đối tượng học : Sinh viên ngành Quản lý đất đai trình độ đại học hệ vừa làm vừa học
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương ☐		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
		Kiến thức cơ sở ngành ☒		Kiến thức ngành ☐		
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	

- Các học phần tiên quyết/học trước:
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động : 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết : 24 tiết
 - Bài tập : 04 tiết
 - Kiểm tra : 02 tiết
- Thời gian tự học : 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản lý đất đai và bất động sản, Khoa Quản lý đất đai.

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức:
 - + Trình bày được nguyên tắc tổ chức, hoạt động, hệ thống bộ máy nhà nước, tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường; Tóm tắt được các nội dung quản lý nhà nước về đất đai; Mô tả được thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản;
 - + Vận dụng các kiến thức đã học để quản lý và tổ chức thực hiện các nghiệp vụ

chuyên môn trong lĩnh vực quản lý nhà nước về đất đai và đánh giá được tình hình sử dụng và quản lý đất góp phần sử dụng đất đai hiệu quả;

+ Sử dụng được Internet để khai thác thông tin; soạn thảo các văn bản hành chính trong công tác quản lý nhà nước về đất đai.

- *Về kỹ năng:*

+ Thu thập, tổng hợp, cập nhật được các thông tin chung về quản lý nhà nước về đất đai (lịch sử phát triển công tác quản lý nhà nước về đất đai, tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về đất đai của Việt Nam, ...)

+ Vận dụng các quy định về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản trên internet; Soạn thảo được các văn bản hành chính phục vụ công tác quản lý nhà nước về đất đai;

+ Có khả năng tìm kiếm và sử dụng các thông tin trong các hoạt động quản lý nhà nước về đất đai; có kỹ năng làm việc độc lập và theo nhóm để giải quyết các tình huống pháp luật, phối hợp và hỗ trợ nhau trong các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ;

+ Biết cách và tổ chức được hoạt động nhóm, thuyết trình, và trình bày kết quả trong quá trình nghiên cứu, học tập; có kỹ năng giao tiếp và truyền đạt thông tin, soạn thảo văn bản.

- *Năng lực tự chủ và trách nhiệm:*

+ Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ liên quan đến công tác quản lý Nhà nước; quản lý Nhà nước về đất đai về chức năng quản lý Nhà nước, nguyên tắc quản lý Nhà nước, công cụ quản lý Nhà nước, phương pháp quản lý Nhà nước...;NL1

+ Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ trong công tác quản lý Nhà nước nói chung và công tác quản lý Nhà nước về đất đai nói riêng.NL3

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần Quản lý Nhà nước về đất đai cung cấp cho sinh viên những kiến thức về Nhà nước và Bộ máy nhà nước CHXHCN Việt Nam, Đại cương Quản lý Nhà nước về đất đai, Nội dung Quản lý Nhà nước về đất đai giúp sinh viên có cái nhìn toàn diện và có kỹ năng để nghiên cứu Quản lý Nhà nước về đất đai.

4. Học liệu điện tử

4.1. Học liệu chính (HLC)

1. Nguyễn Khắc Thái Sơn (2011), *Giáo trình Quản lý Nhà nước về đất đai*, NXB Thống kê.

2. PGS.TS. Nguyễn Minh Đoan, TS. Nguyễn Văn Năm (chủ biên) (2016), *Giáo trình Lý luận chung về nhà nước và pháp luật*, NXB Tư pháp.

3. Nước cộng hòa XHCN Việt Nam (2015), *Luật đất đai 2013*, NXB Lao Động.

4.2. Học liệu bổ trợ (HLBT)

1. Bài giảng Quản lý nhà nước về đất đai (năm 2020) - Bộ môn Quản lý đất đai và bất động sản, Khoa Quản lý đất đai, Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

2. Quốc hội Nước cộng hòa XHCN Việt Nam (2014), *Hiến pháp năm 2013*, NXB Lao Động.

3. Các văn bản hướng dẫn thi hành Luật đất đai 2013.

4. Nghị định số 110/2004/NĐ-CP ngày 8/04/2004 của Chính phủ về công tác văn thư.

5. Nghị định số 09/2010/NĐ-CP ngày 08/02/2010 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 110/2004/NĐ-CP ngày 8/04/2004 của Chính phủ về công tác văn thư.

6. Thông tư số 01/2011/TT-BNV ngày 19/01/2011 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính.

7. Quốc hội Nước cộng hòa XHCN Việt Nam (2013), *Luật phổ biến, giáo dục pháp luật*, NXB Tư pháp – Bộ Tư pháp.

8. Quốc hội Nước cộng hòa XHCN Việt Nam (2016), *Luật ban hành văn bản*, NXB Tư pháp – Bộ Tư pháp.

9. Quốc hội Nước cộng hòa XHCN Việt Nam (2015), *Luật tổ chức Chính phủ pháp luật*, NXB Chính trị Quốc gia.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☒	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☒	Tình huống	☒
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☐
Phân tích, xử lý số liệu	☐	Trình bày báo cáo khoa học	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuẩn bị các điều kiện học từ xa (máy tính, camera, micro có kết nối mạng Internet)

- Dự lớp;

- Tham gia làm bài tập;

- Tham gia kiểm tra, thi kết thúc học phần;

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

- Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1.

- Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☐
 Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Tổ chức kiểm tra, đánh giá theo hình thức trực tiếp tại Trường hoặc tại các cơ sở khác.
- Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. NHÀ NƯỚC VÀ BỘ MÁY NHÀ NƯỚC CHXHCN VIỆT NAM	4			4	8	- Đăng nhập hệ thống học trực tuyến - vào phòng học ảo đúng giờ
1.1. Nguồn gốc Nhà nước	1			1	2	Đọc mục II TLC (2)
1.2. Khái niệm, đặc điểm, bản chất và chức năng của Nhà nước	1			1	2	Đọc mục I, Chương II, Chương IV TLC (2)
1.3. Khái quát bộ máy nhà nước CHXHCN Việt Nam <i>1.3.1. Nhà nước CHXHCN Việt Nam</i> <i>1.3.2. Bộ máy Nhà nước CHXHCN Việt Nam</i> <i>1.3.3. Nguyên tắc tổ chức hoạt động của bộ máy nhà nước CHXHCN Việt Nam</i>	2			2	4	Đọc mục IV TLC (2)
Chương 2. ĐẠI CƯƠNG QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC	5		1	6	12	- Đăng nhập hệ thống học trực tuyến - vào phòng học ảo đúng giờ
2.1. Khái niệm quản lý, quản lý hành	1			1	2	Đọc mục 1.1.1

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
chính nhà nước						TLC (1)
2.2. Đặc điểm, chức năng của quản lý hành chính nhà nước						
2.3.Nguyên tắc quản lý hành chính nhà nước	1			1	2	Đọc mục 1.1.1, 1.1.2 TLC (1)
2.4. Nội dung quản lý hành chính nhà nước						
2.5. Công cụ quản lý hành chính nhà nước	2			2	4	Đọc mục 1.1.2 TLC (1)
2.6. Hình thức quản lý hành chính nhà nước.						
2.7. Phương pháp quản lý hành chính Nhà nước	1			1	2	Đọc TLTK (1)
2.8. Khái quát tổ chức bộ máy hành chính Nhà nước CHXHCN Việt Nam						
Bài kiểm tra số 1			1	1	2	Ôn tập nội dung chương 1 và chương 2
Chương 3. QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ ĐẤT ĐAI	15	4	1	20	40	- Đăng nhập hệ thống học trực tuyến - vào phòng học ảo đúng giờ
3.1. Khái niệm quản lý nhà nước về đất đai.	1			1	2	Đọc mục 1.2.1, 1.2.2, 1.2.3, 1.2.6 TLC (1)
3.2. Nguyên tắc của hoạt động quản lý nhà nước về đất đai.						
3.3. Phương pháp quản lý nhà nước về đất đai.						
3.4. Công cụ của quản lý nhà nước về đất đai.						
3.5. Đối tượng của quản lý nhà nước về	2			2	4	Đọc mục 1.2.4

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
đất đai						TLC (1)
3.6. Quyền và trách nhiệm của Nhà nước đối với đất đai						Đọc chương 2 TLC (3)
3.7. Sơ lược quá trình phát triển của công tác QLNN về đất đai ở Việt Nam	1			1	2	Đọc mục 2.1 TLC (1)
3.8. Khái quát chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cơ quan Quản lý đất đai. 3.8.1. Bộ Tài nguyên và Môi trường 3.8.2. Sở Tài nguyên và Môi trường 3.8.3. Phòng Tài nguyên và Môi trường 3.8.4. Công chức địa chính xã, phường, thị trấn	2			3	6	Đọc TLTK (2) Làm bài tập nhóm theo nội dung hướng dẫn
3.9. Nội dung QLNN về đất đai	7			7	14	Đọc mục 3.1, 3.2, 3.3 TLC (1)
3.9.1. Ban hành văn bản quy phạm pháp luật về quản lý, sử dụng đất đai và tổ chức thực hiện văn bản đó 3.9.2. Xác định địa giới hành chính, lập và quản lý hồ sơ địa giới hành chính, lập bản đồ hành chính 3.9.3. Khảo sát, đo đạc, lập bản đồ địa chính, bản đồ hiện trạng sử dụng đất và bản đồ quy hoạch sử dụng đất; điều tra, đánh giá tài nguyên đất; điều tra xây dựng giá đất	2			2	4	
3.9.4. Quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất 3.9.5. Quản lý việc giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất 3.9.6. Quản lý việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi thu hồi đất	2			2	4	Đọc mục 3.4, 3.5, 3.6 TLC (1)

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
3.9.7. Đăng ký đất đai, lập và quản lý hồ sơ địa chính, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	2			2	4	Đọc mục 3.7, 3.8, 3.10, 3.11 TLC (1) Đọc Điều 120 Chương IX TLC (3)
3.9.8. Thống kê, kiểm kê đất đai						
3.9.9. Xây dựng hệ thống thông tin đất đai						
3.9.10. Quản lý tài chính về đất đai và giá đất						
3.9.11. Quản lý, giám sát việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất						
3.9.12. Thanh tra, kiểm tra, giám sát, theo dõi, đánh giá việc chấp hành quy định của pháp luật về đất đai và xử lý vi phạm pháp luật về đất đai	1			1	2	Đọc mục 3.12, 3.13 TLC (1) Đọc Điều 6 TLC (6)
3.9.13. Phổ biến, giáo dục pháp luật về đất đai						
3.9.14. Giải quyết tranh chấp về đất đai; giải quyết khiếu nại, tố cáo trong quản lý và sử dụng đất đai						
3.9.15. Quản lý hoạt động dịch vụ về đất đai						
3.10. Văn bản quản lý Nhà nước	2	4		6	12	
3.10.1. Khái niệm, chức năng, phân loại văn bản quản lý nhà nước	1			1	2	Đọc TLTK (7)
3.10.2. Nguyên tắc, thể thức trình bày văn bản	1			1	2	Đọc Chương 1 TLTK (5)
3.10.3. Thực hành soạn thảo một số loại văn bản QLHCNN trong lĩnh vực đất đai (Tờ trình, quyết định cấp giấy chứng nhận cho hộ gia đình cá nhân)		2		2	4	Soạn thảo một số văn bản QLHCNN (Quyết định hành chính, tờ trình, biên bản
3.10.4. Thực hành soạn thảo một số		1		1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
loại văn bản QLHCNN trong lĩnh vực đất đai (Quyết định giao đất, cấp GCN đất đối với hộ gia đình cá nhân) 3.10.5. Thực hành soạn thảo một số loại văn bản QLHCNN trong lĩnh vực đất đai. (Biên bản, Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai)		1		1	2	trong lĩnh vực đất đai) theo tình huống cho sẵn
Bài kiểm tra số 2			1	1	2	Ôn tập nội dung chương 3
Tổng cộng	24	4	2	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội**
 - Tiếng Anh: **Overall planning for socio – economic development**
- Mã học phần : QĐKĐ2303
- Số tín chỉ : 02
- Hình thức học : Học từ xa theo phương pháp trực tuyến
- Đối tượng học : Sinh viên ngành Quản lý đất đai trình độ đại học hệ vừa làm vừa học
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương ☐		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
		Kiến thức cơ sở ngành ☒		Kiến thức ngành ☐		
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 2
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động :30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết :22 tiết
 - Bài tập :06 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm :0 tiết
 - Kiểm tra : 02 tiết
- Thời gian tự học :60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Khoa học đất và Quy hoạch đất đai, Khoa Quản lý đất đai.

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức:
 - + Trình bày được những kiến thức cơ bản về quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội (khái niệm, căn cứ, bản chất...), trình bày được một số nội dung liên quan đến phát triển kinh tế, xã hội

+ Nắm được các nội dung cơ bản của phương án quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội cho một huyện, tỉnh, vùng, quốc gia.

+ Phân tích được mối quan hệ biện chứng về các nhân tố tác động tới sự phát triển kinh tế xã hội của một huyện, tỉnh, vùng, quốc gia.

- *Về kỹ năng:*

+ Vận dụng được kiến thức về phát triển kinh tế, xã hội có liên quan và kiến thức cơ bản các học phần đã học để giải quyết được tình huống quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực chủ yếu, quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

+ Xây dựng, dự báo được chỉ tiêu cơ bản trong quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội của tỉnh, huyện, quy hoạch tổng thể ngành và lĩnh vực chủ yếu.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*

+ Tích cực chuẩn bị bài trước khi lên lớp, đóng góp ý kiến xây dựng bài học. Có trách nhiệm, tự giác, chủ động tham gia làm việc nhóm nghiêm túc, phối hợp với các thành viên trong quá trình nghiên cứu, thảo luận.

+ Tích cực, chủ động tìm kiếm tài liệu, thông tin có liên quan đến nội dung môn học.

+ Sáng tạo trong ứng dụng kiến thức môn học vào điều kiện thực tế.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Cơ sở lý luận của Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; Nội dung của Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; Giới thiệu quy trình Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội đã áp dụng ở Việt Nam.

4. Học liệu điện tử

4.1. Học liệu chính (HLC)

1. Trường đại học Luật Hà nội (2016), *Luật đất đai*, NXB Công an nhân dân.
2. Nguyễn Thị Vòng (2008), *Giáo trình Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội*, NXB Nông nghiệp
3. Phạm Kim Giao (chủ biên), 2012, *Quy hoạch vùng*, nhà xuất bản xây dựng

4.2. Học liệu bổ trợ (HLBT)

1. Bài giảng Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội (năm 2020) - Bộ môn Khoa học đất và quy hoạch đất đai, Khoa Quản lý đất đai, Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.
2. Giáo trình *Kế hoạch hoá phát triển kinh tế - xã hội*, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, NXB Thống kê, Hà Nội.
3. Đặng Văn Thắng, Phạm Ngọc Dũng (2003), *Chuyển dịch cơ cấu kinh tế công- nông nghiệp ở đồng bằng Sông Hồng. Thực trạng và triển vọng*, NXB Chính trị quốc gia, HN
4. Ngô Doãn Vĩnh (2003), *Nghiên cứu chiến lược và quy hoạch phát triển kinh tế- xã hội ở Việt Nam- học hỏi và sáng tạo*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

5. Bộ NN & PTNT (1999), *Quy trình Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội ngành Nông nghiệp và nông thôn - Tiêu chuẩn ngành*, NXB Nông Nghiệp.

6. Bộ NN & PTNT (1999), *Quy trình lập dự án đầu tư phát triển nông thôn- Tiêu chuẩn ngành*, NXB Nông Nghiệp, Hà Nội.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☒	Đàm thoại	☒
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☒	Tình huống	☐
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☒
Phân tích, xử lý số liệu	☒	Trình bày báo cáo khoa học	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuẩn bị các điều kiện học từ xa (máy tính, camera, micro có kết nối mạng Internet)
- Dự lớp
- Tham gia thảo luận nhóm, làm bài tập, thu thập số liệu tài liệu có liên quan
- Tham gia kiểm tra, thi kết thúc học phần
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. *Điểm đánh giá quá trình*: Trọng số 40%; Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1.

Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☒ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. *Điểm thi kết thúc học phần*: Trọng số 60%

- Tổ chức kiểm tra, đánh giá theo hình thức trực tiếp tại Trường hoặc tại các cơ sở khác.
- Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN QUY HOẠCH TỔNG THỂ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI	9		1	10	20	- Đăng nhập hệ thống học trực tuyến - vào phòng học ảo đúng giờ

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1.1. Khái quát chung về quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội <i>1.1.1. Lý luận chung về quy hoạch</i> <i>1.1.2. Lý luận về quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội</i>	1			1	2	Độc mục 2.1, chương 2 (trang 48), TLC (2).
1.2. Vị trí, vai trò quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội trong sự nghiệp CNH – HĐH đất nước <i>1.2.1. Nhận thức về công nghiệp hóa, hiện đại hóa</i> <i>1.2.2. Các nhân tố của quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội</i>	1			1	2	Độc mục 1.2 (1.2.1; 1.2.2), chương 2 (trang 37 - 45), TLC (2).
1.3. Đặc điểm, yêu cầu và nguyên tắc cơ bản của quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội <i>1.3.1. Đặc điểm chủ yếu của quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội</i> <i>1.3.2. Yêu cầu của quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội</i> <i>1.3.3. Nguyên tắc cơ bản của quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội</i>	2			2	4	Độc mục 4, chương 2 (trang 69 - 80), TLC (2).
1.4. Mối quan hệ giữa quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội với các loại hình quy hoạch khác <i>1.4.1. Quan hệ giữa quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội với quy hoạch sử dụng đất</i> <i>1.4.2. Quan hệ giữa quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội với quy hoạch phát triển ngành.</i>	1			1	2	Độc mục 1.3, chương 2 (trang 46 - 48), TLC (2).

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1.5. Bản chất của quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội <i>1.5.1. Quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực</i> <i>1.5.2. Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội lãnh thổ</i>	2			2	4	Đọc mục 2.2, chương 2 (trang 53 -59), TLC (2).
1.6. Phương pháp tiếp cận của quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội <i>1.6.1. Phương pháp tiếp cận quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội trong điều kiện kinh tế thị trường</i> <i>1.6.2. Phương pháp tiếp cận quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế -xã hội vùng</i>	2			2	4	Đọc mục 3.1; 3.2, chương 1 (trang 59 -62), TLC (2).
Bài kiểm tra số 1			1	1	2	Sinh viên tự ôn tập kiến thức trong chương 1
CHƯƠNG 2. NỘI DUNG QUY HOẠCH TỔNG THỂ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI	13	3	1	17	34	- Đăng nhập hệ thống học trực tuyến - vào phòng học ảo đúng giờ
2.1. Phân tích, đánh giá thực trạng các nguồn lực tác động đến sự phát triển kinh tế – xã hội <i>2.1.1. Điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên và môi trường</i>	2	1		3	6	- Đọc mục 1, chương 3 (trang 81 - 97), TLC (2) - Sinh viên thu thập số liệu về điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội của một địa phương để phục vụ bài tập (theo nhóm)
<i>2.1.2. Đặc điểm dân số, dân cư, nguồn nhân lực</i>						
<i>2.1.3. Đánh giá thực trạng kinh tế - xã hội</i>						
<i>2.1.4. Phân tích, đánh giá các yếu tố bên ngoài tác động đến sự phát triển</i>						
2.2. Luận chứng quan điểm, mục tiêu và khả năng phát triển	2	1		3	6	- Đọc mục 2, chương 3 (trang 99 -104), TLC (2)

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2.2.1. Luận chứng các quan điểm phát triển và mục tiêu tổng quát 2.2.2. Luận chứng các mục tiêu phát triển cụ thể cho từng giai đoạn quy hoạch 2.2.3. Luận chứng chuyển đổi cơ cấu kinh tế, các phương án tăng trưởng kinh tế và lựa chọn cơ cấu đầu tư						- Từ số liệu thu thập được, dự báo, tính toán xây dựng luận chứng (theo nhóm)
2.3. Luận chứng phương hướng quy hoạch phát triển các ngành và các lĩnh vực 2.3.1. Phương hướng phát triển các ngành kinh tế chủ yếu 2.3.2. Phương hướng phát triển các lĩnh vực xã hội và môi trường	4			4	8	- Đọc mục 3, chương 3 (trang 104 - 112), TLC (2)
2.4. Quy hoạch phát triển không gian 2.4.1. Quy hoạch phát triển không gian chung 2.4.2. Quy hoạch phát triển mạng lưới đô thị và hệ thống điểm dân cư nông thôn 2.4.3. Luận chứng phương hướng phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng 2.4.4. Quy hoạch bảo vệ môi trường thiên nhiên và cảnh quan. 2.4.5. Quy hoạch sử dụng đất	3	1		4	8	- Đọc mục 4, chương 3 (trang 112 - 167), TLC (2) - Đọc mục B,C,D,Đ (trang 56 – 103), TLC (3) - Sinh viên làm việc nhóm
2.5. Luận chứng các chương trình phát triển, các dự án đầu tư và bước đi từng giai đoạn 5 năm 2.5.1. Xác định bước đi theo giai đoạn 5 năm phát triển kinh tế -xã hội	1			1	2	- Đọc mục 5, chương 3 (trang 167 - 168), TLC (2)

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2.5.2. Xác định chương trình và dự án đầu tư triển khai xây dựng theo từng giai đoạn						
2.6. Nghiên cứu các giải pháp chủ yếu nhằm thực hiện mục tiêu quy hoạch 2.6.1. Đề xuất các giải pháp về vốn 2.6.2. Đề xuất các giải pháp về đảm bảo nguồn nhân lực 2.6.3. Đề xuất các giải pháp về chính sách khuyến khích áp dụng công nghệ mới 2.6.4. Đề xuất các giải pháp về cơ chế, chính sách điều hành vĩ mô 2.6.5. Đề xuất các giải pháp về điều hành và thực hiện quy hoạch	1			1	2	- Đọc mục 6, chương 3 (trang 168 - 171), TLC (2)
Bài kiểm tra số 2			1	1	2	Sinh viên tự ôn tập kiến thức trong chương 2
Chương 3. GIỚI THIỆU QUY TRÌNH QUY HOẠCH TỔNG THỂ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI ĐÃ ÁP DỤNG Ở VIỆT NAM		3		3	6	- Đăng nhập hệ thống học trực tuyến - vào phòng học ảo đúng giờ
3.1. Quy trình quy hoạch tổng thể phát triển ngành nông nghiệp và nông thôn		1		1	2	Sinh viên nghiên cứu, tìm tài liệu , xây dựng bài thuyết trình theo nhóm. - Đọc thêm tại TLĐT (4, 5)
3.2. Quy trình quy hoạch tổng thể phát triển ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp		2		2	4	
Cộng	22	6	2	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

LÝ THUYẾT

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt : **Quản lý và sử dụng đất trong điều kiện biến đổi khí hậu**
 - Tiếng Anh : **Land Use under Climate Change**
- Mã học phần : QĐKD2304
- Số tín chỉ : 02
- Hình thức học : Học từ xa theo phương pháp trực tuyến
- Đối tượng học : Sinh viên ngành Quản lý đất đai trình độ đại học hệ vừa làm vừa học
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương ☐		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				Thực tập và khóa luyện tốt nghiệp ☐
		Kiến thức cơ sở ngành ☒		Kiến thức ngành ☐		
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Quản lý Nhà nước về đất đai
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động : 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết : 24 tiết
 - Bài tập : 0 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm : 04 tiết
 - Kiểm tra : 02 tiết
 - Thời gian tự học : 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Khoa học đất và Quy hoạch đất đai, Khoa Quản lý đất đai.

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức:
 - + Khái quát hóa được những kiến thức cơ bản về biến đổi khí hậu, về quản lý, sử dụng đất trong điều kiện biến đổi khí hậu.

+ Trình bày được cơ sở khoa học cho các giải pháp sử dụng đất trong điều kiện biến đổi khí hậu từ lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, sử dụng đất bền vững.

- *Về kỹ năng:*

+ Phân tích, tổng hợp, đánh giá tình hình quản lý và sử dụng đất, áp dụng những thành tựu mới về khoa học công nghệ để giải quyết những vấn đề trong quản lý đất đai trong điều kiện biến đổi khí hậu;

+ Đề xuất giải pháp làm giảm nhẹ tác động của biến đổi khí hậu trong sử dụng đất đai, một số giải pháp quản lý sử dụng đất ứng phó với biến đổi khí hậu.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:*

+ Có thái độ nghiêm túc; có khả năng đề xuất những ý tưởng mới trong quá trình học tập và tiếp thu kiến thức của môn học.

+ Có khả năng tự học tập, tự nghiên cứu, tích lũy những kiến thức liên quan đến nội dung môn học và những kiến thức thực tế.

+ Có năng lực thiết lập mục tiêu; xây dựng kế hoạch; điều phối, tổ chức thực hiện; phát huy trí tuệ tập thể; đánh giá và cải tiến chất lượng các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ trong quá trình triển khai những kiến thức được đào tạo vào thực tế công tác quản lý và sử dụng đất.

+ Có tinh thần dám chịu trách nhiệm với những đề xuất liên quan tới công tác quản lý và sử dụng đất đai.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức tổng quan về biến đổi khí hậu, tác động của biến đổi khí hậu đến đất đai và sử dụng đất và giải pháp quản lý bền vững tài nguyên đất đai ứng phó với biến đổi khí hậu.

4. Học liệu điện tử

4.1. Học liệu chính (HLC)

1. Thái Thị Thanh Minh, 2016, *Khí hậu và biến đổi khí hậu*. Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội

2. Nguyễn Văn Viết, 2014, *Biến đổi khí hậu và Nông nghiệp Việt Nam*, NXB Tài nguyên môi trường và bản đồ Việt Nam

3. TS Nguyễn Đình Bồng, 2013, *Quản lý sử dụng bền vững tài nguyên đất đai ứng phó với biến đổi khí hậu*, NXB chính trị Quốc Gia

4.2. Học liệu bổ trợ (HLBT)

1. Bài giảng Quản lý và sử dụng đất trong điều kiện biến đổi khí hậu (năm 2020) - Bộ môn Khoa học đất và quy hoạch đất đai, Khoa Quản lý đất đai, Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

2. Bộ Tài nguyên và Môi trường, 2008. *Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu*.

3. Bảo Huy, Võ Hùng, Nguyễn Thị Thanh Hương, 2011. *Nông lâm kết hợp ứng phó với biến đổi khí hậu. Mạng lưới giáo dục Nông lâm Việt Nam.*

4. UNCC (2013), Fundamentals of climate change science. United Nations Institute for Training and Research.

5. IPPC (2014), Climate Change Synthesis Report. IPPC press.

6. EPA (2014), Climate Change Indicators in the United States 2014. Environmental Protection Agency Press, USA.

7. Van Bodegom, Arend Jan, Herman Savenije and Marieke Wit (eds), (2009), Forests and Climate Change: adaptation and mitigation. Tropenbos international, wageningen, The netherlands. xvi + 160 pp.

8. IPPC (2000), Land use, land use change and forestry. The Intergovernmental Panel on Climate Change Press.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☒	Đàm thoại	☒
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☒	Tình huống	☐
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☐
Phân tích, xử lý số liệu	☐	Trình bày báo cáo khoa học	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuẩn bị các điều kiện học từ xa (máy tính, camera, micro có kết nối mạng Internet)
- Dự lớp
- Tham gia thảo luận nhóm, làm bài tập
- Tham gia kiểm tra, thi kết thúc học phần
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. *Điểm đánh giá quá trình:* Trọng số 40%; Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1.

Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☒ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. *Điểm thi kết thúc học phần:* Trọng số 60%

- Tổ chức kiểm tra, đánh giá theo hình thức trực tiếp tại Trường hoặc tại các cơ sở khác.
- Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến				Tự học	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU	7			7	14	- Đăng nhập hệ thống học trực tuyến - vào phòng học ảo đúng giờ Đọc TLC 1
1.1. Hệ thống khí hậu trái đất	0,5			0,5	1	
1.2. Biến đổi khí hậu	3,5			3,5	7	
1.2.1. Các khái niệm và thuật ngữ	0,5			0,5	2	
1.2.2. Lịch sử của BĐKH	1			1	2	
1.2.3. Nguyên nhân và biểu hiện của BĐKH	1			1	2	
1.2.4. Tác động và hậu quả của biến đổi khí hậu	1			1	2	Đọc TLC 1, 2
1.3. Xu thế biến đổi khí hậu trên thế giới và Việt Nam	3			3	6	
1.3.1. Thực trạng biến đổi khí hậu trên TG và Việt Nam	1			1	2	
1.3.2. Xu hướng biến đổi khí hậu trên TG và Việt Nam trong những năm tới	2			2	4	- Đăng nhập hệ thống học trực tuyến - vào phòng học ảo đúng giờ Đọc TLC 1, 2
CHƯƠNG 2. TÁC ĐỘNG CỦA BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU ĐẾN ĐẤT ĐAI VÀ SỬ DỤNG ĐẤT	9		1	10	20	
2.1. Những hệ quả của biến đổi khí hậu	1,5			1,5	3	
2.2. Những tác động của biến đổi khí hậu tới đất đai và sử dụng đất	2,5			2,5	5	
2.2.1. Mối quan hệ giữa BĐKH với sử dụng đất	0,5					
2.2.2. Biến động sử dụng đất ở nước ta trong những năm qua	1			1	2	
2.2.3. Một số biểu hiện ảnh hưởng của khí hậu đến chất lượng đất	1			1	2	Đọc TLC 2, TLĐT 1
2.3. Ảnh hưởng của BĐKH đến đất đai giữa các vùng của Việt Nam	5			5	10	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến				Tự học	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
2.3.1. Tác động của BĐKH đến tài nguyên đất vùng đồng bằng ven biển	2			2	4	
2.3.2. Tác động của BĐKH đến tài nguyên đất vùng núi	1,5			1,5	3	
2.3.3. Tác động của BĐKH đến tài nguyên đất vùng cao nguyên	1,5			1,5	3	
Kiểm tra bài 1			1	1	2	
CHƯƠNG 3. GIẢI PHÁP QUẢN LÝ BỀN VỮNG TÀI NGUYÊN ĐẤT ĐAI ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU	8		5	14	28	- Đăng nhập hệ thống học trực tuyến - vào phòng học ảo đúng giờ Đọc TLC 2
3.1. Công ước Khung của Liên Hiệp Quốc về biến đổi khí hậu	1,5			1,5	3	
3.2. Quy hoạch sử dụng đất ứng phó với biến đổi khí hậu	2,5			2,5	5	
3.3. Một số giải pháp quản lý sử dụng đất ứng phó với BĐKH	4			4	8	
3.3.1. Giải pháp chung	2			2	4	
3.3.2. Giải pháp giảm nhẹ tác động của biến đổi khí hậu	2			2	4	
Thảo luận Một số mô hình sử dụng đất trong điều kiện biến đổi khí hậu			4		8	
Kiểm tra bài 2			1		2	
Tổng	24		6	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt : **Sử dụng đất và kinh tế đất**
 - Tiếng Anh : **Land use and economic of land**
- Mã học phần : QĐKĐ2305
- Số tín chỉ : 02
- Hình thức học : Học từ xa theo phương pháp trực tuyến
- Đối tượng học : Sinh viên ngành Quản lý đất đai trình độ đại học hệ vừa làm vừa học
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương ☐		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
		Kiến thức cơ sở ngành ☒		Kiến thức ngành ☐		
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Khoa học đất
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động :30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết : 21 tiết
 - Bài tập : 04 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm : 02 tiết
 - Kiểm tra : 03 tiết
- Thời gian tự học : 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Khoa học đất và Quy hoạch đất đai, Khoa Quản lý đất đai

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức:
 - + Khái quát hóa các kiến thức về tài nguyên đất đai, sử dụng đất bền vững, trình bày được đại cương về kinh tế đất.

+ Nắm được bản chất của địa tô, phân loại địa tô, lợi thế so sánh, chi phí cơ hội trong sử dụng đất.

+ Nắm được phương pháp đánh giá hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường đối với đất nông nghiệp.

+ Khái quát quỹ đất và tình hình sử dụng một số loại đất chính ở Việt Nam.

- Về kỹ năng:

+ Phân tích được bản chất của lợi thế so sánh, chi phí cơ hội trong sử dụng đất và đề xuất hướng quản lý và sử dụng đất (đặc biệt là đất sản xuất nông nghiệp) đạt hiệu quả cao về kinh tế, xã hội và môi trường.

+ Đánh giá được lợi thế so sánh, chi phí cơ hội, vấn đề khai thác địa tô khi tiến hành khai thác đất đai trong các ngành nông nghiệp và phi nông nghiệp khi thực hiện các dự án đầu tư trong từng trường hợp cụ thể.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

+ Tích cực chuẩn bị bài trước khi lên lớp, đóng góp ý kiến xây dựng bài học. Có trách nhiệm, tự giác, chủ động trong việc tìm tài liệu. Làm bài tập đầy đủ.

+ Sáng tạo trong ứng dụng kiến thức các môn đã học vào môn học.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Tổng quan về kinh tế đất, Địa tô, Lợi thế so sánh và chi phí cơ hội trong kinh tế tài nguyên đất, Khái quát về quỹ đất và tình hình sử dụng đất ở Việt Nam, Phân tích hiệu quả sử dụng đất khi tiến hành các dự án đầu tư trong sản xuất nông nghiệp.

4. Học liệu điện tử

4.1. Học liệu chính (HLC)

1. Nguyễn Hoàn, 2013, *Kinh tế đất*, Nhà xuất bản Lao động.
2. Nguyễn Văn Song, 2009, *Giáo trình Kinh tế tài nguyên*, NXB Tài chính.

4.2. Học liệu bổ trợ (HLBT)

1. Bài giảng Sử dụng đất và kinh tế đất (năm 2020) - Bộ môn Khoa học đất và quy hoạch đất đai, Khoa Quản lý đất đai, Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.
2. Nguyễn Văn Ngọc, 2013, *Bài giảng Kinh tế vĩ mô*, Nhà xuất bản giáo dục.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☐	Phát vấn	☒	Đàm thoại	☒
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☒	Tình huống	☐
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☒
Phân tích, xử lý số liệu	☒	Trình bày báo cáo khoa học	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuẩn bị các điều kiện học từ xa (máy tính, camera, micro có kết nối mạng Internet)

- Dự lớp
- Tham gia thảo luận, thu thập tài liệu, số liệu; làm bài tập
- Tham gia kiểm tra, thi kết thúc học phần
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1.

Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Tổ chức kiểm tra, đánh giá theo hình thức trực tiếp tại Trường hoặc tại các cơ sở khác.

- Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ SỬ DỤNG ĐẤT VÀ KINH TẾ ĐẤT	5			5	10	Đăng nhập hệ thống học trực tuyến - vào phòng học ảo đúng giờ
1.1. Khái quát chung về tài nguyên đất đai, biến đổi khí hậu, sử dụng đất bền vững	3			3	6	Đọc mục 1.1, TLC (1).
1.1.1. Đất đai và sử dụng đất đai	1			1		
1.1.2. Biến đổi khí hậu	1			1		
1.1.3. Quản lý, sử dụng tài nguyên đất bền vững ứng phó với biến đổi khí hậu	1			1		
1.2. Tổng quan về kinh tế đất	2			2	4	Đọc mục 1.2, TLC (1).
1.2.1. Khái niệm về kinh tế đất.	1			1		

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1.2.2. Sự cần thiết của khoa học kinh tế đất và những vấn đề đặt ra						
1.2.3.Đối tượng, nội dung và phương pháp nghiên cứu kinh tế đất	1			1		
CHƯƠNG 2. ĐỊA TÔ	4	1	2	7	14	- Đăng nhập hệ thống học trực tuyến - vào phòng học ảo đúng giờ Đọc chương 2, TLC (1).
2.1. Bản chất địa tô	1			1		
2.2. Địa tô chênh lệch	1			1		
2.3. Địa tô tuyệt đối	1			1		
2.4. Địa tô độc quyền, địa tô lao dịch, địa tô sản phẩm, địa tô bằng tiền	1			1		
2.5. Ví dụ minh họa bản chất địa tô chênh lệch, địa tô tuyệt đối, địa tô độc quyền		1	1	2		
Bài kiểm tra số 1			1	1	2	
CHƯƠNG 3. LỢI THẾ SO SÁNH VÀ CHI PHÍ CƠ HỘI TRONG KINH TẾ SỬ DỤNG ĐẤT	5	2	1	8	16	- Đăng nhập hệ thống học trực tuyến - vào phòng học ảo đúng giờ Đọc chương 3, TLC (1).
3.1. Lợi thế tuyệt đối	1			1	2	
3.2. Lợi thế tương đối	1			1	2	
3.3. Vận dụng lý thuyết lợi thế trong sử dụng đất đai	1			1	2	
3.4. Chi phí cơ hội trong sử dụng đất	1			1	2	
3.5. Vấn đề chuyển mục đích sử dụng đất; Mô hình ba mặt và tác động của nó trong quá trình sử dụng	1		1	2	4	
3.6. So sánh sự giống và khác nhau giữa lợi thế tuyệt đối và lợi thế tương đối trong sử dụng đất;	1	1		2	4	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
cho ví dụ về khả năng vận dụng lý thuyết lợi thế trong sử dụng đất						
3.7. Cho ví dụ minh họa chi phí cơ hội trong sử dụng đất và chi phí cơ hội trong các lĩnh vực khác để làm rõ bản chất của việc vận dụng chi phí cơ hội	1	1		2	4	
CHƯƠNG 4.ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ SỬ DỤNG ĐẤT NÔNG NGHIỆP	5	1	1	7	14	- Đăng nhập hệ thống học trực tuyến - vào phòng học ảo đúng giờ
4.1. Những vấn đề chung về hiệu quả	1					Đọc mục 4.1, TLC (1).
4.1.1. Các quan điểm về hiệu quả						
4.1.2. Khái niệm và phân loại hiệu quả sử dụng đất						
4.2. Nội dung và phương pháp xác định hiệu quả kinh tế sử dụng đất nông nghiệp	2					Đọc mục 4.2, TLC (1).
4.2.1. Lựa chọn hệ thống chỉ tiêu đánh giá hiệu quả kinh tế trong sử dụng đất nông nghiệp						
4.2.2. Phương pháp đánh giá hiệu quả kinh tế trong sử dụng đất nông nghiệp						
4.3. Đánh giá hiệu quả xã hội trong sử dụng đất nông nghiệp	1					Đọc mục 4.3, 4.4, 4.5, TLC (1).
4.4. Đánh giá hiệu quả bảo vệ môi trường trong sử dụng đất nông nghiệp	1					
4.5. Phân tích, đánh giá lợi thế so sánh, chi phí cơ hội, vấn đề khai thác địa tô, đánh giá hiệu quả kinh tế - xã hội – môi trường khi tiến		1				

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
hành một dự án đầu tư trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp hoặc phi nông nghiệp trên một địa bàn cụ thể						
Bài kiểm tra số 2			1	1	2	
CHƯƠNG 5. KHÁI QUÁT VỀ TÀI NGUYÊN ĐẤT ĐAI VIỆT NAM	3			3	6	Đăng nhập hệ thống học trực tuyến - vào phòng học ảo đúng giờ
5.1. Thực trạng sử dụng đất đến năm 2014	2					Đọc mục 5.1, TLC (1).
5.1.1. Hiện trạng sử dụng đất nông nghiệp, phi nông nghiệp, đất chưa sử dụng năm 2014						
5.1.2. Đánh giá khái quát thực trạng sử dụng đất năm 2014						
5.2. Kinh nghiệm sử dụng đất bền vững ở một số địa phương	1		1	2	4	Đọc mục 5.2, TLC (1).
Cộng	22	4	4	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt : **Bản đồ học**
 - Tiếng Anh : **Cartography**
- Mã học phần : TBAB2352
- Số tín chỉ : 02
- Hình thức học : Học từ xa theo phương pháp trực tuyến
- Đối tượng học : Sinh viên ngành Quản lý đất đai trình độ đại học hệ vừa làm vừa học
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒					Thực tập và khóa luận tốt nghệ □
		Kiến thức cơ sở ngành ☒		Kiến thức ngành □			
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc ☒	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □		

- Các học phần tiên quyết/học trước:
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động : 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết : 23 tiết
 - Bài tập : 04 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm : 01 tiết
 - Kiểm tra : 02 tiết
- Thời gian tự học : 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Bản đồ, Viễn thám và GIS; Khoa Trắc địa, Bản đồ và Thông tin địa lý

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức:
 - + Trình bày được các kiến thức về môn bản đồ học (khái niệm, nội dung, phân loại, quy trình sản xuất chung...)

- + Xác lập được các yếu tố toán học của bản đồ (phép chiếu, lưới chiếu bản đồ)
- + Trình bày được các thành phần cấu tạo nên ngôn ngữ bản đồ
- *Về kỹ năng:*
 - + Vận dụng được các phương pháp thành lập các bản đồ cho làm đồ án.
 - + Đọc và sử dụng được bản đồ.
 - + Biểu thị được các yếu tố nội dung bản đồ, sử dụng các phương pháp biểu thị nội dung bản đồ đạt yêu cầu kỹ thuật.
- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:*
 - + Có năng lực dẫn dắt chuyên môn và nghiệp vụ về bản đồ;
 - + Có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau;
 - + Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ về bản đồ;
 - + Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ bản đồ phục vụ công tác quản lý đất đai và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật;

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

- Nghiên cứu những vấn đề cơ bản của bản đồ học và bản đồ.
- Trình bày một số phép chiếu dùng cho bản đồ Việt Nam; hệ thống quy định đánh số chia mảnh đối với bản đồ địa hình và bản đồ địa chính.
- Giới thiệu khái quát về bản đồ địa lý, từ đó đi sâu trình bày về 2 loại bản đồ (bản đồ địa hình và bản đồ chuyên đề)
- Giới thiệu chung về bản đồ số, một số các quy định kỹ số hóa bản đồ số. Bên cạnh đó giới thiệu một số phần mềm chuyên dụng được sử dụng trong công tác biên tập và thành lập bản đồ số nói chung và trong lĩnh vực quản lý đất đai nói riêng

4. Học liệu điện tử

4.1. Học liệu chính (HLC)

1. Lâm Quang Dốc, 1995, *Bản đồ học*, NXB Quốc gia.
2. K. A. Xalisp; Hoàng Phương Nga, Nhữ Thị Xuân dịch; Nguyễn Thơ Các, Vũ Bích Vân (hiệu đính), 2006, *Bản đồ học*, Nxb. Đại học quốc gia Hà Nội.

4.2. Học liệu bổ trợ (HLBT)

1. Bài giảng Bản đồ học (năm 2020) - Bộ môn Bản đồ, Viễn thám và GIS; Khoa Trắc địa, Bản đồ và Thông tin địa lý, Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.
2. Hoàng Phương Nga & nnk (dịch), 2006, *Bản đồ học*, NXB. Đại học quốc gia Hà Nội.
3. AR Thur H. Robinson & nnk, 1995, *Cartography*, USA.
4. M. J. Kraak & F.J. Ormeling, 2001, *Cartography- Visualization of Spatial data*, LongMan

5. Terry A. Slocum, 1999, *Thematic Cartography and visualization*, Prentice Hall.

6. William Cartwright & nnk, 1999, *Multimedia cartography*, Springer, NewYork.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☒	Đàm thoại	☒
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☒	Tình huống	☐
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☒	Thu thập số liệu	☐
Phân tích, xử lý số liệu	☐	Trình bày báo cáo khoa học	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuẩn bị các điều kiện học từ xa (máy tính, camera, micro có kết nối mạng Internet)
- Dự lớp: Nghe giảng và hướng dẫn học tập
- Bài tập: Làm bài tập và thảo luận nhóm
- Tự học: Nghiên cứu, đọc tài liệu để nắm vững lý thuyết sau đó làm bài tập ở nhà và chữa trên lớp.

- Điều kiện dự thi học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1.

- Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Tổ chức kiểm tra, đánh giá theo hình thức trực tiếp tại Trường hoặc tại các cơ sở khác.
- Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ BẢN ĐỒ	5,5			5,5	11	Đăng nhập hệ thống học trực

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
						tuyến - vào phòng học ảo đúng giờ
1.1. Bản đồ học và mối liên hệ với các môn khoa học khác <i>1.1.1. Định nghĩa, đối tượng và nhiệm vụ của Bản đồ học</i> <i>1.1.2. Những bộ môn cơ bản của khoa học bản đồ</i> <i>1.1.3. Mối liên hệ giữa Bản đồ học với các môn khoa học khác</i>	0,5			0,5	1	Đọc TLC (1), (2).
1.2. Khái niệm về bản đồ <i>1.2.1 Khái niệm</i> <i>1.2.2 Tính chất của bản đồ</i> <i>1.2.3 Vai trò, công dụng của bản đồ</i>	1			1	2	Đọc TLC (1), (2).
1.3 Các yếu tố của bản đồ <i>1.3.1 Yếu tố cơ sở toán học</i> <i>1.3.2 Yếu tố nội dung</i> <i>1.3.3 Các yếu tố hỗ trợ, bổ sung</i>	0,5			0,5	1	Đọc TLC (1), (2).
1.4 Phân loại bản đồ <i>1.4.1 Phân loại theo đối tượng thể hiện</i> <i>1.4.2 Phân loại theo tỷ lệ</i> <i>1.4.3 Phân loại theo nội dung</i> <i>1.4.4 Phân loại theo mục đích sử dụng</i> <i>1.4.5 Phân loại theo lãnh thổ thể hiện trên bản đồ</i> <i>1.4.6 Phân loại theo các đặc tính phụ khác</i>	1			1	2	Đọc TLC (1), (2).
1.5 Tổng quát hóa bản đồ <i>1.5.1 Khái niệm chung</i>	1,5			1,5	3	Đọc TLC (1), (2).

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1.5.2 Nội dung của quá trình tổng quát hóa 1.5.3 Các yếu tố ảnh hưởng tới quá trình tổng quát hóa						
1.6 Quy trình chung sản xuất bản đồ 1.6.1 Chuẩn bị biên tập 1.6.2 Thành lập bản đồ 1.6.3 Trình bày bản đồ 1.6.4 Chế in và in bản đồ	1			1	2	Đọc TLC (1), (2).
CHƯƠNG 2. CƠ SỞ TOÁN HỌC CỦA BẢN ĐỒ	9	4	2	15	30	Đăng nhập hệ thống học trực tuyến - vào phòng học ảo đúng giờ
2.1 Phép chiếu và lưới chiếu bản đồ 2.2.1 Phép chiếu bản đồ 2.2.2 Lưới chiếu bản đồ	2			2	04	Đọc TLC (1), (2).
2.2 Tỷ lệ bản đồ 2.2.1 Khái niệm 2.2.2 Các loại tỷ lệ trên lưới chiếu bản đồ	1			1	2	Đọc TLC (1), (2).
2.3 Biến dạng trên lưới chiếu bản đồ 2.3.1 Nguyên nhân gây ra biến dạng 2.3.2 Dạng hình học của sai số biến dạng 2.3.3 Các loại biến dạng	1			1	2	Đọc TLC (1), (2).
2.4 Phân loại phép chiếu bản đồ 2.4.1 Phân loại theo đặc điểm biến dạng 2.4.2 Phân loại theo phương pháp chiếu hình 2.4.3 Phân loại theo vị trí của điểm cực	1			1	2	Nắm vững các phép chiếu cơ bản; Đọc TLC (1), (2).

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2.5 Một số phép chiếu dùng cho bản đồ Việt Nam <i>2.5.1 Phép chiếu hình nón thẳng đồng góc hai vĩ tuyến chuẩn</i> <i>2.5.2 Phép chiếu Gauss - Kruger</i> <i>2.5.3 Phép chiếu UTM</i>	2			2	04	Đọc TLC (1), (2).
2.6 Chia mảnh và đặt phiên hiệu theo VN-2000 <i>2.6.1 Chia mảnh và đặt phiên hiệu Bản đồ địa hình</i> <i>2.6.2 Chia mảnh và đặt phiên hiệu Bản đồ địa chính</i> <i>Bài tập: Chia mảnh và đặt phiên hiệu Bản đồ địa hình và Bản đồ địa chính</i>	2	04	1	07	14	- Làm bài tập được giao; Đọc TLC (1), (2).
Kiểm tra 1 tiết			1	1	2	Làm bài kiểm tra
CHƯƠNG 3. NGÔN NGỮ BẢN ĐỒ	2,5			2,5	05	Đăng nhập hệ thống học trực tuyến - vào phòng học ảo đúng giờ
3.1 Ký hiệu bản đồ <i>3.1.1 Khái niệm và vai trò của ký hiệu bản đồ</i> <i>3.1.2 Phân loại ký hiệu bản đồ</i> <i>3.1.3 Nguyên tắc vẽ ký hiệu bản đồ</i>	1			1	2	Đọc TLC (1), (2).
3.2 Màu sắc dùng trên bản đồ <i>3.2.1 Vai trò và đặc điểm của màu sắc</i> <i>3.2.2 Các phương pháp kết hợp màu sắc</i> <i>3.2.3 Các loại nền màu dùng trong bản đồ</i>	0,5			0,5	1	Đọc TLC (1), (2).
3.3 Ghi chú trên bản đồ	1			1	2	Đọc TLC (1), (2).

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
3.3.1 Vai trò và đặc điểm của chữ ghi chú 3.3.2 Các loại ghi chú trên bản đồ 3.3.2 Nguyên tắc sắp xếp ghi chú trên bản đồ						
CHƯƠNG 4. BẢN ĐỒ ĐỊA LÝ	4			4	8	Đăng nhập hệ thống học trực tuyến - vào phòng học ảo đúng giờ
4.1 Khái niệm chung 4.1.1 Khái niệm và phân loại 4.1.2 Vai trò và yêu cầu đối với bản đồ địa lý 4.1.3 Các phương pháp biểu thị nội dung bản đồ	1,5			1,5	3	Đọc TLC (1), (2).
4.2 Bản đồ địa hình 4.2.1 Nội dung của bản đồ địa hình 4.2.2 Hiện chỉnh bản đồ địa hình 4.2.3 Các phương pháp thành lập bản đồ địa hình	1			1	2	Đọc TLC (1), (2).
4.3 Bản đồ chuyên đề 4.3.1 Khái niệm và phân loại 4.3.2 Nội dung của bản đồ chuyên đề 4.3.3 Các phương pháp thành lập bản đồ chuyên đề	1,5			1,5	3	Đọc TLC (1), (2).
CHƯƠNG 5: BẢN ĐỒ SỐ	2		1	3	6	
5.1 Giới thiệu chung 5.1.1 Khái niệm bản đồ số 5.1.2 Các tính chất của bản đồ số 5.1.3 Các chuẩn của bản đồ số	1			1	2	Đọc TLC (1), (2).

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
5.1.4 Ưu điểm và nhược điểm của bản đồ số 5.1.5 Quy trình công nghệ thành lập bản đồ số						
5.2 Một số quy định kỹ thuật của bản đồ địa hình số 5.2.1 Quy định về cơ sở toán học của bản đồ địa hình số 5.2.2 Quy định về nội dung của bản đồ địa hình số 5.2.3 Quy định về số hóa và biên tập bản đồ địa hình	0,5			0,5	1	Đọc TLC (1), (2).
5.3 Giới thiệu một số phần mềm chuyên dụng thành lập bản đồ số 5.3.1 Phần mềm Autocad 5.3.2 Phần mềm Mapinfo 5.3.3 Bộ phần mềm Microstation and Mapping office 5.3.4 Phần mềm Famis 5.3.5 Phần mềm ViLIS	0,5			0,5	1	Đọc TLC (1), (2).
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	23	4	3	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Quy hoạch nông nghiệp và phát triển nông thôn**
 - Tiếng Anh: **Agricultural planning and Rural development**
- Mã học phần : QĐKĐ2306
- Số tín chỉ : 03
- Hình thức học : Học từ xa theo phương pháp trực tuyến
- Đối tượng học : Sinh viên ngành Quản lý đất đai trình độ đại học hệ vừa làm vừa học
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒					Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
		Kiến thức cơ sở ngành ☒		Kiến thức ngành □			
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc ☒	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □		

- Các học phần tiên quyết/học trước: Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế – xã hội
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động : 45 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết : 35 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm : 08 tiết
 - Kiểm tra : 02 tiết
- Thời gian tự học : 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Khoa học đất và Quy hoạch đất đai, Khoa Quản lý đất đai

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức:
 - + Trình bày được những kiến thức cơ bản về sự phát triển nông thôn bền vững
 - + Giải thích được những vấn đề môi trường với sự phát triển, những nguyên lý, nguyên tắc và nội dung của quy hoạch nông nghiệp và phát triển nông thôn.
- Về kỹ năng:

+ Áp dụng kiến thức môn học trong điều tra, đánh giá, và phân tích tài liệu, số liệu thu thập được

+ Nghiên cứu xây dựng phương án quy hoạch nông thôn mới phù hợp với điều kiện thực tiễn tại địa phương

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

Rèn luyện sự cần cù, khả năng phân tích logic, tính chăm chỉ, chuẩn bị bài trước khi lên lớp, sáng tạo trong vận dụng kiến thức môn học vào điều kiện thực tiễn.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Khái niệm về phát triển và phát triển nông thôn, đặc trưng của vùng nông thôn và sự cần thiết phải quy hoạch phát triển nông thôn, các vấn đề và các quan điểm về phát triển nông thôn, các nội dung trong quy hoạch phát triển nông thôn, các nội dung trong quy hoạch nông thôn mới.

4. Học liệu điện tử

4.1. Học liệu chính (HLC)

1. Nguyễn Thị Hải Yến, 2015, *Giáo trình quy hoạch nông nghiệp và phát triển nông thôn*, trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội

2. PGS.TS Vũ Thị Bình, 2008, *Giáo trình quy hoạch đô thị và điểm dân cư nông thôn*, nhà xuất bản nông nghiệp Hà Nội

4.2. Học liệu bổ trợ (HLBT)

1. Bài giảng Quy hoạch nông nghiệp và phát triển nông thôn (năm 2020) - Bộ môn Khoa học đất và quy hoạch đất đai, Khoa Quản lý đất đai, Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

2. Đặng Kim Sơn, 2008, *Nông nghiệp, nông dân, nông thôn Việt Nam hôm nay và mai sau*, NXB Chính trị quốc gia

3. Chương trình nghiên cứu Việt nam - Hà Lan (VNRP), 2003, *Cơ sở lý thuyết và thực tiễn Phát triển nông thôn bền vững*, NXB Nông nghiệp, Hà Nội.

4. PGS.TS Nguyễn Thị Vòng (chủ biên), 2008, *giáo trình quy hoạch tổng thể kinh tế xã hội*, nhà xuất bản Nông Nghiệp

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☒	Đàm thoại	☒
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☒	Tình huống	☐
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☐
Phân tích, xử lý số liệu	☐	Trình bày báo cáo khoa học	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuẩn bị các điều kiện học từ xa (máy tính, camera, micro có kết nối mạng Internet)
- Dự lớp

- Tham gia thảo luận nhóm, làm bài tập
- Tham gia kiểm tra, thi kết thúc học phần
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1.

Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Tổ chức kiểm tra, đánh giá theo hình thức trực tiếp tại Trường hoặc tại các cơ sở khác.
- Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP VÀ NÔNG THÔN	6			6	12	- Đăng nhập hệ thống học trực tuyến - vào phòng học ảo đúng giờ - Đọc Chương 1, TLC 1
1.1. Những khái niệm cơ bản	1			1	2	
1.1.1. Khái niệm, đặc điểm của nông nghiệp, nông thôn	0,5			0,5	1	
1.1.2. Phát triển; phát triển nông nghiệp, nông thôn	0,5			0,5	1	
1.2. Vị trí, vai trò, tầm quan trọng của phát triển nông nghiệp, nông thôn	1			1	2	
1.2.1. Vị trí, vai trò của nông nghiệp, nông thôn	0,5			0,5	1	
1.2.2. Ý nghĩa và tầm quan trọng của việc phát triển nông nghiệp, nông thôn	0,5			0,5	1	
1.3. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn	4			4	8	Đọc chương 2, TLC 1

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1.3.1. Đặc trưng của vùng nông thôn Việt Nam	1			1	2	
1.3.2. Thực trạng phát triển nông nghiệp, nông thôn Việt Nam	1			1	2	
1.3.3. Quan điểm, mục tiêu, chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn ở Việt Nam	1			1	2	
1.3.4. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn Việt Nam	1			1	2	
CHƯƠNG 2: QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP	15		5	20	40	- Đăng nhập hệ thống học trực tuyến - vào phòng học ảo đúng giờ - Đọc chương 3, TLC 1
2.1. Cơ sở lý luận về quy hoạch phát triển nông nghiệp	4			4	8	
2.1.1. Vị trí, vai trò của nông nghiệp đối với phát triển nông thôn và phát triển kinh tế xã hội	0,5			0,5	1	
2.1.2. Những vấn đề cơ bản của phát triển nông nghiệp	0,5			0,5	1	
2.1.3. Quan điểm, mục tiêu, phương hướng phát triển nông nghiệp	1			1	2	Đọc mục 2.4, TLC 1
2.1.4. Quy hoạch phát triển nông nghiệp	1			1	2	
2.1.5. Các chỉ tiêu đánh giá mức độ phát triển nông nghiệp	1,0			1,0	2,0	Đọc mục 1.6, TLC 1
2.2. Cơ sở pháp lý về quy hoạch phát triển nông nghiệp	3			3	6	Đọc chương 3, TLC 1
2.2.1. Căn cứ lập quy hoạch phát triển nông nghiệp	0,5			0,5	1	
2.2.2. Trình tự lập quy hoạch phát triển nông nghiệp	1			1	2	
2.2.3. Nội dung chủ yếu của dự án quy hoạch phát triển nông nghiệp	1			1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2.2.4. Cơ quan lập, thẩm định quy hoạch phát triển nông nghiệp	0,5			0,5	1	
2.3. Dự báo các chỉ tiêu quy hoạch phát triển nông nghiệp	4			4	8	
2.3.1. Dự báo về dân số	1,5			1,5	3	
2.3.2. Dự báo về nhu cầu nông sản và giá nông sản	1			1	2	
2.3.3. Dự báo về đất đai nông nghiệp	1,5			1,5	3	
2.4. Quy hoạch phát triển nông nghiệp cấp xã	4			4	8	
2.4.1. Quy hoạch phát triển hạ tầng cho sản xuất nông nghiệp	1,5			1,5	3	
2.4.2. Quy hoạch phát triển các tiểu ngành nông nghiệp	1,5			1,5	3	
2.4.3. Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh quy hoạch sản xuất nông nghiệp cấp xã	1			1	2	
Thảo luận: Phát triển nông nghiệp Việt Nam			4	4	8	SV chuẩn bị nội dung
Kiểm tra bài 1			1	1	2	
CHƯƠNG 3: QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN	14		5	19	38	- Đăng nhập hệ thống học trực tuyến - vào phòng học ảo đúng giờ - Đọc chương 4, TLC 1
3.1. Cơ sở lý luận về quy hoạch phát triển nông thôn	4			4	8	
3.1.1. Nguyên lý của quy hoạch phát triển nông thôn	1			1	2	
3.1.2. Nguyên tắc quy hoạch phát triển nông thôn	1			1	2	Đọc mục 1.7, TLC 1
3.1.3. Một số chỉ tiêu đánh giá mức độ phát triển nông thôn	2			2	4	
3.2. Quy hoạch phát triển nông thôn	5			5	10	Đọc chương 4, TLC 1
3.2.1. Nhiệm vụ quy hoạch phát triển nông thôn	1			1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
3.2.2. Phương pháp, nội dung cơ bản của quy hoạch phát triển nông thôn	1,5			1,5	3	
3.2.3. Trình tự lập quy hoạch phát triển nông thôn	1			1	2	
3.2.4. Đánh giá hiệu quả và những tác động của phương án quy hoạch phát triển nông thôn	1,5			1,5	3	
3.3. Quy hoạch xây dựng nông thôn mới	5			5	10	
3.3.1. Những vấn đề cơ bản về xây dựng nông thôn mới	1			1	2	
3.3.2. Xây dựng quy hoạch nông thôn mới	2			2	4	
3.3.3. Đồ án quy hoạch nông thôn mới	2			2,0	4	
Thảo luận: Phát triển nông thôn và nông thôn mới tại Việt Nam.			4	4	8	SV chuẩn bị nội dung
Kiểm tra bài 2			1	1	2	
Tổng	35		10	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt : **Lập và Quản lý dự án đầu tư trong lĩnh vực đất đai**
 - Tiếng Anh : **Forming and management of investment projects in the fields of land**
- Mã học phần : QĐĐC2302
- Số tín chỉ : 02
- Hình thức học : Học từ xa theo phương pháp trực tuyến
- Đối tượng học : Sinh viên ngành Quản lý đất đai trình độ đại học hệ vừa làm vừa học
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương ☐		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
		Kiến thức cơ sở ngành ☒		Kiến thức ngành ☐		
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Pháp luật đất đai, Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, Quy hoạch sử dụng đất, Quy hoạch đô thị.

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động : 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết : 22 tiết
 - Bài tập : 0 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm : 06 tiết
 - Kiểm tra : 02 tiết

- Thời gian tự học : 60 giờ

- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Công nghệ thông tin trong Quản lý đất đai, Khoa Quản lý Đất đai.

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức:

+ Trình bày được các vấn đề cơ bản về đầu tư và dự án đầu tư nói chung;

+ Vận dụng được các kiến thức lý thuyết để xây dựng được quy trình lập và quản lý dự án đầu tư trong lĩnh vực đất đai;

+ Phân tích được những vấn đề quan trọng nhất của công tác quản lý dự án đầu tư đối với lĩnh vực đất đai.

- *Về kỹ năng*: Sau khi học xong học phần này, sinh viên có thể:

+ Lập được một số dự án cụ thể trong lĩnh vực đất đai;

+ Đánh giá được tính khả thi của một số dự án trong lĩnh vực đất đai.

- *Năng lực tự chủ và trách nhiệm*: Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ về Quản lý đất đai

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần Lập và quản lý dự án đầu tư trong lĩnh vực quản lý đất đai trang bị cho sinh viên hệ thống những khái niệm cơ bản chung về đầu tư và dự án đầu tư. Học phần cũng cung cấp các kiến thức, quy định về trình tự nghiên cứu soạn thảo dự án đầu tư, trình tự lập dự án đầu tư trong lĩnh vực đất đai, bố cục của dự án đầu tư trong lĩnh vực đất đai, nguyên tắc, công cụ và phương pháp quản lý, các mô hình quản lý và nội dung quản lý

4. Học liệu điện tử

4.1. Học liệu chính (HLC)

1. Nguyễn Bạch Nguyệt (2013), *Lập dự án đầu tư*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân

2. Từ Quang Phương (2006), *Quản lý dự án đầu tư*, NXB Lao động- Xã hội

4.2. Học liệu bổ trợ (HLBT)

1. Bài giảng Lập và quản lý dự án đầu tư trong lĩnh vực đất đai (năm 2020) - Bộ môn Công nghệ thông tin trong Quản lý đất đai, Khoa Quản lý Đất đai, Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

2. TS. Bùi Ngọc Toàn, 2010, *Giáo trình Lập và thẩm định dự án*, Nhà xuất bản Xây dựng.

3. Luật đất đai số 45/2013/QH13 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ngày 29 tháng 11 năm 2013

4. Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ngày 18 tháng 6 năm 2014

5. Luật đầu tư số 67/2014/QH13 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ngày 26 tháng 11 năm 2014.

6. Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng.

7. Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25 tháng 3 năm 2015 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☒	Đàm thoại	☒
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☒	Tình huống	☐
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☐
Phân tích, xử lý số liệu	☐	Trình bày báo cáo khoa học	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuẩn bị các điều kiện học từ xa (máy tính, camera, micro có kết nối mạng Internet)
- Dự lớp
- Tham gia thảo luận nhóm, làm bài tập
- Tham gia kiểm tra, thi kết thúc học phần
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

- Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1.
- Hình thức đánh giá:

Tự luận	☒	Trắc nghiệm	☐	Thảo luận nhóm	☐
Bài tập lớn	☐	Thực hành	☐	Khác	☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Tổ chức kiểm tra, đánh giá theo hình thức trực tiếp tại Trường hoặc tại các cơ sở khác.
- Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)				Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. TỔNG QUAN VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ	6,0			6,0	12,0	- Đăng nhập hệ thống học trực tuyến - vào phòng học ảo đúng giờ
1.1. Một số vấn đề chung về đầu tư và dự án	2,5			2,5	5,0	
1.1.1 Một số khái niệm cơ bản	0,5			0,5	1,0	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)				Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
1.1.2. Phân loại và các giai đoạn đầu tư	1,0			1,0	2,0	- Đọc TLC 1, TLĐT 1 tự học, trả lời câu hỏi
1.1.3. Phân loại và các phương diện chính của dự án	1,0			1,0	2,0	
1.2. Khái quát về dự án đầu tư	3,5			3,5	7,0	
1.2.1. Khái niệm và yêu cầu của dự án đầu tư	1,0			1,0	2,0	
1.2.2. Nội dung chủ yếu của dự án đầu tư	2,0			2,0	4,0	
1.2.3. Quản trị dự án đầu tư	0,5			0,5	1,0	
Chương 2. LẬP DỰ ÁN ĐẦU TƯ TRONG LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI	7,0		3,0	10,0	20,0	- Đăng nhập hệ thống học trực tuyến - vào phòng học ảo đúng giờ - Đọc TLC 1, TLĐT 1 tự học, làm việc nhóm,
2.1. Trình tự nghiên cứu soạn thảo dự án đầu tư	2,0		1,0	3,0	6,0	
2.1.1. Nghiên cứu phát hiện cơ hội đầu tư	1,0			1,0	2,0	
2.1.2. Nghiên cứu tiền khả thi						
2.1.3. Nghiên cứu khả thi	1,0			1,0	2,0	
2.2. Trình tự lập dự án đầu tư trong lĩnh vực đất đai	4,0		1,0	5,0	10,0	
2.2.1. Xác định mục đích, yêu cầu của dự án đầu tư	0,5			0,5	1,0	
2.2.2. Lập nhóm soạn thảo dự án đầu tư						
2.2.3. Xây dựng dự án đầu tư khả thi	2,0			2,0	4,0	
2.2.4. Phê duyệt dự án đầu tư	1,5			1,5	3,0	
2.2. Bố cục của dự án đầu tư trong lĩnh vực đất đai	1,0			1,0	2,0	Đọc TLC 2, TLĐT 1 tự học, làm việc nhóm,
2.2.1. Lời mở đầu	0,5			0,5	1,0	
2.2.2. Sự cần thiết phải đầu tư						
2.2.3. Phần tóm tắt dự án đầu tư	0,5			0,5	1,0	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)				Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
2.2.4. Phần thuyết minh chính của dự án đầu tư						
2.2.5. Phần phụ lục của dự án đầu tư						
Bài kiểm tra số 1			1,0	1,0	2,0	Ôn tập kiểm tra.
Chương 3. QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TRONG LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI	9,0		5,0	14,0	28,0	- Đăng nhập hệ thống học trực tuyến - vào phòng học ảo đúng giờ - Đọc TLC 2, TLĐT 1 tự học, làm việc nhóm,
3.1. Khái niệm, mục tiêu, nhiệm vụ quản lý	1,0			1,0	2,0	
3.2. Nguyên tắc, công cụ và phương pháp quản lý	1,0			1,0	2,0	
3.3. Các mô hình quản lý	0,5			0,5	1,0	
3.4. Nội dung quản lý	5,0			5,0	10,0	
3.4.1. Quản lý thời gian và tiến độ	1,0		1,0	2,0	4,0	
3.4.2. Quản lý chi phí	1,0		1,0	2,0	4,0	
3.4.3. Quản lý chất lượng	1,0		1,0	2,0	4,0	
3.4.4. Quản lý rủi ro	1,0		1,0	2,0	4,0	
3.4.5. Quản lý các lĩnh vực khác	1,0			1,0	2,0	
3.5. Một số dự án đầu tư cụ thể	1,5			1,5	3,0	
Bài kiểm tra số 2			1,0	1,0	2,0	Ôn tập kiểm tra.
Cộng	22,0		8,0	30,0	60,0	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:

Tiếng Việt : **Hóa học đất**

Tiếng Anh : **Soil Chemistry**

- Mã học phần : QĐKD2407

- Số tín chỉ : 02

- Hình thức học : Học từ xa theo phương pháp trực tuyến

- Đối tượng học : Sinh viên ngành Quản lý đất đai trình độ đại học hệ vừa làm vừa học

- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương ☐		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒					Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
		Kiến thức cơ sở ngành ☒		Kiến thức ngành ☐			
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☒	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐		

- Các học phần tiên quyết/học trước: Khoa học đất

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động : 30 tiết

▪ Nghe giảng lý thuyết : 21 tiết

▪ Bài tập : 07 tiết

▪ Thảo luận, hoạt động nhóm : 0 tiết

▪ Kiểm tra : 02 tiết

- Thời gian tự học : 60 giờ

- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Khoa học đất và Quy hoạch đất đai, Khoa Quản lý đất đai.

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức:

+ Khái quát hóa được hệ thống kiến thức về thành phần vô cơ đất như thành phần theo nguyên tố, theo thành phần pha (thành phần rắn, thành phần lỏng, thành phần khí); khoáng vật đất và quá trình biến đổi của chúng.

+ Trình bày được hóa học các hợp chất hữu cơ không đặc trưng, đặc trưng và chu trình các bon trong đất.

+ Giải thích được cơ sở lý thuyết về keo đất, hấp phụ của đất, trao đổi cation. Cơ sở lý thuyết này là nền tảng giải thích nguồn gốc hình thành độ phì nhiêu đất và các biện pháp kỹ thuật nâng cao độ phì nhiêu đất.

+ Trình bày được cơ sở lý thuyết dung dịch đất, các dạng phản ứng cơ bản giữa dung dịch đất với pha rắn và pha khí trong đất.

- *Về kỹ năng:*

+ Giải thích được thành phần hóa học đất, những quá trình hóa học đất cơ bản.

+ Vận dụng được một số phương pháp phân tích thành phần đất như phân tích hàm lượng mùn đất, cation trao đổi (CEC), đo pH, Eh.

+ Áp dụng thành thạo kiến thức hóa học đất phục vụ công tác điều tra đất cơ bản, đánh giá tiềm năng đất đai và quy hoạch sử dụng đất.

- *Năng lực tự chủ và trách nhiệm:*

Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ về hóa học đất và ứng dụng trong điều tra đánh giá đất đai;

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần hóa học đất ứng dụng trang bị cho sinh viên hệ thống cơ sở lý thuyết về thành phần vô cơ của đất, chất hữu cơ đất, keo đất, hấp phụ của đất, dung dịch đất. Thành phần vô cơ đất bao gồm các học thuyết thành phần hóa học đất theo nguyên tố, theo pha, khoáng vật đất. Thành phần hữu cơ tập trung trình bày sự hình thành và tính chất các hợp chất mùn, các dạng chất hữu cơ khác trong đất, chu trình các bon trong đất. Phần hấp phụ của đất trình bày cấu tạo, đặc tính các nhóm keo đất cơ bản như keo axit humic, keo sét, keo oxit Fe và Al; trình bày cơ chế hấp phụ theo nhóm chức bề mặt, cơ chế hấp phụ theo điện tích bề mặt, hấp phụ trao đổi giữa keo đất và cation trong dung dịch đất. Dung dịch đất bao gồm khái niệm dung dịch đất; thành phần cơ bản dung dịch đất như phức chất tan; một số quá trình hóa học trong dung dịch đất như phản ứng chua, phản ứng đệm, quá trình điện hóa.

4. Học liệu điện tử

4.1. Học liệu chính (HLC)

1. Nguyễn Hữu Thành, Trần Thị Lệ Hà, 2006, *Giáo trình hóa học đất*, Nhà xuất bản Nông nghiệp.

2. Đỗ Thị Vân Thanh, Trịnh Hân, 2011, *Khoáng vật học*, NXB ĐHQG Hà Nội.

4.2. Học liệu bổ trợ (HLBT)

1. Bài giảng Hóa học đất (năm 2020) - Bộ môn Khoa học đất và Quy hoạch đất đai, Khoa Quản lý Đất đai, Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

2. Garrison Sposito, 2008, *The Chemistry of Soils*. Oxford University Press. .

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☒	Đàm thoại	☒
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☒	Tình huống	☐
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☐
Phân tích, xử lý số liệu	☐	Trình bày báo cáo khoa học	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuẩn bị các điều kiện học từ xa (máy tính, camera, micro có kết nối mạng Internet)
- Dự lớp
- Tham gia thảo luận nhóm, làm bài tập
- Tham gia kiểm tra, thi kết thúc học phần
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1.

Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☒ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Tổ chức kiểm tra, đánh giá theo hình thức trực tiếp tại Trường hoặc tại các cơ sở khác.
- Hình thức thi:

Tự luận ☐ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☒ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
MỞ ĐẦU 1. Khái niệm hóa học đất 2. Lịch sử hóa học đất 3. Nhiệm vụ môn học	1			1	2	- Đăng nhập hệ thống học trực tuyến - vào phòng học ảo đúng giờ

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
						Giờ tự học: lịch sử ra đời và phát triển của môn Hóa học đất
CHƯƠNG 1. THÀNH PHẦN VÔ CƠ CỦA ĐẤT	6	1		7	14	- Đăng nhập hệ thống học trực tuyến - vào phòng học ảo đúng giờ Đọc chương 1 và 2, HLC (1).
1.1. Thành phần nguyên tố	1			1	2	Giờ tự học: Phân tích chu trình vận chuyển của các nguyên tố trong tự nhiên
1.2. Thành phần pha của đất	1			1	2	Giờ tự học: So sánh pha rắn – lỏng – khí trong đất
1.3. Thành phần khoáng vật đất	2	1		3	6	Thảo luận: Lý do tại sao trong đất tồn tại các nguyên tố hóa học.
1.4. Biến đổi khoáng vật đất	2			2	4	Giờ tự học: Giải thích chuỗi phong hóa Jackson – Sherman
CHƯƠNG 2. THÀNH PHẦN HỮU CƠ CỦA ĐẤT	4	1		5	10	- Đăng nhập hệ thống học trực tuyến - vào phòng học ảo đúng giờ Đọc chương 3, HLC (1).
2.1. Phân loại chất hữu cơ đất	1			1	2	Giờ tự học: Phân nhóm các chất hữu cơ trong đất
2.2. Hợp chất hữu cơ không đặc trưng	1			1	2	Giờ tự học: Làm rõ bản chất của chất hữu cơ không đặc trưng trong đất
2.3. Hợp chất hữu cơ đặc trưng	1	1		2	4	Giờ tự học: So sánh đặc điểm của chất hữu cơ đặc trưng và không đặc trưng trong đất

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2.4. Chu trình carbon trong tự nhiên	1			1	2	Giờ tự học: Phân tích chu trình tuần hoàn của Cacbon trong tự nhiên
Bài kiểm tra số 1			1	1	2	Giờ tự học: Ôn tập kiểm tra.
CHƯƠNG 3. HẤP PHỤ CỦA ĐẤT	6	2		8	16	- Đăng nhập hệ thống học trực tuyến - vào phòng học ảo đúng giờ Đọc chương 5 và 6, HLC (1).
3.1. Keo đất	1			1	2	Giờ tự học: Phân loại keo đất, phân tích cấu trúc keo đất
3.2. Các dạng hấp phụ của đất	1			1	2	Giờ tự học: Phân loại các dạng hấp phụ đặc trưng trong đất
3.3. Nhóm chức bề mặt	1			1	2	Giờ tự học: Phân biệt đặc tính của các nhóm chức bề mặt
3.4. Điện tích bề mặt	1			1	2	Giờ tự học: Làm rõ đặc điểm của điện tích bề mặt
3.5 Phương trình hấp phụ	1	1		2	4	Bài tập: Các phương trình hấp phụ đặc trưng trong đất.
3.6 Trao đổi cation	1	1		2	4	Bài tập: Các phương trình trao đổi cation đặc trưng trong đất
CHƯƠNG 4. DUNG DỊCH ĐẤT	4	3		7	14	- Đăng nhập hệ thống học trực tuyến - vào phòng học ảo đúng giờ Đọc chương 4, 7, 8, HLC (1).

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
4.1. Dung dịch đất	1			1	2	Giờ tự học: Vai trò của dung dịch đất
4.2. Phức chất tan	1	1		2	4	Bài tập: BT về phức chất tan
4.3. Phản ứng axit-bazơ	1	1		2	4	Bài tập: Làm bài tập về các phản ứng axit và bazo trong đất
4.4. Hiện tượng điện hóa	1	1		2	4	Bài tập: Làm bài tập về hiện tượng điện hóa
Bài kiểm tra số 2			1	1	2	Ôn tập làm kiểm tra bài số 2
Cộng	21	7	2	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt : **Đánh giá đất**
 - Tiếng Anh : **Land Evaluation**
- Mã học phần : QĐKĐ2408
- Số tín chỉ : 02
- Hình thức học : Học từ xa theo phương pháp trực tuyến
- Đối tượng học : Sinh viên ngành Quản lý đất đai trình độ đại học hệ vừa làm vừa học
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương ☐		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
		Kiến thức cơ sở ngành ☒		Kiến thức ngành ☐		
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☒	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Khoa học đất
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động :30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết :22 tiết
 - Bài tập :04 tiết
 - Thảo luận, làm việc nhóm :02 tiết
 - Kiểm tra :02 tiết
- Thời gian tự học :60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Khoa học đất và Quy hoạch đất đai, Khoa Quản lý đất đai

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức:
 - + Trình bày được quá trình điều tra, phân tích và xử lý thông tin trong công tác điều tra, đánh giá đất đai.
 - + Vận dụng được các kết quả của việc điều tra, đánh giá đất đai phục vụ cho việc

quản lý nguồn tài nguyên đất và hướng tới sử dụng đất bền vững.

- *Về kỹ năng:*

+ Áp dụng thành thạo phương pháp, nguyên tắc, nội dung và quy trình điều tra, đánh giá phân hạng đất nông nghiệp, chất lượng đất và tiềm năng đất đai.

+ Áp dụng được phương pháp, nguyên tắc, nội dung và quy trình điều tra, đánh giá ô nhiễm đất

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:*

+ Có thái độ nghiêm túc; có khả năng đề xuất những sáng kiến trong quá trình học tập và tiếp thu kiến thức của môn học.

+ Có khả năng tự học tập, tự tích lũy kiến thức liên quan đến nội dung môn học.

+ Có khả năng đưa ra những kết luận về công tác điều tra, đánh giá đất đai trong thực tế và chịu trách nhiệm với những kết luận đó.

+ Có năng lực thiết lập mục tiêu; xây dựng kế hoạch; điều phối, tổ chức thực hiện; phát huy trí tuệ tập thể; đánh giá và cải tiến chất lượng các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ trong công tác điều tra, đánh giá đất đai.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần Đánh giá đất cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về điều tra, đánh giá đất đai; Điều tra, phân hạng đất nông nghiệp; Điều tra, đánh giá chất lượng đất và tiềm năng đất đai; Điều tra, đánh giá ô nhiễm đất; từ đó, có phương án sử dụng đất hợp lý, hiệu quả, hướng đến sử dụng đất bền vững

4. Học liệu điện tử

4.1. Học liệu chính (HLC)

1. Đào Châu Thu, Nguyễn Khang, 1998, *Đánh giá đất*, NXB Nông nghiệp.

2. Lê Thái Bạt, 2015, *Sổ tay điều tra, phân loại, lập bản đồ đất trong đánh giá đất đai*, NXB Nông nghiệp

4.2. Học liệu bổ trợ (HLBT)

1. Bài giảng Đánh giá đất (năm 2020) - Bộ môn Khoa học đất và Quy hoạch đất đai, Khoa Quản lý Đất đai, Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

2. Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn, 2009, *Cẩm nang sử dụng đất nông nghiệp, tập 2, tập 3*, NXB Khoa học và kỹ thuật

3. Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 8409 – 2010 về quy trình đánh giá đất sản xuất nông nghiệp phục vụ quy hoạch sử dụng đất cấp huyện.

4. Tiêu chuẩn ngành 10TCN 343-98, Quy trình đánh giá đất đai phục vụ nông nghiệp, NXB Nông nghiệp, năm 1999

5. Đào Thế Tuấn, 1984, *Hệ sinh thái nông nghiệp*, NXB Khoa học và kỹ thuật.

6. Nguyễn Vy, 1992, *Chiến lược sử dụng bảo vệ bồi dưỡng đất đai và bảo vệ môi trường*, Tạp chí Khoa học đất Việt Nam.

7. Bùi Quang Toàn, 1991, Một số kết quả nghiên cứu về phân hạng đánh giá đất nông nghiệp, Tạp chí KHKT và Quản lý kinh tế.

8. Các Văn bản pháp luật liên quan đến công tác điều tra, đánh giá đất đai.

9. Alfred E. Hartemink, Alex McBratney, 2010, Digital Soil Mapping with Limited Data, Springer.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☒	Đàm thoại	☒
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☒	Tình huống	☐
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☐
Phân tích, xử lý số liệu	☐	Trình bày báo cáo khoa học	☒	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuẩn bị các điều kiện học từ xa (máy tính, camera, micro có kết nối mạng Internet)
- Dự lớp
- Tham gia thảo luận nhóm, làm bài tập
- Tham gia kiểm tra, thi kết thúc học phần
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1.

Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☒ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Tổ chức kiểm tra, đánh giá theo hình thức trực tiếp tại Trường hoặc tại các cơ sở khác.
- Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	FL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ ĐIỀU TRA, ĐÁNH GIÁ ĐẤT ĐAI	3,0			3,0	6,0	-Đăng nhập hệ thống học trực tuyến - vào phòng học ảo đúng giờ Đọc HLC 1, 2,4
1.1. Hoạt động điều tra, đánh giá đất đai	1,0			1,0	1,0	
1.1.1. Nguyên tắc điều tra, đánh giá đất đai	0,5			0,5	1,0	
1.1.2. Nội dung điều tra, đánh giá đất đai						
1.1.3. Tổ chức thực hiện điều tra, đánh giá đất đai	0,5			0,5	1,0	
1.2. Kết quả điều tra, đánh giá đất đai	1,0			1,0	2,0	
1.2.1. Sản phẩm của công tác điều tra, đánh giá đất đai	0,5			0,5	1,0	
1.2.2. Báo cáo, công bố kết quả điều tra, đánh giá đất đai	0,5			0,5	1,0	
1.3. Phương pháp điều tra, đánh giá đất đai	1,0			1,0	2,0	
Chương 2. ĐIỀU TRA, PHÂN HẠNG ĐẤT NÔNG NGHIỆP	9,0	4,0	1,0	14,0	28,0	- Đăng nhập hệ thống học trực tuyến - vào phòng học ảo đúng giờ Đọc HLC 1, 3, HLBT 1
2.1. Bản đồ đơn vị đất đai	2,5			2,5	5,0	
2.1.1. Khái niệm	0,5			0,5	1,0	
2.1.2. Xây dựng bản đồ đơn vị đất đai	2,0			2,0	4,0	
2.2. Loại sử dụng đất	2,5			2,5	5,0	
2.2.1. Các khái niệm	0,5			0,5	1,0	
2.2.2. Loại sử dụng đất	1,0			1,0	2,0	
2.2.3. Hiệu quả của các loại sử dụng đất	1,0			1,0	2,0	
2.3. Phân hạng thích hợp đất đai	4,0			4,0	8,0	
2.3.1. Khái niệm	0,5			0,5	1,0	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	FL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2.3.2. Phương pháp, nội dung phân hạng thích hợp đất đai	1,5			1,5	3,0	
2.3.3. Cấu trúc phân hạng thích hợp đất đai	2,0			2,0	4,0	
Bài tập 1: Xác định và mô tả các đơn vị đất đai dựa trên các bản đồ đơn tính		1,0		1,0	2,0	
Bài tập 2: Chọn lọc và mô tả các loại sử dụng đất		1,0		1,0	2,0	
Bài tập 3: Phân hạng và phân vùng khả năng thích hợp đất đai		2,0		2,0	4,0	
Kiểm tra bài 1			1,0	1,0	2,0	
Chương 3. ĐIỀU TRA, ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG ĐẤT, TIỀM NĂNG ĐẤT ĐAI	5,0		1,0	6,0	12,0	- Đăng nhập hệ thống học trực tuyến - vào phòng học ảo đúng giờ Đọc HLC2,3, HLBT 1
3.1. Mục tiêu ,yêu cầu và nội dung	1,0			1,0	2,0	
3.1.1. Mục tiêu						
3.1.2. Yêu cầu						
3.1.3. Nội dung điều tra, đánh giá						
3.2. Quy trình điều tra, đánh giá chất lượng đất và tiềm năng đất đai	3,0			3,0	6,0	
3.2.1. Điều tra, đánh giá chất lượng đất và tiềm năng đất đai lần đầu	1,5			1,5	3,0	
3.2.2. Điều tra, đánh giá chất lượng đất và tiềm năng đất đai lần tiếp theo	1,5			1,5	3,0	
3.3. Kết quả điều tra đánh giá chất lượng đất và tiềm năng đất đai	1,0			1,0	2,0	
Thảo luận			1,0		2,0	
Chương 4. ĐIỀU TRA, ĐÁNH GIÁ Ô NHIỄM ĐẤT	5,0		2,0	7,0	14,0	- Đăng nhập hệ thống học trực tuyến - vào phòng
4.1. Quy trình điều tra, đánh giá ô nhiễm đất lần đầu	2,0			2,0	4,0	
4.1.1. Công tác chuẩn bị	1,0			1,0	2,0	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	FL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
4.1.1. Tổ chức thực hiện	1,0			1,0	2,0	học ảo đúng giờ Đọc HLC 3, HLBT 1
4.2. Quy trình điều tra, đánh giá ô nhiễm đất lần tiếp theo	1,5			1,5	3,0	
4.3. Kết quả điều tra, đánh giá ô nhiễm đất	1,5			1,5	3,0	
4.3.1. Báo cáo tổng hợp	1,0			1,0	2,0	
4.3.2. Hệ thống bản đồ, biểu mẫu	0,5			0,5	1,0	
Thảo luận			1,0	1,0	2,0	
Kiểm tra bài 2			1,0	1,0	2,0	
Tổng	22,0	4,0	4,0	30,0	60,0	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt : **Quy hoạch đô thị**
 - Tiếng Anh : **Urban planning**
- Mã học phần : QĐKD2409
- Số tín chỉ : 02
- Hình thức học : Học từ xa theo phương pháp trực tuyến
- Đối tượng học : Sinh viên ngành Quản lý đất đai trình độ đại học hệ vừa làm vừa học
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương ☐		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
		Kiến thức cơ sở ngành ☒		Kiến thức ngành ☐		
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☒	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Quy hoạch tổng thể phát triển KTXH.
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động :30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết :18 tiết
 - Bài tập :06 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm :04 tiết
 - Kiểm tra :02 tiết
- Thời gian tự học :60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Khoa học đất và Quy hoạch đất đai, Khoa Quản lý Đất đai

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức
 - + Giải thích được công tác quy hoạch xây dựng đô thị.
 - + Khái quát rõ được khái niệm đô thị và quá trình phát triển đô thị Việt Nam.

+ Trình bày được những quy định chung quy hoạch đô thị và quy hoạch các khu chức năng trong đô thị và vấn đề bố trí và sử dụng đất đai một cách hợp lý, có hiệu quả.

- *Về kỹ năng:*

+ Vận dụng kiến thức đã học để xây dựng phương án quy hoạch đô thị nhằm mở rộng kiến thức về công tác quy hoạch sử dụng đất.

+ Nghiên cứu xây dựng được phương án thiết kế mặt bằng quy hoạch chi tiết đô thị tại địa phương

- *Năng lực tự chủ và trách nhiệm:*

Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ về quy hoạch đô thị;

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần Quy hoạch đô thị cung cấp cho sinh viên những vấn đề cơ bản về đô thị, quá trình phát triển của đô thị, quy hoạch chung xây dựng đô thị, quy hoạch các khu chức năng trong đô thị, thiết kế quy hoạch chi tiết các khu chức năng trong đô thị.

4. Học liệu điện tử

4.1. Học liệu chính (HLC)

1. Nguyễn Thế Bá, 2004, *Quy hoạch xây dựng và phát triển đô thị*, Nhà xuất bản xây dựng, Hà Nội
2. Vũ Thị Bình, 2016, *Quy hoạch đô thị điểm dân cư nông thôn*, Nhà xuất bản nông nghiệp, Hà Nội.
3. Philip R. Berke, 2006, David R. Godschalk, *Urban Land Use Planning*, Fifth Edition, University of Illinois Press.

4.2. Học liệu bổ trợ (HLBT)

1. Bài giảng Quy hoạch đô thị (năm 2020) - Bộ môn Khoa học đất và Quy hoạch đất đai, Khoa Quản lý Đất đai, Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.
2. Phạm Kim Giao, 2000, *Quy hoạch vùng*, NXB Xây dựng, Hà Nội.
3. *Định hướng quy hoạch tổng thể phát triển đô thị Việt nam đến năm 2020*, NXB xây dựng, Hà Nội.
4. Luật xây dựng năm 2015
5. Luật Quy hoạch đô thị năm 2015
6. Tài liệu trực tuyến (khuyến khích sinh viên vào các website để tìm tư liệu liên quan đến môn học): website của Bộ Xây dựng: www.xaydung.gov.vn/; website của Bộ Kế hoạch Đầu tư: www.mpi.gov.vn/
7. Peter Hall, Mark Tewdwr-Jones, 2011, *Urban and Regional Planning*, Routledge.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình



Phát vấn



Đàm thoại



Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☒	Tình huống	☐
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☐
Phân tích, xử lý số liệu	☐	Trình bày báo cáo khoa học	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuẩn bị các điều kiện học từ xa (máy tính, camera, micro có kết nối mạng Internet)
- Dự lớp
- Tham gia thảo luận nhóm, làm bài tập
- Tham gia kiểm tra, thi kết thúc học phần
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1.

Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☒ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Tổ chức kiểm tra, đánh giá theo hình thức trực tiếp tại Trường hoặc tại các cơ sở khác.
- Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ ĐÔ THỊ VÀ QUY HOẠCH ĐÔ THỊ	5		1	6	12	- Đăng nhập hệ thống học trực tuyến - vào phòng học ảo đúng giờ
1.1. Đô thị và điểm dân cư đô thị	1			1	2	Đọc chương 1, HLC (1), trang 05-32
1.1.1. Khái niệm đô thị và điểm dân cư đô thị						
1.1.2. Phân loại đô thị						
1.1.3. Phân cấp và quản lý đô thị						
1.2. Đô thị hóa	2			2	4	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1.2.1. Khái niệm						
1.2.2. Sự phát triển của đô thị hóa						
1.2.3. Lược sử quá trình phát triển đô thị trên thế giới						
1.2.4. Quá trình phát triển đô thị ở Việt Nam						
1.3. Quy hoạch đô thị	2			2	4	
1.3.1. Khái niệm và phân loại						
1.3.2. Mục tiêu cơ bản của công tác quy hoạch xây dựng đô thị						
1.3.3. Quản lý nhà nước về quy hoạch đô thị						
1.3.4. Những xu thế và Quan điểm về quy hoạch phát triển đô thị						
Bài kiểm tra số 1			1	1	2	
CHƯƠNG 2. QUY HOẠCH XÂY DỰNG ĐÔ THỊ	10	2	2	14	28	- Đăng nhập hệ thống học trực tuyến - vào phòng học ảo đúng giờ
2.1. Mục tiêu, nhiệm vụ, nội dung của quy hoạch chung xây dựng phát triển đô thị	1			1		Đọc chương 2, HLC (1), trang 33-70
2.2. Xây dựng các tiền đề phát triển đô thị	1		1		2	
2.2.1. Tính chất của đô thị						
2.2.2. Dân số đô thị						
2.2.3. Đất đai đô thị						
2.2.4. Cơ sở kinh tế - kỹ thuật phát triển đô thị						
2.3 Định hướng phát triển không gian đô thị	2			2	4	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2.3.1. Nguyên tắc cơ bản của quy hoạch phát triển không gian đô thị						
2.3.2. Cơ cấu chức năng đất đai phát triển đô thị						
2.3.3. Bố cục không gian kiến trúc đô thị						
2.4. Quy hoạch xây dựng các khu chức năng trong đô thị	5			5	10	
2.4.1. Quy hoạch xây dựng khu công nghiệp	1			1	2	
2.4.2. Quy hoạch xây dựng khu kho tàng						
2.4.3. Khu đất dân dụng đô thị	1			1	2	
2.4.4. Quy hoạch khu trung tâm đô thị	1			1	2	
2.4.5. Quy hoạch hệ thống giao thông đô thị	1			1	2	
2.4.6. Quy hoạch khu cây xanh đô thị	1			1	2	
2.4.7. Khu đất đặc biệt						
2.5. Quy hoạch cải tạo đô thị	1			1	2	
2.5.1. Ý nghĩa và mục đích của quy hoạch cải tạo đô thị						
2.5.2. Nội dung quy hoạch cải tạo đô thị						
Bài tập: Tính toán sơ bộ các chỉ tiêu quy hoạch.		2		2	4	Tổng hợp kiến thức chương 2
CHƯƠNG 3. THIẾT KẾ QUY HOẠCH CHI TIẾT ĐÔ THỊ	3	4	2	9	18	- Đăng nhập hệ thống học trực tuyến - vào phòng học ảo đúng giờ
3.1. Khái niệm quy hoạch chi tiết đô thị	1		1	2	4	Đọc chương 3, HLC (1), trang 106-122

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
3.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến quy hoạch chi tiết đô thị						
3.3. Phân tích đánh giá khu đất và xác định nhiệm vụ quy hoạch chi tiết	1		1	2	4	
3.4. Bố cục quy hoạch kiến trúc	1			1	2	
3.5. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật của quy hoạch chi tiết đô thị						
Bài tập: Thiết kế mặt bằng quy hoạch chi tiết một số khu chức năng đô thị		4		4	8	Tổng hợp kiến thức chương 3
Bài kiểm tra số 2			1	1	2	
Tổng	18	6	6	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT KẾT HỢP THỰC HÀNH

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt : **Cơ sở viễn thám**
 - Tiếng Anh : ***Fundamentals of remote sensing***
- Mã học phần : TBAB2453
- Số tín chỉ : 02
- Hình thức học : Học từ xa theo phương pháp trực tuyến
- Đối tượng học : Sinh viên ngành Quản lý đất đai trình độ đại học hệ vừa làm vừa học
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				Thực tập và khóa luận tốt nghệp □
		Kiến thức cơ sở ngành ☒		Kiến thức ngành □		
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn ☒	Bắt buộc □	Tự chọn □	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Trắc địa cơ sở
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động : 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết : 22 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm : 02 tiết
 - Thực hành : 04 tiết
 - Kiểm tra : 02 tiết
- Thời gian tự học : 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Bản đồ, Viễn thám và GIS; Khoa Trắc địa, Bản đồ và Thông tin địa lý..

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức:
 - + Trình bày được kiến thức tổng quan về viễn thám, bộ cảm biến và vệ tinh viễn thám;
 - + Trình bày được tổng quan về các loại ảnh viễn thám (ảnh quang học, ảnh hồng

ngoại và ảnh radar); giới thiệu về khái niệm, nguyên lý hoạt động, đặc điểm hình học, khả năng ứng dụng của các loại ảnh nói trên; các phương pháp xử lý ảnh viễn thám; thuật toán phân loại ảnh viễn thám.

+ Giải thích được các công đoạn trong quy trình giải đoán và xử lý ảnh viễn thám;

- *Về kỹ năng:*

+ Vận dụng các chỉ số thống kê, hiển thị và tăng cường chất lượng ảnh, đăng ký tọa độ ảnh và thực hiện các phép biến đổi ảnh đơn giản;

+ Chọn được vùng mẫu, chọn thuật toán thích hợp để tiến hành phân loại; đánh giá và ứng dụng kết quả đạt vào một vấn đề cụ thể;

+ Vận dụng phương pháp cập nhật thông tin cần thiết từ ảnh viễn thám để thành lập bản đồ chuyên đề và hiện chỉnh bản đồ địa hình.

+ Sử dụng thành thạo các thuật toán khác nhau trong công tác xử lý ảnh viễn thám.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:*

- Có năng lực dẫn dắt chuyên môn và nghiệp vụ về sử dụng ảnh viễn thám trong công tác quản lý đất đai;

- Có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau;

- Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ về ứng dụng viễn thám trong quản lý đất đai;

- Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ ứng dụng viễn thám trong quản lý đất đai và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật;

- Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ về ứng dụng viễn thám trong quản lý đất đai.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

- Những kiến thức tổng quan về viễn thám, bộ cảm biến và vệ tinh viễn thám;

- Khái niệm, nguyên lý hoạt động, đặc điểm hình học, khả năng ứng dụng của các phương pháp viễn thám hàng không, viễn thám hồng ngoại nhiệt, viễn thám radar;

- Các thuật toán hiệu chỉnh hình học, hiệu chỉnh bức xạ, tăng cường chất lượng ảnh, chuyển đổi ảnh và phân loại các loại ảnh.

4. Học liệu điện tử

4.1. Học liệu chính (HLC)

1. Vũ Danh Tuyên, Trịnh Lê Hùng, Phạm Thị Thương Huyền, 2013, *Cơ sở viễn thám*, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

2. Nguyễn Khắc Thời, 2012, *Viễn Thám (dùng cho ngành quản lý đất đai)*, NXB Nông nghiệp Hà Nội.

3. Nguyễn Ngọc Thạch, 1997, *Viễn thám trong nghiên cứu tài nguyên và môi trường*, Nhà xuất bản khoa học và kỹ thuật Hà Nội.

4.2. Học liệu bổ trợ (HLBT)

1. Bài giảng Cơ sở viễn thám (năm 2020) - Bộ môn Bản đồ, Viễn thám và GIS; Khoa Trắc địa, Bản đồ và Thông tin địa lý, Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

2. Lê Văn Trung, 2005, *Viễn Thám*, NXB Đại học quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.

3. Nguyễn Ngọc Thạch, 1997, *Viễn thám trong nghiên cứu tài nguyên và môi trường* NXB khoa học và kỹ thuật.

4. Simon Jones, Karin Reinke, 2009, *Innovations in Remote Sensing and Photogrammetry*, NXB Springer-Verlag Berlin Heidelberg.

5. John A. Richards, 2013, *Remote Sensing Digital Image Analysis*, NXB Springer-Verlag Berlin Heidelberg.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☐	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☒	Tình huống	☐
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☒	Thu thập số liệu	☒
Phân tích, xử lý số liệu	☒	Trình bày báo cáo khoa học	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuẩn bị các điều kiện học từ xa (máy tính, camera, micro có kết nối mạng Internet)
- Chấp hành đầy đủ các nội quy trong lớp học và nhà trường;
- Tự nghiên cứu trước nội dung bài học ở nhà;
- Lắng nghe bài giảng của thầy cô giáo và tham gia xây dựng bài học;
- Ghi chép bài đầy đủ;
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70% và tham dự đầy đủ các bài thực hành.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1.

- Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☒ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Tổ chức kiểm tra, đánh giá theo hình thức trực tiếp tại Trường hoặc tại các cơ sở khác.

- Hình thức thi:

Tự luận ☒

Trắc nghiệm ☐

Vấn đáp ☐

Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến						Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	TH	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ KỸ THUẬT VIỄN THÁM	6				6	12	- Đăng nhập hệ thống học trực tuyến - vào phòng học ảo đúng giờ
1.1. Khái niệm và nguyên lý cơ bản của viễn thám <i>1.1.1. Khái niệm về viễn thám</i> <i>1.1.2. Lịch sử hình thành và xu hướng phát triển</i> <i>1.1.3. Phân loại viễn thám</i> <i>1.1.4. Nguyên lý cơ bản của viễn thám</i>	2				2	4	Đọc HLC (1)]; Chuẩn bị bài trước khi lên lớp; Làm bài tập đầy đủ.
1.2 Bộ cảm biến và vệ tinh viễn thám <i>1.2.1. Khái niệm, phân loại bộ cảm biến</i> <i>1.2.2. Vật mang và quỹ đạo bay</i> <i>1.2.3. Các vệ tinh giám sát tài nguyên</i>	2				2	4	Đọc HLC (1)]; Chuẩn bị bài trước khi lên lớp; Làm bài tập đầy đủ.
1.3. Cơ sở vật lý của viễn thám <i>1.3.1. Tính chất của bức xạ điện từ</i> <i>1.3.2. Tương tác năng lượng sóng điện từ trong khí quyển</i> <i>1.3.3. Tương tác năng lượng sóng điện từ với các đối tượng tự nhiên</i>	2				2	4	Đọc HLC (1)]; Chuẩn bị bài trước khi lên lớp; Làm bài tập đầy đủ.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến						Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	TH	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1.3.4. Khả năng phản xạ phổ của các đối tượng tự nhiên 1.3.5. Các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng phản xạ phổ của các đối tượng tự nhiên							
CHƯƠNG 2. CÁC PHƯƠNG PHÁP VIỄN THÁM	7		1		8	16	- Đăng nhập hệ thống học trực tuyến - vào phòng học ảo đúng giờ
2.1. Viễn thám quang học 2.1.1. Khái niệm và nguyên lý hoạt động 2.1.2. Đặc điểm hình học và khả năng ứng dụng của ảnh quang học	3				3	6	Đọc HLC (2)]; Chuẩn bị bài trước khi lên lớp; Làm bài tập đầy đủ.
2.2. Viễn thám hồng ngoại nhiệt 2.2.1. Khái niệm và nguyên lý hoạt động 2.2.2. Đặc điểm hình học và khả năng ứng dụng của ảnh hồng ngoại nhiệt	2				2	4	Đọc HLC (2)]; Chuẩn bị bài trước khi lên lớp; Làm bài tập đầy đủ.
2.3. Viễn thám radar 2.3.1. Khái niệm và nguyên lý hoạt động 2.3.2. Đặc điểm hình học và khả năng ứng dụng của ảnh radar	2				2	4	Đọc HLC (2)]; Chuẩn bị bài trước khi lên lớp; Làm bài tập đầy đủ.
Thảo luận			1		1	2	
Kiểm tra			1		1	2	
CHƯƠNG 3. ẢNH VỆ TINH QUANG HỌC VÀ XỬ LÝ ẢNH VỆ TINH QUANG HỌC	9		1	4	14	28	- Đăng nhập hệ thống học trực tuyến - vào phòng học ảo đúng giờ

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến						Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	TH	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
3.1. Khái niệm về ảnh số	1				1	2	Đọc HLC (1)];
3.2. Độ phân giải của ảnh vệ tinh 3.2.1. Độ phân giải không gian 3.2.2. Độ phân giải phổ 3.2.3. Độ phân giải bức xạ 3.2.4. Độ phân giải thời gian	2				2	4	Đọc HLC (1)]; Chuẩn bị bài trước khi lên lớp; Làm bài tập đầy đủ.
3.3. Khuôn dạng dữ liệu ảnh 3.3.1. Khuôn dạng dữ liệu kiểu BSQ 3.3.2. Khuôn dạng dữ liệu kiểu BIL 3.3.3. Khuôn dạng dữ liệu kiểu BIP	1				1	2	Đọc HLC (1)]; Chuẩn bị bài trước khi lên lớp; Làm bài tập đầy đủ.
3.4. Các phương pháp giải đoán ảnh vệ tinh 3.4.1. Phân tích ảnh bằng mắt 3.4.2. Phân tích ảnh bằng xử lý số	5			4	9	18	Đọc HLC (1)]; Chuẩn bị bài trước khi lên lớp; Làm bài tập đầy đủ.
Thảo luận			1		1	2	
Kiểm tra			1		1	2	
Cộng	22		4	4	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt : **Quy hoạch cảnh quan**
 - Tiếng Anh : **Landscape planning**
- Mã học phần : QĐKĐ2410
- Số tín chỉ : 02
- Hình thức học : Học từ xa theo phương pháp trực tuyến
- Đối tượng học : Sinh viên ngành Quản lý đất đai trình độ đại học hệ vừa làm vừa học
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương ☐		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
		Kiến thức cơ sở ngành ☒		Kiến thức ngành ☐		
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☒	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Quy hoạch tổng thể phát triển Kinh tế - xã hội.
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động : 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết : 23 tiết
 - Bài tập : 05 tiết
 - Kiểm tra : 02 tiết
- Thời gian tự học : 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Khoa học đất và Quy hoạch đất đai, Khoa Quản lý đất đai

2. Mục tiêu của học phần:

- Về kiến thức:
 - + Khái quát hóa được những kiến thức cơ bản quy hoạch cảnh quan.
 - + Vận dụng các nguyên lý và nghiên cứu xây dựng được phương pháp lập quy hoạch cảnh quan vùng đô thị và nông thôn, góp phần nâng cao kiến thức về quy hoạch

sử dụng các nguồn tài nguyên phát triển kinh tế, xã hội, đáp ứng mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

- Về kỹ năng:

+ Áp dụng thành thạo kiến thức đã học để xây dựng phương án quy hoạch cảnh quan vùng đô thị và nông thôn nhằm mở rộng kiến thức về công tác quy hoạch sử dụng đất

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ về quy hoạch cảnh quan;

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần Quy hoạch cảnh quan cung cấp cho sinh viên những kiến thức về: Một số nội dung cơ bản về quy hoạch cảnh quan, Những vấn đề chung về quy hoạch cảnh quan và Quy hoạch không gian cảnh quan khu trung tâm.

4. Học liệu điện tử

4.1. Học liệu chính (HLC)

1. Hàn Tất Ngạn, 2014, *Kiến Trúc cảnh quan*, NXB Xây dựng, Hà Nội.
2. Lê Bá Thảo, 2009, *Thiên nhiên Việt Nam*, NXB Giáo dục

4.2. Học liệu bổ trợ (HLBT)

1. Bài giảng Quy hoạch cảnh quan (năm 2020) - Bộ môn Khoa học đất và Quy hoạch đất đai, khoa Quản lý đất đai, Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.
2. *Các tiêu chuẩn Việt Nam về quy hoạch xây dựng-TCVN*, 2008.
3. Lê Bá Thảo, 1997, *Thiên nhiên Việt Nam*, NXB Khoa học kỹ thuật.
4. Nguyễn Nam, 2003, *Kiến trúc cảnh quan xí nghiệp - công nghiệp*, NXB Xây dựng, Hà Nội.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☒	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☒	Tình huống	☐
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☐
Phân tích, xử lý số liệu	☐	Trình bày báo cáo khoa học	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuẩn bị các điều kiện học từ xa (máy tính, camera, micro có kết nối mạng Internet)

- Dự lớp
- Tham gia thảo luận nhóm, làm bài tập
- Tham gia kiểm tra, thi kết thúc học phần
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1.

Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☒ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Tổ chức kiểm tra, đánh giá theo hình thức trực tiếp tại Trường hoặc tại các cơ sở khác

- Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1. MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN VỀ QUY HOẠCH CẢNH QUAN	6			6	12	- Đăng nhập hệ thống học trực tuyến - vào phòng học ảo đúng giờ
1.1 Khái niệm chung về quy hoạch cảnh quan <i>1.1.1 Khái niệm cảnh quan vùng</i> <i>1.1.2 Khái niệm cảnh quan đô thị</i> <i>1.1.3 Khái niệm cảnh quan nông thôn</i>	2			2	4	Đọc mục 1.1, HLC (1)].
1.2. Quy hoạch cảnh quan ở Việt Nam và trên thế giới <i>1.2.1. Quy hoạch cảnh quan ở Việt Nam</i> <i>1.2.2. Quy hoạch cảnh quan trên thế giới</i>	2			2	4	Đọc mục 1.2, HLC (1)].
1.3. Đối tượng, phương pháp và trình tự lập quy hoạch cảnh quan <i>1.3.1. Đối tượng và nhiệm vụ của quy hoạch cảnh quan</i>	2			2	4	Đọc mục 1.3, HLC (1)].

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1.3.2. Một số phương pháp nghiên cứu của quy hoạch cảnh quan 1.3.3. Trình tự lập quy hoạch cảnh quan						
CHƯƠNG 2. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ QUY HOẠCH CẢNH QUAN	9			9	18	- Đăng nhập hệ thống học trực tuyến - vào phòng học ảo đúng giờ
2.1. Một số nguyên tắc cơ bản của quy hoạch cảnh quan	2			2	4	Đọc mục 2.1, HLC (1)].
2.1.1. Cơ sở của việc bố cục cảnh quan	1			1	2	
2.1.2. Các quy Luật trong quy hoạch cảnh quan	1			1	2	
2.2. Quy hoạch cảnh quan vùng nông thôn	3			3	6	Đọc mục 2.2, HLC (1)].
2.2.1. Nhiệm vụ, mục tiêu của quy hoạch cảnh quan vùng nông thôn	1			1	2	
2.2.2. Nguyên tắc phân vùng cảnh quan nông thôn						
2.2.3. Nội dung quy hoạch cảnh quan vùng nông thôn	1			1	2	
2.2.4. Các loại hình cảnh quan nông thôn	1			1	2	
2.3. Quy hoạch cảnh quan vùng đô thị	4			4	8	Đọc mục 2.3, TL (1), Học liệu chính (HLC).
2.3.1. Nhiệm vụ, mục tiêu của quy hoạch cảnh quan vùng đô thị	1			1	2	
2.3.2. Nguyên tắc phân vùng cảnh quan đô thị	1			1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2.3.3. Nội dung quy hoạch cảnh quan vùng đô thị	1			1	2	
2.3.4. Các loại hình cảnh quan đô thị	1			1	2	
Bài kiểm tra số 1			1	1	2	
CHƯƠNG 3. QUY HOẠCH KHÔNG GIAN CẢNH QUAN KHU TRUNG TÂM	8	5	1	14	28	Đăng nhập hệ thống học trực tuyến - vào phòng học ảo đúng giờ
3.1. Các yếu tố tạo cảnh trong quy hoạch cảnh quan	2			2	4	
3.1.1. Địa hình 3.1.2. Mặt nước 3.1.3. Cây xanh 3.1.4. Kiến trúc công trình						Đọc mục 3.1, HLC (1)].
3.2. Quy hoạch không gian cảnh quan vườn - công viên 3.2.1. Khái niệm, phân loại, chức năng khu vườn - công viên 3.2.2. Các nguyên tắc quy hoạch không gian cảnh quan khu vườn- công viên 3.2.3. Nội dung bố trí quy hoạch không gian cảnh quan khu vườn - công viên Bài tập: Quy hoạch cảnh quan khu công viên cây xanh	2	1		3	6	Đọc mục 3.2, HLC (1)].
3.3. Quy hoạch không gian cảnh quan khu vực quảng trường 3.3.1. Khái niệm, phân loại, chức năng khu vực quảng trường	2	2		4	8	Đọc mục 3.3, HLC (1)].

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
3.3.2. Các nguyên tắc quy hoạch không gian cảnh quan khu vực quảng trường						
3.3.3. Nội dung bố trí quy hoạch không gian cảnh quan khu vực quảng trường						
Bài tập: Quy hoạch không gian cảnh quan khu vực quảng trường						
3.4. Quy hoạch không gian cảnh quan đường phố 3.4.1. Khái niệm, phân loại, chức năng đường phố 3.4.2. Các nguyên tắc quy hoạch không gian cảnh quan đường phố 3.4.3. Nội dung bố trí quy hoạch không gian cảnh quan đường phố Bài tập: Quy hoạch cảnh quan vùng đô thị	2	2		4	8	Đọc mục 3.4, HLC (1)].
Bài kiểm tra số 2			1	1	2	
Tổng	23	5	2	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt : **Đánh giá tác động môi trường**
 - Tiếng Anh : **Environmental Impact Assessment**
- Mã học phần : MTQM2452
- Số tín chỉ : 02
- Hình thức học : Học từ xa theo phương pháp trực tuyến
- Đối tượng học: Sinh viên ngành Quản lý đất đai trình độ đại học hệ vừa làm vừa học
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương ☐		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				
		Kiến thức cơ sở ngành ☒		Kiến thức ngành ☐		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☒	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Để học học phần này, sinh viên phải học qua các học phần trong Khối kiến thức chung bắt buộc, Khối kiến thức cơ sở ngành Thủy văn: Cơ sở khoa học môi trường.

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết : 20 tiết
 - Bài tập : 03 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm : 06 tiết
 - Kiểm tra : 01 tiết
- Thời gian tự học : 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản lý môi trường, Khoa Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức*: Trình bày được các kiến thức cơ bản về quá trình đánh giá tác động môi trường, nội dung đánh giá tác động môi trường và các phương pháp thường sử dụng

trong đánh giá tác động môi trường tương ứng theo từng loại hình và lĩnh vực phát triển kinh tế-xã hội.

- *Về kỹ năng*: áp dụng các phương pháp đánh giá tác động môi trường, đề xuất được các giải pháp công nghệ xử lý chất thải, và các biện pháp bảo vệ môi trường tài nguyên thiên nhiên.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*: Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ thuộc lĩnh vực quản lý chất thải rắn và chất thải nguy hại; có năng lực đưa ra các sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ quản lý chất thải rắn cho các đô thị, nhiệm vụ quản lý chất thải (thông thường và nguy hại) tại các đơn vị sản xuất; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn về quản lý chất thải rắn và chất thải nguy hại; Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật trong công tác quản lý chất thải rắn và chất thải nguy hại; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể;

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

- Tổng quan về đánh giá tác động môi trường
- Trình tự thực hiện đánh giá tác động môi trường
- Các phương pháp dùng trong đánh giá tác động môi trường

4. Học liệu điện tử

4.1. Học liệu chính (HLC)

1. Hoàng Ngọc Khắc, Nguyễn Khắc Thành, Vũ Văn Doanh (2014), *Giáo trình Đánh giá tác động môi trường* (hệ đại học), Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.
2. Trần Văn Ý (Chủ biên) (2006), *Đánh giá tác động môi trường các dự án phát triển*, NXB Thống kê.
3. Phạm Ngọc Hồ & Hoàng Xuân Cơ (2006), *Đánh giá tác động môi trường*, NXB ĐHQG HN.

4.2. Học liệu bổ trợ (HLBT)

1. Bài giảng Đánh giá tác động môi trường (năm 2020) - Bộ môn Quản lý môi trường, khoa Môi trường, Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.
2. Lê Xuân Hồng (2006), *Cơ sở đánh giá tác động môi trường*, NXB Thống kê.
3. Cục Môi trường (biên dịch) (1995), *Đánh giá tác động môi trường*.
4. UNEP/NEA (1997), *Đánh giá tác động môi trường*, Tài liệu hướng dẫn nguồn lực đào tạo.
5. SEACAM (2000), *Environmental assessment for Coastal Aquaculture Development*.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☐	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☒	Tình huống	☐
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☐
Phân tích, xử lý số liệu	☐	Trình bày báo cáo khoa học	☐	Tự học	☐

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuẩn bị các điều kiện học từ xa (máy tính, camera, micro có kết nối mạng Internet)

- Tích cực tham gia các hoạt động trên lớp, chuẩn bị bài trước khi lên lớp, kiểm tra giữa kì. Trao đổi kỹ năng học nhóm, làm tiểu luận; chấp hành các quy định về thời gian lên lớp, thời hạn nộp bài, chất lượng các bài tập, bài kiểm tra và tìm kiếm thông tin.

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

- Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Tổ chức kiểm tra, đánh giá theo hình thức trực tiếp tại Trường hoặc tại các cơ sở khác

- Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG	3		1	4	8	- Đăng nhập hệ thống học trực tuyến - vào phòng học ảo đúng giờ
1.1. Định nghĩa, mục đích, ý nghĩa, đối tượng của đánh giá tác động môi trường	1			1	2	Đọc HLC (1) trang 07-27;

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Kiểm tra			1	1	2	Ôn tập chương 1 & 2
CHƯƠNG 3. CÁC PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG	10	2	2	14	28	- Đăng nhập hệ thống học trực tuyến - vào phòng học ảo đúng giờ
3.1. Phương pháp phân tích logic (LFA)	1			1	2	Độc HLC (1) trang 73-94 Độc HLC (3) trang 165-231; Độc HLBT (4) trang 103-151;
3.2. Phương pháp liệt kê số liệu	1			1	2	
3.3. Phương pháp danh mục	1		1	2	4	
3.4. Phương pháp ma trận môi trường	1	1		2	4	
3.5. Phương pháp chấp bản đồ môi trường	1			1	2	
3.6. Phương pháp sơ đồ mạng lưới	3		1	5	10	
3.7. Phương pháp đánh giá nhanh bằng ước tính tải lượng ô nhiễm		1				
3.8. Phương pháp mô hình hóa môi trường	1				2	
3.9. Phương pháp phân tích chi phí – lợi ích mở rộng	1				2	
Cộng	20	3	7	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:

▪ Tiếng Việt : **Chính sách đất đai**

▪ Tiếng Anh : **Land policy**

- Mã học phần : QĐQN2502

- Số tín chỉ : 03

- Hình thức học : Học từ xa theo phương pháp trực tuyến

- Đối tượng học : Sinh viên ngành Quản lý đất đai trình độ đại học hệ vừa làm vừa học

- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒					Thực tập khóa luận tốt nghiệp □
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành □			
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc ☒	Tự chọn □		

- Các học phần tiên quyết/học trước : Pháp Luật đại cương

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động : 45 tiết

▪ Nghe giảng lý thuyết : 30 tiết

▪ Bài tập : 13 tiết

▪ Kiểm tra : 02 tiết

- Thời gian tự học : 90 giờ

- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản lý đất đai và bất động sản, Khoa Quản lý đất đai.

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức:

+ Trình bày được các khái niệm có liên quan về chính sách đất đai (chính sách sử dụng đất, chính sách đất đai đối với người sử dụng đất), tác động của chính sách đất đai đến các lĩnh vực kinh tế - xã hội; Khái quát được các chính sách đất đai hiện hành ở Việt

Nam;

+ Hiểu và áp dụng hệ thống các chính sách pháp luật về đất đai vào thực tiễn cuộc sống, giải quyết các vướng mắc pháp lý trong quá trình triển khai, thực hiện pháp luật đất đai;

+ Giải thích được các quy định cơ bản của pháp luật đất đai về: quản lý Nhà nước về đất đai; quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất và chế độ sử dụng các loại đất; Vận dụng kiến thức để giải quyết một số các tình huống pháp luật đất đai trong thực tiễn;

+ Sử dụng được Internet trong khai thác thông tin, dữ liệu phục vụ cho mục đích nghiên cứu.

- *Về kỹ năng:*

+ Thu thập, tìm kiếm và sử dụng được các thông tin liên quan đến chính sách đất đai, chính sách quản lý nhà nước về đất đai ở Việt Nam; Biết cách vận dụng các quy định về chính sách đất đai hiện hành giải quyết một số tình huống thực tế về pháp luật đất đai;

+ Vận dụng các quy định của chính sách pháp luật đất đai vào các lĩnh vực quản lý nhà nước về đất đai;

+ Biết cách làm việc độc lập và tổ chức được hoạt động nhóm, thuyết trình, trình bày kết quả trong quá trình nghiên cứu, học tập; Có kỹ năng giao tiếp, soạn thảo văn bản liên quan đến chính sách pháp luật đất đai.

- *Về Năng lực tự chủ và trách nhiệm:*

+ Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ về chính sách đất đai: thẩm quyền giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất; thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu Nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;

+ Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ trong công tác quản lý Nhà nước về đất đai;

+ Có khả năng đưa ra được kết luận về giải quyết các tình huống pháp luật có liên quan đến việc quản lý và sử dụng đất trong thực tế

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản nhất về chính sách pháp Luật đất đai hiện hành của Nhà nước. Học phần giúp sinh viên nắm được những vấn đề chung về chính sách đất đai. Đó là cơ sở để nắm được những kiến thức về chính sách Quản lý Nhà nước về đất đai. Học phần còn giúp sinh viên nắm được chính sách sử dụng các loại đất cụ thể và chính sách đối với người sử dụng đất của nước ta hiện nay. Học phần này là tiền đề cho các học phần chuyên ngành của ngành Quản lý đất đai

4. Học liệu điện tử

4.1. Học liệu chính (HLC)

1. Nguyễn Đình Bồng, Lê Thanh Khuyến, Vũ Văn Phúc, Trần Thị Minh Châu (2012), *Quản lý đất đai ở Việt Nam 1945-2010*, NXB Chính trị Quốc gia;

2. Nguyễn Đình Bông, Trần Thị Minh Hà, Nguyễn Thu Hồng (2014), *Mô hình quản lý Đất đai hiện đại của một số nước và khả năng áp dụng cho Việt Nam*, NXB Chính trị Quốc gia;

3. Nguyễn Văn Sửu (2010), *Đổi mới chính sách đất đai ở Việt Nam, từ lý luận đến thực tiễn*, NXB Chính trị Quốc gia;

4. TS Trần Quang Huy (2018), *Giáo trình Luật đất đai*, NXB Công an nhân dân.

4.2. Học liệu bổ trợ (HLBT)

1. Bài giảng Chính sách đất đai (năm 2020) - Bộ môn Quản lý đất đai và bất động sản, khoa Quản lý đất đai, Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

2. Báo cáo nghiên cứu chính sách của Ngân hàng Thế giới, 2004, *Chính sách đất đai cho tăng trưởng và xóa đói giảm nghèo*, NXB Văn hóa – Thông tin;

3. Lê Đình Thắng, Hoàng Cường, Vũ Thị Thảo, 2003, *Chính sách đất đai trong thời kỳ đổi mới ở nước ta*, số 76-10/2003, Tạp chí Kinh tế và Phát triển, Trường Đại học Kinh tế quốc Dân.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☒	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☒	Tình huống	☒
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☐
Phân tích, xử lý số liệu	☐	Trình bày báo cáo khoa học	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuẩn bị các điều kiện học từ xa (máy tính, camera, micro có kết nối mạng Internet)

- Dự lớp

- Tham gia thảo luận nhóm, làm bài tập

- Tham gia kiểm tra, thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%;

- Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1.

- Hình thức đánh giá:

Tự luận	☒	Trắc nghiệm	☐	Thảo luận nhóm	☐
Bài tập lớn	☐	Thực hành	☐	Khác	☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

Tổ chức kiểm tra, đánh giá theo hình thức trực tiếp tại Trường hoặc tại các cơ sở khác.

- Hình thức thi:

Tự luận ☒

Trắc nghiệm ☐

Vấn đáp ☐

Thực hành ☐

- Thời lượng thi: 90 phút

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CHÍNH SÁCH ĐẤT ĐAI	5			5	10	- Đăng nhập hệ thống học trực tuyến - vào phòng học ảo đúng giờ Đọc HLC (1), (2)
1.1. Sơ lược lịch sử, chế độ, chính sách đất đai ở Việt Nam 1.2. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh	2			2	4	
1.3. Các nguyên tắc cơ bản về xây dựng chính sách đất đai, quản lý và sử dụng đất <i>1.3.1. Đất đai thuộc sở hữu toàn dân do nhà nước đại diện chủ sở hữu</i> <i>1.3.2. Nhà nước thống nhất quản lý đất đai theo quy hoạch và theo pháp Luật</i> <i>1.3.3. Sử dụng đất hợp lý, tiết kiệm</i> <i>1.3.4. Bảo vệ quỹ đất nông nghiệp</i> <i>1.3.5. Cải tạo và bảo vệ đất</i>	2			2	4	
1.4. Quan hệ pháp Luật đất đai <i>1.4.1. Khái niệm, các yếu tố cấu thành quan hệ pháp Luật đất đai</i> <i>1.4.2. Cơ sở làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt một quan hệ pháp Luật đất đai</i>	1			1	2	
Chương 2. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ ĐẤT ĐAI	8	3	1	12	24	- Đăng nhập hệ thống học trực

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
						tuyển - vào phòng học ảo đúng giờ Đọc HLC (1, 2);
2.1. Quản lý nhà nước về đất đai	7			7	14	
2.2.1.Khái niệm	1			1	2	
2.2.2. Chính sách đất đai đối với người quản lý	6			6	12	
2.2. Tổ chức cơ quan quản lý nhà nước về đất đai	1		1	1	2	
2.2.1. Trung ương						
2.2.2. Tỉnh, thành phố thuộc trung ương						
2.2.3. Huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh						
2.2.4. Xã, phường, thị trấn						
Bài tập		3		3	6	
Bài kiểm tra số 1			1	1	2	
Chương 3. CHÍNH SÁCH SỬ DỤNG CÁC LOẠI ĐẤT	8	6		14	28	- Đăng nhập hệ thống học trực tuyển - vào phòng học ảo đúng giờ Đọc HLC (1, 2);
3.1. Phân loại đất theo mục đích sử dụng	1			1	2	
3.2. Đất nông nghiệp	4	3		7	14	
3.2.1. Thời hạn sử dụng đất và hạn mức giao đất	1			1	2	
3.2.2. Đất nông nghiệp giao cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư	1			1	2	
3.2.3. Đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích	1			1	2	
3.2.4. Đất rừng	1			1	2	
3.2.5. Đất mặt nước, đất bãi bồi						
3.4.6. Đất làm muối						
3.2.7. Đất sử dụng cho kinh tế trang trại						

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
3.3. Đất phi nông nghiệp 3.3.1. Đất ở 3.3.2. Đất sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh 3.3.3. Đất khu công nghiệp, khu công nghệ cao, khu kinh tế 3.3.4. Đất công cộng 3.3.5. Các loại đất phi nông nghiệp khác	2	3		5	10	
3.4. Đất chưa sử dụng	1			1	2	
Chương 4. CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT	9	4	1	14	28	- Đăng nhập hệ thống học trực tuyến - vào phòng học ảo đúng giờ Đọc HLC (1, 2);
4.1. Chính sách chung 4.1.1. Quyền và nghĩa vụ chung của người sử dụng đất 4.1.2. Thời điểm được thực hiện các quyền của người sử dụng 4.1.3. Quy định về nhận quyền sử dụng đất	2			2	4	
4.2. Chính sách của đối tượng sử dụng đất 4.2.1. Quyền và nghĩa vụ của hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư 4.2.2. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức trong nước 4.2.3. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài 4.2.4. Quyền và nghĩa vụ của người Việt nam định cư tại nước ngoài	7 2 3 1 1	4		11 2 3 1 1	22 4 6 2 2	
Bài kiểm tra số 2			1	1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến				Yêu cầu đối với sinh viên	
	Lên lớp (Tiết)					Tự học (Giờ)
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Cộng	30	13	2	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT

1. Thông tin chung về môn học

- Tên học phần
 - Tiếng Việt : **Tiếng anh chuyên ngành**
 - Tiếng Anh : **English for Land Administration**
- Mã học phần : NNTA2554
- Số tín chỉ : 03
- Hình thức học : Học từ xa theo phương pháp trực tuyến
- Đối tượng học : Hệ Đại học, hình thức vừa làm vừa học, ngành Quản lý đất đai
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương ☐		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒					Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☒			
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐		

- Các học phần tiên quyết: Đã hoàn thành học phần tiếng Anh cơ bản 1, 2 và 3
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động : 45 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết : 10 tiết
 - Bài tập : 23 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm : 10 tiết
 - Kiểm tra : 2 tiết
- Thời gian tự học : 90 giờ
- Phụ trách môn học: Bộ môn Ngoại ngữ.

2. Mục tiêu của học phần:

Sau khi học xong môn học sinh viên cần phải có kỹ năng sau:

- Về kiến thức:

+ Vận dụng được các thuật ngữ chuyên ngành vào những hoạt động liên quan đến chuyên ngành QLDD

+ Trình bày được nội dung cơ bản chuyên ngành QLDD bằng Tiếng Anh.

+ Đọc và xử lý tài liệu về chuyên ngành QLDD bằng Tiếng Anh ở mức độ khó trung bình.

- *Về kỹ năng:*

+ Kỹ năng đọc: Phát triển các kỹ năng đọc hiểu như đọc để lấy ý chính, thông tin chi tiết, đoán nghĩa từ vựng thông qua ngữ cảnh, xác định câu chủ đề của đoạn văn, dịch và hiểu được nội dung tài liệu chuyên ngành.

+ Kỹ năng nói: Thảo luận các vấn đề xoay quanh bài học, hỏi và trả lời các câu hỏi liên quan đến bài học cũng như trình bày được quan điểm cá nhân về chủ đề liên quan đến ngành QLDD

+ Kỹ năng viết: Viết được tóm tắt nội dung bài học dưới dạng đoạn văn ngắn, hoặc mô tả đơn giản về các chủ đề quen thuộc trong lĩnh vực QLDD

+ Các kỹ năng khác: Nâng cao kỹ năng làm việc cặp và nhóm cũng như kỹ năng thuyết trình bằng tiếng Anh, nâng cao kỹ năng tìm kiếm tài liệu thông tin liên quan đến ngành học trên internet.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:*

+ Xác định được tầm quan trọng của môn học

+ Xây dựng tính tích cực học tập và tự học, tự tìm tòi tài liệu tham khảo bằng tiếng Anh, từ đó hình thành ý thức thường xuyên trao đổi chuyên môn bằng Tiếng Anh.

+ Thực hiện nghiêm túc thời gian biểu, làm việc và nộp bài đúng hạn

+ Phát huy tối đa khả năng sáng tạo khi thực hiện các hoạt động trên lớp cũng như ở nhà

+ Tự giác trong học tập và trung thực trong thi cử

3. Tóm tắt nội dung học phần

- Module 1: Soil
- Module 2: Soil forming factors
- Module 3: Land policy
- Module 4: Land use planning
- Module 5: Land Administration Systems
- Module 6: Cadastre and Cadastral Surveying
- Module 7: Remote Sensing
- Module 8: Geographic Information System (GIS)
- Module 9: GPS
- Module 10: Aerial photography

4. Học liệu điện tử

4.1. Học liệu chính (HLC)

1. Peter Dale & John McLaughlin, 1999. Land Administration. Oxford University Press Inc., New York

4.2. Học liệu bổ trợ (HLBT)

1. Bài giảng Tiếng Anh chuyên ngành (năm 2020) - Bộ môn Ngoại ngữ, Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

2. Bui Thi Dien, Nguyen Trinh Son, Nguyen Duc Kha, 2008. English for Students of Land Administration, Science and Technics Publishing House, Viet Nam.

3. Võ Chí Mỹ, 2008, Từ điển Trắc địa- Bản đồ và Quản lý đất đai Anh -Việt, Nhà xuất bản Tài nguyên - Môi trường và Bản đồ Việt Nam.

4. A.J.Thomson & A.V. Martinet, 1992. A practical English grammar, Oxford University Press.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Các phương pháp được tổ chức dạy dưới các hình thức chủ yếu như: Thuyết trình, phát vấn, làm việc nhóm, tự học.

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuẩn bị các điều kiện học từ xa (máy tính, camera, micro có kết nối mạng Internet)

- Chuẩn bị bài trước khi đến lớp theo hướng dẫn trong đề cương môn học

- Dự lớp đầy đủ, nắm vững ngữ pháp tiếng Anh, học thuộc các từ mới, dịch và hiểu các bài khóa, vận dụng để khai thác tài liệu chuyên môn tiếng anh.

- Bài tập: Làm đầy đủ các bài tập được giao với chất lượng cao.

- Tham dự đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên và định kỳ.

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☒ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

Tổ chức kiểm tra, đánh giá theo hình thức trực tiếp tại Trường hoặc tại các cơ sở khác

Hình thức thi: Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☒ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết và phân phối thời gian:

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến					Yêu cầu đối với sinh viên	
	Lên lớp (Tiết)						Tự học (Giờ)
	LT	BT	TL, KT	TH	Tổng cộng		

Module 1: Soil	1	2	1		4	8	- Đăng nhập hệ thống học trực tuyến - vào phòng học ảo đúng giờ Đọc và tra từ trước ở nhà
Module 2: Soil forming factors	1	2	1		4	8	Đọc và tra từ trước ở nhà
Module 3: Land policy	1	2	1		4	8	Đọc và tra từ trước ở nhà
Module 4: Land use planning	1	2	1		4	8	Đọc và tra từ trước ở nhà
Module 5: Land Administration Systems	1	2	1		4	8	
Revision and Progress test 1		1	1		2	4	Ôn từ Module 1 đến Module 5
Module 6: Cadastre and Cadastral Surveying	1	1			2	4	
Module 6: cont Module 7: Remote Sensing	1	1	1		2 2	8	Đọc và tra từ trước ở nhà
Module 7: cont Module 8: Geographic Information System (GIS)	1	1	1		2 2	8	Đọc và tra từ trước ở nhà
Module 8: cont Module 9: GPS	1	1	1		2 2	8	Đọc và tra từ trước ở nhà
Module 9: cont Module 10: Aerial photography	1	1	1		2 2	8	Đọc và tra từ trước ở nhà
Module 10: cont Revision and Progress test 2		1 2	1 1		2 3	10	Ôn từ Module 6 đến Module 10
Cộng	10	23	12		45	90	

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt : **Thống kê đất đai**
 - Tiếng Anh : **Land Statistics**
- Mã học phần : QĐQN2503
- Số tín chỉ : 02
- Hình thức học : Học từ xa theo phương pháp trực tuyến
- Đối tượng học: Sinh viên ngành Quản lý đất đai trình độ đại học hệ vừa làm vừa học
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒					Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành ☒			
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc ☒	Tự chọn □		

- Các học phần tiên quyết/học trước : Chính sách đất đai
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động : 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết : 20 tiết
 - Bài tập : 08 tiết
 - Kiểm tra : 02 tiết
- Thời gian tự học : 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản lý đất đai và bất động sản, Khoa Quản lý đất đai.

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức:
 - + Trình bày được những kiến thức cơ bản về nguyên lý thống kê như: khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu, các giai đoạn của nghiên cứu thống kê...; Trình bày được nội dung cơ bản về thống kê, kiểm kê đất đai: khái niệm, chỉ tiêu, biểu mẫu, trình tự thống kê, kiểm kê đất đai...; Biết cách áp dụng các quy định về thống kê, kiểm kê đất đai

vào thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn về quá trình tổ chức, triển khai thực hiện các hoạt động thống kê, kiểm kê chuyên ngành;

- + Giải thích được các chỉ tiêu hiện tượng kinh tế - xã hội và cho ví dụ về phân tổ thống kê; Phân biệt được các chỉ tiêu loại đất, chỉ tiêu người sử dụng và người được giao quản lý đất, chỉ tiêu theo khu vực, theo đơn vị hành chính; Nhận diện và liệt kê được các biểu mẫu thống kê, kiểm kê đất đai theo từng cấp đơn vị hành chính;

- + Vận dụng kiến thức về thống kê, kiểm kê đất đai để đánh giá được hiện trạng sử dụng đất, tình hình biến động đất đai hàng năm hoặc qua các kỳ kiểm kê đất đai, đồng thời áp dụng được hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về thống kê, kiểm kê đất đai vào quá trình thực hiện tại các đơn vị hành chính các cấp;

- + Sử dụng được Internet để khai thác thông tin và phần mềm chuyên ngành về thống kê, kiểm kê đất đai.

- *Về kỹ năng:*

- + Biết cách phân tổ và tính toán các chỉ tiêu thống kê; áp dụng thành thạo các văn bản về thống kê, kiểm kê đất đai trong phân loại được các chỉ tiêu loại đất, chỉ tiêu người sử dụng và người được giao quản lý đất, chỉ tiêu theo khu vực, theo đơn vị hành chính; Lập được một số biểu mẫu thống kê, kiểm kê đất đai;

- + Tìm kiếm và sử dụng được các thông tin trong lĩnh vực thống kê, kiểm kê đất đai; phân tích, khái quát hóa được các nội dung thu thập và xác định mục tiêu cốt lõi trong thực tiễn liên quan đến viết báo cáo thuyết minh thống kê, kiểm kê đất đai và lập biểu mẫu; Sử dụng được phần mềm thống kê, kiểm kê đất đai.

- + Biết cách làm việc độc lập và theo nhóm để giải quyết các vấn đề nảy sinh nhằm đạt được mục tiêu trong quá trình thực hiện; có kỹ năng giao tiếp, soạn thảo văn bản, đàm phán;

- + Biết cách và tổ chức được hoạt động nhóm, thuyết trình và trình bày kết quả trong quá trình nghiên cứu, học tập.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:*

- + Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ liên quan để giải thích được các chỉ tiêu thống kê nói chung và chỉ tiêu về loại đất, người sử dụng và người được giao quản lý đất; nhận diện và tổng hợp các biểu thống kê, kiểm kê đất đai theo từng cấp đơn vị hành chính;

- + Định hướng được các nội dung trong quá trình thực hiện việc xác định các chỉ tiêu thống kê, kiểm kê đất đai và thực hiện trình tự, thủ tục thống kê kiểm kê đất đai; Thích nghi với môi trường làm việc khác nhau: cơ quan nhà nước, doanh nghiệp trong và ngoài nước, ...

- + Tự học tập, tích lũy kiến thức để nâng cao trình độ về thống kê, kiểm kê đất đai theo các chỉ tiêu, biểu mẫu cho từng đơn vị hành chính; Biết cách lập kế hoạch thực hiện

thống kê kiểm kê theo đơn vị hành chính các cấp và đánh giá được việc triển khai thực hiện các hoạt động chuyên ngành.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần thống kê đất đai cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng quan về nguyên lý thống kê, bao gồm: các vấn đề như khái niệm chung, điều tra thống kê, tổng hợp, phân tích và dự báo thống kê. Học phần còn cung cấp những quy định chung về thống kê, kiểm kê đất đai như mục đích, nguyên tắc, kết quả thống kê, kiểm kê đất đai.

Ngoài ra, sinh viên còn được làm quen với các chỉ tiêu diện tích đất theo mục đích sử dụng, chỉ tiêu người sử dụng đất, người được Nhà nước giao quản lý đất; biểu mẫu thống kê, kiểm kê đất đai; trình tự thực hiện thống kê, kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất. Từ đó có kiến thức chuyên môn cơ bản phục vụ công tác.

4. Học liệu điện tử

4.1. Học liệu chính (HLC)

1. TS. Thái Thị Quỳnh Như, ThS. Vũ Lệ Hà (2013), *Giáo trình đăng ký và thống kê đất đai*, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

2. TS. Trần Quang Huy (2016), *Giáo trình Luật đất đai*, NXB Công An nhân dân.

4.2. Học liệu bổ trợ (HLBT)

1. Bài giảng Thống kê đất đai (năm 2020) - Bộ môn Quản lý đất đai và bất động sản, khoa Quản lý đất đai, Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

2. NGUT. GS.TS. Phạm Ngọc Kiểm, PGS.TS. Nguyễn Công Nhựt, T.S. Trần Thị Bích, 2012, *Giáo trình Nguyên lý thống kê kinh tế*, NXB Giáo dục Việt Nam.

3. Trần Văn Thắng, 2015, *Giáo trình lý thuyết thống kê*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.

4. Các Nghị định, Thông tư quy định liên quan đến thống kê, kiểm kê đất đai.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☒	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☒	Tình huống	☐
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☐
Phân tích, xử lý số liệu	☐	Trình bày báo cáo khoa học	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuẩn bị các điều kiện học từ xa (máy tính, camera, micro có kết nối mạng Internet)

- Dự lớp

- Tham gia làm việc nhóm, làm bài tập

- Tham gia kiểm tra, thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

- Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1.

- Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☐
 Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Tổ chức kiểm tra, đánh giá theo hình thức trực tiếp tại Trường hoặc tại các cơ sở khác.

- Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. TỔNG QUAN VỀ NGUYÊN LÝ THỐNG KÊ	7	2	1	10	20	- Đăng nhập hệ thống học trực tuyến - vào phòng học ảo đúng giờ
1.1. Khái niệm và đối tượng của nghiên cứu thống kê <i>1.1.1. Khái niệm thống kê</i> <i>1.1.2. Đối tượng thống kê</i>	1			1	2	Đọc mục 1.2 HLC (1)
1.2. Phương pháp nghiên cứu thống kê						
1.3. Một số khái niệm thường dùng trong thống kê	1			1	2	Đọc mục 1.4 HLC (1)
1.4. Các giai đoạn trong thống kê <i>1.4.1. Giai đoạn điều tra thống kê</i> <i>1.4.2. Giai đoạn tổng hợp thống kê</i> <i>1.4.3. Giai đoạn phân tích thống kê</i>	1			1	2	Đọc mục 1.6 HLC (1)

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1.5. Phân tổ thống kê	2			2	4	Đọc mục 1.7 HLC (1)
1.6. Các chỉ tiêu hiện tượng kinh tế xã hội 1.6.1. Chỉ tiêu tuyệt đối 1.6.2. Chỉ tiêu tương đối 1.6.3. Chỉ tiêu bình quân 1.6.4. Mốt 1.6.5. Số trung vị	2			2	4	Đọc mục 1.8 HLC (1)
Bài tập 1. Phân tổ và tính toán các chỉ tiêu thống kê		2		2	4	Bài tập làm việc nhóm
Bài kiểm tra số 1			1	1	2	Ôn tập nội dung chương 1
Chương 2. THỐNG KÊ, KIỂM KÊ ĐẤT ĐAI	13	6	1	20	40	- Đăng nhập hệ thống học trực tuyến - vào phòng học ảo đúng giờ
2.1.Những quy định chung về thống kê, kiểm kê đất đai 2.1.1. Khái niệm, mục đích thống kê, kiểm kê đất đai 2.1.2. Nguyên tắc thống kê, kiểm kê đất đai 2.1.3. Thời điểm thực hiện và nộp báo cáo thống kê, kiểm kê đất đai 2.1.4. Trách nhiệm thực hiện, thẩm quyền phê duyệt kết quả thống kê, kiểm kê đất đai	2			2	4	Đọc mục 2.1 HLC (1)
2.2. Chỉ tiêu thống kê, kiểm kê đất đai 2.2.1. Chỉ tiêu loại đất 2.2.2. Chỉ tiêu người sử dụng đất,	3	1		4	8	Đọc mục 2.1 HLC (1) Xác định chỉ tiêu các loại đất

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>người được Nhà nước giao quản lý đất</i> <i>2.2.3. Chỉ tiêu theo khu vực tổng hợp</i> <i>2.2.4. Chỉ tiêu theo đơn vị hành chính</i>						
2.3. Hệ thống biểu thống kê, kiểm kê	2			2	4	Đọc mục 2.2 HLC (1)
2.4. Nội dung và phương pháp thống kê, kiểm kê đất đai <i>2.4.1. Nội dung thống kê, kiểm kê đất đai</i> <i>2.4.2. Bản đồ hiện trạng sử dụng đất</i> <i>2.4.3. Báo cáo thống kê, kiểm kê đất đai</i> <i>2.4.4. Phương pháp thực hiện thống kê, kiểm kê đất đai</i>	3	1		4	8	Đọc mục 2.2 HLC (1) Xác định nội dung thống kê, kiểm kê đất đai theo đơn vị hành chính các cấp
2.5. Trình tự thực hiện thống kê, kiểm kê đất đai <i>2.5.1. Trình tự thực hiện thống kê đất đai</i> <i>2.5.2. Trình tự thực hiện kiểm kê đất đai</i>	2			2	4	Đọc mục 2.3 HLC (1)
2.6. Kiểm tra, giao nộp, quản lý kết quả thống kê, kiểm kê đất đai định kỳ <i>2.6.1. Kiểm tra kết quả thống kê, kiểm kê đất đai định kỳ</i> <i>2.6.2. Hồ sơ giao nộp kết quả thống kê, kiểm kê đất đai định kỳ</i> <i>2.6.3. Lưu trữ, quản lý và cung cấp dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai định kỳ</i>	1			1	2	Đọc mục 2.2 HLC (1)
Bài tập 2. Thống kê, kiểm kê đất đai		4		4	8	Bài tập làm việc

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
						nhóm
Bài kiểm tra số 2			1	1	2	Ôn tập nội dung chương 2
Tổng cộng	20	8	2	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt : **Giao đất**
 - Tiếng Anh : **Land Allocation**
- Mã học phần : QĐQN2504
- Số tín chỉ : 02
- Hình thức học : Học từ xa theo phương pháp trực tuyến
- Đối tượng học : Sinh viên ngành Quản lý đất đai trình độ đại học hệ vừa làm vừa học
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương ☐		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒					Thực tập và khóa luận tốt nghệ ☐
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☒			
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐		

- Các học phần tiên quyết/học trước : Chính sách đất đai
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động : 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết : 20 tiết
 - Bài tập : 08 tiết
 - Kiểm tra : 02 tiết
- Thời gian tự học : 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản lý đất đai và bất động sản, Khoa Quản lý đất đai.

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức:

+ Trình bày được các khái niệm, nguyên tắc, căn cứ, thẩm quyền giao đất, cho thuê đất và thu hồi đất; các trường hợp giao đất, cho thuê đất vào các mục đích sử dụng và các trường hợp bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất; Vận dụng các kiến thức đã học để đánh giá được hiện trạng sử dụng đất, tình hình giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng

đất và thu hồi đất;

+ Áp dụng được hệ thống văn bản quy phạm pháp luật nhận biết được hình thức giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất và các trường hợp được, không được bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Mô tả và khái quát được trình tự, thủ tục giao đất, cho thuê đất và thu hồi đất;

+ Sử dụng được Internet phục vụ cho nội dung nghiên cứu.

- Về kỹ năng:

+ Vận dụng được các văn bản quy phạm pháp luật giải quyết các vấn đề liên quan đến hoạt động giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất; Phân biệt được hình thức, thẩm quyền giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất và thu hồi đất; Thực hiện được trình tự, thủ tục giao đất, cho thuê đất và thu hồi đất; Xây dựng được phương án thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;

+ Biết cách và tổ chức được hoạt động nhóm, thuyết trình, thảo luận và trình bày kết quả trong quá trình nghiên cứu, học tập; sử dụng các phương tiện hiện đại vào hoạt động chuyên môn;

+ Giải quyết được các vấn đề nảy sinh trong công việc, có kỹ năng làm việc độc lập và tổ chức thực hiện theo các nhóm.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ về giao đất để giải thích các quy định về: căn cứ, thẩm quyền, hình thức, thời hạn và hạn mức giao đất, cho thuê đất; các trường hợp nhà nước thu hồi đất, trình tự thu hồi đất; bồi thường, hỗ trợ tái định cư;

+ Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ về công tác giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất; Đưa ra được kết luận về tình hình giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất và thu hồi đất.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần Giao đất là một trong những học phần bắt buộc đối với sinh viên chuyên ngành Quản lý Đất đai. Đây là học phần nhằm nghiên cứu chuyên sâu về các nội dung: (1) Nhà nước giao đất, (2) Nhà nước cho thuê đất, (3) Chuyển mục đích sử dụng đất, (4) Nhà nước thu hồi đất. Học phần Giao đất cung cấp cho sinh viên một số quy định về giao đất, cho thuê đất. của Nhà nước đang áp dụng. Đồng thời học phần còn cung cấp một số quy định về thu hồi, bồi thường khi Nhà nước tiến hành thu hồi đất của các đối tượng sử dụng đất.

4. Học liệu điện tử

4.1. Học liệu chính (HLC)

1. Nước cộng hòa XHCN Việt Nam (2015), *Luật đất đai 2013*, NXB Lao Động.
2. TS. Thái Thị Quỳnh Như, ThS. Vũ Lệ Hà (2013), *Giáo trình đăng ký và thống kê đất đai*, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

4.2. Học liệu bổ trợ (HLBT)

1. Bài giảng Giao đất (năm 2020) - Bộ môn Quản lý đất đai và bất động sản, khoa Quản lý đất đai, Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

2. Chính phủ (2014), *Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.*

3. Chính phủ (2014), *Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định về thu tiền sử dụng đất.*

4. Chính phủ (2014), *Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định về thu tiền thuê đất.*

5. Chính phủ (2014), *Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất.*

6. Bộ Tài chính (2014), *Thông tư 76/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 hướng dẫn một số điều của Nghị định 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định về thu tiền sử dụng đất.*

7. Bộ Tài nguyên và Môi trường (2014), *Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất.*

8. Bộ Tài nguyên và Môi trường (2014), *Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất.*

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☒	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☐	Tình huống	☐
Dạy học theo dự án	☒	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☐
Phân tích, xử lý số liệu	☐	Trình bày báo cáo khoa học	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuẩn bị các điều kiện học từ xa (máy tính, camera, micro có kết nối mạng Internet)

- Tham gia làm bài tập;

- Tham gia kiểm tra, thi kết thúc học phần;

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

- Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1.

- Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☐
 Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

Tổ chức kiểm tra, đánh giá theo hình thức trực tiếp tại Trường hoặc tại các cơ sở khác.

- Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. GIAO ĐẤT, CHO THUÊ ĐẤT, CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT	8	6	1	15	30	- Đăng nhập hệ thống học trực tuyến - vào phòng học ảo đúng giờ
1.1. Khái niệm, căn cứ và thẩm quyền giao đất, cho thuê đất <i>1.1.1. Một số khái niệm</i> <i>1.1.2. Căn cứ và thẩm quyền giao đất, cho thuê đất</i> <i>1.1.3. Điều kiện giao đất, cho thuê đất</i>	2			2	4	Đọc mục 1.1, HLC (1)
1.2. Hình thức giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất <i>1.2.1. Hình thức giao đất</i> <i>1.2.2. Hình thức cho thuê đất</i> <i>1.2.3. Các trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất</i> <i>1.2.4. Đấu giá quyền sử dụng đất</i>	2			4	8	Đọc mục 1.2, HLC (1)
1.3. Thời hạn và hạn mức sử dụng đất <i>1.3.1. Thời hạn sử dụng đất</i> <i>1.3.2. Hạn mức giao đất</i>	1	4		5	10	Đọc mục 1.3, HLC (1); chuẩn bị thảo luận
1.4. Tiền sử dụng đất và tiền thuê đất	1			1	2	Đọc mục 1.4, HLC (1); chuẩn bị thảo luận

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1.5. Trình tự, thủ tục giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất <i>1.5.1. Những quy định chung</i> <i>1.5.2. Trình tự, thủ tục thẩm định nhu cầu sử dụng đất, thẩm định điều kiện giao đất, cho thuê đất</i> <i>1.5.3. Trình tự, thủ tục giao đất, cho thuê đất đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất</i> <i>1.5.4. Trình tự, thủ tục giao đất, cho thuê đất đã giải phóng mặt bằng đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất.</i> <i>1.5.5. Trình tự, thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất</i>	2	2		4	8	Đọc mục 1.5 HLC (1); chuẩn bị các biểu mẫu theo thông tư 30
Bài kiểm tra số 1			1	1	2	
Chương 2. THU HỒI ĐẤT, BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ	12	2	1	15	30	- Đăng nhập hệ thống học trực tuyến - vào phòng học ảo đúng giờ
2.1. Thu hồi đất <i>2.1.1. Khái niệm và thẩm quyền</i> <i>2.1.2. Các trường hợp Nhà nước thu hồi đất</i>	2			2	4	Đọc mục 2.1, HLC (1)
2.2. Bồi thường khi Nhà nước thu hồi <i>2.2.1. Bồi thường về đất</i> <i>2.2.2. Bồi thường chi phí đầu tư còn lại vào đất</i> <i>2.2.3. Bồi thường thiệt hại về tài sản, về sản xuất, kinh doanh khi nhà nước</i>	4 <i>1</i> <i>1</i> <i>1</i>			4 <i>1</i> <i>1</i> <i>1</i>	8 <i>2</i> <i>2</i> <i>2</i>	Đọc mục 2.2, HLC (1)

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
thu hồi đất						
2.2.4. Bồi thường chi phí di chuyển mồ mả	1			1	2	
2.3. Hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất	2			2	4	Đọc mục 2.3, HLC (1)
2.4. Tái định cư	1			1	2	Đọc mục 2.4, HLC (1)
2.5. Trình tự, thủ tục thu hồi đất	2	2		4	8	
2.5.1. Trình tự, thủ tục thu hồi đất do chấm dứt việc sử dụng đất theo pháp luật, tự nguyện trả lại đất, có nguy cơ đe dọa tính mạng con người	1			1	2	Đọc mục 2.5, HLC (1)
2.5.2. Trình tự, thủ tục thu hồi đất do vi phạm pháp luật						
2.5.3. Trình tự, thủ tục thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh, phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng	1	2		3	6	
2.6. Trách nhiệm tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư	1			1	2	Đọc mục 2.6, HLC (1)
Bài kiểm tra số 2			1	1	2	
Tổng cộng	20	8	2	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:

- Tiếng Việt : **Đăng ký đất đai**
- Tiếng Anh : **Land registration**

- Mã học phần : QĐQN2505

- Số tín chỉ : 03

- Hình thức học : Học từ xa theo phương pháp trực tuyến

- Đối tượng học : Sinh viên ngành Quản lý đất đai trình độ đại học hệ vừa làm vừa học

- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒					Thực tập và khóa luận tốt nghề nghiệp □
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành ☒			
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc ☒	Tự chọn □		

- Các học phần tiên quyết/học trước : Giao đất

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động : 45 tiết

▪ Nghe giảng lý thuyết : 30 tiết

▪ Bài tập : 13 tiết

▪ Kiểm tra : 02 tiết

- Thời gian tự học : 90 giờ

- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản lý đất đai và bất động sản, Khoa Quản lý đất đai

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức:

+ Trình bày được kiến thức cơ bản về đăng ký đất đai, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, cấp giấy chứng nhận như điều kiện, trình tự, thủ tục đăng ký, cấp giấy chứng nhận, ...); các quy định về đăng ký biến động đất đai nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, các nội dung cơ bản về hồ sơ địa chính; Vận dụng được kiến thức đã học vào đánh giá hiện trạng

đăng ký, cấp giấy chứng nhận;

+ Xác định được điều kiện và các loại tài liệu trong hồ sơ khi thực hiện đăng ký, cấp giấy chứng nhận; Phân biệt đăng ký lần đầu và đăng ký biến động đất đai, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; Tóm tắt được trình tự, thủ tục đăng ký biến động cho các dạng biến động;

+ Vận dụng được các tình huống về đăng ký lần đầu, đăng ký biến động đất đai, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, cấp giấy chứng nhận trong thực tiễn; Sử dụng được Internet và phần mềm chuyên ngành như ViLis, Famis, ...

- *Về kỹ năng:*

+ Biết cách vận dụng các quy phạm pháp luật vào giải quyết các tình huống về đăng ký, cấp giấy chứng nhận và thực hiện được việc lập và chỉnh lý hồ sơ; Lập được hồ sơ đăng ký lần đầu và đăng ký biến động đất đai, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; Viết được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền ở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho các trường hợp cụ thể;

+ Tìm kiếm và sử dụng được các thông tin về đăng ký, cấp giấy chứng nhận cho các đối tượng sử dụng, quản lý đất; sử dụng được các phần mềm chuyên ngành.

+ Biết cách làm việc độc lập và tổ chức được hoạt động nhóm, thuyết trình và trình bày kết quả trong quá trình nghiên cứu, học tập; Có kỹ năng giao tiếp, soạn thảo văn bản, đàm phán.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:*

+ Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ liên quan để giải thích được các quy định cơ bản về đăng ký đất đai, nhà ở, tài sản; trình tự thủ tục đăng ký đất đai và lập, chỉnh lý hồ sơ địa chính;

+ Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ về đăng ký đất đai.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần gồm 3 chương, giới thiệu các kiến thức cơ bản về những quy định chung như khái niệm, các trường hợp đăng ký, cấp giấy chứng nhận, nguyên tắc, thẩm quyền cấp giấy chứng nhận,...; Quy định về hồ sơ, trình tự thủ tục về đăng ký đất đai lần đầu, cấp giấy chứng nhận; đăng ký biến động đất đai, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; Quy định về hồ sơ địa chính.

4. Học liệu điện tử

4.1. Học liệu chính (HLC)

1. TS. Thái Thị Quỳnh Như, ThS. Vũ Lệ Hà (2013), *Giáo trình đăng ký và thống kê đất đai*, trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

2. TS. Trần Quang Huy (2016), *Giáo trình Luật đất đai*, NXB Công an nhân dân.

3. Nước cộng hòa XHCN Việt Nam (2015), *Luật đất đai năm 2013*, NXB Lao Động.

4.2. Học liệu bổ trợ (HLBT)

1. Bài giảng Đăng ký đất đai (năm 2020) - Bộ môn Quản lý đất đai và bất động sản, khoa Quản lý đất đai, Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

2. Nguyễn Trọng Đợi (2009), *Giáo trình Hệ thống Hồ sơ địa chính*, Trường Đại học Quy Nhơn.

3. Các Nghị định, Thông tư hướng dẫn thi hành Luật.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☒	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☒	Tình huống	☒
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☐
Phân tích, xử lý số liệu	☐	Trình bày báo cáo khoa học	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuẩn bị các điều kiện học từ xa (máy tính, camera, micro có kết nối mạng Internet)

- Dự lớp;

- Tham gia làm bài tập;

- Tham gia kiểm tra, thi kết thúc học phần;

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

- Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1.

- Hình thức đánh giá:

Tự luận	☒	Trắc nghiệm	☐	Thảo luận nhóm	☐
Bài tập lớn	☐	Thực hành	☐	Khác	☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Tổ chức kiểm tra, đánh giá theo hình thức trực tiếp tại Trường hoặc tại các cơ sở khác

- Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

- Thời lượng thi: 90 phút

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI, NHÀ Ở, TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT VÀ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN	7	2		9	18	- Đăng nhập hệ thống học trực tuyến - vào phòng học ảo đúng giờ
1.1. Khái niệm, mục đích và đặc điểm đăng ký đất đai, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	1			1	2	Đọc mục 1.1, HLC (1)
1.2. Các trường hợp đăng ký đất đai, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất <i>1.2.1. Đăng ký lần đầu</i> <i>1.2.2. Đăng ký biến động</i>	1	1		2	4	Đọc mục 1.2, HLC (1)
1.3. Người chịu trách nhiệm đăng ký đất đai, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	1			1	2	Đọc mục 1.3, HLC (1)
1.4. Những trường hợp được và không được cấp GCN <i>1.4.1. Những trường hợp cấp giấy chứng nhận</i> <i>1.4.2. Những trường hợp không được cấp GCN</i>	3	1		4	8	Đọc mục 1.4, HLC (1); Giải quyết các tình huống thực tiễn
1.5. Nguyên tắc và thẩm quyền cấp giấy chứng nhận	1			1	2	Đọc mục 1.5, HLC (1)
Chương 2. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI, NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT VÀ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN	16	6	1	23	46	- Đăng nhập hệ thống học trực tuyến - vào phòng học ảo đúng giờ
2.1. Những quy định chung <i>2.1.1. Nơi nộp hồ sơ và trả kết quả thực hiện thủ tục hành chính về đất đai</i> <i>2.1.2. Thời gian thực hiện thủ tục hành chính về đất đai</i> <i>2.1.3. Điều kiện để được cấp GCN</i>	4 1 3	2 2		6 1 5	12 2 10	Đọc mục 2.1, HLC (1); Lập hồ sơ đăng ký theo tình huống thực tiễn
Bài kiểm tra số 1			1	1	2	
2.2. Hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký đất	3			3	6	Đọc mục 2.2,

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
đai, tài sản gắn liền với đất, cấp GCN lần đầu và đăng ký bổ sung đối với tài sản gắn liền với đất và trình tự thủ tục cấp GCN						HLC (1); Xác định các tài liệu và lập hồ sơ đăng ký lần đầu
2.3. Nội dung Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	3			3	6	Đọc mục 2.3, HLC (1); Viết giấy chứng nhận theo tình huống thực tiễn
2.3.1. Mẫu giấy chứng nhận	1			1	2	
2.3.2. Thể hiện thông tin trang 1						
2.3.3. Thể hiện thông tin trang 2	1			1	2	
2.3.4. Thể hiện thông tin trang 3	1			1	2	
2.4. Đăng ký biến động đất đai, nhà ở, tài sản gắn liền với đất	6			6	12	Đọc mục 2.4 HLC (1), Xác định các tài liệu và lập hồ sơ đăng ký biến động
2.4.1. Những quy định chung	3			3	6	
2.4.2. Trình tự, thủ tục và điều kiện đăng ký biến động	3			3	6	
Bài tập		4		4	8	
Chương 3. HỒ SƠ ĐỊA CHÍNH	7	5	1	13	26	- Đăng nhập hệ thống học trực tuyến - vào phòng học ảo đúng giờ
3.1. Một số quy định chung	2			2	4	Đọc HLC (1)
3.1.1. Khái niệm, thành phần và nguyên tắc lập, cập nhật, chỉnh lý hồ sơ địa chính						
3.1.2. Trách nhiệm lập, cập nhật, chỉnh lý hồ sơ địa chính						
3.1.3. Tài liệu hồ sơ địa chính phải cập nhật, chỉnh lý						
3.1.4. Trình tự, thời gian cập nhật, chỉnh lý biến động hồ sơ địa chính						
3.2. Lập và chỉnh lý hồ sơ địa chính	5	5		10	20	Đọc HLC (1)
3.2.1. Sổ mục kê	2	1		3	6	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
3.2.2. Sổ địa chính	2	2		4	8	
3.2.3. Sổ cấp giấy chứng nhận	1	2		3	6	
3.2.4. Sổ theo dõi biến động đất đai						
Bài kiểm tra số 2			1	1	2	
Tổng cộng	30	13	2	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:

Tiếng Việt : **Cơ sở dữ liệu đất đai**

Tiếng Anh : **Land database**

- Mã học phần : QĐĐC2503

- Số tín chỉ : 03

- Hình thức học : Học từ xa theo phương pháp trực tuyến

- Đối tượng học : Sinh viên ngành Quản lý đất đai trình độ đại học hệ vừa làm vừa học

- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương ☐		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☒		
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Hệ thống thông tin địa lý

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động : 45 tiết

▪ Nghe giảng lý thuyết : 33 tiết

▪ Bài tập : 10 tiết

▪ Kiểm tra : 02 tiết

- Thời gian tự học : 90 giờ

- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Công nghệ thông tin trong Quản lý đất đai,
Khoa Quản lý đất đai

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức:

+ Trình bày được những kiến thức cơ bản về dữ liệu, cơ sở dữ liệu và hệ quản trị cơ sở dữ liệu.

+ Vận dụng các kiến thức đã học để đọc hiểu và viết được các lệnh trong hệ quản trị cơ sở dữ liệu SQL.

+ Nắm vững và áp dụng được hệ thống văn bản quy phạm pháp luật đặc biệt trong lĩnh vực quản lý nhà nước về đất đai, công nghệ thông tin để thực hiện nghiệp vụ chuyên ngành về xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu đất đai và từ đó đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về đất đai trong thực tiễn.

+ Vận dụng các kiến thức đã học để phân tích và đánh giá được hiện trạng cơ sở dữ liệu đất đai, công tác xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai nhằm góp phần quản lý và sử dụng đất hiệu quả, bền vững, ứng phó với biến đổi khí hậu, làm nền tảng để tiếp thu tốt kiến thức chuyên ngành.

- *Về kỹ năng:*

+ Vận dụng thành thạo các văn bản pháp quy và chính sách pháp luật của Nhà nước về xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai và hệ thống thông tin đất.

+ Có khả năng tìm kiếm, nhận diện và xác định được các thành phần của cơ sở dữ liệu đất đai. Có khả năng phân tích được cấu trúc cơ sở dữ liệu đất đai, thiết kế được một cơ sở dữ liệu đất đai đơn giản phục vụ công tác quản lý nhà nước về đất đai cấp xã.

+ Có khả năng sử dụng ngôn ngữ SQL Server và ngôn ngữ FOXPRO, ngôn ngữ Microsofts Access 2010 để thao tác đối với cơ sở dữ liệu.

+ Biết cách làm việc độc lập và theo nhóm để giải quyết các vấn đề nảy sinh nhằm đạt được mục tiêu trong quá trình thực hiện; có kỹ năng giao tiếp, soạn thảo văn bản, đàm phán; Biết cách và tổ chức được hoạt động nhóm, thuyết trình và trình bày kết quả trong quá trình nghiên cứu, học tập.

+ Sử dụng thành thạo các thiết bị văn phòng.

- *Năng lực tự chủ và trách nhiệm:*

+ Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ liên quan nhằm xác định được các thành phần, nội dung của cơ sở dữ liệu đất đai, đánh giá được hiện trạng xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai của nước ta hiện nay.

+ Có khả năng tự định hướng hoạt động thực hiện nhiệm vụ được giao, thích nghi với môi trường làm việc khác nhau: cơ quan nhà nước, doanh nghiệp trong và ngoài nước, ...

+ Tự học tập, tích lũy kiến thức để nâng cao trình độ về công nghệ thông tin trong quản lý đất đai,

3. Tóm tắt nội dung học phần

Môn học Cơ sở dữ liệu đất đai bao gồm các khái niệm cơ bản về cơ sở dữ liệu: khái niệm, yêu cầu, kiến trúc hệ cơ sở dữ liệu, các mối quan hệ trong cơ sở dữ liệu, các mô hình cơ sở dữ liệu; Ngôn ngữ thao tác dữ liệu; cài đặt và hiệu chỉnh cơ sở dữ liệu, các phép đại số quan hệ, sử dụng ngôn ngữ SQL Server và ngôn ngữ FOXPRO, ngôn ngữ Microsofts Access 2010 để thao tác đối với cơ sở dữ liệu. Học phần cũng cung cấp các kiến thức về

nội dung, thành phần, nguyên tắc và quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai và hệ thống thông tin đất.

4. Học liệu điện tử

4.1. Học liệu chính (HLC)

1. Lê Thị Giang, *Giáo trình Cơ sở dữ liệu đất đai*, NXB Đại học Nông Nghiệp.
2. Phạm Văn Vân, 2010, *Hệ thống thông tin đất đai*, NXB Nông nghiệp

4.2. Học liệu bổ trợ (HLBT)

1. Bài giảng Cơ sở dữ liệu đất đai (năm 2020) - Bộ môn Công nghệ thông tin trong Quản lý đất đai, khoa Quản lý đất đai, Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.
2. Phần mềm Microsoft Office Access 2010.
3. Phần mềm SQL Server 2008 hoặc MySQL, Visual Foxpro.
4. Hướng dẫn sử dụng SQL Server 2008, NXB Giáo dục.
5. Thực hành hệ thống thông tin đất đai(2003), NXB: dự án 5-HTTTĐĐ
6. PTS. Phạm Trọng Mạnh, PTS. Phạm Vọng Thành (1999), *Giáo trình Cơ sở hệ thống thông tin địa lý trong Quy hoạch và quản lý đô thị*, Trường đại học Mỏ Địa Chất
7. TS. Phạm Hữu Đức – Dự án quản lý đô thị ở Việt Nam (2006), *Cơ sở dữ liệu và hệ thống thông tin địa lý GIS*, NXB Xây dựng.
8. Các Nghị định, thông tư quy định về xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☒	Đàm thoại	☒
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☒	Tình huống	☐
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☒	Thu thập số liệu	☐
Phân tích, xử lý số liệu	☐	Trình bày báo cáo khoa học	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuẩn bị các điều kiện học từ xa (máy tính, camera, micro có kết nối mạng Internet)
- Dự lớp
- Tham gia thảo luận nhóm, làm bài tập
- Tham gia kiểm tra, thi kết thúc học phần
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. *Điểm đánh giá quá trình*: Trọng số 40%; Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1. Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☐
 Bài tập lớn ☒ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

Tổ chức kiểm tra, đánh giá theo hình thức trực tiếp tại Trường hoặc tại các cơ sở khác

Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

NỘI DUNG	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp			Tổng cộng	Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương I: Tổng quan về cơ sở dữ liệu	6			6	12	- Đăng nhập hệ thống học trực tuyến - vào phòng học ảo đúng giờ Đọc HLC (1) trang (1 - 11) Mục: Chương 1. Tham gia trả lời phát vấn
1.1. Tổng quan về môn học	1			1	2	
1.2. Các khái niệm về Cơ sở dữ liệu						
1.3.Tính độc lập, cấu trúc của một hệ CSDL	1			1	2	
1.4. Các kiểu dữ liệu và mối quan hệ trong Cơ sở dữ liệu	2			2	4	
1.5. Các mô hình và phương pháp chuẩn hóa cơ sở dữ liệu	2			2	4	
Chương II. Hệ thống thông tin đất đai và Cơ sở dữ liệu đất đai	14	3	1	18	36	- Đăng nhập hệ thống học trực tuyến - vào phòng học ảo đúng giờ Đọc HLC(2) chương 2 mục 2.1 đến 2.4 trang (31-65) Đọc HLC (1) trang (12-23), Mục: Chương 2. tự học, trả lời câu hỏi
2.1. Hệ thống thông tin đất đai	5			5	10	
2.1.1. Khái niệm	1			1	2	
2.1.2. Mục đích, yêu cầu, nhiệm vụ, đặc điểm, chức năng của hệ thống thông tin đất đai	1			1	2	
2.1.3. Các thành phần của hệ thống thông tin đất đai	2			2	4	
2.1.4. Giới thiệu một số phần mềm ứng dụng trong xây dựng hệ thống thông tin đất đai	1			1	2	
2.2. Cơ sở dữ liệu đất đai	7			7	14	

NỘI DUNG	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp			Tổng cộng	Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2.2.1. Dữ liệu không gian và các mô hình CSDL không gian	4			4	8	Thực hành phân tích mô hình dữ liệu đất đai
2.2.2. Dữ liệu thuộc tính và các mô hình CSDL thuộc tính	3			3	6	
2.3. Nội dung siêu dữ liệu địa chính	2			2	4	
Bài tập. Một số mô hình cơ sở dữ liệu đất đai		3		3	6	
Bài kiểm tra số 1			1	1	2	Giờ tự học: Ôn tập kiểm tra.
Chương III. Ngôn ngữ truy vấn SQL	5	3		8	16	- Đăng nhập hệ thống học trực tuyến - vào phòng học ảo đúng giờ
3.1. Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	1			1	2	
3.2. Ngôn ngữ truy vấn SQL	1			1	2	
3.3. Các phép toán và hàm trong cơ sở dữ liệu	3			3	6	Đọc HLC (1) trang (5 - 41), Mục: Chương 3. làm việc nhóm, thuyết trình, trả lời câu hỏi, thực hành viết các lệnh cơ bản
Bài tập: Các lệnh SQL cơ bản sử dụng trong xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai		3		3	6	
Chương IV: Xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai	8	4	1	13	26	- Đăng nhập hệ thống học trực tuyến - vào phòng học ảo đúng giờ Đọc HLC (1) trang (42 – 63), Mục: Chương 4. Tự học, trả lời câu hỏi. Thực hành thiết kế xây dựng và thao tác cơ sở dữ liệu đất đai
4.1. Nguyên tắc xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai	1			1	2	
4.2. Thành phần và nội dung cơ sở dữ liệu đất đai	2			2	4	
4.3. Cấu trúc, các kiểu thông tin của một cơ sở dữ liệu đất đai	1			1	2	
4.4. Xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai	2			2	4	
4.5. Quản lý và vận hành cơ sở dữ liệu đất đai	2			2	4	
Bài tập: Xây dựng dữ liệu địa chính		4		4	8	

NỘI DUNG	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp			Tổng cộng	Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Bài kiểm tra số 2			1	1	2	Giờ tự học: Ôn tập kiểm tra.
TỔNG CỘNG	33	10	2	45	90	

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt : **Thanh tra đất đai và xây dựng**
 - Tiếng Anh : **Land inspection and Contrustion**
- Mã học phần : QĐQN2506
- Số tín chỉ : 03
- Hình thức học : Học từ xa theo phương pháp trực tuyến
- Đối tượng học : Sinh viên ngành Quản lý đất đai trình độ đại học hệ vừa làm vừa học
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương ☐		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☒		
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	

- Các học phần tiên quyết/học trước : Đăng ký đất đai
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động : 45 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết : 33 tiết
 - Thảo luận nhóm, bài tập : 10 tiết

- Kiểm tra : 02 tiết
- Thời gian tự học : 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản lý đất đai và bất động sản, Khoa Quản lý đất đai.

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:*
 - + Trình bày và giải thích được nội dung cơ bản của pháp Luật Thanh tra; pháp Luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng đất, xây dựng, nhà ở; pháp Luật về hoà giải, giải quyết tranh chấp đất đai, xây dựng, nhà ở và pháp Luật Khiếu nại, Tố cáo;
 - + Biết vận dụng những quy định của pháp Luật và kiến thức cơ bản của các môn học trong chương trình đào tạo vào việc tuyên truyền, giải thích pháp Luật và phát hiện, thu thập, kiểm tra, đánh giá chứng cứ, mức độ vi phạm pháp Luật trong lĩnh vực đất đai, xây dựng, nhà ở;
 - + Sử dụng được Internet trong quá trình khai thác dữ liệu.
- *Về kỹ năng:*
 - + Vận dụng kiến thức đã học để xử lý được vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai, hòa giải tranh chấp đất đai, giải quyết tranh chấp đất đai, giải quyết khiếu nại, tố cáo về đất đai, xây dựng và nhà ở thuộc thẩm quyền UBND các cấp và có khả năng thực hiện được nhiệm vụ của công tác viên thanh tra đất đai;
 - + Biết cách làm việc độc lập và tổ chức được hoạt động nhóm, thuyết trình, thảo luận và trình bày kết quả trong quá trình nghiên cứu, học tập; có kỹ năng giao tiếp, truyền đạt thông tin;
 - + Có khả năng tìm kiếm thông tin và sử dụng các phương tiện kỹ thuật hiện đại trong lĩnh vực quản lý đất đai và xây dựng.
- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:*
 - + Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ liên quan để giải thích được các quy định cơ bản trong công tác thanh tra đất đai và xây dựng: chức năng, nhiệm vụ quyền hạn của thanh tra viên và chuyên viên thanh tra, thẩm quyền của thanh tra chuyên ngành về đất đai, nhà ở; thẩm quyền giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai, xây dựng và nhà ở;
 - + Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ về thanh tra đất đai và xây dựng;
 - + Đưa ra được kết luận về vấn đề chuyên môn liên quan đến xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai, hòa giải tranh chấp, giải quyết khiếu nại, tố cáo về đất đai.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần Thanh tra đất đai và xây dựng là môn học chuyên ngành, trang bị cho sinh viên những hiểu biết có bản nhất về công tác thanh tra, giải quyết tranh chấp đất đai, khiếu nại, tố cáo về đất đai, xây dựng và nhà ở. Học phần được bố trí thành 5 chương: Một số vấn đề chung về thanh tra; thanh tra, kiểm tra, quản lý và sử dụng đất đai, xây dựng, nhà ở; xử lý vi phạm pháp Luật đất đai, xây dựng, nhà ở; giải quyết tranh chấp đất đai, xây dựng, nhà ở; giải quyết khiếu nại, tố cáo về đất đai, xây dựng, nhà ở.

4. Học liệu điện tử

4.1. Học liệu chính (HLC)

1. Trịnh Hữu Liên và cộng sự (2015), *Giáo trình thanh tra đất đai*, NXB Khoa học và kỹ thuật.
2. TS. Đỗ Thị Đức Hạnh, ThS Hoàng Anh Đức (2011), *Giáo trình thanh tra đất*, NXB Nông nghiệp.

4.2. Học liệu bổ trợ (HLBT)

1. Bài giảng Thanh tra đất đai và xây dựng (năm 2020) - Bộ môn Quản lý đất đai và bất động sản, khoa Quản lý đất đai, Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.
2. Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam (2013), *Luật Đất đai năm 2013*.
3. Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam (2010), *Luật Thanh tra năm 2010*.
4. Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam (2015), *Luật Xây dựng năm 2015*.
5. Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam (2014), *Luật Nhà ở năm 2014*.
6. Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam (2011), *Luật Khiếu nại năm 2011*.
7. Các Nghị định, Thông tư hướng dẫn thi hành Luật.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☒	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☒	Tình huống	☒
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☐
Phân tích, xử lý số liệu	☐	Trình bày báo cáo khoa học	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuẩn bị các điều kiện học từ xa (máy tính, camera, micro có kết nối mạng Internet)
- Dự lớp;
- Tham gia làm bài tập;
- Tham gia kiểm tra, thi kết thúc học phần;
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

- Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1.

- Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☐
 Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Tổ chức kiểm tra, đánh giá theo hình thức trực tiếp tại Trường hoặc tại các cơ sở khác

- Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ THANH TRA	6			6	12	Đăng nhập hệ thống học trực tuyến - vào phòng học ảo đúng giờ
1.1. Khái niệm, mục đích thanh tra, kiểm tra	2			2	4	Đọc mục 1.1 HLC (1)
1.1.1. Khái niệm	1			1	2	
1.1.2. Mục đích của thanh tra	1			1	2	
1.2 Thanh tra Nhà nước	2			2	4	Đọc mục 1.2 HLC (1)
1.2.1. Cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ quyền hạn của Thanh tra Nhà nước	1			1	2	
1.2.2. Hoạt động thanh tra Nhà nước	1			1	2	
1.3. Thanh tra nhân dân	2			2	4	Đọc TLTK (2)
1.3.1 Tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn của ban thanh tra nhân dân	1			1	2	
1.3.2 Hoạt động của thanh tra nhân dân	1			1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 2. THANH TRA VIỆC QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG ĐẤT ĐAI, XÂY DỰNG, NHÀ Ở	10	4	1	15	30	Đăng nhập hệ thống học trực tuyến - vào phòng học ảo đúng giờ
2.1. Thanh tra, kiểm tra việc quản lý nhà nước về đất đai, xây dựng, nhà ở	5	2		7	14	Độc mục 2.1, 2.2 HLC (1)
2.1.1. Mục đích, yêu cầu	1			1	2	Độc TLTK (2)
2.1.2. Nội dung thanh tra, kiểm tra việc quản lý nhà nước về đất đai, xây dựng, nhà ở	4	2		6	12	Xác định nội dung thanh tra, kiểm tra đất đai, xây dựng, nhà ở
2.2. Thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật của người sử dụng đất, người hoạt động xây dựng, người sở hữu, sử dụng nhà ở	5	2		7	14	Độc mục 2.2 HLC (1)
2.2.1. Mục đích, yêu cầu	1			1	2	Độc TLTK (2)
2.2.2. Nội dung thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật của người sử dụng đất, người hoạt động xây dựng, sở hữu, sử dụng nhà ở	4	2		6	12	Xác định nội dung thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật của người sử dụng đất
Bài kiểm tra số 1			1	1	2	Ôn tập nội dung chương 1, 2
Chương 3. XỬ LÝ VI PHẠM PHÁP LUẬT ĐẤT ĐAI, XÂY DỰNG, NHÀ Ở	6	3		9	18	Đăng nhập hệ thống học trực tuyến - vào phòng học ảo đúng giờ
3.1. Xử lý đối với người quản lý vi phạm pháp luật đất đai	2			2	4	Độc mục 4.1 HLC (1)
3.1.1. Nguyên tắc, đối tượng bị xử lý, hành vi vi phạm, hình thức xử lý	1			1	2	Độc TLTK (6)
3.1.2. Thẩm quyền xử lý kỷ	1			1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
luật, trình tự xử lý kỷ luật và trách nhiệm vật chất						
3.2. Xử lý vi phạm hành chính trong sử dụng đất đai, xây dựng, nhà ở	4	3		7	14	Độc mục 4.2 HLC (1) Độc TLTK (6) Lập hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính đất đai, xây dựng, nhà ở
3.2.1. Hành vi vi phạm, hình thức và mức xử phạt	1			1	2	
3.2.2. Nguyên tắc và thời hiệu xử phạt	1			1	2	
3.2.3. Thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính và hình thức phạt bổ sung, biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính gây ra	1			1	2	
3.2.4. Thủ tục xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai, xây dựng, nhà ở	1	3		4	8	
Chương 4. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP ĐẤT ĐAI, NHÀ Ở	6	2		8	16	Đăng nhập hệ thống học trực tuyến - vào phòng học ảo đúng giờ
4.1. Một số vấn đề chung về giải quyết tranh chấp đất đai, nhà ở	3			3	6	Độc mục 3.3, 3.5 HLC (1) Độc TLTK (3, 4, 6)
4.1.1. Khái niệm tranh chấp, giải quyết tranh chấp đất đai, nhà ở	1			1	2	
4.1.2. Các loại tranh chấp và nguyên nhân xảy ra tranh chấp đất đai, nhà ở						
4.1.3. Nguyên tắc giải quyết tranh chấp đất đai, nhà ở	2			2	4	
4.1.4. Thẩm quyền giải quyết tranh chấp đất đai, nhà ở						

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
4.1.5. Căn cứ giải quyết tranh chấp đất đai, nhà ở						
4.2. Hoà giải tranh chấp đất đai, nhà ở	2			2	4	Đọc mục 3.4 HLC (1); Đọc TLTK (3, 4, 6)
4.2.1. Khái niệm, ý nghĩa hoà giải	1			1	2	
4.2.2. Nguyên tắc hoạt động hoà giải						
4.2.3. Phạm vi hoà giải và công tác tổ chức hoà giải	1			1	2	
4.2.4. Trình tự hoà giải						
4.3. Trình tự giải quyết tranh chấp đất đai	1	2		3	6	Đọc mục 6.2 HLC (2); Đọc TLTK (3, 4, 6) Giải quyết tình huống tranh chấp đất đai
4.3.1. Nghiên cứu hồ sơ và tổ chức điều tra xác minh						
4.3.2. Mở hội nghị giải quyết, ban hành quyết định giải quyết						
4.3.3. Tổ chức thực hiện quyết định giải quyết tranh chấp và lưu hồ sơ						
Chương 5. GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỔ CÁO VỀ ĐẤT ĐAI, XÂY DỰNG, NHÀ Ở	5	1	1	7	14	Đăng nhập hệ thống học trực tuyến - vào phòng học ảo đúng giờ
5.1. Một số vấn đề chung về khiếu nại, tố cáo	2			2	4	Đọc mục 4.1, 4.2 HLC (2); Đọc TLTK (5)
5.1.1 Khái niệm và đặc điểm của khiếu nại, tố cáo	1			1	2	
5.1.2. Quyền, nghĩa vụ của người tham gia hoạt động khiếu nại, tố cáo và các hành vi bị nghiêm cấm trong lĩnh vực khiếu nại, tố cáo						

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
5.1.3. Thẩm quyền giải quyết khiếu nại, tố cáo 5.1.4. Thủ tục khiếu nại, tố cáo và trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại, tố cáo	1			1	2	
5.2. Giải quyết khiếu nại, tố cáo về đất đai, xây dựng, nhà ở 5.2.1. Các quyết định hành chính, hành vi hành chính trong quản lý đất đai bị khiếu nại 5.2.2. Trình tự giải quyết khiếu nại, tố cáo về đất đai, xây dựng, nhà ở	3 1 2	1		4 1 2	8 2 4	Đọc mục 4.1, 4.2 HLC (2); mục 3.1 HLC (2); Đọc TLTK (5) Giải quyết tình huống khiếu nại, tố cáo
Bài kiểm tra số 2			1	1	2	Ôn tập nội dung chương 3, 4, 5
Tổng cộng	33	10	2	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT KẾT HỢP THỰC HÀNH

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - * Tiếng việt : **Tin học ứng dụng trong quản lý đất đai 1**
 - * Tiếng anh : **Informatics applications in land management 1**
- Mã môn học : QĐĐC2504
- Số tín chỉ : 03
- Hình thức học : Học từ xa theo phương pháp trực tuyến
- Đối tượng học: Sinh viên ngành Quản lý đất đai trình độ đại học hệ vừa làm vừa học
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương ☐		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒					Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☒			
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐		

- Các môn học tiên quyết: Đo đạc địa chính, Pháp luật đất đai, Quy hoạch sử dụng đất, Hệ thống thông tin đất đai.

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động : 45 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết phòng máy : 10 tiết
 - Bài tập : 18 tiết
 - Thực hành : 15 tiết
 - Kiểm tra : 02 tiết
- Thời gian tự học : 90 giờ
- Khoa/Bộ môn phụ trách môn học: Bộ môn công nghệ thông tin trong quản lý đất đai, khoa Quản lý đất đai

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức:
 - + Trình bày được những kiến thức cơ bản về bản đồ số, quy trình thành lập bản đồ số bằng hệ thống phần mềm và các modul chạy trên nền của phần mềm MicroStationSE, TKDesktop thông kê - kiểm kê đất đai.

+ Vận dụng các kiến thức đã học để xác định được các chỉ tiêu loại đất, chỉ tiêu người sử dụng và người được giao quản lý đất, chỉ tiêu theo khu vực, theo đơn vị hành chính phục vụ cho công tác lập bản đồ địa chính, và các loại bản đồ chuyên ngành khác

+ Phân tích được ưu nhược điểm của các phần mềm.

+ Sử dụng được Internet và một số phần mềm chuyên ngành: Famis; Microstation để thành lập bản đồ địa chính và các loại bản đồ chuyên ngành, sử dụng được phần mềm TKDesktop xây dựng bản đồ khoanh vẽ phục vụ thống kê, kiểm kê đất đai.

- Về kỹ năng:

+ Có khả năng vận dụng thành thạo các văn bản pháp quy về quy phạm thành lập bản đồ địa chính, bản đồ hiện trạng sử dụng đất và bản đồ quy hoạch sử dụng đất. Vận dụng được các văn bản pháp luật về thống kê, kiểm kê, quy hoạch sử dụng đất. trong việc xác định các chỉ tiêu để xây dựng bản đồ và thực hiện thống kê, kiểm kê đất đai.

+ Có khả năng xác định được các nội dung và yếu tố của bản đồ địa chính và bản đồ chuyên ngành trong quản lý đất đai

+ Thực hiện được những lệnh cơ bản của phần mềm MicroStationSE và Famis, TK Tool Desktop.

+ Thực hiện liên kết dữ liệu giữa các phần mềm MicroStationSE và Famis, TKDesktop thông kê - kiểm kê đất đai, với các phần mềm khác;

+ Xây dựng được bản đồ địa chính, bản đồ hiện trạng sử dụng đất và các bản đồ chuyên ngành theo yêu cầu.

+ Có kỹ năng làm việc độc lập và theo nhóm: Có khả năng tự thành lập được một tờ bản đồ địa chính hoặc phối hợp với các thành viên khác để thành lập một bản đồ hiện trạng sử dụng đất hoặc bản đồ quy hoạch sử dụng đất.

+ Sử dụng được các thiết bị văn phòng

- *Năng lực tự chủ và trách nhiệm:*

+ Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ về thống kê, kiểm kê đất đai, thành lập bản đồ địa chính và các loại bản đồ chuyên ngành khác.

+ Có khả năng tự xác định mục tiêu công việc, đặc biệt trong công tác thành lập bản đồ, có khả năng phối kết hợp với các thành viên trong nhóm và làm việc được trong nhiều môi trường khác nhau

+ Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ về quản lý đất đai

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

- Một số khái niệm cơ bản về bản đồ số, công cụ thống kê và kiểm kê đất đai
- Các kiến thức căn bản về hệ phần mềm MicroStationSE
- Cách số hóa và biên tập bản đồ và tìm hiểu căn bản về phần mềm Famis

- Thao tác thành thạo trên phần mềm TK Desktop thống kê - kiểm kê đất đai

4. Học liệu điện tử

4.1. Học liệu chính (HLC)

1. Trần Quốc Vinh (2016), *Tin học Ứng dụng vẽ bản đồ*, NXB Nông nghiệp, 2016
2. Bộ Tài nguyên và Môi trường (2012), Tài liệu Hướng dẫn sử dụng phần mềm Microstation và Mapping Office để thành lập bản đồ địa chính, Viện nghiên cứu địa chính.
3. Bộ Tài nguyên và Môi trường (2012), Tài liệu Hướng dẫn sử dụng phần mềm FAMIS để thành lập bản đồ địa chính, Viện nghiên cứu địa chính

4.2. Học liệu bổ trợ (HLBT):

1. Bài giảng Tin học ứng dụng trong quản lý đất đai 1 (năm 2020) - Bộ môn công nghệ thông tin trong quản lý đất đai, khoa Quản lý đất đai, Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.
2. Luật đất đai 2013
3. Nghị định 43/2014/NĐ-CP Quy định thi hành một số điều của Luật đất đai 2013
4. Thông tư 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/06/2014 Quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất.
5. Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014 Quy định về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.
6. Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT – 19/5/2014 Quy định về hồ sơ địa chính.
7. Thông tư số 25/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 Quy định về bản đồ địa chính
8. Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT ngày 14/12/2018 Quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất.
9. Hướng dẫn xây dựng cơ sở dữ liệu chuẩn quốc gia - Tổng cục quản lý đất đai.
10. Bài giảng: Tin học ứng dụng trong quản lý đất đai 1 – Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập của môn học

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☒	Đàm thoại	☒
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☒	Tình huống	☒
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☒	Thu thập số liệu	☒
Phân tích, xử lý số liệu	☒	Trình bày báo cáo khoa học	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuẩn bị các điều kiện học từ xa (máy tính, camera, micro có kết nối mạng Internet)
- Dự lớp
- Tham gia thảo luận nhóm, làm bài tập
- Tham gia kiểm tra, thi kết thúc học phần
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

[illegible]

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến						Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	TH	Tổng cộng		
1.4.2. Đối tượng đồ họa, các thao tác điều khiển màn hình							Trả lời câu hỏi, tự học, tự nghiên cứu, thực hành trên máy
1.4.3. Sử dụng bàn phím, chuột trong MicroStationSE							
1.4.4. Các chế độ bắt điểm trong MicroStation							
1.5. Sử dụng các công cụ trong MicroStation	1,5	1,5		1,5	4,5	9	Đọc chương 1 HLC (1),(2) Trả lời câu hỏi, tự học, tự nghiên cứu, thực hành trên máy
CHƯƠNG 2: THÀNH LẬP BẢN ĐỒ SỐ	3	3	1	3	10	20	- Đăng nhập hệ thống học trực tuyến - vào phòng học ảo đúng giờ
2.1. Thành lập bản đồ số từ số hóa bản đồ	1	1		1	3	6	Đọc chương 1, 2 HLC (1),(2) - Trả lời câu hỏi, -Thu thập tài liệu, số liệu về sử dụng đất của một xã bất kỳ, -Thực hành trên máy
2.1.1. Quét ảnh	0,5	0,5		0,5	1,5	3	
2.1.2. Nắn bản đồ							
2.1.3. Số hoá bản đồ	0,5	0,5		0,5	1,5	3	
2.2. Thành lập bản đồ số từ số liệu đo đạc	1	1		1	3	6	
2.2.1. Nhập số liệu đo đạc	0,5	0,5		0,5	1,5	3	
2.2.2. Nối điểm đo từ số liệu đo đạc	0,5	0,5		0,5	1,5	3	
2.3. Thành lập bản đồ từ bản đồ nền có sẵn	1	1		1	3	6	
2.3.1. Chuẩn hóa đối tượng trên bản đồ	0,5	0,5		0,5	1,5	3	
2.3.2. Cập nhật biến động lên bản đồ	0,5	0,5		0,5	1,5	3	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến						Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	TH	Tổng cộng		
Bài kiểm tra số 1			1,0			2	Trả lời câu hỏi và thao tác thực hành trên máy
CHƯƠNG 3: BIÊN TẬP, CHUẨN HÓA BẢN ĐỒ SỐ	2,0	9		2,5	13,5	27	- Đăng nhập hệ thống học trực tuyến - vào phòng học ảo đúng giờ
3.1. Sửa lỗi, gán thông tin thuộc tính ban đầu	0,5	2		0,5	3,0	6	Đọc chương 3 t HLC (1),(2) Trả lời câu hỏi, thực hành trên máy
3.2. Biên tập và chuẩn hóa dữ liệu đồ họa	0,5	3		0,5	4	8	Đọc chương 3 HLC (1),(2) Trả lời câu hỏi, thực hành trên máy
3.3. Biên tập các đối tượng văn hóa, kinh tế và xã hội	0,5	3		0,5	4	8	Đọc chương 3 HLC (1),(2) Trả lời câu hỏi, thực hành trên máy
3.4. Vẽ nhãn, tô màu (nhãn địa chính, nhãn hiện trạng - quy hoạch, kiểm kê - thông kê)	0,5	1		0,5	2	4	Đọc chương 3 HLC (1),(2) Trả lời câu hỏi, tự học, tự nghiên cứu, thực hành trên máy
3.5. Vẽ khung bản đồ số				0,5	0,5	1	
CHƯƠNG 4: MỘT SỐ ỨNG DỤNG TRONG QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI	2	3,5	1	6,5	13	26	- Đăng nhập hệ thống học trực tuyến - vào phòng học ảo đúng giờ
4.1. Trích lục hồ sơ thửa đất, biên tập hồ sơ	0,5	1		0,5	2	4	Đọc chương 4 HLC (1),(2) thực hành trên máy
4.2. Bản đồ quy hoạch sử dụng đất							

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến						Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	TH	Tổng cộng		
4.3. Chuyển bản đồ khoanh đất vào TKDesktop (kiểm kê - thống kê đất đai)	1	1		0,5	2,5	5	Trả lời câu hỏi, thực hành trên máy
4.4. Lưu trữ và in ấn bản đồ số	0,5	0,5		0,5	1,5	3	Đọc chương 4 HLC (1),(2) Trả lời câu hỏi, , thực hành trên máy
Bài kiểm tra số 2			1		1	2	Trả lời câu hỏi và thao tác thực hành trên máy
4.5. Bài tập		1		5	6	12	Nghiên cứu số liệu, tài liệu, tự học và thực hành trên máy
4.5.1. Hoàn thành lập bản đồ địa chính từ số liệu đo đạc		1		1	2	4	
4.5.2. Hoàn thành bản đồ hiện trạng, bản đồ quy hoạch sử dụng đất				2	2	4	Nghiên cứu số liệu, tài liệu, tự học và thực hành trên máy.
4.5.3. Hoàn thành bản đồ khoanh đất phục vụ kiểm kê - thống kê đất đai				2	2	4	Làm việc nhóm để cùng kết hợp số liệu, bản đồ với các thành viên trong nhóm
Tổng	10	18	2	15	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT KẾT HỢP THỰC HÀNH

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt : **Tin học ứng dụng trong quản lý đất đai 2**
 - Tiếng Anh : **Informatics applications in land management 2**
- Mã học phần : QĐĐC2505
- Số tín chỉ : 03
- Hình thức học : Học từ xa theo phương pháp trực tuyến
- Đối tượng học: Sinh viên ngành Quản lý đất đai trình độ đại học hệ vừa làm vừa học
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành ☒		
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc ☒	Tự chọn □	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Tin học ứng dụng trong quản lý đất đai 1
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động : 45 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết : 28 tiết
 - Thực hành, hoạt động nhóm : 15 tiết
 - Kiểm tra: : 02 tiết
 - Thời gian tự học : 90 giờ

- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn công nghệ thông tin trong Quản lý đất đai,
Khoa Quản lý đất đai

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Kiến thức*

+ Trình bày được các chức năng công cụ và các khái niệm cơ bản của phần mềm ViLIS, phát biểu lại được chức năng và cách sử dụng các phân hệ phần mềm ViLIS trong kê khai đăng ký, cấp GCN và thực hiện biến động sử dụng đất.

+ Vận dụng các kiến thức đã học để xác định được các trường hợp đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, biến động đất đai, chỉnh lý hồ sơ địa chính.

+ Phân tích được ưu nhược điểm của các phần mềm.

+ Sử dụng được Internet và phần mềm chuyên ngành VILIS

- *Về kỹ năng:*

+ Có khả năng vận dụng thành thạo các văn bản pháp quy về đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, biến động đất đai, chỉnh lý hồ sơ địa chính.

+ Có khả năng xác định được các nội dung ghi trong hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, nội dung hồ sơ đăng ký biến động đất đai, lập được các văn bản pháp lý phục vụ cho việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, và đăng ký biến động đất đai

+ Thực hiện thành thạo các thao tác trên phần mềm VILIS phục vụ việc đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, đăng ký biến động đất đai.

+ Có kỹ năng làm việc độc lập và theo nhóm: Có khả năng tự giả định các phương án làm việc, kết hợp với các thành viên làm bài tập nhóm xây dựng hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu địa chính cho địa phương.

+ Sử dụng được các thiết bị văn phòng

- *Năng lực tự chủ và trách nhiệm:*

+ Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ về áp dụng công nghệ thông tin trong việc đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, đăng ký biến động đất đai.

+ Có khả năng tự xác định mục tiêu công việc, đặc biệt trong việc sử dụng phần mềm đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, đăng ký biến động đất đai.

+ Có khả năng phối kết hợp với các thành viên trong nhóm và làm việc được trong nhiều môi trường khác nhau.

+ Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ về quản lý đất đai

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần cung cấp cho sinh viên cách cài đặt phần mềm và thiết lập hệ thống VILIS 2.0. Trên cơ sở đó sinh viên được hướng dẫn cách kê khai đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, thực hiện công tác đăng ký biến động đất đai, lập được các văn bản pháp lý phục vụ cho việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, và đăng ký biến động đất đai, lập hồ sơ địa chính trên phần mềm VILIS 2.0.

4. Học liệu điện tử

4.1. Học liệu chính (HLC)

1. Thái Thị Quỳnh Như, Th.S. Vũ Lệ Hà, 2013, *Giáo trình đăng ký và thống kê đất đai*, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

2. Trung tâm ứng dụng và phát triển công nghệ địa chính, 2012, *Hướng dẫn cài đặt hệ thống*, Tổng cục quản lý đất đai

3. Trung tâm ứng dụng và phát triển công nghệ địa chính, 2012, *Đăng ký đất đai GIS, LIS – Phân hệ kê khai đăng ký*, Tổng cục Quản lý Đất đai.

4.2. Học liệu bổ trợ (HLBT)

1. Bài giảng Tin học ứng dụng trong quản lý đất đai 2 (năm 2020) - Bộ môn công nghệ thông tin trong quản lý đất đai, khoa Quản lý đất đai, Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

2. Việt Nam (CHXHCN), 2015, *Luật Đất đai năm 2013*, NXB Lao động

3. Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ *quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai*.

4. Thông tư 23/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014 *Quy định về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất*.

5. Nghị định số 21/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ *quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường*.

6. Thông tư 28/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 06 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường *quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất*.

7. Trung tâm ứng dụng và phát triển công nghệ địa chính, *Hướng dẫn quản trị cơ sở dữ liệu, quản trị người dùng*, Tổng cục quản lý đất đai.

8. Thông tư 25/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 05 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường *quy định về bản đồ địa chính*.

9. Thông tư 25/2014/TT-BTNMT ngày 21 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường *quy định về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất*.

10. Thông tư 17/2009/TT-BTNMT ngày 21 tháng 10 năm 2009 *quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất*.

11. Hướng dẫn xây dựng cơ sở dữ liệu chuẩn quốc gia - Tổng cục quản lý đất đai

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☒	Đàm thoại	☒
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☒	Tình huống	☒
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☒	Thu thập số liệu	☒
Phân tích, xử lý số liệu	☒	Trình bày báo cáo khoa học	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuẩn bị các điều kiện học từ xa (máy tính, camera, micro có kết nối mạng Internet)
- Dự lớp
- Tham gia thảo luận nhóm, làm bài tập
- Tham gia kiểm tra, thi kết thúc học phần
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70% và tham dự đầy đủ các bài thực hành.

7. Thang điểm đánh giá

Thang điểm 10, quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 để phục vụ cho việc xếp loại trung bình học kỳ, trung bình tích lũy và xét học vụ.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Kiểm tra – đánh giá điểm quá trình Trọng số 40%

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1.

- Hình thức đánh giá:

Tự luận	☐	Trắc nghiệm	☐	Vấn đáp	☒
Bài tập lớn	☐	Thực hành	☒	Khác	☐

8.2. Kiểm tra – đánh giá cuối kỳ: trọng số 60%.

- Tổ chức kiểm tra, đánh giá theo hình thức trực tiếp tại Trường hoặc tại các cơ sở khác
- Hình thức thi:

Tự luận ☐ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☒

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến						Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					Tự học	
	LT	BT	LT, KT	TH	Tổng cộng		
(2)	(3)	(4)	(5)	(6)			(8)
CHƯƠNG 1: GIỚI THIỆU MÔN HỌC, CÀI ĐẶT, THIẾT LẬP HỆ THỐNG VÀ PHÂN QUYỀN NGƯỜI SỬ DỤNG TRONG	4,0	3,0		2,5	9,5	19	- Đăng nhập hệ thống học trực tuyến - vào phòng học ảo đúng giờ

[illegible]

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến						Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					Tự học	
	LT	BT	LT, KT	TH	Tổng cộng		
(2)	(3)	(4)	(5)	(6)			(8)
1.6 Một số tiện ích trong ViLIS	0,5	0,5		0,5	1,5	3	
1.6.1 Đồng bộ dữ liệu	0,5	0,5		0,5	1,5	3	
1.6.2 Khởi tạo cơ sở dữ liệu biến động							
CHƯƠNG 2: THỰC HIỆN KÊ KHAI ĐĂNG KÝ VÀ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN	6	4.0	1	8.0	19	38	- Đăng nhập hệ thống học trực tuyến - vào phòng học ảo đúng giờ Đọc TL(1) trang 1-18, đọc TLTK(8) Thực hành trên máy Tạo tình huống và thu thập dữ liệu
2.1 Nhập thông tin kê khai đăng ký	1,5	1.0		0,5	3	6	
2.1.1 Nhập đăng ký chủ sử dụng/sở hữu	0,5	0,5		0,5	3	6	
2.1.2 Nhập đăng ký thông tin thửa đất	0,5	0,5					
2.1.3 Nhập đăng ký thông tin nhà	0,5						
2.2 Các trường hợp kê khai đăng ký	2,5	1.0		4.0	7,5	15	Đọc TL(1) trang 19-31, đọc TLTK(8) Đọc TL(2) Trang (9-35) Tạo tình huống và thu thập dữ liệu Thực hành trên máy
2.2.1 Đăng ký chủ - thửa	1.5	0,5		2.0	4	8	
a. Trường hợp Một chủ - Một thửa	0,5	0,5		2.0	4	8	
b. Trường hợp Một chủ - Nhiều thửa	0,5						
c. Trường hợp Nhiều chủ - Một thửa	0,5						
2.2.2 Đăng ký Chủ - Thửa – Nhà	1.0	0,5		2.0	3,5	7	
a. Trường hợp Một chủ - Một thửa – Một nhà	0,5	0,5		1.0	3,5	7	
b. Trường hợp Nhiều chủ - Một thửa – Một nhà							
c. Đăng ký Chủ - Nhà hộ gia đình, cá nhân (sở hữu tài sản trên đất thuê)	0,5			1.0			
d. Đăng ký sở hữu căn hộ chung cư							
2.3 Lấy sơ đồ thửa đất, hồ sơ nhà	0,5	0,5		1.0	2	4	
2.3.1 Lấy sơ đồ từ cơ sở dữ liệu bản	0,5	0,5		1.0	2	4	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến						Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					Tự học	
	LT	BT	LT, KT	TH	Tổng cộng		
(2)	(3)	(4)	(5)	(6)			(8)
đồ							Đọc TL(1) trang 31-37, đọc TLTK(8) Thực hành trên máy
2.3.2 Lấy HSKT từ file định dạng CAD/DGN							
2.3.3 Lấy sơ đồ từ bản vẽ nhà đất							
2.4 Biên tập giấy chứng nhận	0,5	0,5		1.0	2	4	Đọc TL(1) trang 38-40, đọc TLTK(8) Thực hành trên máy
2.4.1 Biên tập giấy chứng nhận							
2.4.2 Sử dụng các tiện tích trong in GCN							
2.5 Biên tập các giấy tờ liên quan	0,5	0,5		1.0	2	4	Đọc TL (1) trang 40-43, đọc TL TK (8) Thực hành trên máy
2.5.1 Quyết định, Tờ trình	0,5	0,5		1.0	2	4	
2.5.2 Phiếu chuyển thuế, thông báo							
2.6 Quản lý kê khai đăng ký	0,5	0,5		0,5	1,5	3	Đọc TL(1) trang 44-55, đọc TLTK(8) Thực hành trên máy
2.6.1 Quản lý đợt đăng ký	0,5	0,5		0,5	1,5	3	
2.6.2 Quản lý số hiệu GCN							
2.6.3 Thống kê tình hình cấp GCN							
Bài kiểm tra số 1			1.0			2	
CHƯƠNG 3: THỰC HIỆN BIẾN ĐỘNG VÀ QUẢN LÝ BIẾN ĐỘNG	4	3,5		3,5	11	22	- Đăng nhập hệ thống học trực tuyến - vào phòng học ảo đúng giờ
3.1 Biến động giao dịch bảo đảm	0,5	0,5		0,5	1,5	3	Đọc TL(1) trang 58-73, đọc TLTK(8)
3.2 Đăng ký biến động chuyển quyền sử dụng đất và sở hữu nhà và tài sản khác	1.0	0,5		0,5	2	4	Đọc TL(3) trang (4-52)
3.2.1 Chuyển quyền trọn GCN	0,5	0,5		0,5	2	4	Thực hành trên máy Thảo luận nhóm Tạo tình huống và thu thập dữ liệu
3.2.2 Chuyển quyền một phần GCN							
3.2.3 Chuyển quyền có tách, gộp thửa							
3.3 Quản lý biến động số thửa	0,5	0,5		0,5	1,5	3	Đọc TL(3) trang (58-88), đọc TLTK(8) Thực hành trên máy
3.3.1 Khởi tạo kho số thửa	0,5	0,5		0,5	1,5	3	
3.3.2 Phân quyền cấp số thửa							
3.4 Tách thửa	0,5	0,5		0,5	1,5	3	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến						Yêu cầu đối với sinh viên	
	Lên lớp (Tiết)					Tự học		
	LT	BT	LT, KT	TH	Tổng cộng			
(2)	(3)	(4)	(5)	(6)			(8)	
3.4.1 Tách thửa bản đồ	0,5	5,5		0,5	1,5	3	Đọc TL(3) trang 88 - 100, đọc TL(1) trang 95-100, đọc TLTK(8) Thực hành trên máy Thảo luận nhóm Tạo tình huống và thu thập dữ liệu	
3.4.2 Tách thửa hồ sơ								
3.5 Hợp thửa	0,5	0,5		0,5	1,5	3		
3.5.1 Hợp thửa hồ sơ								
3.5.2 Hợp thửa bản đồ								
3.6 Cấp đổi, cấp lại GCN QSD đất	0,5	0,5		0,5	1,5	3		
3.7 Cấp đổi, cấp lại GCN QSD đất								
3.8 Đính chính thông tin giấy chứng nhận								
3.9 Hạn chế giấy chứng nhận và gỡ hạn chế GCN	0,5	0,5		0,5	1,5	3		
3.10 Chinh lý thông tin Chủ, Thửa và thông tin Tài sản								
3.11 Chuyển mục đích sử dụng								
3.12 Bổ sung tài sản								
3.13 Quản lý ngăn chặn								
CHƯƠNG 4: THIẾT LẬP VÀ QUẢN LÝ HỒ SƠ QUÉT	1	2,5	1	1	5,5	11	- Đăng nhập hệ thống học trực tuyến - vào phòng học ảo đúng giờ	
4.1 Tổng quát phân hệ hồ sơ quét	0,5	0,5		0,5	2,5	5	Đọc TL(1) trang 101-120, đọc TLTK(8) Thực hành trên máy	
4.2 Cài đặt máy chủ hồ sơ quét								
4.3 Thiết lập cấu hình cho máy chủ hồ sơ quét	0,5			0,5				0,5
4.4 Nhập dữ liệu hồ sơ quét								
Bài tập lớn tổng hợp		2				4	Tự nghiên cứu tài liệu, số liệu, thiết lập tình huống, thao tác trên máy	
Bài kiểm tra số 2			1			2	Trả lời câu hỏi phát vấn và thực hành trên máy	
Tổng	15	13	2	15	45	90		

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL,KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN THỰC HÀNH, THỰC TẬP

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:

- Tiếng Việt : **Thực tập Trắc địa cơ sở**
- Tiếng Anh : **Practice of Elementary Surveying**

- Mã học phần : TBTĐ2553

- Số tín chỉ : 02

- Hình thức học : Học trực tiếp

- Đối tượng học: Sinh viên ngành Quản lý đất đai trình độ đại học hệ vừa làm vừa học

- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒					Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành ☒			
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc ☒	Tự chọn □		

- Các học phần tiên quyết/ học trước: Toán cao cấp, Trắc địa cơ sở.

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động thực tập : 15 ngày (03 tuần)

- Thời gian tự học : 60 giờ

- Khoa/Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Trắc địa cơ sở, Khoa Trắc địa, Bản đồ và Thông tin địa lý

2. Mục tiêu của học phần:

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:*

+ Trình bày được trình tự các bước thành lập lưới khống chế mặt bằng và độ cao phục vụ công tác đo vẽ thành lập bản đồ địa chính.

+ Nêu được trình tự và thao tác đo góc bằng theo phương pháp đo góc đơn giản, đo góc toàn vòng, đo thủy chuẩn hạng IV và đo thủy chuẩn kỹ thuật.

- *Về kỹ năng:*

+ Thiết kế, chọn và đánh dấu được các điểm của lưới khống chế địa hình.

+ Đo được góc bằng, biết ghi sổ và tính toán.

- + Đo được cạnh, ghi sổ, tính toán.
- + Đo được chênh cao, chiều dài tuyến thủy chuẩn đáp ứng được yêu cầu thủy chuẩn hạng IV và thủy chuẩn kỹ thuật; Biết ghi sổ và tính toán.
- + Xử lý được số liệu lưới mặt bằng và độ cao.
- *Năng lực tự chủ và trách nhiệm*
- + Có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau;
- + Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ về trắc địa;
- + Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ trong công tác trắc địa và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật;
- + Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ về trắc địa.

3. Tóm tắt nội dung học phần:

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

- Phổ biến mục đích, yêu cầu, nội quy, quy chế của đợt thực tập.
- Phổ biến quy định về an toàn lao động.
- Phân công nhiệm vụ cho cá nhân, tổ, lớp.
- Phổ biến quy trình, quy phạm.
- Hướng dẫn thiết kế lưới đường chuyền giải tích 2, lưới đường chuyền kinh vĩ 1.
- Tổ chức chọn điểm, chôn mốc mạng lưới ngoài thực địa.
- Đo góc, đo cạnh và tính toán bình sai lưới khống chế mặt bằng.
- Đo thủy chuẩn hạng IV với giải tích 2 và đo thủy chuẩn kỹ thuật với lưới đường chuyền kinh vĩ 1. Bình sai lưới khống chế độ cao.
- Kiểm tra nghiệm thu, giao nộp thành quả.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. TS. Nguyễn Xuân Bắc, TS. Bùi Thị Hồng Thắm (2014), *Thực tập trắc địa cơ sở*, Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.
2. PGS. TS. Phạm Văn Chuyên (2008), *Hướng dẫn thực hành Trắc địa đại cương*, NXB Giao thông vận tải.
3. Nguyễn Trọng San - Đào Quang Hiếu - Đinh Công Hòa (2004), *Trắc địa cơ sở - Tập 1*, NXB Giao thông vận tải.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Nguyễn Bá Dũng (2013), *Trắc địa cơ sở 1*, Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☒	Đàm thoại	☒
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☒	Tình huống	☒
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☒	Thu thập số liệu	☒
Phân tích, xử lý số liệu	☒	Trình bày báo cáo khoa học	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- *Nhiệm vụ tổ:*

+ Mỗi tổ thực tập tự thiết kế lưới khống chế giải tích và lưới khống chế đo vẽ sao cho mật độ điểm thỏa mãn đo vẽ chi tiết bản đồ địa chính tỷ lệ 1: 500 bằng máy toàn đạc điện tử.

+ Cả tổ bố trí một lưới mặt bằng và lưới độ cao sao cho: Mỗi sinh viên trong tổ ít nhất phải đo, ghi sổ một trạm đo góc bằng và hai đoạn đo thủy chuẩn.

- *Nhiệm vụ cá nhân:*

- + Chấp hành thời gian thực tập đầy đủ trên 70%
- + Tham gia đầy đủ, hoàn thành và đạt hạn sai các nội dung thực tập.
- + Chủ động công việc, sử dụng thành thạo máy và dụng cụ thực tập
- + Bảo vệ tốt các trang thiết bị của Nhà trường
- + Rèn luyện kỷ luật làm việc theo nhóm
- + Mỗi sinh viên thực hiện đo ít nhất 1 trạm đo góc và bình sai lưới giải tích II và kinh vĩ 1.

+ Mỗi sinh viên thực hiện đo 2 đoạn đo chênh cao với ít nhất 4 trạm máy và bình sai lưới thủy chuẩn.

- *Thành quả giao nộp:*

- + Sổ đo góc bằng và sổ đo thủy chuẩn.
- + Sơ đồ lưới khống chế khu vực: Sơ đồ thiết kế sơ bộ và thiết kế chính thức
- + Bảng kiểm nghiệm máy và dụng cụ đo.
- + Sổ liệu đo đạc.
- + Thành quả tính toán bình sai lưới khống chế mặt bằng và lưới khống chế độ cao.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%, tham gia đầy đủ các bài thực hành.

7. Thang điểm đánh giá

- Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

- Tiêu chí đánh giá các bài thực tập: Sinh viên hoàn thành số liệu đo góc bằng, đo khoảng cách, đo chênh cao, tính toán bình sai được lưới khống chế mặt bằng và độ cao.

8. Phương pháp đánh giá kết quả học tập

Tổ chức kiểm tra, đánh giá theo hình thức trực tiếp tại Trường hoặc tại các cơ sở khác

Điểm tổng kết học phần là trung bình cộng của điểm các bài theo trọng số, cụ thể:

Bài/Phần/Nội dung	Bài 1: Mỗi sinh viên thực hành trên máy: đo, ghi số tại 1 trạm đo góc bằng (phương pháp đo góc đơn giản hoặc toàn vòng) hoặc 1 tuyến thủy chuẩn hạng IV (kỹ thuật).	Bài 2: Mỗi sinh viên làm bài bình sai 1 tuyến thủy chuẩn phù hợp (khép kín) và 1 đường chuyền kinh vĩ phù hợp (khép kín)
Hệ số	50%	50%

- Hình thức đánh giá:

Tự luận ☐ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☐
 Bài tập lớn ☒ Thực hành ☐ Khác ☒

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Thời gian thực tập (ngày)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
(1)	(2)	(3)	(4)
PHẦN 1. YÊU CẦU CHUNG	0.5	2	
1.1. Mục đích, yêu cầu của đợt thực tập	0.25	1	Ghi chép theo hướng dẫn của GVHD và CB phòng máy
1.2. Quy định về quy trình, quy phạm và an toàn lao động	0.25	1	
PHẦN 2. NHẬN THIẾT BỊ ĐO VÀ KIỂM NGHIỆM, HIỆU CHỈNH	2.5	10	
2.1. Nhận và kiểm tra tình trạng thiết bị đo	0.5	2	Nhận, kiểm tra máy móc, dụng cụ đo theo đúng quy định của phòng máy, sử dụng và bảo quản theo hướng dẫn của giảng viên phụ trách.
2.2. Thao tác cơ bản tại một trạm đo góc 2.2.1 Định tâm cân bằng máy 2.2.2 Đo ngắm chuẩn mục tiêu 2.2.3 Đọc số trên bàn độ ngang	0.5	2	Đọc TLC (1) chương 1

Nội dung	Thời gian thực tập (ngày)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
(1)	(2)	(3)	(4)
2.3. Thao tác cơ bản tại một trạm đo thủy chuẩn 2.3.1 Cân bằng máy 2.3.2 Đo ngắm mĩa 2.3.3 Đọc số	0.5	2	Đọc TLC (3) về thao tác cơ bản tại một trạm đo thủy chuẩn
2.4. Kiểm nghiệm và hiệu chỉnh các thiết bị đo 2.4.1 Kiểm nghiệm sai số 2C máy kinh vĩ. 2.4.2 Kiểm nghiệm sai số MO máy kinh vĩ. 2.4.3 Kiểm nghiệm sai số góc i. 2.4.4 Kiểm nghiệm hằng số K của mĩa.	1	4	Đọc TLC (1) chương 1 - Kiểm nghiệm máy kinh vĩ: sai số 2C, sai số MO. - Kiểm nghiệm máy thủy chuẩn: Sai số góc "i", hằng số K của mĩa.
PHẦN 3. THIẾT KẾ, ĐO ĐẶC LƯỚI KHÔNG CHẾ MẶT BẰNG VÀ ĐỘ CAO	9	36	
3.1. Thiết kế lưới trên nền bản đồ địa hình	0.5	2	Đọc TLC (1) chương 2
3.2. Khảo sát, chọn điểm, chôn mốc lưới đường chuyền cấp 2 và lưới đường chuyền kinh vĩ	0.5	2	- Chuẩn bị dụng cụ: cọc gỗ, tiêu đo. - Đọc TLC (1) chương 2
3.3. Đo góc, đo cạnh của lưới đường chuyền cấp 2 và lưới đường chuyền kinh vĩ	4	16	Đọc TLC (3) chương 3 Đo và ghi sổ theo nhóm theo sự hướng dẫn của giảng viên phụ trách.
3.4. Đo thủy chuẩn hạng IV và thủy chuẩn kỹ thuật	3	12	Đọc TLC (3) chương 3 Đo và ghi sổ theo nhóm theo sự hướng dẫn của giảng viên phụ trách.
Kiểm tra	1	4	
PHẦN 4. XỬ LÝ SỐ LIỆU ĐO	3	12	
4.1. Bình sai lưới không chế mặt bằng	1	4	Đọc TLC (1) chương 3 Mỗi cá nhân trong nhóm hoàn thành bài bình sai theo số liệu đã đo.

Nội dung	Thời gian thực tập (ngày)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
(1)	(2)	(3)	(4)
4.2. Bình sai lưới không chế độ cao	1	4	Đọc TLC (1) chương 3 Mỗi cá nhân trong nhóm hoàn thành bài bình sai theo số liệu đã đo.
4.3. Kiểm tra và trả các thiết bị đo	0.5	2	Kiểm tra máy móc, dụng cụ đo
Kiểm tra	0.5	2	
Cộng	15	60	

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN THỰC HÀNH, THỰC TẬP

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt : **Thực tập Đo đạc địa chính**
 - Tiếng Anh : **Practice of cadastral surveying**
- Mã học phần : TBTĐ2554
- Số tín chỉ : 03
- Hình thức học : Học trực tiếp
- Đối tượng học: Sinh viên ngành Quản lý đất đai trình độ đại học hệ vừa làm vừa học
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒					Thực tập và khóa luận tốt nghệp □
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành ☒			
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc ☒	Tự chọn □		

- Các học phần tiên quyết/ học trước: Trắc địa cơ sở, Bản đồ, Tin học ứng dụng
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động thực tập: 20 ngày (4 tuần)
- Thời gian tự học: 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Trắc địa cơ sở; Khoa Trắc địa, Bản đồ và Thông tin địa lý

2. Mục tiêu của học phần:

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức:
 - + Liệt kê được trình tự các bước thành lập lưới khống chế mặt bằng phục vụ công tác đo vẽ thành lập bản đồ địa chính;
 - + Phân tích được quy trình công nghệ thành lập bản đồ địa chính bằng phương pháp đo vẽ trực tiếp;
 - + Trình bày và thao tác được các bước đo góc bằng theo phương pháp đo góc đơn giản, đo góc toàn vòng;
 - + Thiết kế và xây dựng được lưới khống chế đo vẽ;
 - + Trình bày và thao tác được các bước trong phương pháp giao hội điểm;

+ Trình bày thao tác đo vẽ chi tiết và biên tập bản đồ địa chính tỷ lệ 1: 500 bằng công nghệ số;

- *Về kỹ năng:*

+ Thiết kế, chọn và đánh dấu được các điểm của lưới khống chế đo vẽ;

+ Đo và xử lý số liệu của lưới địa chính và lưới khống chế đo vẽ;

+ Thực hiện được đo vẽ chi tiết và biên tập hoàn chỉnh 01 mảnh bản đồ địa chính tỷ lệ 1: 500 bằng công nghệ số.

- *Năng lực tự chủ và trách nhiệm*

+ Có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau;

+ Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ về đo đạc trắc địa và quản lý đất đai;

+ Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ trong công tác địa chính, quản lý đất đai và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật;

+ Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ về địa chính.

3. Tóm tắt nội dung môn học:

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

- Phổ biến mục đích, yêu cầu, nội quy, quy chế của đợt thực tập; Phổ biến quy định về an toàn lao động; Phân công nhiệm vụ cho cá nhân, tổ, lớp; Phổ biến quy trình, quy phạm; Hướng dẫn thiết kế lưới khống chế đo vẽ; Tổ chức chọn điểm, chôn mốc mạng lưới ngoài thực địa; Đo góc, đo cạnh và tính toán bình sai lưới khống chế mặt bằng; Đo vẽ chi tiết địa vật; Biên tập 01 bản đồ số bản đồ địa chính tỷ lệ 1: 500; Kiểm tra nghiệm thu, giao nộp thành quả.

4. Tài liệu học tập

4.1 Tài liệu chính (TLC)

1. Nguyễn Bá Dũng, Đỗ Văn Dương, Đoàn Xuân Hùng, 2016, *Thực tập đo vẽ bản đồ địa hình, địa chính*, Đại học Tài nguyên và Môi trường.
2. Nguyễn Trọng San, 2005, *Đo đạc địa chính*, Đại học Mỏ - Địa chất.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Nguyễn Trọng San - Đào Quang Hiếu - Đinh Công Hòa (2004), *Trắc địa cơ sở 1,2*, NXB Giao thông vận tải.
2. Quy phạm đo vẽ bản đồ địa hình 1: 500; 1: 1000; 1: 2000; 1: 5000 (Phần ngoài trời): Cục đo đạc và Bản đồ Nhà nước TCN 43-90, xuất bản năm 1990
3. Thông tư 25 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Số: 25/2014/TT-BTNMT

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập của học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☒	Đàm thoại	☒
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☒	Tình huống	☒
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☒	Thu thập số liệu	☒
Phân tích, xử lý số liệu	☒	Trình bày báo cáo khoa học	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- *Nhiệm vụ tổ:*

+ Mỗi tổ thực tập tự thiết kế lưới khống chế đo vẽ sao cho mật độ điểm thỏa mãn đo vẽ chi tiết bản đồ, bản đồ địa chính tỷ lệ 1: 500 bằng máy toàn đạc điện tử đạt các tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành;

+ Cả tổ bố trí một lưới mặt bằng : Mỗi sinh viên trong tổ ít nhất phải đo, ghi sổ một trạm đo góc bằng.

+ Thành lập bản đồ địa chính tỷ lệ 1:500: Mỗi sinh viên trong tổ đo ít nhất 1 trạm đo chi tiết

- *Nhiệm vụ cá nhân:*

+ Chấp hành thời gian thực tập đầy đủ trên 70%;

+ Tham gia đầy đủ, hoàn thành và đạt hạn sai các nội dung thực tập;

+ Chủ động công việc, sử dụng thành thạo máy và dụng cụ thực tập;

+ Bảo vệ tốt các trang thiết bị của Nhà trường; Rèn luyện kỷ luật làm việc theo nhóm;

+ Mỗi sinh viên thực hiện đo ít nhất 01 trạm đo góc bằng và bình sai lưới khống chế đo vẽ;

+ Mỗi sinh viên thực hiện ít nhất 01 trạm đo chi tiết điểm địa vật và điểm địa hình; triển điểm chi tiết lên bản đồ gốc.

- *Thành quả giao nộp:*

+ Sổ đo góc bằng ; Sơ đồ lưới khống chế;

+ Bảng kiểm nghiệm máy và dụng cụ đo; Số liệu đo đạc lưới;

+ Thành quả tính toán bình sai lưới khống chế đo vẽ;

+ Số liệu đo chi tiết điểm địa vật, điểm địa hình;

+ In và giao nộp 01 mảnh bản đồ địa chính tỷ lệ 1:500 biên tập hoàn chỉnh bằng công nghệ số;

+ 01 đĩa CD lưu thành quả thực tập.

- *Điều kiện dự thi kết thúc học phần:* Số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%, tham gia đầy đủ các bài thực hành.

7. Thang điểm đánh giá

- Đánh giá theo thang điểm 10, quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

- Tiêu chí đánh giá các bài thực tập: Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

- Tiêu chí đánh giá các bài thực tập:

+ Đo, tính góc bằng; Tính toán bình sai.

+ Đo vẽ chi tiết, thu thập thông tin thửa đất, thành lập bản đồ địa chính.

8. Phương pháp đánh giá kết quả học tập học phần

Tổ chức kiểm tra, đánh giá theo hình thức trực tiếp tại Trường hoặc tại các cơ sở khác.

Điểm tổng kết học phần là trung bình cộng của điểm kiểm tra thực tập theo trọng số, cụ thể:

Bài/Phần/Nội dung	Bài 1	Bài 2
Trọng số	50%	50%

Hình thức đánh giá:

Tự luận ☐ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☒ Thực hành ☐ Khác ☒

9. Nội dung chi tiết môn học và phân bổ thời gian

Nội dung	Thời gian thực tập (ngày)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
(1)	(2)	(3)	(4)
PHẦN 1: CƠ SỞ LÝ THUYẾT	1	4,5	
1.1 Mục đích, yêu cầu của đợt thực tập, chia tổ			Đọc TLC (1). Làm việc theo nhóm.
1.2 Quy trình, quy phạm, an toàn lao động			
PHẦN 2: NHẬN THIẾT BỊ, KIỂM NGHIỆM VÀ HIỆU CHỈNH	1	4,5	
2.1 Nhận thiết bị đo và kiểm tra sơ bộ			Đọc TLC (1). Nhận máy đo và các thiết bị liên quan. Kiểm tra sơ bộ các thiết bị.
2.2 Kiểm nghiệm và hiệu chỉnh máy			
PHẦN 3: THIẾT KẾ ĐO LƯỚI KHÔNG CHẾ, ĐO VẼ CHI TIẾT	13	58,5	
3.1 Khảo sát, chọn điểm, chôn mốc lưới khống chế đo vẽ	0,5	2,25	Đọc TLC (1). Làm việc theo nhóm. Thực hành chọn điểm chôn mốc, đo lưới khống chế đảm bảo đúng quy định quy phạm và bảo quản máy đo.
3.2 Đo góc, cạnh lưới khống chế đo vẽ	4	18	
3.3 Tính toán bình sai lưới	1	4,5	Đọc TLC (1). Làm việc theo nhóm. Chuẩn bị máy tính, phần mềm bình sai lưới

Nội dung	Thời gian thực tập (ngày)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
(1)	(2)	(3)	(4)
3.4 Đo và xử lý số liệu chi tiết	7	31,5	Đọc TLC (1). Làm việc theo nhóm. Đo chi tiết đảm bảo đúng quy định và bảo quản máy đo. Chuẩn bị máy tính, phần mềm xử lý số liệu chi tiết
Kiểm tra	0,5	2,25	
PHẦN 4: NỘI NGHIỆP	5	22,5	
4.1 Biên tập bản đồ địa chính số	3	13,5	Đọc TLC (1), TLĐT. Làm việc theo nhóm. Chuẩn bị máy tính, phần mềm và biên tập bản đồ đúng quy định. Bảo quản máy đo.
4.2 Kiểm tra nghiệm thu	0,5	2,25	Đọc TLC (1), TLĐT. Làm việc theo nhóm. Chuẩn bị máy tính, phần mềm. Kết quả bản đồ số và bản đồ giấy. Bảo quản máy đo.
4.3 Sửa chữa giao nộp sản phẩm	1	4,5	Đọc TLC (1), TLĐT. Làm việc theo nhóm. Sửa chữa sản phẩm nếu có. Giao nộp 01 BDDC giấy. Ghi và nộp 01 đĩa CD ghi số liệu lưới, số liệu đo chi tiết và sản phẩm bản đồ. Giao trả trang thiết bị đo đạc.
Kiểm tra	0,5	2,25	
Tổng	20	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL,KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN THỰC HÀNH, THỰC TẬP

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:

▪ Tiếng Việt : **Thực tập Đăng ký thống kê đất đai**

▪ Tiếng Anh : **Practice of Land Registration and Statistic**

- Mã học phần : QĐQN2507

- Số tín chỉ : 03

- Hình thức học : Học trực tiếp

- Đối tượng học: Sinh viên ngành Quản lý đất đai trình độ đại học hệ vừa làm vừa học

- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương ☐		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☒		
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	

- Các học phần tiên quyết/học trước : Đăng ký đất đai

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động : 3 tín chỉ - 20 ngày (4 tuần)

- Thời gian tự học : 90 giờ

- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản lý đất đai và bất động sản, Khoa Quản lý đất đai.

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức:

+ Phân biệt được các trường hợp đăng ký đất đai lần đầu, đăng ký biến động đất đai; các trường hợp đủ điều kiện và không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận; Nhận diện, so sánh được các loại tài liệu trong hồ sơ địa chính và khái quát được trình tự lập và chỉnh lý các loại tài liệu trong hồ sơ địa chính;

+ Phân tích, đánh giá được các số liệu, tài liệu thu thập được để lập hồ sơ đăng ký, cấp giấy chứng nhận lần đầu, lập và chỉnh lý các loại tài liệu trong hồ sơ địa chính; chỉnh

lý hồ sơ đăng ký biến động và chỉnh lý hoặc cấp mới giấy chứng nhận; lập các biểu mẫu thống kê, kiểm kê đất đai;

+ Vận dụng được các kiến thức đã học để tổ chức các nghiệp vụ về đăng ký, cấp giấy chứng nhận; lập và chỉnh lý các tài liệu trong hồ sơ địa chính.

- *Về kỹ năng:*

+ Vận dụng thành thạo các văn bản quy phạm pháp luật; tìm kiếm và sử dụng được thông tin tại các đơn vị và trên mạng Internet; sử dụng được các phần mềm thống kê, kiểm kê đất đai, phần mềm chuyên ngành;

+ Thu thập được các nguồn tài liệu, số liệu tại địa bàn thực tập; Lập được hồ sơ đăng ký, cấp giấy chứng nhận lần đầu và đăng ký biến động đất đai; Lập và chỉnh lý được các loại tài liệu trong hồ sơ địa chính; Lập được các biểu mẫu thống kê, kiểm kê đất đai theo từng cấp đơn vị hành chính;

+ Viết được báo cáo tổng hợp kết quả thực tập;

+ Biết cách làm việc độc lập và tổ chức được hoạt động nhóm, thuyết trình, thảo luận và trình bày kết quả trong quá trình nghiên cứu, học tập và thực tập tại địa phương; có kỹ năng giao tiếp, soạn thảo và trình bày văn bản.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:*

+ Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ liên quan về lập và chỉnh lý các tài liệu trong hồ sơ địa chính; lập hồ sơ đăng ký, cấp giấy chứng nhận lần đầu và đăng ký biến động đất đai; lập các biểu mẫu thống kê, kiểm kê đất đai;

+ Có sáng kiến trong quá trình thực hiện các nội dung thực tập tại trường và địa phương; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc trong cơ quan nhà nước cũng như các doanh nghiệp trong và ngoài nước;

+ Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ về thanh tra đất đai và xây dựng; Đưa ra được kết luận trong các tình huống thực tiễn trong quá trình thực tập.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần Thực tập đăng ký, thống kê đất đai gồm các nội dung cơ bản như sau: Phổ biến mục đích, yêu cầu, nội quy và quy chế thực tập; Phân công tổ chức thực tập và giao nhiệm vụ cho nhóm, các thành viên trong nhóm; Hướng dẫn các nhóm thu thập, đánh giá, tổng hợp các tài liệu, số liệu tại địa phương (đăng ký, cấp giấy chứng nhận lần đầu; đăng ký biến động đất đai; các tài liệu trong hồ sơ địa chính; báo cáo và biểu mẫu thống kê, kiểm kê đất đai) để lập hồ sơ đăng ký, cấp giấy chứng nhận lần đầu và đăng ký biến động đất đai; Lập và chỉnh lý được các loại tài liệu trong hồ sơ địa chính; Lập được các biểu mẫu thống kê, kiểm kê đất đai; Viết báo cáo tổng hợp kết quả thực tập; Kiểm tra, nghiệm thu thành quả thực tập.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. TS. Thái Thị Quỳnh Như, ThS. Vũ Lệ Hà (2013), *Giáo trình đăng ký và thống kê đất đai*, trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

2. Nước cộng hòa XHCN Việt Nam (2015), *Luật đất đai 2013*, NXB Lao Động.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Chính phủ (2014), *Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về thi hành Luật đất đai*.

2. Bộ Tài nguyên và Môi trường (2014), *Thông tư 24/2014/BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính*.

3. Các Nghị định, Thông tư hướng dẫn thi hành Luật.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☐	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☒	Tình huống	☐
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☒
Phân tích, xử lý số liệu	☒	Trình bày báo cáo khoa học	☒	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp;
- Điều kiện có điểm đánh giá học phần: tham dự đầy đủ các bài thực tập.

7. Thang điểm, tiêu chí đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp đánh giá kết quả học tập

- Tổ chức kiểm tra, đánh giá theo hình thức trực tiếp tại Trường hoặc tại các cơ sở khác.
- Điểm tổng kết học phần là trung bình cộng của điểm các bài thực tập theo trọng số, cụ thể:

Bài kiểm tra	Bài kiểm tra số 1	Bài kiểm tra số 2
Trọng số	50%	50%

- Hình thức đánh giá:

Tự luận	☐	Trắc nghiệm	☐	Thảo luận nhóm	☐
Bài tập lớn	☒	Thực hành	☐	Khác	☒

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Thời gian thực tập (ngày)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
(1)	(2)	(3)	(4)
Bài 1. ĐĂNG KÝ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT, QUYỀN SỞ HỮU TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT, LẬP VÀ QUẢN LÝ HỒ SƠ ĐỊA CHÍNH	5	22,5	Thu thập các tài liệu trong hồ sơ địa chính, hồ sơ đăng ký lần đầu; Đánh giá nguồn tài liệu, số liệu thu thập được; Lập hồ sơ đăng ký, cấp giấy chứng nhận, hồ sơ địa chính và viết giấy chứng nhận
1.1. Công tác chuẩn bị - Tập trung lớp, phổ biến mục đích, yêu cầu, nội quy, quy chế thực tập. - Phổ biến và yêu cầu sinh viên chuẩn bị các tài liệu, số liệu - Tổ chức chia nhóm thực tập	1	4,5	
1.2. Bản đồ, sổ sách, biểu mẫu....			
1.3. Sổ mục kê	1	4,5	
1.4. Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận	1	4,5	
1.5. Xét duyệt hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận			
1.6. Tờ trình UBND về việc cấp giấy chứng nhận			
1.7. Giấy chứng nhận	2	9	
1.8. Lập sổ cấp giấy chứng nhận			
1.9. Lập sổ địa chính.			
1.10. Chinh lý sổ mục kê theo kết quả cấp Giấy chứng nhận			
Bài kiểm tra số 1			
Bài 2. ĐĂNG KÝ BIẾN ĐỘNG SAU KHI CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN	5	22,5	Thu thập các tài liệu và đánh giá nguồn tài liệu về đăng ký biến động đất đai; Chinh lý hồ sơ địa chính và giấy chứng nhận
2.1. Đăng ký chuyển đổi quyền sử dụng đất	1	4,5	
2.2. Đăng ký chuyển nhượng			
2.3. Đăng ký thừa kế			
2.4. Đăng ký cho thuê, cho thuê lại	1	4,5	
2.5. Đăng ký thế chấp			
2.6. Đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất.			
2.7. Đăng ký tách thửa đất hoặc hợp	1	4,5	

Nội dung	Thời gian thực tập (ngày)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
(1)	(2)	(3)	(4)
thửa đất			
2.8. Đăng ký cấp đổi, cấp lại giấy chứng nhận			
2.9. Đăng ký các dạng biến động khác			
2.10. Chinh lý hồ sơ địa chính	1	4,5	
2.11. Lập sổ theo dõi biến động đất đai			
2.12. Xác nhận thay đổi giấy chứng nhận sau khi cấp			
2.13. Chinh lý sổ mục kê đất	1	4,5	
2.14. Chinh lý sổ địa chính			
Bài 3. THỐNG KÊ, KIỂM KÊ ĐẤT ĐAI	5	22,5	Lập và tổng hợp số liệu vào các biểu thống kê, kiểm kê đất đai
01/TKĐĐ, 02/TKĐĐ, 03/TKĐĐ, 05a/TKĐĐ, 06a/TKĐĐ, 05b/TKĐĐ, 06b/TKĐĐ, 07/TKĐĐ, 08/TKĐĐ, 09/TKĐĐ; 10/TKĐĐ, 11/TKĐĐ và 12/TKĐĐ;			
Bài kiểm tra số 2			
Bài 4. SẮP XẾP HOÀN CHỈNH SỐ LIỆU, TÀI LIỆU VÀ NGHIỆM THU	5	22,5	Tổng hợp phân tích số liệu, viết báo cáo và nghiệm thu
Tổng cộng	20	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

LÝ THUYẾT

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:

Tiếng Việt: **Quy hoạch sử dụng đất**

Tiếng Anh: **Land Use Planning**

- Mã học phần : QĐKD2615

- Số tín chỉ : 03

- Hình thức học : Học từ xa theo phương pháp trực tuyến

- Đối tượng học: Sinh viên ngành Quản lý đất đai trình độ đại học hệ vừa làm vừa học

- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒					Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành ☒			
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn ☒		

- Các học phần tiên quyết/học trước: Pháp luật Đất đai

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động :45 tiết

▪ Nghe giảng lý thuyết :33 tiết

▪ Bài tập :10 tiết

▪ Thảo luận, làm việc nhóm : 0 tiết

▪ Kiểm tra :02 tiết

- Thời gian tự học :90 giờ

- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Khoa học đất và Quy hoạch đất đai, Khoa Quản lý đất đai

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức:

+ Trình bày được những kiến thức cơ bản về đất đai và sử dụng đất

+ Khái quát hóa được cơ sở lý luận, cơ sở khoa học, cơ sở pháp lý về quy hoạch sử dụng đất, các nguyên tắc, quy luật phát triển của quy hoạch sử dụng đất, nội dung cơ bản về quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh, huyện.

- *Về kỹ năng:*

+ Vận dụng được kiến thức đã học tính toán một số bài tập về đánh giá sơ bộ đất đai, dự báo nhu cầu sử dụng đất.

+ Xây dựng phương án quy hoạch sử dụng đất tại một địa phương và kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp tỉnh, huyện.

- *Năng lực tự chủ và trách nhiệm:*

+ Có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau;

+ Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ về quản lý đất đai;

+ Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ về quản lý đất đai.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần quy hoạch sử dụng đất cung cấp cho người học kiến thức về một số vấn đề chung về quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch sử dụng đất ở Việt Nam, quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh, huyện, từ đó xây dựng phương án quy hoạch sử dụng đất.

4. Học liệu điện tử

4.1. Học liệu chính (HLC)

1. Đoàn Công Quỳ (2006), *Giáo trình Quy hoạch sử dụng đất*, NXBNông nghiệp.
2. Trần Hữu Viên (2005), *Giáo trình Quy hoạch sử dụng đất*, NXB Nông nghiệp

4.2. Học liệu bổ trợ (HLBT)

1. Bài giảng Quy hoạch sử dụng đất (năm 2020) - Bộ môn Khoa học đất và Quy hoạch đất đai, Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.
2. Luật Đất đai năm 2013;.
3. Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ hướng dẫn thi hành luật đất đai
4. Thông tư số 29/2014/ TT-BTNMT ngày của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh và thẩm định quy hoạch-kế hoạch sử dụng đất
5. Thông tư 04/2006/TT-BTNMT ngày 22/5/2006 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn phương pháp tính đơn giá dự toán xây dựng dự toán kinh phí lập và điều chỉnh quy hoạch - kế hoạch sử dụng đất.
6. Koomen Eric and Borsboom-van Beurden Judith, 2011, *Land-Use Modelling in Planning Practice*, Springer.
7. John Randolph (2011), *Environmental Land Use Planning and Management* - 2E, Island Press.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☒	Đàm thoại	☒
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☒	Tình huống	☐
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☐
Phân tích, xử lý số liệu	☐	Trình bày báo cáo khoa học	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuẩn bị các điều kiện học từ xa (máy tính, camera, micro có kết nối mạng Internet)
- Dự lớp
- Tham gia thảo luận nhóm, làm bài tập
- Tham gia kiểm tra, thi kết thúc học phần
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☒ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Tổ chức kiểm tra, đánh giá theo hình thức trực tiếp tại Trường hoặc tại các cơ sở khác

.- Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
CHƯƠNG 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT	11			11	22	- Đăng nhập hệ thống học trực tuyến - vào phòng học ảo đúng giờ Đọc HLC 1
1.1. Đất đai và sử dụng đất	3			3	6	
1.1.1. Đất đai	1			1	2	
1.1.2. Sử dụng đất	2			2	4	
1.2. Quy hoạch sử dụng đất đai	4			4	8	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1.2.1. Khái niệm và đặc điểm của quy hoạch sử dụng đất	1			1	2	
1.2.2. Nhiệm vụ và nội dung của quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đai	1			1	2	
1.2.3. Quan hệ giữa quy hoạch sử dụng đất với các loại hình quy hoạch khác	1			1	2	
1.2.4. Quy hoạch sử dụng đất thế giới	1			1	2	
1.3. Các phương pháp áp dụng trong quy hoạch sử dụng đất	2,5			2,5	5	
1.3.1. Phương pháp điều tra khảo sát	0,5			0,5	1	
1.3.2. Phương pháp tổng hợp và phân tích tài liệu, số liệu	0,5			0,5	1	
1.3.3. Phương pháp thống kê, xử lý số liệu	0,5			0,5	1	
1.3.4. Phương pháp chuyên gia	0,5			0,5	1	
1.3.5. Phương pháp minh họa bản đồ	0,5			0,5	1	
1.4. Giới thiệu công nghệ và kỹ thuật trong hoạch sử dụng đất	1,5			1,5	3	
Chương 2. QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT Ở VIỆT NAM	6	3	1	10	20	- Đăng nhập hệ thống học trực tuyến - vào phòng học ảo đúng giờ
2.1. Lược sử hình thành và phát triển quy hoạch sử dụng đất ở Việt Nam	1			1	2	Đọc HLC 1
2.2. Cơ sở pháp lý về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất	2			2	6	Đọc TL2,3,4
2.3. Quy hoạch sử dụng đất cấp Quốc gia đến năm 2020	0,5			0,5	1	Đọc HLC 1
2.4. Định hướng sử dụng đất đến năm 2030	0,5			0,5	1	
2.5. Hệ thống biểu mẫu, bản đồ sử dụng trong việc lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất	2			2	4	Đọc HLBT4
Bài tập: Lập các biểu nhu cầu sử dụng đất, biểu mẫu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất		3		3	6	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Bài kiểm tra số 1			1	1	2	
Chương 3. QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT CẤP TỈNH, HUYỆN	16	7	1	24	48	- Đăng nhập hệ thống học trực tuyến - vào phòng học ảo đúng giờ Đọc HLC 1 Đọc TL 1,3,4
3.1. Vị trí, vai trò, sự cần thiết phải lập QHSDĐ cấp tỉnh, huyện	1			1	2	
3.2. Nội dung chủ yếu của QH – KHSDĐ cấp tỉnh, huyện	15	7		22	44	
3.2.1. Công tác chuẩn bị và điều tra cơ bản	1			1	2	
3.2.2. Đánh giá điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên của vùng nghiên cứu	1			1	2	
3.2.3. Phân tích hiện trạng và biến động đất đai	1			1	2	
Bài tập: Đánh giá sơ bộ đất đai		3		3	6	
3.2.4. Đánh giá thích nghi đất đai	1			1	2	
3.2.5. Dự báo dân số	1			1	2	
3.2.6. Dự báo nhu cầu sử dụng đất	4			4	8	
Bài tập: Dự báo dân số, số hộ, dự báo nhu cầu diện tích đất ở mới.		4		4	8	
3.2.7. Xây dựng phương án QH - KHSDĐ	6			6	12	
Bài kiểm tra số 2			1		2	
Tổng	33	10	2	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt : **Định giá đất**
 - Tiếng Anh : **Land Valuation**
- Mã học phần : QĐQN2608
- Số tín chỉ : 02
- Hình thức học : Học từ xa theo phương pháp trực tuyến
- Đối tượng học: Sinh viên ngành Quản lý đất đai trình độ đại học hệ vừa làm vừa học
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương ☐		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☒		
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☒	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Chính sách đất đai
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động : 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết : 17 tiết
 - Bài tập : 11 tiết
 - Kiểm tra : 02 tiết
- Thời gian tự học : 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản lý đất đai và bất động sản, Khoa Quản lý đất đai.

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức:

+ Trình bày được khái niệm thị trường đất đai, giá đất, định giá đất, cơ sở khoa học xác định giá đất; các phương pháp cơ bản của định giá đất nói chung và định giá đất phi nông nghiệp, định giá đất nông nghiệp nói riêng; quy trình xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; hoạt động tư vấn xác định giá đất;

+ Phân tích và so sánh được các nguyên tắc định giá đất; phân tích được các yếu tố cơ bản hình thành giá đất; các yếu tố ảnh hưởng đến giá đất nói chung và của từng nhóm đất nói riêng.

+ Vận dụng được khung giá đất, bảng giá đất trong công tác quản lý giá đất ở cơ sở; sử dụng được Internet tìm kiếm thông tin.

- Về kỹ năng:

+ Vận dụng để xác định giá đất đối với từng thửa đất cụ thể và phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến giá đất;

+ Tìm kiếm và sử dụng được các thông tin về giá đất tại các địa bàn cụ thể, các tình huống thực tiễn, phân tích và khái quát hóa được vấn đề nghiên cứu; có kỹ năng giao tiếp, soạn thảo văn bản, thuyết trình;

+ Biết cách làm việc độc lập và tổ chức được hoạt động nhóm, thuyết trình, thảo luận và trình bày kết quả trong quá trình nghiên cứu, học tập.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ liên quan để giải thích được các quy định về định giá đất: nguyên tắc, cơ sở, phương pháp định giá đất; điều chỉnh bảng giá đất; tư vấn xác định giá đất;

+ Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ về định giá đất.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần giới thiệu các kiến thức cơ bản về nguyên tắc, cơ sở phương pháp luận của giá đất, phương pháp định giá đất nói chung và định giá đất phi nông nghiệp, định giá đất nông nghiệp nói riêng. Học phần cũng trình bày một số kiến thức cơ bản về quy trình xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất, định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất.

4. Học liệu điện tử

4.1. Học liệu chính (HLC)

1. Hồ Thị Lam Trà (2006), *Giáo trình định giá đất*, NXB Đại học Nông nghiệp Hà Nội.

2. TS. Phạm Anh Tuấn (2016), *Giáo trình định giá đất*, NXB Tài nguyên - Môi trường và Bản đồ Việt Nam.

4.2. Học liệu bổ trợ (HLBT)

1. Bài giảng Định giá đất (năm 2020) - Bộ môn Quản lý đất đai và bất động sản, Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

2. Quốc hội nước cộng hòa XHCN Việt nam (2013), *Luật đất đai năm 2013*.

3. Các Nghị định, Thông tư hướng dẫn thi hành Luật.

4. Hồ Thị Lam Trà (chủ biên), 2016, *Giá đất, tài chính về đất đai – cơ sở lý luận và thực tiễn*.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☒	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☒	Tình huống	☒
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☐
Phân tích, xử lý số liệu	☐	Trình bày báo cáo khoa học	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuẩn bị các điều kiện học từ xa (máy tính, camera, micro có kết nối mạng Internet)
- Dự lớp;
- Tham gia thảo luận nhóm, làm bài tập;
- Tham gia kiểm tra, thi kết thúc học phần;
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

- Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1.
- Hình thức đánh giá:

Tự luận	☒	Trắc nghiệm	☐	Thảo luận nhóm	☒
Bài tập lớn	☐	Thực hành	☐	Khác	☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Tổ chức kiểm tra, đánh giá theo hình thức trực tiếp tại Trường hoặc tại các cơ sở khác
- Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ GIÁ ĐẤT VÀ ĐỊNH GIÁ ĐẤT	6	3		9	18	- Đăng nhập hệ thống học trực tuyến - vào phòng học ảo đúng giờ
1.1. Đất đai và thị trường đất đai	1			1	2	Đọc HLC (1)

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1.1.1. Đất đai 1.1.2. Thị trường đất đai						
1.2. Giá đất 1.2.1. Khái niệm, đặc điểm 1.2.2. Các nhân tố ảnh hưởng đến giá đất 1.2.3. Cơ sở khoa học xác định giá đất	2	3		5	10	Đọc HLC (1)
1.3. Định giá đất 1.3.1. Khái niệm, vai trò 1.3.2. Định giá hàng loạt và định giá cá biệt 1.3.3. Nguyên tắc định giá đất	3			3	6	Đọc HLC (1)
Chương 2. CÁC PHƯƠNG PHÁP ĐỊNH GIÁ ĐẤT	5	8	1	14	28	- Đăng nhập hệ thống học trực tuyến - vào phòng học ảo đúng giờ
2.1. Phương pháp so sánh trực tiếp 2.1.1. Khái niệm 2.1.2.Trình tự định giá 2.1.3.Những ưu điểm, hạn chế và phạm vi áp dụng	1	2		3	6	Đọc HLC (1)
2.2. Phương pháp thu nhập 2.2.1.Khái niệm 2.2.2.Trình tự định giá 2.2.3.Những ưu điểm, hạn chế và phạm vi áp dụng	1	2		3	6	Đọc HLC (1)
Bài kiểm tra số 1			1	1	2	
2.3. Phương pháp chiết trừ 2.3.1. Khái niệm 2.3.2. Trình tự định giá 2.3.3. Những ưu điểm, hạn chế và phạm vi áp dụng	1	2		3	6	Đọc chương 2 HLC (1)

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2.4. Phương pháp thặng dư 2.4.1.Khái niệm 2.4.2.Trình tự định giá 2.4.3.Những ưu điểm, hạn chế và phạm vi áp dụng	1	2		3	6	Đọc chương 2 HLC (1)
2.5. Phương pháp hệ số điều chỉnh giá đất 2.5.1.Khái niệm 2.5.2.Trình tự định giá 2.5.3.Những ưu điểm, hạn chế và phạm vi áp dụng	1			1	2	Đọc chương 2 HLC (1)
Chương 3. ĐỊNH GIÁ ĐẤT CỤ THỂ VÀ TƯ VẤN XÁC ĐỊNH GIÁ ĐẤT	6		1	7	14	- Đăng nhập hệ thống học trực tuyến - vào phòng học ảo đúng giờ
3.1. Khung giá đất, bảng giá đất, định giá đất cụ thể 3.1.1. Khung giá đất 3.1.2. Bảng giá đất 3.1.3. Định giá đất cụ thể	2			2	4	Đọc chương 3 HLC (1)
3.2. Hoạt động tư vấn xác định giá đất 3.2.1. Nguyên tắc hoạt động 3.2.2. Điều kiện hoạt động 3.2.3. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức có chức năng tư vấn xác định giá đất	1			1	2	Đọc chương 3 HLC (1)
3.3. Định giá các loại đất cụ thể 3.3.1. Định giá đất phi nông nghiệp 3.3.2. Định giá đất nông nghiệp	3			3	6	Đọc chương 3 HLC (1)
Bài kiểm tra số 2			1	1	2	
Tổng cộng	17	11	2	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt : Tài chính đất đai
 - Tiếng Anh : Land Finance
- Mã học phần : QĐQN2609
- Số tín chỉ : 02
- Hình thức học : Học từ xa theo phương pháp trực tuyến
- Đối tượng học : Sinh viên ngành Quản lý đất đai trình độ đại học hệ vừa làm vừa học

học

- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành ☒		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn ☒	

- Các học phần tiên quyết/học trước : Chính sách đất đai
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động : 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết : 18 tiết
 - Bài tập : 10 tiết
 - Kiểm tra : 02 tiết
- Thời gian tự học : 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản lý đất đai và bất động sản, Khoa Quản lý đất đai.

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức:

+ Phát biểu và trình bày được các quy định về nguồn thu tài chính từ đất đai; quy định về một số loại thuế có liên quan đến đất đai; Phân biệt được các yếu tố cơ bản cấu

thành nên một sắc thuế;

+ Giải quyết được một số tình huống về xác định tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, thuế sử dụng đất và thuế thu nhập từ chuyển quyền sử dụng đất;

+ Sử dụng được internet hỗ trợ cho quá trình tìm kiếm thông tin phục vụ cho quá trình thu thập tài liệu, số liệu về tài chính đất, các tình huống phát sinh trong thực tiễn cuộc sống.

- Về kỹ năng:

+ Vận dụng lý thuyết để giải tổng hợp và khai thác được thông tin trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến tài chính đất; giải quyết một số tình huống về thuế liên quan đến đất đai; Tìm kiếm và sử dụng các thông tin thu thập từ các đơn vị và trên mạng internet, phân tích và tổng hợp được thông tin để đạt được các mục tiêu đề ra;

+ Thu thập, tổng hợp được các thông tin và các quy định về tài chính đất đai trên internet và các nguồn khác; Biết cách làm việc độc lập và tổ chức được hoạt động nhóm, thuyết trình và trình bày kết quả trong quá trình nghiên cứu, học tập;

+ Có kỹ năng giao tiếp, soạn thảo văn bản, đàm phán trong quá trình giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ về tài chính đất đai;

+ Đưa ra được kết luận về xác định các loại nghĩa vụ tài chính của các đối tượng sử dụng, quản lý đất; ...

+ Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ trong việc thực hiện các khoản thu tài chính về đất đai;

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung cơ bản của học phần Tài chính đất đai bao gồm: Cơ sở lý luận, sơ lược lịch sử phát triển, một số nội dung cơ bản và khoản thu tài chính từ đất; Khái quát về thuế nói chung; Giới thiệu về văn bản quy phạm pháp luật, đối tượng chịu thuế, căn cứ và phương pháp tính thuế, miễn thuế, giảm thuế của một số các Luật thuế liên quan đến đất đai (Thuế sử dụng đất nông nghiệp, Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, Thuế thu nhập từ chuyển quyền sử dụng đất).

4. Học liệu điện tử

4.1. Học liệu chính (HLC)

1. Nguyễn Đình Bồng, Lê Thanh Khuyển, Vũ Văn Phúc, Trần Thị Minh Châu (2012), *Quản lý đất đai ở Việt Nam 1945-2010*, NXB Chính trị Quốc gia;

2. Nguyễn Đình Bồng, Trần Thị Minh Hà, Nguyễn Thu Hồng (2014), *Mô hình quản lý Đất đai hiện đại của một số nước và khả năng áp dụng cho Việt Nam*, NXB Chính trị Quốc gia;

3. Nguyễn Văn Sửu (2010), *Đổi mới chính sách đất đai ở Việt Nam, từ lý luận đến*

thực tiễn, NXB Chính trị Quốc gia;

4.2. Học liệu bổ trợ (HLBT)

1. Bài giảng Tài chính đất đai (năm 2020) - Bộ môn Quản lý đất đai và bất động sản, Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

2. Báo cáo nghiên cứu chính sách của Ngân hàng Thế giới (2004), *Chính sách đất đai cho tăng trưởng và xóa đói giảm nghèo*, NXB Văn hóa – Thông tin;

3. Lê Đình Thắng, Hoàng Cường, Vũ Thị Thảo (2003), *Chính sách đất đai trong thời kỳ đổi mới ở nước ta*, số 76-10/2003, Tạp chí Kinh tế và Phát triển, Trường Đại học Kinh tế quốc Dân.

3. Các văn bản quy phạm pháp Luật liên quan đến tài chính đất đai

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☒	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☒	Làm việc nhóm	☒	Tình huống	☐
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☐
Phân tích, xử lý số liệu	☐	Trình bày báo cáo khoa học	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuẩn bị các điều kiện học từ xa (máy tính, camera, micro có kết nối mạng Internet)

- Dự lớp;

- Tham gia thảo luận nhóm, làm bài tập;

- Tham gia kiểm tra, thi kết thúc học phần;

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

- Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1.

- Hình thức đánh giá:

Tự luận	☐	Trắc nghiệm	☒	Thảo luận nhóm	☐
Bài tập lớn	☐	Thực hành	☐	Khác	☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Tổ chức kiểm tra, đánh giá theo hình thức trực tiếp tại Trường hoặc tại các cơ sở khác.

- Hình thức thi:

Tự luận	☐	Trắc nghiệm	☒	Vấn đáp	☐	Thực hành	☐
---------	--------------------------	-------------	-------------------------------------	---------	--------------------------	-----------	--------------------------

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ TÀI CHÍNH ĐẤT ĐAI	6			6	12	- Đăng nhập hệ thống học trực tuyến - vào phòng học ảo đúng giờ Đọc HLC (1, 2, 3)
1.1. Sơ lược về sự phát triển của chính sách tài chính đất đai qua các thời kỳ	1			1	2	
1.2. Một số nội dung cơ bản về tài chính đất	1			1	2	
1.3. Một số khoản thu tài chính từ đất	2			2	4	
1.4. Giới thiệu chung về thuế <i>1.4.1. Sự ra đời của thuế</i> <i>1.4.2. Khái niệm, đặc điểm, vai trò của thuế</i> <i>1.4.3. Các yếu tố cấu thành một sắc thuế</i>	2			2	4	Đọc HLC (1, 2, 3) Đọc TLBT(1,)
Chương 2. TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT, TIỀN THUÊ ĐẤT	6	3	1	10	20	- Đăng nhập hệ thống học trực tuyến - vào phòng học ảo đúng giờ Đọc HLC (1, 2, 3) Đọc TLBT(1,3,4)
2.1.Tiền sử dụng đất	3	2		5	10	
<i>2.1.1. Khái niệm</i>	1			1	2	
<i>2.1.2. Các xác định tiền sử dụng đất trong một số trường hợp cụ thể</i>	2	2		4	8	
2.2. Tiền thuê đất	3	1		4	8	
<i>2.2.1. Khái niệm</i>	1			1	2	
<i>2.2.2. Các xác định tiền thuê đất trong một số trường hợp cụ thể</i>	2	1		3	6	
Bài kiểm tra số 1			1	1	2	
Chương 3. MỘT SỐ LOẠI THUẾ LIÊN QUAN ĐẾN ĐẤT ĐAI	6	7	1	14	28	- Đăng nhập hệ thống học trực tuyến - vào phòng học ảo đúng giờ Đọc HLC (1, 2, 3) Đọc TLBT (1,4)
3.1. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	3	5		8	16	
<i>3.1.1. Hệ thống văn bản pháp quy về thuế sử dụng đất phi nông nghiệp</i>	1			1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
3.1.2. Luật thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	2	5		7	14	
3.2. Thuế sử dụng đất nông nghiệp	2	2		4	8	
3.2.1. Hệ thống văn bản pháp quy về thuế sử dụng đất nông nghiệp	1			1	2	
3.2.2. Luật thuế sử dụng đất nông nghiệp	1	2		3	6	
3.3. Thuế thu nhập từ chuyển quyền sử dụng đất	1			1	2	
3.3.1. Hệ thống văn bản pháp quy về thuế thu nhập từ chuyển quyền sử dụng đất						
3.3.2. Thuế thu nhập doanh nghiệp từ chuyển nhượng bất động sản						
3.3.3. Thuế thu nhập cá nhân từ chuyển nhượng bất động sản						
Bài kiểm tra số 2			1	1	2	
Tổng cộng	18	10	2	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt : **Quản lý thị trường bất động sản**
 - Tiếng Anh : **Management of real estate market**
- Mã học phần : QĐQN2610
- Số tín chỉ : 02
- Hình thức học : Học từ xa theo phương pháp trực tuyến
- Đối tượng học : Sinh viên ngành Quản lý đất đai trình độ đại học hệ vừa làm vừa học
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương ☐		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☒		Thực tập và khóa luận tốt nghệ ☐
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☒	

- Các học phần tiên quyết/học trước : Chính sách đất đai
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động : 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết : 22 tiết
 - Bài tập : 06 tiết
 - Kiểm tra : 02 tiết
- Thời gian tự học : 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản lý đất đai và bất động sản, Khoa Quản lý đất đai.

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức:

+ Trình bày được kiến thức cơ bản về thị trường bất động sản như: khái niệm, đặc điểm, phân loại bất động sản và thị trường bất động sản; nguyên tắc, điều kiện kinh doanh bất động sản có sẵn, bất động sản hình thành trong tương lai và kinh doanh dịch vụ bất động sản;

+ So sánh và phân tích được các phương pháp định giá bất động sản;

+ Sử dụng các phương pháp tìm kiếm số liệu như internet về tình hình quản lý nhà nước về thị trường bất động sản ở Việt Nam và tại một số quốc gia trên thế giới để liên hệ với thực tiễn tại địa phương cụ thể.

- *Về kỹ năng:*

+ Tìm kiếm và vận dụng được các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến bất động sản, thị trường bất động sản trong việc tìm hiểu và phát triển thị trường;

+ Thu thập, tổng hợp, cập nhật được các thông tin chung về thị trường bất động sản trên thế giới và Việt Nam từ nhiều nguồn khác nhau như internet, tạp chí...;

+ Thực hiện được việc nghiên cứu thị trường bất động sản trên các địa bàn cụ thể tại Việt Nam; Có kỹ năng giao tiếp, đàm phán trong tiếp cận thị trường;

+ Biết cách và tổ chức được hoạt động nhóm, thuyết trình, thảo luận và trình bày kết quả trong quá trình nghiên cứu, học tập;

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:*

+ Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ liên quan về các thông tin chung về thị trường bất động sản, nghiên cứu thị trường trên các địa bàn cụ thể;

+ Tự học tập, tích lũy kiến thức để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ về định giá bất động sản, nghiên cứu thị trường bất động sản; Trong hoạt động nghiên cứu thị trường có khả năng đưa ra kết luận về hướng phát triển, tiếp cận thị trường.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần Quản lý thị trường bất động sản cung cấp cho sinh viên những kiến thức: Đặc điểm của bất động sản và thị trường bất động sản; phương pháp định giá bất động sản, kinh doanh bất động sản hình thành trong tương lai và bất động sản có sẵn, vai trò của nhà nước trong điều tiết thị trường bất động sản.

4. Học liệu điện tử

4.1. Học liệu chính (HLC)

1. TS. Trịnh Hữu Liên (2013), *Giáo trình Thị trường bất động sản*, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

2. PGS.TS. Nguyễn Thanh Trà, Nguyễn Đình Bồng (2005), *Giáo trình Thị trường bất động sản*, NXB Nông nghiệp.

4.2. Học liệu bổ trợ (HLBT)

1. Bài giảng Quản lý thị trường bất động sản (năm 2020) - Bộ môn Quản lý đất đai và bất động sản, Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

2. Phạm Đức Phong, *Cơ sở khoa học và giải pháp thúc đẩy sự hình thành và phát triển thị trường bất động sản ở nước ta*, Cục Công sản, Bộ tài chính.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình



Phát vấn



Đàm thoại



- Bản đồ tư duy ☐ Làm việc nhóm ☒ Tình huống ☐
 Dạy học theo dự án ☐ Dạy học thực hành ☐ Thu thập số liệu ☐
 Phân tích, xử lý số liệu ☐ Trình bày báo cáo khoa học ☐ Tự học ☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuẩn bị các điều kiện học từ xa (máy tính, camera, micro có kết nối mạng Internet)
- Dự lớp;
- Tham gia thảo luận nhóm, làm bài tập;
- Tham gia kiểm tra, thi kết thúc học phần;
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

- Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1.

- Hình thức đánh giá:

- Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☐
 Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Tổ chức kiểm tra, đánh giá theo hình thức trực tiếp tại Trường hoặc tại các cơ sở khác

- Hình thức thi:

- Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. BẤT ĐỘNG SẢN VÀ THỊ TRƯỜNG BẤT ĐỘNG SẢN	4			4	8	- Đăng nhập hệ thống học trực tuyến - vào phòng học ảo đúng giờ
1.1. Bất động sản 1.1.1. Khái niệm về bất động sản	1			1	2	Đọc HLC (1)

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1.1.2. Đặc điểm của bất động sản 1.1.3. Phân loại bất động sản						
1.2. Thị trường bất động sản 1.2.1. Khái niệm thị trường BĐS 1.2.2. Đặc tính và chức năng của thị trường bất động sản 1.2.3. Quan hệ cung cầu trong thị trường bất động sản 1.2.4. Phân loại thị trường bất động sản	3 1 1 1			3 1 1 1	6 2 2 2	Đọc HLC (1), (2)
Chương 2. KINH DOANH BẤT ĐỘNG SẢN	8	3	1	12	24	
2.1. Kinh doanh bất động sản 2.1.1. Khái niệm, nguyên tắc, điều kiện kinh doanh bất động sản 2.2.2. Kinh doanh bất động sản có sẵn 2.2.3. Kinh doanh bất động sản hình thành trong tương lai 2.2.4. Kinh doanh dịch vụ bất động sản	6 2 2 1 1	3 1 2		9 3 2 1 3	18 6 4 2 6	
2.2. Các phương pháp định giá bất động sản	2			2	4	
Bài kiểm tra số 1			1	1	2	
Chương 3. QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI THỊ TRƯỜNG BẤT ĐỘNG SẢN	10	3	1	14	28	- Đăng nhập hệ thống học trực tuyến - vào phòng học ảo đúng giờ
3.1. Khung pháp lý đối với thị trường bất động sản	2			2	4	Đọc HLC (1)
3.2. Vai trò của nhà nước đối với	2			2	4	Đọc HLC (1)

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
thị trường bất động sản						
3.3. Nội dung và trách nhiệm QLNN đối với hoạt động kinh doanh bất động sản	2			2	4	Đọc HLC (1)
3.4. Kinh nghiệm quản lý thị trường bất động sản ở một số nước trên thế giới.	1			1	2	Đọc HLC (1)
3.5. Khái quát quá trình phát triển thị trường bất động sản ở Việt Nam	2	2		4	8	Đọc HLC (1)
3.6. Một số giải pháp cơ bản thúc đẩy sự hình thành và phát triển thị trường bất động sản ở Việt Nam	1	1		2	4	Đọc HLC (1)
Bài kiểm tra số 2			1	1	2	
Tổng cộng	22	6	2	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt : **Dịch vụ công về đất đai**
 - Tiếng Anh : **Public services on Land**
- Mã học phần : QĐQN2611
- Số tín chỉ : 02
- Hình thức học : Học từ xa theo phương pháp trực tuyến
- Đối tượng học : Sinh viên ngành Quản lý đất đai trình độ đại học hệ vừa làm vừa học
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				Thực tập và khóa luyện tốt nghiệp □
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành ☒		
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn ☒	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Đăng ký đất đai
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết : 22 tiết
 - Bài tập : 06 tiết
 - Kiểm tra : 02 tiết
- Thời gian tự học : 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản lý đất đai và bất động sản, Khoa Quản lý đất đai.

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức:
 - + Trình bày được khái niệm dịch vụ công, đặc trưng dịch vụ công, phân loại được các loại dịch vụ công, dịch vụ hành chính công; các phương thức cung ứng dịch vụ công, dịch vụ công về đất đai;
 - + Vận dụng lý thuyết thực hiện các quy trình cung ứng dịch vụ công về đất đai và

khai thác thông tin đất đai; Sử dụng internet khai thác thông tin về các hoạt động dịch vụ công tại các đơn vị hành chính các cấp.

- *Về kỹ năng:*

+ Vận dụng quy phạm pháp luật vào thực hiện được các quy trình cung cấp các dịch vụ công, khai thác thông tin đất đai phục vụ hoạt động dịch vụ công;

+ Thu thập và sử dụng thông tin về dịch vụ công, hoạt động dịch vụ công; biết cách và tổ chức được hoạt động nhóm, thuyết trình và trình bày kết quả trong quá trình nghiên cứu, học tập;

+ Có kỹ năng làm việc độc lập và theo nhóm; kỹ năng giao tiếp, diễn thuyết; sử dụng các phương tiện hiện đại trong chuyên môn, nghiệp vụ, thực hiện các hoạt động dịch vụ công trực tuyến.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:*

+ Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ liên quan để thực hiện các quy trình cung ứng dịch vụ công về đất đai và khai thác thông tin về đất đai;

+ Tự học tập, tích lũy kiến thức để nâng cao trình độ về cung ứng dịch vụ công về đất đai và khai thác thông tin về đất đai phục vụ cho các nhu cầu cụ thể;

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Những vấn đề chung về dịch vụ công và tổ chức quản lý các hoạt động cung ứng dịch vụ công; những vấn đề cơ bản về dịch vụ công đất đai (khái niệm, đặc trưng, phân loại...); chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và cơ chế hoạt động của các tổ chức dịch vụ công về đất đai.

4. Học liệu điện tử

4.1. Học liệu chính (HLC)

1. Nguyễn Đình Bồng, Trần Thị Minh Hà, Nguyễn Thu Hồng (2014), *Mô hình quản lý Đất đai hiện đại của một số nước và khả năng áp dụng cho Việt Nam*, NXB Chính trị Quốc gia.

2. Bùi Văn Quyết (2006), *Quản lý hành chính công*, NXB Tài Chính.

4.2. Học liệu bổ trợ (HLBT)

1. Bài giảng Dịch vụ công về đất đai (năm 2020) - Bộ môn Quản lý đất đai và bất động sản, Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

2. TS. Lê Minh Toàn (Chủ biên) (2010), *Pháp luật đại cương*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

3. Đinh Tuấn Minh (2018), *Thị trường hàng hóa cung ứng các dịch vụ công tại Việt Nam*, NXB Trí Thức.

4. PGS.TS. Vũ Trí Dũng (2014), *Marketing dịch vụ công*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.

5. TS. Đỗ Thị Hải Hà (2007), *Quản lý Nhà nước đối với đổi mới cung ứng dịch vụ*

công, NXB Khoa học và kỹ thuật.

6. Trường đại học Luật Hà nội (2016), *Luật đất đai*, NXB Công an nhân dân.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☒	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☒	Tình huống	☐
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☐
Phân tích, xử lý số liệu	☐	Trình bày báo cáo khoa học	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuẩn bị các điều kiện học từ xa (máy tính, camera, micro có kết nối mạng Internet)

- Dự lớp;
- Tham gia làm việc nhóm, làm bài tập;
- Tham gia kiểm tra, thi kết thúc học phần;
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

- Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1.
- Hình thức đánh giá:

Tự luận	☒	Trắc nghiệm	☐	Thảo luận nhóm	☐
Bài tập lớn	☐	Thực hành	☐	Khác	☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Tổ chức kiểm tra, đánh giá theo hình thức trực tiếp tại Trường hoặc tại các cơ sở khác.

- Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	FL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ DỊCH VỤ CÔNG	8	1		9	18	- Đăng nhập hệ thống học trực

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
						tuyển - vào phòng học ảo đúng giờ
1.1. Dịch vụ công <i>1.1.1. Khái niệm dịch vụ công</i> <i>1.1.2. Những đặc trưng cơ bản của dịch vụ công</i> <i>1.1.3. Phân loại dịch vụ công</i>	3			3	6	Đọc HLC (1), (2)
1.2 Dịch vụ hành chính công <i>1.2.1. Khái niệm dịch vụ hành chính công</i> <i>1.2.2. Đặc trưng dịch vụ hành chính công</i>	1			1	2	Đọc HLC (1), (2)
1.3. Quản lý Nhà nước đối với dịch vụ công <i>1.3.1. Khái niệm Quản lý Nhà nước đối với dịch vụ công</i> <i>1.3.2. Nguyên tắc Quản lý Nhà nước đối với dịch vụ công</i> <i>1.3.3. Nội dung Quản lý Nhà nước đối với dịch vụ công</i> <i>1.3.4. Công cụ Quản lý Nhà nước đối với dịch vụ công</i>	1			1	2	Đọc HLC (1), (2)
1.4. Tổ chức cung ứng dịch vụ công <i>1.4.1. Các phương thức cung ứng dịch vụ công trên thế giới</i> <i>1.4.2. Các phương thức cung ứng dịch vụ công hiện nay ở nước ta</i> <i>1.4.3. Xã hội hóa dịch vụ công</i>	3	1		4	8	Đọc HLC (1), (2)
Chương 2. DỊCH VỤ CÔNG VỀ ĐẤT ĐAI	7	1	1	9	18	- Đăng nhập hệ thống học trực tuyến - vào phòng học ảo đúng giờ

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	FL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2.1. Khái niệm, đặc trưng dịch vụ công về đất đai	3			3	6	Đọc HLC (1), (2)
2.1.1. Khái niệm dịch vụ công về đất đai	2			2	4	
2.1.2. Đặc trưng dịch vụ công về đất đai	1			1	2	
2.2. Hoạt động dịch vụ công về đất đai	3	1		4	8	Đọc HLC (1), (2)
2.2.1. Nguyên tắc tổ chức hoạt động dịch vụ công về đất đai						
2.2.2. Các loại hoạt động dịch vụ công về đất đai						
2.2.3. Các thủ tục trong hoạt động dịch vụ công về đất đai						
2.2.4. Công khai các thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai						
2.2.5. Hồ sơ và quy trình các thủ tục dịch vụ công trong lĩnh vực đất đai						
2.3. Phương thức khai thác dịch vụ công về đất đai	1			1	2	Đọc HLC (1), (2)
2.3.1. Các mô hình cung ứng dịch vụ công về đất đai						
2.3.2. Phương thức khai thác dịch vụ công về đất đai						
Bài kiểm tra số 1			1	1	2	
Chương 3. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ CÔNG VỀ ĐẤT ĐAI	7	4	1	12	24	- Đăng nhập hệ thống học trực tuyến - vào phòng học ảo đúng giờ

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
3.1 Văn phòng đăng ký đất đai 3.1.1 Chức năng 3.1.2. Nhiệm vụ, quyền hạn 3.1.3. Cơ cấu tổ chức và cơ chế hoạt động	3	1		4	8	Đọc HLC (1), (2)
3.2 Tổ chức phát triển quỹ đất 3.2.1 Chức năng 3.2.2. Nhiệm vụ, quyền hạn 3.2.3. Cơ cấu tổ chức và cơ chế hoạt động	2	1		3	6	Đọc HLC (1), (2)
3.3. Các tổ chức tư vấn 3.3.1. Tư vấn lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất 3.3.2. Tư vấn xác định giá đất 3.3.3. Tổ chức, cá nhân thực hiện điều tra, đánh giá đất đai 3.3.4. Tổ chức, cá nhân hoạt động xây dựng hệ thống thông tin đất đai	2	2		4	8	Đọc HLC (1), (2)
Bài kiểm tra số 2			1	1	2	
Tổng cộng	22	6	2	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt : **Kỹ năng nghề nghiệp trong quản lý đất đai**
 - Tiếng Anh : **Land Administration career skills**
- Mã học phần : QĐĐC2627
- Số tín chỉ : 02
- Hình thức học : Học từ xa theo phương pháp trực tuyến
- Đối tượng học : Sinh viên ngành Quản lý đất đai trình độ đại học hệ vừa làm vừa học
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □				Thực tập và khóa luyện tốt nghiệp □
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành ☑		
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn ☑	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Kỹ năng mềm
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 10 tiết
 - Bài tập, thực hành: 18 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Công nghệ thông tin trong Quản lý đất đai,

Khoa Quản lý đất đai

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức:
 - + Trình bày được những vấn đề cơ bản của từng kỹ năng bao gồm: kỹ năng điều tra, thu thập và xử lý thông tin; kỹ năng tổ chức công việc và quản lý quỹ thời gian; kỹ năng tiếp dân và giải quyết mâu thuẫn. Ngoài ra, học phần còn giúp cho người học gia tăng khả năng cạnh tranh trong công việc và tạo điều kiện phát triển nghề nghiệp trong tương lai.

+ Phân tích, cải tiến được các kỹ năng phát triển nghề nghiệp trong tương lai.

- *Về kỹ năng:*

+ Vận dụng các kỹ năng điều tra, thu thập và xử lý thông tin; tiếp dân và giải quyết mâu thuẫn; kỹ năng tổ chức công việc và quản lý thời gian để có được sự linh hoạt trong xử lý tình huống công việc, góp phần phát triển, củng cố các mối quan hệ cần thiết trong cuộc sống cũng như trong hoạt động nghề nghiệp tương lai.

+ Thực hiện phân chia được công việc, tạo động lực cho các thành viên để nhóm đạt hiệu suất làm việc cao. Từ việc xác định và biểu đạt vấn đề kết hợp với những phân tích về đặc điểm, phương tiện áp dụng có thể đưa ra những biện pháp hoặc cách thức giải quyết tình huống trong từng trường hợp cụ thể.

- *Năng lực tự chủ và trách nhiệm:*

Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ trong công tác quản lý đất đai và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật;

Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ về quản lý đất đai

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần Kỹ năng nghề nghiệp Quản lý đất đai cung cấp cho sinh viên các kỹ năng điều tra, thu thập và xử lý thông tin; kỹ năng về tiếp dân và giải quyết mâu thuẫn; kỹ năng tổ chức công việc và quản lý thời gian trong lĩnh vực quản lý đất đai và những lĩnh vực khác liên quan đến đất đai.

4. Học liệu điện tử

4.1. Học liệu chính (HLC)

1. Hoàng Thị Thu Hiền, Bùi Thị Bích, Nguyễn Như Khương, Nguyễn Thanh Thủy (2014), *Kỹ năng mềm – Tiếp cận theo hướng sự phạm tương tác*, NXB ĐHQG Thành phố Hồ Chí Minh.

4.2. Học liệu bổ trợ (HLBT)

1. Bài giảng Kỹ năng nghề nghiệp trong quản lý đất đai (năm 2020) - Bộ môn Quản lý đất đai và bất động sản, Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

2. Lại Thế Luyện (2014), *Kỹ năng tìm việc làm*, Nhà xuất bản Thời đại.

3. Dương Thị Liễu (2013), *Kỹ năng thuyết trình*, Nhà xuất bản Kinh tế quốc dân.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☒	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☒	Tình huống	☒
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☒	Thu thập số liệu	☒
Phân tích, xử lý số liệu	☒	Trình bày báo cáo khoa học	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuẩn bị các điều kiện học từ xa (máy tính, camera, micro có kết nối mạng Internet)

- Dự lớp: Nghe giảng và hướng dẫn học tập
- Bài tập: Làm bài tập và thảo luận nhóm
- Dụng cụ học tập: Máy tính và máy chiếu
- Tự học: Nghiên cứu, đọc tài liệu để nắm vững bài học.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

- Hình thức đánh giá:

Tự luận	☒	Trắc nghiệm	☐	Thảo luận nhóm	☒
Bài tập lớn	☐	Thực hành	☐	Khác	☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Tổ chức kiểm tra, đánh giá theo hình thức trực tiếp tại Trường hoặc tại các cơ sở khác
- Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. Tổng quan kỹ năng nghề nghiệp Quản lý đất đai	2	4		6	12	- Đăng nhập hệ thống học trực tuyến - vào phòng học ảo đúng giờ
<i>1.1. Khái niệm Kỹ năng nghề nghiệp</i>	0,5			0,5	1	Đọc HLC tự học, làm việc nhóm, thuyết trình, trả lời câu hỏi
<i>1.2. Phân biệt Kỹ năng nghề nghiệp với Kỹ năng sống, Kỹ năng mềm, Kỹ năng cứng</i>	0,5			0,5	1	
<i>1.3. Tầm quan trọng của các Kỹ năng nghề nghiệp</i>	0,5			0,5	1	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1.4. Giới thiệu một số Kỹ năng nghề nghiệp quản lý đất đai	0,5	4		4,5	9	Trả lời phát vấn
Chương 2. Kỹ năng điều tra, thu thập và xử lý số liệu	3	5		8	16	- Đăng nhập hệ thống học trực tuyến - vào phòng học ảo đúng giờ
2.1. Kỹ năng điều tra số liệu sơ cấp 2.1.1. Khái niệm và vai trò của điều tra 2.1.2. Phân loại điều tra 2.1.3. Các phương pháp điều tra 2.1.4. Kỹ năng điều tra	1			1	2	Chuẩn bị tình huống làm việc nhóm, thuyết trình, trả lời câu hỏi
2.2. Kỹ năng thu thập số liệu thứ cấp 2.2.1. Phương pháp thu thập 2.2.2. Kỹ năng thu thập số liệu	1			1	2	thuyết trình, trả lời câu hỏi Thu thập số liệu
2.3. Kỹ năng xử lý số liệu 2.3.1. Khái niệm, đặc điểm, phân loại số liệu 2.3.2. Phương pháp xử lý số liệu 2.3.3. Kỹ năng xử lý số liệu	1			1	2	Thuyết trình, trả lời câu hỏi Phân tích số liệu
2.4. Vận dụng các Kỹ năng điều tra, thu thập, xử lý số liệu		5		5	10	Chuẩn bị tình huống
Bài kiểm tra số 1			01	01	02	Chuẩn bị: Ôn tập kiến thức chương 1 + 2
Chương 3. Kỹ năng tiếp dân và giải quyết các mâu thuẫn	2	4		6	12	- Đăng nhập hệ thống học trực tuyến - vào phòng học ảo đúng giờ
3.1. Kỹ năng tiếp dân	1			1	2	Đọc HLC

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
3.1.1. Khái niệm, vị trí vai trò tiếp dân 3.1.2. Quy trình và nội dung tiếp dân 3.1.3. Phương pháp và nghệ thuật tiếp dân						tự học, làm việc nhóm, thuyết trình, trả lời câu hỏi
3.2. <i>Kỹ năng giải quyết các mâu thuẫn</i> 3.2.1. Khái niệm, đặc điểm và phân loại mâu thuẫn 3.2.2. Nguyên tắc giải quyết mâu thuẫn 3.2.3. Phương pháp và nghệ thuật giải quyết mâu thuẫn	1			1	2	
3.3. <i>Vận dụng các Kỹ năng tiếp dân và giải quyết các mâu thuẫn</i>		4		4	8	Chuẩn bị tình huống
Chương 4. Kỹ năng tổ chức công việc và quản lý thời gian	3	5		8	16	- Đăng nhập hệ thống học trực tuyến - vào phòng học ảo đúng giờ
4.1. <i>Kỹ năng tổ chức công việc</i> 4.1.1. Khái niệm, mục đích tổ chức công việc 4.1.2. Xác định chức năng, nhiệm vụ 4.1.3. Lập bản mô tả công việc	1	2		3	6	Đọc HLC tự học, làm việc nhóm, thuyết trình, trả lời câu hỏi
4.2. <i>Kỹ năng quản lý thời gian</i> 4.2.1. Xác định công việc ưu tiên 4.2.2. Xây dựng lưu đồ thời gian	1	1		2	4	
4.3. <i>Vận dụng các Kỹ năng tổ chức công việc và quản lý thời gian</i>	1	2		3	6	Chuẩn bị tình huống

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Bài kiểm tra số 2			01	01	02	Chuẩn bị: Ôn tập chương 4
Cộng	10	18	02	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN THỰC HÀNH, THỰC TẬP

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:

Tiếng Việt : **Thực tập Quy hoạch sử dụng đất**

Tiếng Anh : **Land use planning laboratory**

- Mã học phần : QĐKĐ2612

- Số tín chỉ : 03

- Hình thức học : Học trực tiếp

- Đối tượng học : Sinh viên ngành Quản lý đất đai trình độ đại học hệ vừa làm

vừa học

- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương ☐		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☒		
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☒	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Quy hoạch sử dụng đất

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 20 ngày (4 tuần)

- Thời gian tự học: 90 giờ

- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Khoa học đất và Quy hoạch đất đai, Khoa Quản lý đất đai

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức:

+ Khái quát hóa hệ thống những kiến thức đã học về pháp luật đất đai, quy hoạch sử dụng đất để thực hiện những công việc cụ thể về quy hoạch sử dụng đất, thông qua thực tập tại địa phương sinh viên được rèn luyện tay nghề và nâng cao ý thức nghề nghiệp.

+ Trình bày được kế hoạch điều tra cơ bản thu thập những tài liệu số liệu liên quan tại địa phương phục vụ thực hiện nội dung quy hoạch sử dụng đất, phân tích, đánh giá kết quả từ tài liệu đã được thu thập.

- Về kỹ năng:

+ Đánh giá được tiềm năng đất đai và xây dựng phương án sử dụng đất cho địa phương khoa học, logic và hiệu quả.

+ Đánh giá được nhu cầu sử dụng đất tại địa phương.

+ Vận dụng được quy trình lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất và bản đồ quy hoạch sử dụng đất, xây dựng được phương án quy hoạch sử dụng đất cho địa phương, xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất, bản đồ quy hoạch sử dụng đất theo quy phạm thành lập bản đồ.

+ Vận dụng được quy trình xây dựng báo cáo thuyết minh tổng hợp.

- *Năng lực tự chủ và trách nhiệm:*

- Có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau;

- Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ về quản lý đất đai;

- Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ trong công tác quản lý đất đai và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật;

- Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ về quản lý đất đai.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Đây là học phần thực hành mang tính chất tổng hợp. Giúp sinh viên tổng hợp, vận dụng kiến thức đã học vào thực hành tay nghề chuyên môn về quy hoạch sử dụng đất. Học phần gồm những nội dung chính sau: Tập hợp thông tin, số liệu, tài liệu; nhận xét đánh giá tài liệu, số liệu. Xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất. Xây dựng phương án quy hoạch sử dụng đất, bản đồ quy hoạch sử dụng đất. Viết báo cáo tổng hợp, hoàn thiện tài liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Đoàn công Quỳ, 2006, *Giáo trình Quy hoạch sử dụng đất*, NXB Nông nghiệp
2. Trần Hữu Viên, 2005, *Giáo trình Quy hoạch sử dụng đất*, NXB Nông nghiệp

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Luật Đất đai năm 2013 và các văn bản hướng dẫn luật

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☒	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☒	Tình huống	☐
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☒
Phân tích, xử lý số liệu	☒	Trình bày báo cáo khoa học	☒	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Nghe hướng dẫn

- Thực tập tại địa phương
- Thu thập tài liệu, số liệu
- Viết báo cáo
- Điều kiện có điểm đánh giá học phần: làm đầy đủ các bài thực hành.

7. Thang điểm, tiêu chí đánh giá

- Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.
- Tiêu chí đánh giá các bài thực tập:
 - + Ý thức của sinh viên;
 - + Tài liệu, số liệu thu thập;
 - + Chất lượng báo cáo;
 - + Trình bày của sinh viên.

8. Phương pháp đánh giá kết quả học tập

Tổ chức kiểm tra, đánh giá theo hình thức trực tiếp tại Trường hoặc tại các cơ sở khác.

Điểm tổng kết học phần là trung bình cộng của điểm các bài thực tập theo trọng số, cụ thể:

Bài kiểm tra	Bài kiểm tra 1	Bài kiểm tra số 2
Trọng số	50%	50%

Hình thức đánh giá:

Tự luận ☐ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☒ Thực hành ☐ Khác ☒

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Thời gian thực tập (ngày)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
(1)	(2)	(3)	(4)
Bài 1. Công tác chuẩn bị	3	13,5	
1.1 Phổ biến mục đích, yêu cầu, phân nhóm thực tập	1	4,5	
1.2. Ôn tập kiến thức cũ liên quan, chuẩn bị vật tư			
1.3. Nhận tài liệu, nghiên cứu tài liệu	1	4,5	Đọc TLC (1).
1.4. Hướng dẫn quy trình thực hiện	1	4,5	Nghe và ghi chép
Bài 2. Đánh giá điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội, tình hình quản lý đất đai và tiềm năng đất đai	3	13,5	
2.1. Đánh giá điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên, cảnh quan môi trường	1	4,5	Đọc TLC (1), (2).
2.2. Đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội			
2.3. Đánh giá chung về điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội và môi trường	1	4,5	Đọc TLC (1), (2).
2.4. Đánh giá chung			Tổng hợp, đánh giá

Nội dung	Thời gian thực tập (ngày)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
2.5. Tổng hợp số liệu vào biểu tổng hợp			Hoàn thiện biểu
Bài kiểm tra số 1	1	4,5	
Bài 3. Đề xuất phương án sử dụng đất và kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện	12	54	
3.1. Xác định các công trình quy hoạch đến năm 2020	1,5	6,75	Tính toán, phân tích và đề xuất phương án
3.2. Thể hiện các công trình đề xuất lên bản đồ điều tra.	1	4,5	
3.3. Tổng hợp và dự báo nhu cầu sử dụng đất các loại đất.	2,5	11,25	
3.4. Xác định sơ bộ luân chuyển diện tích giữa các loại đất.	1	4,5	
3.5. Xây dựng phương án quy hoạch sử dụng đất	1,5	6,75	
3.6. Xây dựng hệ thống biểu theo Thông tư 29/2014/TT-BTNMT.	1	4,5	Hoàn thiện biểu mẫu
3.7. Xây dựng kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện.			Đọc TLC (1), (2).
3.8. Xây dựng biểu chu chuyển đất đai.	1	4,5	Hoàn thiện biểu
3.9. Thành lập bản đồ	1,5	6,75	Xây dựng bản đồ
Bài kiểm tra số 2	1	4,5	
Bài 4. Biên tập, in ấn, tổng hợp sản phẩm, nghiệm thu kết quả thực tập	2	9	Hoàn thiện báo cáo
Tổng	20	90	

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN THỰC HÀNH, THỰC TẬP

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt : Thực tập tin học ứng dụng trong quản lý đất đai
 - Tiếng Anh : Apprenticeships informatics applications in land management
- Mã học phần : QĐĐC2606
- Số tín chỉ : 02
- Hình thức học : Học trực tiếp
- Đối tượng học: Sinh viên ngành Quản lý đất đai trình độ đại học hệ vừa làm vừa học
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương ☐		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				Thực tập và khóa luyện tốt nghiệp ☐
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☒		
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☒	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Tin học ứng dụng trong quản lý đất đai 2.
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động thực tập: 15 ngày (3 tuần)
- Thời gian tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Công nghệ thông tin trong Quản lý Đất đai,
Khoa Quản lý đất đai

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức:
 - + Vận dụng được các kiến thức đã học để sử dụng các phần mềm chuyên ngành thực hiện thành lập bản đồ và đăng ký, cấp giấy chứng nhận; lập và chỉnh lý các tài liệu trong hồ sơ địa chính.
- Về kỹ năng:

- + Xây dựng được bản đồ địa chính, bản đồ hiện trạng sử dụng đất và các bản đồ chuyên ngành theo yêu cầu.
- + Thực hiện việc đăng ký, cấp giấy chứng nhận, đăng ký biến động đất đai trên phần mềm VILIS.
- + Xây dựng, lưu trữ, khai thác được hệ thống hồ sơ địa chính dạng số.
- + Vận dụng thành thạo các văn bản quy phạm pháp luật; tìm kiếm và sử dụng được thông tin tại các đơn vị và trên mạng Internet;
- + Sử dụng được các phần mềm thống kê, kiểm kê đất đai, phần mềm chuyên ngành;
- + Biết cách làm việc độc lập và tổ chức được hoạt động nhóm, thuyết trình, thảo luận và trình bày kết quả trong quá trình nghiên cứu, học tập và thực tập tại địa phương; có kỹ năng giao tiếp, soạn thảo và trình bày văn bản.
- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:*
 - + Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ liên quan về việc áp dụng công nghệ thông tin để lập và chỉnh lý bản đồ địa chính, các loại bản đồ chuyên ngành, lập và quản lý các tài liệu trong hồ sơ địa chính; lập hồ sơ đăng ký, cấp giấy chứng nhận lần đầu và đăng ký biến động đất đai; lập các biểu mẫu thống kê, kiểm kê đất đai;
 - + Có sáng kiến trong quá trình thực hiện các nội dung thực tập tại phòng máy; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc trong cơ quan nhà nước cũng như các doanh nghiệp trong và ngoài nước;
 - + Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; Đưa ra được kết luận trong các tình huống thực tiễn trong quá trình thực tập.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Cung cấp cho sinh viên những kỹ năng về việc thực hiện quy trình tiến hành thành lập bản đồ số, Kế hoạch đăng ký Hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận trên phần mềm VILIS 2.0, Quản lý biến động trên phần mềm VILIS 2, Quản lý hồ sơ địa chính trên phần mềm VILIS 2.0.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Thái Thị Quỳnh Như, Th.S. Vũ Lệ Hà, 2013, Giáo trình đăng ký và thống kê đất đai, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.
2. Trung tâm ứng dụng và phát triển công nghệ địa chính, 2012, Hướng dẫn cài đặt hệ thống, Tổng cục quản lý đất đai
3. Trung tâm ứng dụng và phát triển công nghệ địa chính, 2012, Đăng ký đất đai GIS, LIS – Phân hệ kế hoạch đăng ký, Tổng cục Quản lý Đất đai.
4. Trần Quốc Vinh (2016), Tin học Ứng dụng vẽ bản đồ, NXB Nông nghiệp, 2016
5. Bộ Tài nguyên và Môi trường (2012), Tài liệu Hướng dẫn sử dụng phần mềm Microstation và Mapping Office để thành lập bản đồ địa chính, Viện nghiên cứu địa chính

6. Bộ Tài nguyên và Môi trường (2012), Tài liệu Hướng dẫn sử dụng phần mềm FAMIS để thành lập bản đồ địa chính, Viện nghiên cứu địa chính

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Luật Đất đai năm 2013.
2. Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ *quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai*.
3. Nghị định số 21/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ *quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường*.
4. Thông tư 23/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014 *Quy định về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất*.
5. Thông tư 27/2018/TT-BTNMT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường *quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất*.
6. Trung tâm ứng dụng và phát triển công nghệ địa chính, *Hướng dẫn quản trị cơ sở dữ liệu, quản trị người dùng*, Tổng cục quản lý đất đai.
7. Thông tư 25/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 05 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về bản đồ địa chính.
8. Thông tư 25/2014/TT-BTNMT ngày 21 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường *quy định về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất*.
9. Thông tư 17/2009/TT-BTNMT ngày 21 tháng 10 năm 2009 *quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất*.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☒	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☒	Tình huống	☒
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☒	Thu thập số liệu	☒
Phân tích, xử lý số liệu	☒	Trình bày báo cáo khoa học	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp
- Tham gia làm bài thực hành
- Điều kiện có điểm đánh giá học phần: tham dự đầy đủ các bài thực hành.

7. Thang điểm, tiêu chí đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp đánh giá kết quả học tập

- Tổ chức kiểm tra, đánh giá theo hình thức trực tiếp tại Trường hoặc tại các cơ sở khác.
- Điểm tổng kết học phần là trung bình cộng của điểm các bài thực tập theo trọng số,

cụ thể:

Bài kiểm tra	Bài kiểm tra số 1	Bài kiểm tra số 2
Trọng số	50%	50%

- Hình thức đánh giá:

Tự luận ☐ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☐
 Bài tập lớn ☒ Thực hành ☒ Khác ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Thời gian thực tập (ngày)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
(1)	(2)	(3)	(4)
Phần 1. Nội dung 1	8	32	
Bài 1. Thành lập bản đồ địa chính bằng phần mềm Famis	2	8	Thu thập tài liệu, số liệu Phân tích số liệu, Thực hành trên máy
Bài 2. Biên tập bản đồ địa chính	2	8	Thực hành trên máy
Bài 3. Số hóa bản đồ hiện trạng sử dụng đất	2	8	Thực hành trên máy
Bài 4. Biên tập bản đồ hiện trạng sử dụng đất	2	8	Làm việc nhóm Thực hành trên máy
Bài kiểm tra số 1			Trả lời phát vấn và thực hành thao tác trên máy
Phần 2. Nội dung 2	7	28	
Bài 5. Kê khai đăng ký Hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận trên phần mềm VILIS 2.0	3	12	Thu thập số liệu, tài liệu Phân tích tình huống Thực hành trên máy
Bài 6. Quản lý biến động trên phần mềm VILIS 2.0	2	8	Phân tích tình huống Thực hành trên máy
Bài 7. Quản lý hồ sơ địa chính trên phần mềm VILIS 2.0	2	8	Phân tích tình huống Thực hành trên máy
Bài kiểm tra số 2			Trả lời phát vấn và thực hành thao tác trên máy
Tổng	15	60	

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN THỰC TẬP TỐT NGHIỆP

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt : **Thực tập tốt nghiệp**
 - Tiếng Anh : **Graduation practic**
- Mã học phần : QĐQN2713
- Số tín chỉ : 06
- Hình thức học : Học trực tiếp
- Đối tượng học: Sinh viên ngành Quản lý đất đai trình độ đại học hệ vừa làm vừa học- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒					Thực tập và Khóa luận tốt nghiệp ☒
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành □			
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □		

- Các học phần tiên quyết/học trước:
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 08 tuần (40 ngày)
- Thời gian tự học : 180 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản lý đất đai và bất động sản, Khoa Quản lý đất đai.

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức:
 - + Hiểu và áp dụng được hệ thống văn bản quy phạm pháp luật đất đai để tổ chức thực hiện các nội dung chuyên ngành;
 - + Tiếp cận và mô tả được công tác quản lý đất đai tại địa phương thông qua các kênh tìm kiếm thông tin như internet, thông tin thu thập từ địa phương, ...
 - + Phân tích và đánh giá được tình hình quản lý, sử dụng đất đai, tình hình thực hiện pháp Luật đất đai và việc thực hiện các nội dung khác về quản lý nhà nước về đất đai tại địa phương;
 - + Vận dụng các kiến thức đã học và thu thập tại địa phương để giải quyết các công

tác nghiệp vụ trong việc thực hiện các nội dung quản lý nhà nước về đất đai và sử dụng được internet và một số phần mềm chuyên ngành.

- *Về kỹ năng:*

+ Vận dụng được các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý nhà nước về đất đai nói chung và các vấn đề chuyên sâu như quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; giao đất, cho thuê đất; thu hồi đất; cấp giấy chứng nhận; ...

+ Tìm kiếm và sử dụng được thông tin trong lĩnh vực liên quan; thu thập được các tài liệu, số liệu, bản đồ tại địa phương một cách trung thực, khách quan, theo đúng nội dung và tiến độ kế hoạch đề ra;

+ Thực hiện được các nhiệm vụ, các công việc có liên quan đến các nội dung quản lý nhà nước về đất đai phù hợp với sự phân công của cán bộ tại địa phương;

+ Phân tích, tổng hợp và xử lý các nguồn tài liệu, số liệu thu thập được một cách đầy đủ, chính xác vào hệ thống biểu mẫu theo quy định; Viết được báo cáo tổng hợp;

+ Biết cách và tổ chức được hoạt động nhóm, thuyết trình, thảo luận và trình bày kết quả trong quá trình nghiên cứu, học tập; Sử dụng được một số phần mềm chuyên ngành; Có kỹ năng làm việc độc lập và theo nhóm để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong công việc; có kỹ năng giao tiếp cộng đồng, truyền đạt thông tin, soạn thảo văn bản, ...

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:*

+ Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ và có khả năng tự định hướng và sáng tạo trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ, công việc liên quan đến công tác quản lý nhà nước về đất đai tại trường và địa phương;

+ Thích nghi với môi trường làm việc khác nhau: cơ quan nhà nước, doanh nghiệp

+ Tự học tập, tích lũy kiến thức để nâng cao trình độ về hoà giải tranh chấp đất đai, giải quyết tranh chấp đất đai, khiếu nại, tố cáo đất đai;

+ Biết cách lập kế hoạch thực tập, đánh giá các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ trong quá trình thực tập.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Thực tập tốt nghiệp là học phần thực hành cuối khoá, mang tính chất tổng hợp kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ và vận dụng kiến thức đã học vào rèn luyện tay nghề chuyên môn về Quy hoạch sử dụng đất, Đăng ký thông kê đất đai, Thanh tra đất đai, Định giá đất. Sinh viên nghiên cứu lựa chọn chuyên đề theo hướng dẫn của Khoa.

4. Tài liệu học tập

Danh mục các chuyên đề lựa chọn Khoa Quản lý đất đai.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình



Phát vấn



Đàm thoại



Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☒	Tình huống	☐
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☒
Phân tích, xử lý số liệu	☒	Trình bày báo cáo khoa học	☒	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Nghe hướng dẫn;
- Thực tập tại địa phương;
- Thu thập tài liệu, số liệu;
- Viết báo cáo tổng hợp.

7. Thang điểm, tiêu chí đánh giá

- Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

- Tiêu chí đánh giá các bài thực tập:

- + Ý thức của sinh viên;
- + Tài liệu, số liệu thu thập;
- + Chất lượng báo cáo
- + Trình bày của sinh viên

8. Phương pháp đánh giá kết quả học tập

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

- Bao gồm: 01 đầu điểm là điểm đánh giá của đơn vị thực tập (Có mẫu phiếu đánh giá).

- Hình thức đánh giá:

Tự luận	☐	Trắc nghiệm	☐	Thảo luận nhóm	☐
Bài tập lớn	☐	Thực hành	☐	Khác	☒

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

Tổ chức kiểm tra, đánh giá theo hình thức trực tiếp tại Trường hoặc tại các cơ sở khác.

Bao gồm: 01 đầu điểm là điểm đánh giá của giảng viên.

- Hình thức đánh giá:

Tự luận	☐	Trắc nghiệm	☐	Thảo luận nhóm	☐
Bài tập lớn	☐	Thực hành	☐	Khác	☒

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Thời gian thực tập (ngày)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
(1)	(2)	(3)	(4)
Nội dung 1. Công tác chuẩn bị	3	6	

Nội dung	Thời gian thực tập (ngày)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
(1)	(2)	(3)	(4)
1. Phổ biến mục đích, yêu cầu	1	2	Nghe và ghi chép
2. Hướng dẫn kiến thức chuyên môn			Nghe và ghi chép
3. Hướng dẫn sinh viên làm đề cương chi tiết	2	4	Lập đề cương theo hướng dẫn của giảng viên theo chuyên đề mình lựa chọn và tiếp thu ý kiến nhận xét, góp ý của giảng viên.
Nội dung 2. Điều tra, khảo sát thông tin, tài liệu, số liệu, bản đồ	27	54	
1. Khảo sát địa bàn nghiên cứu	2	4	Đi thực tế tại địa phương
2. Điều tra, thu thập tài liệu, số liệu liên quan đến chuyên đề nghiên cứu	6	12	Thu thập tài liệu, số liệu
3. Khảo sát và chỉnh lý biến động	3	6	Chỉnh lý biến động
4. Phân tích và xử lý số liệu thu thập	10	20	Xử lý số liệu thu thập được
5. Viết bản thảo báo cáo thuyết minh	6	12	Viết báo cáo thuyết minh
Nội dung 3. Chỉnh sửa và hoàn thiện báo cáo thực tập tốt nghiệp	7	14	
1. Viết và gửi bản thảo báo cáo thuyết minh cho giảng viên hướng dẫn	4	8	Viết báo cáo và gửi cho giảng viên hướng dẫn
2. Thu thập, xử lý số liệu bổ sung hoàn thiện báo cáo	1	2	Thu thập tài liệu, số liệu bổ sung
3. Hoàn thiện báo cáo theo đề cương đã được phê duyệt	2	4	Chỉnh sửa báo cáo
Nội dung 4. Nộp và báo cáo kết quả thực tập	3	6	Báo cáo kết quả thực tập
Tổng cộng	40	80	

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT KHOA LUẬN TỐT NGHIỆP

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt : **Khóa luận tốt nghiệp**
 - Tiếng Anh : **Graduate thesis**
- Mã học phần : QĐQN2814
- Số tín chỉ : 06
- Hình thức học : Học trực tiếp
- Đối tượng học: Sinh viên ngành Quản lý đất đai trình độ đại học hệ vừa làm vừa học- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương ☐		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☐		Thực tập và Khóa luận tốt nghiệp ☒
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Đã học hết các môn trong chương trình đào tạo
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 40 ngày (8 tuần)
- Thời gian tự học: 180 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản lý đất đai và bất động sản, Khoa Quản lý đất đai.

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức:
 - + Nhận diện và khái quát hóa được kiến thức lý thuyết chuyên sâu trong lĩnh vực quản lý nhà nước về đất đai;
 - + Xây dựng, lập được kế hoạch thu thập và phân tích, xử lý tài liệu, số liệu tại địa phương.
- Về kỹ năng:
 - + Có khả năng vận dụng các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý nhà nước vào

đất đai trong quá trình thực tập tại địa bàn nghiên cứu và tổng hợp viết báo cáo;

+ Thu thập được các tài liệu, số liệu phục vụ cho quá trình thực tập và viết báo cáo khóa luận tốt nghiệp tại địa bàn thực tập, trên mạng internet, ...

+ Có khả năng làm việc độc lập và theo nhóm để giải quyết các vấn đề về chuyên môn, nghiệp vụ và khả năng giao tiếp cộng đồng, ứng xử giao tiếp trong quá trình thực tập tại địa phương;

+ Phân tích, hệ thống hóa dữ liệu, so sánh và lập được các bảng, biểu đồ tổng hợp số liệu đánh giá;

+ Thực hiện được việc đánh giá tổng hợp về tình hình nghiên cứu cụ thể tại địa bàn nghiên cứu, biết liên hệ, cho ý kiến và viết được báo cáo khóa luận tốt nghiệp.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:*

+ Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ liên quan đến quản lý nhà nước về đất đai nói chung và các nghiệp vụ chuyên môn như nghiệp vụ về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; giao đất, cho thuê đất; đăng ký, cấp giấy chứng nhận; giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; ...

+ Có khả năng tự định hướng và sáng tạo trong quá trình thu thập, tổng hợp, phân tích, xử lý số liệu, tài liệu; thích nghi với môi trường làm việc khác nhau: tại UBND các cấp, Văn phòng đăng ký đất đai, Phòng Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường, doanh nghiệp, ...

+ Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn về quản lý nhà nước về đất đai;

+ Có khả năng đưa ra một số kết luận liên quan đến các hoạt động quản lý nhà nước về đất đai tại địa bàn nghiên cứu;

+ Có năng lực lập kế hoạch để thực hiện các hoạt động chuyên môn trong quá trình thực tập, thu thập tài liệu, số liệu và quá trình tổng hợp viết báo cáo, thuyết trình bảo vệ tốt nghiệp.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Trên cơ sở đề cương khóa luận tốt nghiệp, sinh viên viết báo cáo khóa luận, thông qua giáo viên hướng dẫn, bộ môn và bảo vệ khóa luận tốt nghiệp trước hội đồng.

4. Tài liệu tham khảo

- Các giáo trình và các bài báo khoa học thuộc lĩnh vực quản lý đất đai;
- Mạng internet.

5. Cách thức triển khai thực hiện khóa luận

Giáo viên hướng dẫn sinh viên về nội dung, phương pháp; dẫn dắt các em tìm đọc tài liệu tham khảo; thường xuyên đọc, nhận xét báo cáo của sinh viên trong quá trình sinh viên làm khóa luận.

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Sinh viên tự lựa chọn hoặc giảng viên gợi ý một đề tài thuộc lĩnh vực khoa học môi trường;

- Đề xuất nội dung với giảng viên phụ trách để nhận được sự hướng dẫn và đồng ý thực hiện đề tài;

- Sinh viên sẽ nộp báo cáo và trình bày báo cáo trước hội đồng theo quy định.

7. Thang điểm, tiêu chí đánh giá

Theo Điều 12 và Phụ lục 5 Quyết định số 88/QĐ-TĐHHN ngày 10 tháng 01 năm 2018 của trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội về việc ban hành Quy trình bảo vệ khóa luận, khóa luận tốt nghiệp cho sinh viên trình độ đại học chính quy.

8. Phương pháp đánh giá kết quả học tập

Tổ chức kiểm tra, đánh giá theo hình thức trực tiếp tại Trường hoặc tại các cơ sở khác.. Theo Điều 12 và Phụ lục 5 Quyết định số 88/QĐ-TĐHHN ngày 10 tháng 01 năm 2018 của trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội về việc ban hành Quy trình bảo vệ khóa luận tốt nghiệp cho sinh viên trình độ đại học chính quy.

9. Nội dung chi tiết học phần

Tiến độ	Nội dung	Yêu cầu đối với sinh viên
(1)	(2)	(3)
Ngày 01 - 03	1. Xây dựng đề cương chi tiết khóa luận	Trên cơ sở yêu cầu của bộ môn, viết đề cương đúng mẫu và thông qua giáo viên hướng dẫn
Ngày 04 - 14	2. Thu thập tài liệu, số liệu tại địa phương, xử lý số liệu	Sinh viên về địa điểm thực tập
Ngày 15	3. Kiểm tra tiến độ làm khóa luận tốt nghiệp	Sinh viên báo cáo tiến độ với Giáo viên hướng dẫn
Ngày 16 - 30	4. Viết báo cáo khóa luận tốt nghiệp	Theo đúng mẫu quy định của nhà trường
Ngày 31 - 33	5. Hoàn thiện sửa chữa lần 1	Làm việc với giáo viên hướng dẫn
Ngày 34 - 36	6. Hoàn thiện sửa chữa lần 2	Làm việc với giáo viên hướng dẫn
Ngày 37 - 40	7. Hoàn thiện báo cáo chuẩn bị bảo vệ	Làm việc với giáo viên hướng dẫn. Nộp báo cáo theo quy định.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:

▪ Tiếng Việt : **Chuyên đề Quản lý đất đai tổng hợp**

▪ Tiếng Anh : **Special Topics in Integrated Land Administration**

Mã môn học : QĐQN2817

- Số tín chỉ : 06

- Hình thức học : Học trực tiếp

- Đối tượng học: Sinh viên ngành Quản lý đất đai trình độ đại học hệ vừa làm vừa học

- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương ☐		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☐		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☒
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	

- Các môn học tiên quyết:

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động : 90 tiết

▪ Nghe giảng lý thuyết : 30 tiết

▪ Viết chuyên đề tiểu luận : 58 tiết

▪ Kiểm tra : 02 tiết

- Thời gian tự học : 180 giờ

- Khoa/Bộ môn phụ trách môn học: Bộ môn Quản lý đất đai và bất động sản, khoa Quản lý đất đai

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức:

+ Phân tích và đánh giá được các vấn đề về quy hoạch sử dụng đất lồng ghép yêu cầu bảo vệ môi trường, góp phần thực hiện chiến lược phát triển bền vững của Việt Nam.

+ Phân tích và đánh giá được một số nội dung cơ bản về quản lý và sử dụng đất đai trong nền kinh tế thị trường.

+ Phân tích, đánh giá được ứng dụng các công nghệ thông tin trong công tác quản lý nhà nước về đất đai; ưu nhược điểm của các phần mềm.

- *Về kỹ năng:*

+ Có khả năng vận dụng các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý nhà nước vào đất đai trong quá trình nghiên cứu và tổng hợp viết tiểu luận

+ Có khả năng điều tra, thu thập được các tài liệu, số liệu phục vụ cho quá trình nghiên cứu...

+ Có khả năng làm việc độc lập và theo nhóm để giải quyết các vấn đề về chuyên môn, nghiệp vụ

+ Có khả năng phân tích, hệ thống hóa dữ liệu, so sánh và lập được các bảng, biểu đồ tổng hợp số liệu đánh giá;

+ Có khả năng thực hiện được việc đánh giá tổng hợp về tình hình nghiên cứu cụ thể tại địa bàn nghiên cứu, biết liên hệ, cho ý kiến và viết được tiểu luận.

- *Năng lực tự chủ và trách nhiệm:*

+ Có khả năng tự xác định mục tiêu công việc, đặc biệt trong công tác nghiên cứu, đánh giá và dự báo trong quản lý đất đai, có khả năng phối kết hợp với các thành viên trong nhóm và làm việc được trong nhiều môi trường khác nhau

+ Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ về quản lý đất đai

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm 3 mô đun

4. Tài liệu tham khảo

- Các sách chuyên khảo, giáo trình và các bài báo khoa học thuộc lĩnh vực quản lý đất đai trên thư viện và từ các nguồn khác

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập của môn học

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☐	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☒	Tình huống	☒
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☒	Thu thập số liệu	☒
Phân tích, xử lý số liệu	☒	Trình bày báo cáo khoa học	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp
- Tham gia làm tiểu luận chuyên đề
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tiếp						Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TH, KT	Tiểu luận	Tổng cộng		
1.6. Nghiên cứu ứng dụng dữ liệu ảnh vệ tinh viễn thám giám sát thực hiện quy hoạch sử dụng đất							
Modul 2. Quản lý đất đai trong nền kinh tế thị trường	10				10	20	
2.1. Nghiên cứu việc chuyển mục đích sử dụng đất							Sinh viên nghiên cứu tổng quan các tài liệu về quản lý nhà nước về đất đai và chuẩn bị các nội dung theo yêu cầu
2.2. Nghiên cứu về tài chính đất đai, giá đất và định giá đất							
2.3. Nghiên cứu về vấn đề giải quyết khiếu nại, tố cáo về đất đai; giải quyết tranh chấp đất đai							
2.4. Nghiên cứu về vấn đề kinh tế đất (hiệu quả sử dụng đất, chi phí cơ hội trong vấn đề sử dụng đất)							
Modul 3: Hiện đại hóa ngành quản lý đất đai	10				10	20	
3.1. Ứng dụng công nghệ thông tin trong thành lập bản đồ							Sinh viên nghiên cứu tổng quan các tài liệu về ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý đất đai và chuẩn bị các nội dung theo yêu cầu
3.2. Đánh giá thực trạng công tác xây dựng hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu đất đai							
3.3. Xây dựng được cơ sở dữ liệu đất đai cho đơn vị hành chính cấp xã.							
3.4. Ứng dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động quản lý nhà nước về đất đai							
Kiểm tra			2		2	4	
PHẦN II. VIẾT TIỂU LUẬN QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI TỔNG HỢP				58		116	
1. Nghiên cứu tổng quan vấn đề				10		10	Sinh viên chọn một nội dung chuyên đề cần nghiên cứu thuộc
2. Điều tra, thu thập số liệu, tài liệu, thông tin				8		8	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tiếp						Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TH, KT	Tiểu luận	Tổng cộng		
3. Phân tích, xử lý số liệu				10		10	các Modul đã được học để viết chuyên đề theo hướng dẫn
4. Viết tiểu luận chuyên đề				30		30	
Tổng	30		2	58	90	180	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra